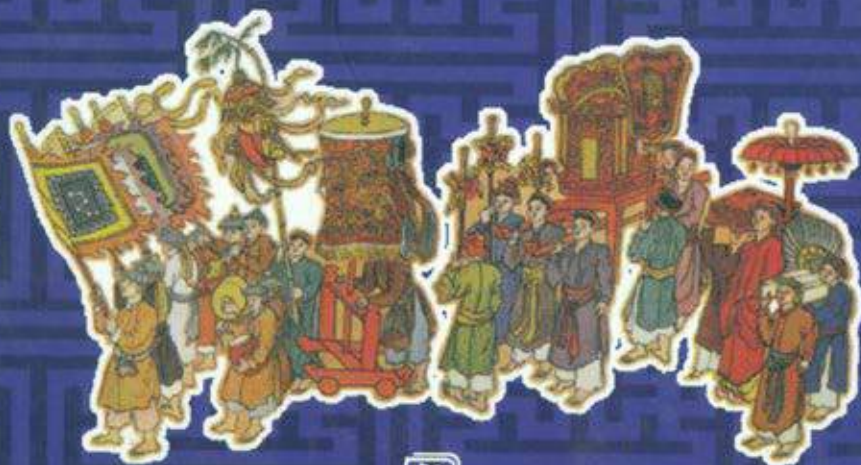


TOAN ANH

Nếp cũ

Hội hè Đình đám

QUYỂN THƯỢNG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NẾP CŨ
HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM
Quyển thượng

TOAN ÁNH

NẾP CŨ

Hội hè
Đình đám
QUYỂN THƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHĨNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Kính dâng

*Anh hồn thân phụ để kỷ niệm những
ngày thơ ấu thân phụ thường dắt
con đi xem những hội quê tỉnh Bắc*

LỜI TÁC GIẢ



Chúng ta phải trở lại thời tiền đệ nhị thế chiến, hay gần nhất cũng phải từ đầu năm Ất Dậu (1945) trở về trước, cái thời mà phong tục tập quán của dân ta chưa chịu nhiều sự biến đổi trước áp lực của thời cuộc, với những sinh hoạt cổ truyền theo tổ chức xã hội trong một nếp sống nông nghiệp của tiền nhân. Những phong tục tập quán này biểu lộ dân tộc tính của Việt Nam với nhiều cái hay cái đẹp, nhiều điều cao khiết lành mạnh ngày nay đã dần phai mờ trước cuộc hưng vong của đất nước. Muốn tìm lại tất cả những cái hay cái đẹp cao khiết lành mạnh ấy, tuy chỉ mới trải qua mấy chục năm, mà sao coi như xa xôi lắm, và do đó cũng không phải là dễ dàng.

Trong tập sách này, chúng tôi muốn nói tới những Hội hè đình đám của dân ta, những hội hè đã từng mua vui cho người dân, đã từng chứng tỏ ý niệm thiêng liêng tôn giáo của người dân qua lễ nghi, đã từng nêu cao lòng biết ơn của người dân đối với các bậc anh hùng đất nước cũng như đối với các vị thần linh, nhất là các vị Thành hoàng đã che chở phù hộ cho dân mỗi xã, và nhất là đã từng là những dịp để người dân ôn lại lễ nghi, nhớ lại phong tục.

Những Hội hè đình đám lại là những dịp để thắt chặt thêm tình thân giữa dân làng, và có khi giữa dân các làng lân cận bởi những tục giao hảo hoặc bởi hội hè đình đám làng này đã kéo dân làng khác tới chung vui.

Ngày nay ở miền Trung và miền Nam, một đôi nơi, nhân những ngày thần kỵ vẫn còn tổ chức những cuộc tế lễ, những trò vui, tuy về mọi phương diện lễ nghi, du hí cũng đã tinh giảm nhiều.

Được hân hạnh sống những năm đầu hiểu biết ở một vùng quê, thời đó, mặc dầu là dưới thời Pháp thuộc, người ta vẫn không bỏ qua hội hè, chúng tôi đã được dịp đi dự nhiều hội quê, nhất là những hội ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, (Hà Bắc), Vinh Yên - Phúc Yên (Vĩnh Phú), Hà Đông (Hà Tây), Nam Định (Hà Nam Ninh) và Thái Bình, thời đó cách đây tuy xa, nhưng ngày nay hồi tưởng lại có lúc chúng tôi tưởng như mình đang đứng trước một cây đu, đang nghe kể hạnh trong chùa, đang xem một đám vật, đang dự một đám hát quan họ...

Nhớ lại các hội quê, tất cả cái phong vị hội hè đình đám như trở lại trong đầu óc chúng tôi. Và giờ đây, viết những dòng chữ này, chúng tôi muốn bạn đọc cùng thấy với chúng tôi cái không khí của làng xóm quê hương thuở xưa với bóng cờ ngũ sắc, với những tiếng trống thờ, với đám trai gái vùng quê, quần áo mới màu Tết lũ lượt dắt dìu tới những hội làng, vẻ mặt hớn hở, vừa đi vừa nói cười hân hoan.

Hội quê có hội Xuân và hội Thu, hai thời gian mà người dân quê được nghỉ ngơi rảnh rỗi, Xuân sau khi đã cấy chiêm và Thu sau khi đã thoát vụ lụt con nước mả và công việc cày cấy vụ lúa tháng Mười cũng đã xong.

Trong bộ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM, chúng tôi đã trình bày về đạo thờ Thần, chúng tôi coi như một tôn giáo hoàn toàn Việt Nam, và chính do ở sự thờ phụng thần linh mà có HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM. Nếu các bạn không lấy làm trở ngại, chúng

tôi xin phép coi tập sách này như tập phụ lục của Bộ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM.

Về Hội hè đình đám mùa Xuân, ca dao ta có câu:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà,

Tháng Hai cờ bạc, Tháng Ba hội hè.

Câu ca dao này đã nói lên đủ sự nhàn rỗi của người dân quê, nhất là người dân quê miền Bắc trong ba tháng Xuân. Lúc ấy là lúc cấy chiêm đã xong, mùa gặt tháng Năm lại chưa tới, người dân quê có thì giờ giải lao, ăn Tết và hội hè.

Sống ở một nơi đất hẹp dân đông, riêng ở miền Bắc và miền Trung lại thêm lắm đồi nhiều núi, kỹ nghệ không có gì, suốt năm người dân quê vất vả với nông nghiệp, đầu tắt mặt tối, làm buổi hôm lo buổi mai, hết công việc đồng áng đến công việc vườn tược, rất ít dịp nghỉ ngơi để cùng nhau vui chơi ca hát, ăn uống. Hàng năm chỉ có dịp Xuân là công việc đồng áng nhàn rỗi, công việc vườn tược thưa thớt, người dân quê có thể cùng nhau chia vui để hưởng thú thanh bình.

Hơn nữa, Xuân tới nghĩa là Đông đã qua, cái mùa rét mướt đã hết, tiết Xuân ấm áp đã khiến con người hết phải lo vì mưa phùn gió bắc, hết phải lo vì trời lạnh đêm dài, và với mùa Xuân, người ta cũng hết lo đất nứt ruộng khô, hết lo gió lạnh làm cho cây mạ héo vàng. Người ta có thể nghỉ ngơi để hưởng thụ mừng xuân, mừng năm mới.

Từ ngàn xưa, người Việt Nam lấy gia đình làm trọng, lấy quây quần đoàn tụ làm hơn, nên trong những dịp giải lao hưởng thụ, người ta không nghỉ ngơi riêng rẽ, và trong lúc vui, người ta muốn được vui chung cùng bạn hữu, cùng họ hàng thân thuộc, cùng mọi kẻ quen người biết ở làng trên xã dưới. Bởi vậy nhân dịp Tết với mùa Xuân, nơi nơi người ta đều kéo hội để cho dân chúng trong thôn ngoài xã, hàng tổng và có khi hàng huyện được cùng nhau chung vui gặp gỡ.

Trong các hội Xuân có hai loại: hội đình và hội chùa. Xin

kể gộp cả vào hội đình các hội ở đền, miếu, là những hội tổ chức ở ngay những nơi thờ tự này hoặc ở những khoảng đất chung quanh, nhân dịp khánh tiết tân xuân hoặc nhân dịp kỵ nhật các vị Thành hoàng, có thể có những trò vui được tổ chức vào dịp hội, không ở gần các nơi thờ tự trên, ở một chỗ khác trong làng. Hội chùa tổ chức tại Chùa làng nhân dịp tân xuân hoặc vào ngày giỗ các vị sư tổ.

Ngày hội tùy theo mỗi làng thay đổi, có làng mở hội sớm, có làng mở hội muộn, có làng bắt đầu mở hội từ trong năm cho đến ngoài giêng mới hết, có làng sang tháng ba mới mở hội, nhưng thường tháng Giêng là nhiều hội hè hơn cả.

Dù trong hội Đình hay hội Chùa, dù hội kéo trong năm hay ngoài Xuân, bao giờ ở hội cũng có rất nhiều trò vui để dân làng và khách thấy hội giải trí. Có những trò vui chung thông thường cho mọi hội như: rún đu, cờ bỏi, đốt pháo... lại có những trò vui riêng của từng địa phương: đánh phết, hát quan họ, kéo co, bơi chải... Trong các thú vui chung có những thú dành riêng cho người già như tổ tôm điếm, cờ bỏi, thi thơ, và cũng có những trò vui riêng cho bạn trẻ nam nữ thanh niên, những trò vui này rất nhiều và rất thú vị: đánh phết, đánh trung bình tiên, hát quan họ, hát đúm, thổi cơm thi, nấu cỗ thi, bơi thuyền, đánh vật... Các cụ bà trong ngày hội, dù là hội đình, có thú đi chùa, nghe kể hạnh...

Đây là chúng tôi không nhắc tới những cuộc tế lễ rước xách chúng tôi đã trình bày trong bộ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM, trong chương ĐẠO THỜ THẦN.

Về hội hè đình đám mùa thu, thì đây là thời gian dân quê vừa thắng trận phòng đề tháng bảy với con nước Mã nguy hiểm hàng năm. Vả lại tiết thu mát mẻ trời thu trong sáng, tháng tám lại nhằm vào thu tế, các làng xã mở hội, vào đám đường như muốn ăn mừng đã tránh được nạn lụt, và để tạ ơn thần linh đã bảo hộ dân làng, mùa tháng mười sẽ được bội thu.

Đã vất vả suốt từ tháng năm, sau vụ gặt chiêm, nay được dịp cấy mùa đã xong, công việc đồng áng đã vui, người dân quê cũng như dịp xuân tới, phải nghỉ ngơi và phải hưởng những ngày nghỉ ngơi. Trời thu đẹp báo hiệu một vụ lúa mùa tốt đẹp, gió thu mát, trăng thu trong như tăng sự hân hoan của con người trước viễn ảnh thóc lúa đầy bờ, người người no ấm.

Mùa Xuân người ta đã hội hè, mùa Thu người lại hội hè. Hoặc giả có làng nào, mùa Xuân chưa đình đám ăn chơi, thì mùa Thu nhất là tháng tám, là dịp để làng vào đám, dân làng nghỉ ngơi hội hè. Cũng những cuộc tế lễ rước xách như mùa Xuân, với những trò vui thay đổi tùy theo mỗi địa phương.

Trình bày về hội hè đình đám của mùa Xuân cũng như mùa Thu, chúng tôi chỉ nói tới những hội hè chúng tôi biết, lẽ tất nhiên không là bao nhiêu so với số hội hè hằng có xưa ở vùng quê suốt từ Nam tới Bắc. Biết tới đâu chúng tôi nói tới đó, còn những điều không biết, chúng tôi xin nhường lại cho những bậc biết hơn.

Ngoài những hội hè đình đám mùa Xuân và Thu, rải rác quanh năm cũng vẫn có những hội làng ở một số các xã thôn, như hội đền Phù Đổng Thiên Vương ở làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) vào ngày mồng 9 tháng 4; Hội bơi thuyền trên sông Tiểu Đáy của làng Yên Hạ, tục gọi là làng Me tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) vào thượng tuần tháng 5, hội đền Tả quân Lê Văn Duyệt xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định (Sài Gòn - Gia Định) vào ngày 30 tháng 7 v.v... Những ngày tháng của hội này theo kỳ nhật của vị thần linh được dân làng thờ phụng.

Trong các hội quê, chúng ta có thể phân biệt:

Các hội về lịch sử liên quan tới các nhân vật lịch sử được dân làng thờ phụng làm thần linh, hoặc liên quan tới một sự kiện lịch sử được dân chúng kỷ niệm. Hội đền Hai Bà, hội đền Đức Hưng Đạo Vương là những hội liên quan tới các nhân

vật lịch sử, giỗ Trần Đồng Đa là hội liên quan tới sự kiện lịch sử vua Quang Trung đại thắng quân Thanh của Tôn Sĩ Nghị.

Các hội về Tôn giáo. Trong các hội này thường là hội Chùa như hội Chùa Thầy, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây), hội Chùa Hương, tỉnh Hà Đông (Hà Tây). Lễ vía bà núi Sam, tỉnh Châu Đốc (An Giang), lễ kỷ niệm đức Huỳnh Giáo Chủ ở Thánh địa Hòa hảo cũng là những hội hè về tôn giáo.

Các hội hè về phong tục. Đây có thể là một hội tại một làng thờ một nhân vật lịch sử không mấy quan trọng hoặc ở một ngôi chùa làng có những tục lạ của dân chúng tìm địa phương. Tất cả những hội nào, không xếp vào hai loại nói trên chúng tôi đều xếp vào loại thứ ba này.

Viết về mỗi hội, chúng tôi sẽ cố gắng lần lượt trình bày:

Nơi và ngày có hội,

Thần tích,

Các trò vui trong ngày hội, ngoại trừ những cuộc tế lễ và rước xách thông thường đã có nói trong bộ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM.

Chúng tôi cũng hiểu, với sự hiểu biết nông cạn của chúng tôi, tất nhiên có những điều thiếu sót và có cả những sự sai lầm, nhưng dù sao chúng tôi cũng cố gắng đem hết thiện chí để mong đạt được tối đa những điều đáng viết về mỗi hội. Để bớt những sự thiếu sót chúng tôi đã tham khảo thêm tài liệu ghi trong các sách báo chúng tôi đã được dịp đọc qua, ngoài những điều tai nghe mắt thấy xưa kia ở các hội quê.

Sài Gòn, ngày 17 tháng 5 năm 1969

TOAN ÁNH

PHẦN THỨ NHẤT



Hội hè về kỷ niệm lịch sử

Mỗi nước có một lối ghi ơn các vị anh hùng dân tộc. Việt Nam, để tỏ lòng kính mến các vị này, thường có lập đền thờ các Ngài hoặc ở ngay nơi sinh quán, hoặc ở nơi các ngài qua đời và hàng năm vào dịp Xuân, dịp Thu hoặc vào ngày kỵ các Ngài dân làng có cúng bái, rước xách tế lễ và tại nhiều làng có tổ chức nhiều trò vui gọi là mở hội.

Nhiều vị anh hùng không chỉ riêng dân xã mở hội kỷ niệm các ngài, nhân dân cũng không quên ơn các ngài, do đó tuy hội chỉ tổ chức ở một địa phương, mà dân chúng các nơi đều kéo tới lễ bái, như hội đền Kiếp Bạc, nơi thờ Hưng Đạo Vương, hoặc hội đền Hùng nơi có mộ tổ vua Hùng.

Tuy gọi là các hội hè về kỷ niệm lịch sử, nhưng các hội không giống nhau, mỗi hội có một sắc thái riêng tùy theo nhân vật được kỷ niệm và cũng tùy theo phong tục từng địa phương.

GIỖ TRẬN ĐỒNG ĐA



Trong các hội hè về kỷ niệm lịch sử, hội Chùa làng Đông Quang là một hội đặc biệt hơn cả, ngày hội được dân Việt Nam gọi là ngày Giỗ Trận Đồng Đa.

Theo định nghĩa của ngày giỗ, đây là ngày kỷ niệm của một người chết qua đời, nhưng Giỗ Trận Đồng Đa tuy là ngày kỷ niệm lịch sử liên quan tới vua Quang Trung, nhưng chính ra không phải là ngày nhà vua qua đời, mà là ngày kỷ niệm cái chết của gần 20 vạn quân Thanh đã bị quân của nhà vua giết chết tại gò Đồng Đa thuộc địa phận làng Đông Quang vào ngày mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789).

Làng Đông Quang thuộc quận Đống Đa (Hà Nội).

Hàng năm vào ngày thắng trận của nhà vua, dân làng Đông Quang mở hội tại chùa làng, trước là để mừng Xuân, sau là để tụng kinh siêu độ cho mười mấy vạn quân Thanh đã bỏ mình vì chiến trận, và đồng thời cũng tụng kinh cầu nguyện cho các chiến sĩ Việt Nam đã bỏ mình trong trận chiến thắng của dân tộc này.

Chùa Đông Quang không xa Hà Nội, trên con đường Hà Nội đi Hà Đông, giáp ngay Hà Nội. Ai đã có dịp đi từ Thái Hà Ấp tới các làng Mọc, lẽ tất nhiên phải nhận thấy những

mô đất nhấp nhô ở cánh đồng: Đó là những di tích cuối cùng của quân nhà Thanh, sau khi thất trận đã được vùi nông dưới nắm cỏ khô, không kể những quân sĩ đã bỏ mình theo dòng nước sông Hồng khi Tôn Sĩ Nghị chặt cầu qua Kinh Bắc.

CHÚT LỊCH SỬ THAY THẦN TÍCH

Hội chùa Đông Quang không phải là lễ kỷ niệm một vị thần linh, đây chỉ là lễ kỷ niệm một sự kiện lịch sử, dưới đây là sơ lược:

Sau khi tướng Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm đánh chiếm Bắc Hà, vua Lê Chiêu Thống, bà Hoàng Thái Hậu và một số các bầy tôi tòng vong sang cầu cứu vua Càn Long nhà Thanh.

Năm Mậu Thân (1788), mượn cớ cứu nhà Lê, vua Thanh Càn Long phái quân sang chiếm giữ Thăng Long, có ý muốn thôn tính nước Nam.

Quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị, Tổng Đốc Lương Quảng chỉ huy, gồm quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam.

Tôn Sĩ Nghị chia quân làm ba đạo kéo sang nước Nam, một đạo do lối Tuyên Quang, một đạo do đường Cao Bằng và một đạo do ngả Lạng Sơn. Dưới trướng Tôn Sĩ Nghị có đề đốc Hứa Thế Hanh, tri phủ Điền châu Sầm Nghi Đống và một số các tướng lĩnh tài giỏi.

Đoàn quân này hùng hổ kéo sang Thăng Long như đoàn cọp dữ.

Tướng Tây Sơn là Ngô Văn Sở đóng quân ở Thăng Long, được tin quân Thanh sang, liền một mặt rút quân về đèo Tam Điệp, tức là đèo Ba Dội thuộc địa phận tỉnh Ninh Bình (Hà Nam Ninh) ngày nay, một mặt cáo cấp về Phú Xuân.

Quân Ngô Văn Sở rút đi, quân Thanh chiếm đóng Thăng Long. Vua Quang Trung lúc đó mới là Bắc Bình Vương, được

tin giặc đã chiếm Thăng Long liền hội họp các tướng sĩ để bàn việc ra quân.

Theo lời yêu cầu của chư tướng, trước khi ra quân, Vương đắp đàn ở quận Bàn Sơn và lên ngôi Hoàng đế vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân.

Sau đó Ngài thống lĩnh đại binh ra đánh quân Tàu. Quân ta gồm tất cả mười vạn và 100 voi.

Ngày 20 tháng Chạp, đại quân kéo tới đèo Tam Điệp. Ngô Văn Sở và Ngô Thời Nhiệm trình bày cùng nhà Vua thế mạnh của quân Thanh. Ngài cười nói rằng:

Chúng nó sang phen này là mua lấy cái chết! Ta ra chuyển này, thân coi việc quân, đóng, giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân thù chẳng qua mười ngày là xong việc, nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp bội mười lần nước ta, sau khi chúng thua một trận, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nổi thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thời Nhiệm dùng lời nói khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi 10 năm nữa, nước ta nuôi được sức phú cường, ta không cần sợ chúng nữa.

Vua Quang Trung truyền cho chiến sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước ngày để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, đánh ngày mồng 7 tháng Giêng sẽ vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng.

Nhà Vua chia binh làm 5 đạo tiến ra Bắc:

Ngô Văn Sở đem quân làm tiền phong có Hồ Hổ Hầu đốc chiến.

Đại Đô Đốc Lộc đem thủy quân vượt biển qua sông Lục Đầu, kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường quân Tàu.

Đô đốc Tuyết cũng đem thủy quân vượt bể, kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng xuống mé sông.

Đô đốc Mưu đem quân đi xuyên qua huyện Chương Đức, nay là huyện Chương Mỹ, kéo thẳng tới làng Nhân Mục huyện

Thanh Trì, đánh quân Sầm Nghi Đống.

Đại Đô Đốc Bảo thống xuất quân tượng mã, kéo ra làng Đại Áng, huyện Thanh Trì tiếp ứng cho mặt tả.

Quân của vua Quang Trung cứ theo kế hoạch đúng đêm hôm trừ tịch kéo quân ra Bắc như vũ như bão, đánh tan quân Lê ở bến đò Giản Thủy, Ninh Bình, bắt sống hết toán quân Tàu đóng ở Phú Xuyên, tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay. Ngày 5 tháng Giêng, vây đồn Hạ Hồi, kéo thẳng tới Thăng Long, giết quân giặc chết như rạ ở Gò Đống Đa. Các tướng lĩnh nhà Thanh là đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thương Duy Thăng đều tử trận. Tri phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đóng quân ở Đống Đa bị bao vây phải thất cổ tự tử.

Tôn Sĩ Nghị nửa đêm được tin báo hoảng hốt, không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân Tàu hay vậy cũng xô nhau chạy trốn sang cầu, cầu bị Tôn Sĩ Nghị sai chém đứt và sông Hồng Hà đã là mồ chôn mấy vạn quân Thanh.

Quân Thanh tan, từ đó về sau tại chùa Đông Quang hàng năm có mở hội gọi là ngày Giỗ trận Đống Đa. Có lẽ dân làng cũng muốn kỷ niệm chiến công oanh liệt của nước nhà, nhưng qua một hình thức của ngày hội và đây là ngày làm lễ cầu siêu cho tướng sĩ quân nhà Thanh đã từng bỏ mình tại nơi đây trong trận mùa Xuân năm Kỷ Dậu.

NHỮNG CUỘC LỄ BÁI, NHỮNG TRÒ VUI XUÂN

Hội mở ra để dân làng nhân dịp Xuân mua vui, nhưng điều chính yếu của ngày hội là tụng kinh cầu nguyện cho những vong hồn chết trận. Ngày xưa nhà chùa có lập đàn chay tụng niệm, và dân làng cùng nhau tới lễ đàn, giúp tiền giúp gạo để nhà chùa lo việc bố thí chúng sinh.

Trong ngày hội, dân chúng Hà Nội trước đây tới dự đông lắm, tới đây để nhớ lại một giai đoạn hùng hào của lịch sử, nhưng cũng tới đây để tham dự những cuộc lễ bái cầu cúng cho đám cô hồn tướng sĩ nhà Thanh và đồng thời cả một số Việt quân đã bỏ mình trong trận này. Gò Đống Đa có mộ Sầm Nghi Đống, ngày hội người Trung Hoa kéo nhau lũ lượt tới viếng chùa và viếng mộ.

Các bà già, dân làng Đông Quang và cả khách trẩy hội, mang vàng hương tới đốt trước những ngôi mộ vô thừa nhận của quân Tàu.

Riêng về Sầm Nghi Đống, người Trung Hoa có lập đền thờ tại Hà Nội ở ngõ Sầm Công.

Đọc tới đây có lẽ một vài bạn đọc phải ngạc nhiên, tại sao dân ta đối với quân thù lại có thái độ bao dung lạ lùng như vậy.

Thấm nhuần nền đạo đức Đông phương, dân ta lấy chữ nhân làm trọng. Quân Tàu, khi sống chúng xâm lăng đất nước chúng ta, nhưng một khi đã chết, ta không kể đây là những kẻ thù nữa, họ không còn làm hại được ta, chúng ta nhìn họ bằng một con mắt khác. Họ là những chiến sĩ đã chiến đấu theo mệnh lệnh của triều đình, chết đi họ là những chiến sĩ trận vong. Chúng ta phải kính trọng họ, họ là những người đã chết vì quốc gia, chúng ta phải thương hại họ, họ đã chết ở đất lạ quê người, họ là những vong hồn không ai cúng vái, phải chịu đói khát. Các người già cả, nhân ngày hội Đống Đa đốt vàng hương cho họ, và trong chùa tụng kinh cầu nguyện cho họ, chính là mong cho họ không chịu cảnh khổ sở của những ma đói ma khát, cầu cho họ được siêu sinh tịnh độ. Ở đây vừa là lòng nhân từ, vừa là cử chỉ rộng rãi với kẻ thù, lại vừa thể hiện được sự tôn kính đối với chiến sĩ trận vong.

Song song với những cuộc lễ bái, cầu nguyện và đốt vàng hương cúng cho các vong hồn, tại hội chùa Đông Quang còn

có những trò vui khác cho khách đi xem Hội thường Xuân: Cờ bỏi, múa hát và đánh vật.

Các thanh niên nam nữ Hà Nội, cũng nhân ngày hội hẹn hò đi lễ để gặp gỡ nhau.

Đền Sầm Nghi Đống. Như đã trình bày, riêng về Sầm Nghi Đống, người Trung Hoa có lập đền thờ ở ngõ Sầm Công, sau phố Hàng Buồm Hà Nội. Tục truyền rằng ngôi đền này linh thiêng lắm và vong hồn Sầm Nghi Đống thường tác yêu tác quái với dân chúng Hà thành, mãi cho tới khi nữ sĩ Hồ Xuân Hương qua đó, vì ghét mặt một tên tướng tử trận còn làm oai làm phách, có đề bài thơ sau:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo.
Ví đây đổi phận làm trai được,
Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu!

Theo lời truyền lại, sau bài thơ trên của nữ sĩ họ Hồ đền họ Sầm hết linh thiêng! Có lẽ vong hồn quan tri phủ đã biết then!

Về võ công oanh liệt của vua Quang Trung, nhiều thi sĩ có để lại nhiều thơ văn ngâm vịnh, ngay trong Việt Nam Quốc sử diễn ca, soạn dưới triều Nguyễn, xưa nay vẫn cho Tây Sơn là Ngụy triều cũng phải ghi chép võ công đó một cách đầy thán phục.

*Quân Thanh đã được Thăng Long,
Một hai rằng thế là xong việc mình.
Dùng dằng chẳng chịu tiến binh,
Nhác đường phòng thủ, mống tình dãi hoang.
Ngụy Tây nghe biết sợ phòng,
Giả điều tạ tội, quyết đường cất quân.
Dậm tràng nào có ai ngăn,
Thừa hư tiến bước tới gần Thăng Long.
Trực khu để lữ Nam Đồng,
Quân Thanh dẫu mấy anh hùng mà đang.*

Vua Lê khi ấy vội vàng,
Cùng Tôn Sĩ Nghị sang đàng Bắc Kinh.
Qua sông lại sợ truy binh,
Phù Kiều chém đứt, quân mình thác oan!

Nhân dịp Xuân về, để tưởng niệm và tỏ lòng kính mến biết ơn vị đại anh hùng dân tộc chúng tôi cũng mạo muội có mấy vần thơ:

Xuân tới mừng Xuân nhớ Đống Đa,
Chiến công oanh liệt rạng sơn hà.
Quang Trung đại đế ra oai tướng,
Sĩ Nghị nguyên nhung cụp vía gà.
Phấp phới cờ bay, màu chiến thắng,
Vang lừng súng nổ, khúc hoan ca.
Thanh triều tôi chúa kinh hồn khiếp,
Trời Việt tung bừng, vạn sắc hoa.

Kể từ khi vua Gia Long lên ngôi, mặc dầu nhà Tây Sơn bị gọi là ngụy triều, mồ mả nhà Tây Sơn bị khai quật và ai nhắc nhở tới nhà Tây Sơn đều bị tội nặng, nhưng nhân dân quận Bình Khê, tỉnh Bình Định, vẫn cất một ngôi đền tại nơi nhà cũ của Ba Vua để thờ phụng, để che mắt vua quan nhà Nguyễn, người ta phải nói dối là đền thờ thần. Mỗi năm, Xuân Thu nhị kỳ, dân làng có tế lễ rất long trọng, điều đặc biệt, có tế lễ nhưng không có văn tế, dân làng chỉ khấn vái thầm.

Rất tiếc đền thờ này, lập tại thôn Kiên Mỹ, xã Bình Khê, năm 1947 đã bị phá hủy, cho tới năm 1955, nhân dân Bình Khê mới lại cùng nhau gom góp xây một ngôi đền tráng lệ hơn xưa, và hàng năm nhân ngày giỗ trận Đống Đa tại đây cũng có cử hành lễ kỷ niệm chiến công oanh liệt năm Kỷ Dậu.

HỘI ĐỀN VUA AN DƯƠNG VƯƠNG



Đền thờ An Dương Vương ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, cách Hà Nội 17 cây số trên Quốc lộ Hà Nội đi Phúc Yên (Vĩnh Phú), trong khung thành Cổ Loa hồi xưa.

Du khách có thể tới đền theo đường bộ nói trên, khi tới cây số 17, rẽ vào con đường đất bên tay phải đi chừng năm trăm thước, hoặc do đường xe hỏa, tới ga Xuân Kiều, rồi từ ga Xuân Kiều theo đường ruộng đi về mé tay trái một quãng.

Hội đền Cổ Loa cử hành hàng năm vào ngày mồng 6 tháng Giêng và kéo dài trong khoảng 10 ngày.

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VÀ THẦN TÍCH

Vua An Dương Vương tên là Thục Phán, vốn quê ở Ba Thục. Nhà vua oán vua Hùng Vương thứ XVIII đã từ chối không gả con gái là My Nương cho một vị tiên đế của Ngài, nên đem quân đánh chiếm nước Văn Lang, và khi chiếm xong, nước Văn Lang được đổi tên là Âu Lạc.

Vua An Dương Vương đóng đô ở Việt Thường và xây đắp Loa Thành, nhưng thành hồ xây lên lại bị đổ.

Nhà vua lập đàn cầu khẩn thần minh.

Ngày mồng 7 tháng 3 năm Bính Ngọ (255 trước Tây lịch) ngài thấy một cụ già từ phương Đông đi lại ngừng ở trước cửa thành.

Nhà vua nghênh tiếp cụ già vào cung rồi trình bày sự khó khăn nhà vua vấp phải trong việc đắp Loa Thành. Cụ già cho nhà vua biết, ngày hôm sau sẽ có sứ giả của vua Thủy tới chỉ bảo cho nhà vua cách xây thành. Nói xong cụ biến mất.

Ngày hôm sau, khi nhà vua đang ở phía Đông môn Ngài thấy từ phương Đông đi lại một con rùa vàng, đứng hai chân trên mặt đất. Đấy là thần Kim Quy sứ giả của vua Thủy Tề.

Nhà vua rước thần Kim Quy lên xe đi về cung điện.

Khi nhà vua hỏi Thần về việc đắp thành, Thần bảo rằng: “Sở dĩ thành đắp lên lại đổ do sự quấy phá của âm hồn một vị Hoàng tử dựa vào thế lực của chư thần sông núi để trả thù việc nhà vua xâm chiếm nước Văn Lang. Ngoài ra còn có một con bạch hùng kê tu luyện nghìn năm, thành tinh trú ẩn trên Thất Diệu sơn cùng với âm hồn của một người thợ kèn, hài cốt mai táng ở núi này biến hình phá phách.

Gần Thất Diệu sơn có một hàng quán rất đông khách trọ. Chủ quán là Ngô Không, có một người con gái, gả cho con gà sống trắng thành tinh.

Con kê tinh này cùng với hồn ma người thợ kèn, thay đổi hình dạng, đã giết hại rất nhiều khách trọ.

Nhà vua muốn đắp được Loa Thành, cần phải diệt trừ con bạch hùng kê. Nó thường hóa thành một con cú, mổ cắp một đạo bùa, bay đậu trên cây đàn hương, chính nó đã kêu xin với Thượng đế làm đổ Loa thành để phục hồi quyền phép của như thần sơn xuyên. Tôi sẽ cắn chân con cú đó, bị đau nó sẽ nhả đạo bùa ra, nhà vua nhặt lấy, nhà vua sẽ xây được thành.”

Thần Kim Quy lại khuyên nhà vua cải trang làm một người

khách tới trọ tại hàng quán của Ngộ Không. Nhà vua tới đó với thần Kim Quy. Nhà vua đặt thần lên trên xà cửa.

Thấy Nhà vua, Ngộ Không nói: “Quán này có ma quỷ hay hại người, nay còn sớm, quý khách nên tìm trọ nơi khác.”

Nhà vua đáp: “Sống chết có số, sợ gì ma quỷ.”

Đêm đó nhà vua nghe tiếng ma quỷ gọi cửa, nhưng Thần Kim Quy không cho mở. Lũ quỷ với yêu phép cũng không sao vào được trong quán, và chúng phải rút lui khi gà gáy.

Thần Kim Quy bảo nhà vua đuổi theo chúng tới Thất Diệu sơn, nơi trú ẩn của lũ yêu quái.

Sau đó nhà vua lại trở lại quán hàng của Ngộ Không.

Sáng ngày ra, Ngộ Không gọi người nhà để chôn xác nhà vua như những người khách trọ các đêm trước. Thấy nhà vua còn sống hẩn kính cẩn chào và nói:

“Ngài hẳn là một vị Thánh. Xin Ngài truyền cho tôi phép màu trừ yêu quái để cứu các khách trọ.”

Nhà vua nói:

“Hãy giết con gà sống trắng làm đồ lễ cúng thần, yêu quái sẽ hết.”

Ngộ Không làm thịt con gà sống trắng, con gái hẩn cũng chết liền.

Nhà Vua lại ra lệnh đào núi Thất Diệu thì tìm thấy đồ lễ và hài cốt của người thợ kèn. Nhà vua truyền đem đốt thành tro vút trôi sông.

Hoàng hôn hôm đó, nhà vua cùng Thần Kim Quy lên núi Việt Thường để tìm bắt con yêu hóa thành con cú. Con cú đậu trên cây đàn hương, ngậm trong mỏ đạo bùa.

Thần Kim Quy biến thành con chuột leo lên cắn chân con cú. Cú bị đau nhả đạo bùa rơi xuống. Nhà vua vội vàng nhặt lấy.

Yêu quái đã trừ xong, nhà vua xây được Loa Thành. Thành xoay hình tròn ốc, dài trên mười trượng, rất vững chãi đã

chống giữ được với quân Tàu của Triệu Đà sau này.

Thần Kim Quy lưu lại với nhà vua ba năm mới từ biệt.

Nhà Vua tạ ơn Thần và hỏi:

“Thành này nhờ Thần mà đắp lên, nếu có quân giặc tấn công, tôi phải giữ thành ra sao?”

Thần Kim Quy đáp:

“Nước Âu Lạc thịnh, suy và an, nguy là do mệnh Trời. Nếu người ta biết tự sửa để trở nên đạo đức, sẽ mãi mãi hưởng lộc Trời. Nhà Vua muốn, tôi xin giúp nhà Vua.”

Thần bẻ một móng chân, đưa cho nhà Vua và bảo rằng:

“Nhà vua hãy dùng móng này làm lẫy nỏ, giặc tới, mang nỏ ra bắn, sẽ không sợ gì cả.”

Nói rồi, Thần đi ra Đông Hải. Vua An Dương Vương đứng nhìn theo cho tới khi khuất.

Sau đó, nhà vua sai bày tôi là Cao Lỗ làm một cây nỏ, dùng chiếc móng của thần Kim Quy làm lẫy nỏ, và nỏ này được gọi là Nỏ Thần.

Ít lâu sau, Triệu Đà từ phương Bắc kéo quân sang muốn chiếm nước Âu Lạc. Nhờ có nỏ thần, nhà vua đã thắng quân Tàu. Chúng phải rút lui về núi Trúc Sơn, đắp thành để ngăn quân nhà vua.

Không thắng nổi vua An Dương Vương, Triệu Đà tìm cách giả kết thân, dùng kế cho con là Trọng Thủy sang lấy My Châu là con gái nhà vua, để do thám tình hình.

Lấy được My Châu, rồi Trọng Thủy hỏi dò:

“Bên Âu Lạc có tài gì mà không ai đánh nổi?”

My Châu nói chuyện chiếc nỏ thần rồi lấy cho chồng xem. Trọng Thủy liền đánh tráo cái móng của Thần Kim Quy rồi định về báo tin cho Triệu Đà biết.

Khi vợ chồng từ biệt, Trọng Thủy bảo vợ:

“Tôi ra về, ngộ nhớ hai nước có sự giao binh, tôi biết đâu tìm nàng.”

My Châu nói:

“Thiếp có áo lông ngỗng, hễ khi thiếp chạy về đâu thiếp sẽ lấy lông ngỗng ra rắc ở dọc đường.”

Trọng Thủy về nước, Triệu Đà được biết rõ mọi sự tình bên Âu Lạc, bèn khởi binh sang đánh. Vua An Dương Vương tin ở nỏ thần không phòng bị gì, chờ đến khi quân giặc kéo tới gần chân thành mới đem nỏ thần ra bắn. Nỏ hết hiệu nghiệm. Nhà vua bèn đem My Châu lên ngựa chạy về phía Nam, chạy đến núi Mộ Dạ nay thuộc huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, gần bờ biển, nhà vua thấy giặc đuổi kíp quá mới khẩn thần Kim Quy lên giúp. Thần hiện lên bảo rằng:

“Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó.”

An Dương Vương giận quá, rút gươm chém My Châu rồi nhảy xuống bể tự tận.

Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đuổi theo, đến núi Mộ Dạ thấy thân vợ nằm chết, thương xót vô cùng, đem về an táng xong, nhảy xuống giếng ở trong Loa Thành mà chết. Giếng này nay vẫn còn, ở ngay trước đền thờ vua An Dương Vương và được dân chúng gọi là Giếng Trọng Thủy.

Tục truyền rằng My Châu bị giết rồi, vì nổi tình thực phải thác oan, máu nàng chảy xuống bể, những con trai ăn phải hóa ra có ngọc. Ai có ngọc trai, lấy nước giếng Trọng Thủy rửa, ngọc sẽ trong và đẹp vô cùng.

Vua An Dương Vương chết đi, sau khi Triệu Đà rút về đóng đô ở Phiên Ngung dân chúng nhớ ơn nhà vua lập đền thờ ở ngay xã Cổ Loa và hàng năm dân làng có mở hội từ mồng 6 tháng Giêng.

NHỮNG CUỘC LỄ BÁI VÀ TỤC LỆ TRONG NGÀY HỘI

Trước hết xin nói qua về làng Cổ Loa. Đây là một làng lớn nằm trong thành Cổ Loa. Cùng ở trong thành còn có làng

Thu Cữu, và một phần đất của các làng Lương Quán, Gia Lộc và Dục Tú, làng Dục Tú nay thuộc tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc).

Làng Cổ Loa gồm mười hai xóm tính từ Bắc xuống Nam: Xóm Ngõ Bãi, xóm Thượng, xóm Giềng, xóm Tiên, xóm Hương Nhai, xóm Gia, xóm Viên Lợi, xóm Lan Trì, xóm Chợ, xóm Chùa, xóm Trại, và xóm Mít. Trong làng có tất cả vào khoảng 4.000 người, cả nam phụ lão ấu.

Trong ngày hội, tất cả mười xóm đều cùng tham dự, và cùng sửa soạn những cuộc lễ bái rước xách.

ĐÁM RƯỚC KỲ MỤC

Sáng ngày mồng 6 tháng Giêng 12 vị Kỳ mục trưởng xóm đến hội họp tại nhà ông Tiên chỉ, hoặc Chánh hội để sửa soạn đám rước. Tại đây các vị Kỳ mục ăn mặc quần áo tề, tới trước giá văn tế đã được để sẵn lễ mỗi người năm lễ. Giá văn tế đã có dán bài văn tế do một tay văn tự trong làng soạn thảo.

Sau đó đám rước khởi hành để đi tới đền, nơi đây các Kỳ mục sẽ tế lễ tại sân đền.

Đi đầu đám rước là phường bát âm, rồi đến các vị Kỳ mục. Sau các vị Kỳ mục là dân đình mang lọng, rước giá văn tế và kiệu long đình.

Sân đền lúc đó đã được trần thiết sẵn sàng cho cuộc tế.

TẾ THẦN

Sân đền là nơi sẽ cử hành cuộc tế có cấm cờ và bày các tự khí sau:

- Từ ngoài cửa đền, hai bên là ngựa hồng, ngựa bạch, yên cương thêu thùa sắc sỡ.

- Hai bên tả hữu đường đi vào đền là cờ quạt và các đồ lộ bộ, bát bửu.

- Ngoài hàng cờ quạt, đồ lộ bộ và bát bửu là kiệu của 12 xóm.

Trước đèn là một hương án có bày đồ lễ, những hộp kính đựng hia vàng và các đồ ngũ sự.

- Trước hương án này là một hương án nhỏ hơn trên bày những khí giới của nhà vua: cung, kiếm, tên.

- Trước hương án nhỏ là một hàng chiếu cạp điều để Hội đồng Kỳ mục và dân làng làm lễ.

Thường tất cả các tự khí trong đền đều được đem bày trong dịp Tế, ngoại trừ tượng nhà vua và chiếc mũ bình thiên.

Khi đám rước Kỳ mục tới đền, giá văn tế được đặt lên long đình, và long đình được kính cẩn khiêng tới kê trước hương án đồ thờ.

Lúc này phường bát âm nổi nhạc, và giữa tiếng đàn nhạc, thỉnh thoảng lại một hồi tù và rúc inh tai.

Ông Tiên chỉ hoặc Chánh hội đứng tế. Tế theo nghi thức cổ truyền như trong mọi đám tế thần khác.

Khi cuộc tế chấm dứt, ông Tiên chỉ cùng các quan viên Kỳ mục đều làm lễ trước bàn thờ. Rồi đến lượt dân làng vào lễ. Trong lúc mọi người lễ, ở bên trong đền có một số các quan viên cầu nguyện để Nhà vua phù hộ cho toàn xã thịnh vượng bình yên.

Cũng như bất cứ tại làng nào, buổi tế thần rất long trọng, và tất cả dân làng đều đứng quanh để dự tế.

Buổi tế kéo dài đến quá Ngọ sang Mùi mới xong.

Đám rước thần của Muối Hai Xóm

Sau buổi tế, dân làng tổ chức đám rước thần có đủ muối hai xóm tham dự cùng với một số đông dân làng, một số dân đình hóa trang ăn mặc trắng đỏ, đeo chùm râu giả đi theo. Đoàn người kéo dài trên nửa cây số.

Đi đầu hết là cờ quạt, rồi đến long đình cùng các tự khí, lộ bộ, bát bửu. Sau là phường bát âm. Tiếp phường bát âm là các quan viên ăn vận quần áo tế với hia mũ, bung theo những khí giới của nhà vua: cung, kiếm, tên, nỏ.

Sau các quan viên là các Kỳ mục xóm Chùa, khiêng long đình trên có bài vị nhà vua, rồi tới các Kỳ mục các thôn khác, thôn nào khiêng kiệu của thôn đó, kiệu nhỏ hơn long đình và mỗi xóm có phường bát âm, có cờ quạt, có các quan viên mang các tự khí và có dân xóm hóa trang riêng.

Đám rước đi rất chậm thường luôn luôn ngừng lại, đi vòng quanh giếng Trọng Thủy và từ bờ giếng này đi cho tới cổng làng. Đám rước diễn hành ít nhất trên hai tiếng đồng hồ. Dân làng hoặc đi theo, hoặc đứng trên các bờ ruộng xem rước.

Đám rước tới cổng làng thì giải tán. Kỳ mục xóm nào khiêng kiệu của xóm mình về nơi đó, nhưng trước khi giải tán, mỗi kiệu đều được thả thêm ba nén hương, ba nén hương này đủ cháy trong lúc đi đường về cho tới đình hàng xóm.

Riêng các kỳ mục xóm Chùa, nơi có đền thờ nhà Vua, lại khiêng long đình có bài vị về đền.

Đám rước xong, nhưng Hội chưa hết, hội còn kéo dài luôn trong 10 ngày cho tới rằm tháng Giêng với những trò vui cổ truyền.

NHỮNG TRÒ VUI CỔ TRUYỀN

Cũng như ở bất cứ hội xuân nào, hội đền vua An Dương Vương, ngoài những cuộc rước xách tế lễ còn có nhiều thú vui theo tục lệ để dân chúng giải trí nhất là có những cuộc đổ đen công cộng như xóc đĩa⁽¹⁾, xúc xắc, thò lò, bài lá v.v...

Các trai gái thanh niên rủ nhau đánh đu, bao giờ ban kỳ mục cũng nhớ trồng cây đu trong ngày hội cho con trẻ mua vui. Các cụ thì chơi tổ tôm diêm, đánh cờ bỏi, các cụ bà vào lễ đền hoặc lễ chùa. Lại có cả những bàn đảo đĩa một

1. Về lối đổ đen này xin xem trong Phong tục Việt Nam, Từ bản thân tới gia đình của soạn giả, do Khai Trí xuất bản.

lối đánh đáo đặc biệt, có một người làm cái. Người này đặt một chiếc mẹt, trong chiếc mẹt có một chiếc đĩa nhỏ. Những người chơi đáo đứng cách xa chiếc mẹt khoảng hai thước, rồi cầm tiền, những đồng trinh hoặc những đồng xu đi vào chiếc đĩa. Đồng tiền nào đi đúng vào chiếc đĩa, một đồng được nhà cái giam cho thành năm, còn những đồng nào bắn ra mẹt về phần nhà cái. Đồng tiền nào không vào đĩa cũng không vào mẹt người chơi được đi lại.

Tối tối tại đình làng có hát chèo để thờ thần và để dân làng mua vui.

Dân làng thích thú với ngày hội, và dân các xã lân cận cũng rủ nhau tới dự các trò vui, xem rước xách tế lễ và cũng thử thời vận với những cuộc đổ đen.

NGÀY GIỖ MỸ CHÂU

Những cái chết của vua An Dương Vương, Trọng Thủy và Mỹ Châu, có thể gọi hết thảy là chết oan, dân chúng rất thương xót và có lập đền thờ ở nhiều nơi, ngoài xã Cổ Loa, thờ vua An Dương Vương để ghi công nhà Vua đã lập ra nước Âu Lạc, thờ Trọng Thủy và Mỹ Châu vì người ta trọng sự chung thủy, tiết nghĩa của đôi người.

Cho đến trước ngày tiền thế chiến, ở núi Mộ Dạ, gần nơi nhà Vua tự vận, thuộc xã Cao Ái, huyện Đông Thành, Nghệ An, vẫn có đền thờ vua An Dương Vương, tục gọi là Đền Công, vì nơi đây rậm rạp, loài công đến ở rất nhiều.

Và ở xã Đông Cao, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định cũng có Đền thờ Mỹ Châu, và hằng năm vào ngày 18 tháng 8 âm lịch, dân làng có mở hội gọi là NGÀY GIỖ MỸ CHÂU.

Hội bắt đầu từ hôm rằm, nhằm ngày Trung Thu, nhưng vui nhất vào hôm 18, tức là hôm có đám rước kiệu Mỹ Châu từ xã Đông Cao cho đến đình làng Đông Bộ ở bên sông Hồng Hà.

Theo dân xã Đông Cao, đám rước này chính là đám rước để My Châu tới yết kiến vua cha có đền thờ tại xã Đông Bộ.

Chính hôm 18 tháng 8, tại xã Đông Bộ cũng mở hội kỷ niệm vua An Dương Vương. Làng này năm nào cũng chờ xã Đông Cao rước kiệu tới.

Dân địa phương gọi hai đền thờ ở làng Đông Bộ và làng Đông Cao là Đền Cha và Đền Con.

Hàng năm Con phải tới yết kiến Cha để vấn an cũng như để tạ lỗi xưa đã vì mối tình của mình nước mất nhà tan và nhà vua phải thác.

Trong buổi rước kiệu từ xã Đông Cao đến đền thờ xã Đông Bộ, bao nhiêu chức sắc xã Đông Cao đều đi hết và vị bô lão niên trưởng trong làng bung bình hương đi trước.

Tới xã Đông Bộ các vị chức sắc làng Đông Cao rước Kiệu vào đình tế lễ một tuần, như có ý để My Châu tạ tội cùng vua Cha.

Sau buổi tế lễ, các quan viên chức sắc xã Đông Cao được các quan viên chức sắc xã Đông Bộ tiếp đãi rất lịch sự.

Buổi chiều kiệu của My Châu lại được rước về xã Đông Cao.

Đền thờ của My Châu ở làng Đông Cao rất nguy nga tráng lệ. Trước cửa đền, hai bên có voi đá lại có rùa đá mang bia.

Người ta nói rằng tại sông Hồng Hà, ngay chỗ đền thờ vua An Dương Vương ở làng Đông Bộ, ở dưới lòng sông có một cung điện nguy nga, cung điện của vua An Dương Vương. Cung điện này nhiều người thuyền chài đã được trông thấy, nhưng không ai dám nói rõ, vì họ tin rằng kẻ nào mòng mồm tiết lộ sẽ bị chết tươi ngay...

Chuyện thuật lại rằng, trước đây có một người chèo thuyền lặn xuống mò thuyền đã được tận mắt trông thấy cung điện của nhà vua. Khi lên bờ, người này có kể lại cho dân làng Đông Bộ nghe, nhưng vừa dứt câu chuyện, người này liền ngã lặn ra chết!

Từ đó tại khúc sông này, cũng đã có nhiều người lặn xuống

lòng sông, nhưng có ai hỏi tới cung điện của vua An Dương Vương, không ai dám nói gì! Có lẽ họ không thấy có cung điện! Hay họ sợ bị chết tươi nên tuy có trông thấy cung điện họ cũng không dám nói lại!

Kể từ đời vua An Dương Vương tới nay, hai mươi ba thế kỷ đã qua, thế mà câu chuyện Trọng Thủy, My Châu mỗi khi thuật lại, người ta vẫn không khỏi mũi lòng thương cho mối duyên oan trái của đôi người.

Thi sĩ Tản Đà đã có bài thơ
Một đôi kẻ Việt người Tần,
Nửa phần ân ái, nửa phần oán thương!
Vuốt rùa chàng đổi mấy?⁽¹⁾
Lông ngỗng thiệp đưa đường.
Thề nguyên phu phụ,
Lòng nhi nữ
Việc quân vương,
Duyên nợ tình kia dở dang.
Trăm năm giọt lệ
Ngọc trai nước giếng,
Nghìn thu khói nhang.

1. Nỏ thần

HỘI ĐỀN THỜ ÔNG LÊ PHỤNG HIẾU



Làng Từ Trọng phủ Hoàng Hóa tỉnh Thanh Hóa có đền thờ ông Lê Phụng Hiếu, một danh tướng đời nhà Lý, thờ hai đời vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tông. Đền xây ở rừng Mã Cương, một khu rừng của làng, giáp với thôn Hạc Đình.

Làng Từ Trọng có nhiều thôn, thôn Hạc Đình là một. Thôn Hạc Đình nằm dài theo dọc sông Tào, một dòng sông nhỏ chảy vào sông Ngã. Từ thôn Hạc Đình nhìn ra, xa xa là cầu Hàm Rồng, chiếc cầu bắc từ núi Long qua núi Hổ như muốn lấy nhân công tô điểm cho cảnh thiên nhiên thêm cảnh tú.

Đầu thôn Hạc Đình là bãi Giang Đình, một bãi đất rộng rãi mát mẻ để hàng xã tổ chức hàng năm những cuộc vui đình đám ở nơi đây.

Theo lời các cụ truyền lại, bãi này là mình một con Hạc với cái cổ dài vươn lên thành con đường nhỏ chạy vào rừng Mã Cương. Con Hạc này đứng một chỗ tạo thành con đường chạy thẳng tắp từ bãi Giang Đình lên đê sông Tào. Cẳng thứ hai của con Hạc ghech thành khúc đường mòn chạy từ bãi Giang Đình qua ngã cây Đề, một cây Đề cổ thụ mọc ở trước

thôn Hạc Đình, quanh vào trong thôn. Các cụ bảo cây Đề là cái cựa của bàn chân con Hạc.

Đền ông Lê Phụng Hiếu ở rừng Mã Cương, hàng năm dân làng mở hội từ ba mươi Tết năm trước đến hết ngày mồng bảy tháng Giêng năm sau.

THẦN TÍCH

Ông Lê Phụng Hiếu, người làng Bằng Sơn, phủ Thanh Hóa, sau là xã Dương Sơn, phủ Hoằng Hóa. Ông người to lớn râu ria xồm xoàm sức vóc khỏe mạnh. Thuở nhỏ nhà nghèo, ông phải làm nghề tiểu phu kiếm ăn. Nói về sức mạnh, ông có một thần lực, và về sức ăn khỏe cũng ít ai sánh kịp. Mỗi bữa ông ăn hết một nồi mười com (nồi mười là chiếc nồi thổi com đủ cho mười người khỏe mạnh ăn.)

Khi đi đốn củi, ông không cần búa rìu gì cả, chỉ dùng tay hoặc nhổ hoặc bẻ, tùy theo cây to hoặc cây nhỏ. Ông lại chạy nhanh bước dài, nhờ ở sức vóc to lớn.

Một hôm, Lê Phụng Hiếu đi kiếm củi trở về, vai gánh một đầu là một bó củi, còn đầu kia là một bó tre nguyên bụi còn nguyên cả gốc rễ do ông nhổ lên. Trên bụi tre có một con cò trắng ông đã bắt được ở bên bờ sông Mã.

Ông về đến nửa đường, được tin nhà vua đang kén người có sức khỏe để sung vào quân túc vệ, ông liền đặt gánh củi xuống rồi hai tay ôm hai bó củi ông quăng vèo đi hai nơi. Ông quyết bỏ nghề tiểu phu để sung vào đoàn quân túc vệ của nhà vua.

Bó củi bị ông quăng tới tận làng Buông còn bụi tre rơi đến thôn Hạc Đình, hai nơi cách xa nhau hàng nửa ngày đường.

Sung vào quân túc vệ, ông lập được nhiều công trạng với nhà Lý, được phong làm Đô Thống Thượng Tướng Quân. Năm 1044, khi vua Thái Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành, ông

được cử làm tiên phong phá tan được giặc. Ông chết năm 77 tuổi. Ông được phong làm Phúc Thần và được tất cả các thôn xã từ Hạc Đình tới kẻ Buông thờ phụng.

Trên là thuật theo thần tích xã Từ Trọng.

Theo ông Phan Kế Bính trong *Nam Hải dị nhân*, khi vua Lý Thái Tôn đi đánh Chiêm Thành trở về, định phong thưởng cho ông, nhưng ông từ chối, không nhận tước thưởng, xin đứng ở trên núi Bãng Sơn, ném một thanh đao ra ngoài hể rơi xuống chỗ nào, thì xin đất đến đấy để lập nghiệp.

“Vua ưng cho như thế. Phụng Hiểu đứng ở trên núi, ném một thanh đao ra ngoài mười dặm, sa xuống cắm vào làng Đa Mỹ. Vua mới ban ruộng thưởng cho đến chỗ cắm đao tính ra được hơn nghìn mẫu.

Từ đấy ruộng thưởng cho công thần gọi là ruộng thác đao (nghĩa là cắm đao) là do sự tích ấy. Phụng Hiểu hết lòng thờ vua, biết điều gì nói điều ấy, mà động đi đánh trận nào cũng được. Đến năm 77 tuổi mới mất. Dân làng lập miếu thờ làm Phúc Thần, lịch triều có phong tặng cả.”

Qua thần tích và sự tích kể trên, tuy có điều hơi dị biệt, nhưng tựu trung ông Lê Phụng Hiểu vẫn đã là một bậc trung thần phò vua giúp nước nên được dân chúng đời đời hương khói phụng thờ.

Trở lại thần tích, theo các cụ kể lại thì bó củi ông Lê Phụng Hiểu ném vào kẻ Buông dần dần mọc thành một rừng cây nay gọi là rừng Buông. Còn bó tre có con cò trắng ném vào thôn Hạc Đình nay mọc thành một rừng tre được đặt tên là rừng Trúc Cương, nhưng dân làng Từ Trọng quen tục gọi là rừng Mã Cương.

Rừng Mã Cương có rất nhiều cò vạc, chúng oang oác kêu suốt đêm ngày như muốn nhắc lại công trạng hiển hách của Đô Thống Thượng Tướng Quân Lê Phụng Hiểu, mà đền thờ

ở ngay ven rừng tục gọi là đền Mã Cường. Các cụ bảo đấy là cháu chất con cò đã đậu trên bụi tre thuở trước.

TỤC LỆ NGÀY HỘI

Cũng như bất cứ hội nào, hội đền Mã Cường lấy sự cúng tế Đô Thống Thượng Tướng Quân là việc chính, nhưng bên sự tế lễ, hội đền Mã Cường còn có nhiều những tục lạ, những tục này đã phản ảnh phần nào dân tình trong vùng và lòng kính trọng của người dân đối với vị Thành hoàng võ tướng đời nhà Lý này.

TẢO MỘ CUỐI NĂM

Cùng với những cuộc tế lễ tại đền Mã Cường, hội nơi đây bắt đầu bằng cuộc tảo mộ tập thể của dân làng, nhất là của dân thôn Hạc Đình.

Mỗi gia tộc gồm nhiều gia đình kéo nhau tới bãi tha ma cuối thôn để thăm viếng mồ mả gia tiên, đắp lại nấm, cuốc đi những cỏ dại, nhổ đi những cây hoang, và cắm hương mời các cụ về hưởng Tết Nguyên Đán cùng con cháu. Những người đi làm ăn nơi xa xôi, một năm một lần, họ đều nhân dịp nghỉ tết về làng dự cuộc tảo mộ tập thể này. Rất vui và rất nhộn nhịp. Ông già bà cả, người lớn trẻ em, thanh niên nam nữ đều có mặt tại bãi tha ma, người ăn mặc nâu sồng theo lối quê mùa, kẻ áo quần lòe loẹt theo lối thị thành.

Trời cuối năm rét căm căm, người người đều có áo bông áo dạ, nhưng trước cảnh tấp nập của dân làng, cái rét như có phần dịu đi. Thỉnh thoảng có một vài tràng pháo nổ, xác pháo hồng bay như muốn đánh tan cơn lạnh, và đem sự ấm cúng lại cho bãi tha ma.

Cả thôn Hạc Đình đều có mặt tại bãi tha ma. Mùi hương thom bay ngào ngạt từ những ngôi mộ hòa lẫn cùng mùi thuốc pháo.

TẾ TIÊN THƯỜNG

Cuộc tảo mộ kéo dài cho tới gần trưa, mọi người mới kéo nhau về đình Mã Cương xem tế tiên thường, cuộc tế để chuẩn bị đón rước ngài Thành hoàng về vui xuân hưởng Tết với dân làng.

Hội tấp nập rộn rã từ lúc tinh sương ngày ba mươi Tết cho đến lúc giao thừa.

Nghi thức tế tiên thường giống như những cuộc tế lễ tại bất cứ nơi nào. Tế tiên thường vào giờ Hợi cuối năm trước, trước giờ Tý đầu năm sau.

Đúng giờ giao thừa, dân làng làm lễ giao thừa rồi ai về nhà nấy. Hội hè tạm ngừng trong ba ngày Tết rồi lại mở tiếp từ ngày mồng bốn cho đến hết ngày mồng bảy tháng Giêng.

THI TUYỂN NỮ QUAN

Đây là một tục đặc biệt của thôn Hạc Đình, tuyển lựa những trinh nữ để tham dự những buổi hát lễ mừng đức Thành hoàng và lo việc cỗ bàn dâng cúng Ngài.

Tuy đền Mã Cương thuộc về địa phận thôn Hạc Đình xã Từ Trọng, nhưng cuộc tuyển lựa trinh nữ này mở rộng cho tất cả các thanh nữ thuộc các thôn xã thờ Đô Thống Thượng Tướng Quân. Muốn dự cuộc tuyển lựa này, các thanh nữ không những phải còn là con gái mà phải là những cô chưa hề bị mang tai tiếng về nết na của mình nhất là đức hạnh về phương diện trinh thực. Những kẻ lẳng lơ không dám tham dự. Các cụ thuật lại rằng trước kia, làng đã kén chọn một cô chưa chồng nhưng không còn nguyên là con gái, cô đã ăn vụng thăm lén dân làng trong đường hoa nguyệt, khi cô vào dự lễ ca hát, cô vừa bước chân vào nhà bái đình là cô ngã xỉu chết ngất. Người nhà khiêng cô về, tới nhà cô tỉnh lại. Cô không dám tham dự các buổi hát lễ cũng như sửa soạn lễ vật. Dân làng phải kén một cô khác thay thế. Cô kia thuật

lại: cô vừa bước chân vào nhà bái đình, cô thấy một vị quan hầu cầm vò đập vào đầu cô và bảo:

Thân mày đã ô ố, ai cho mày vào đây!

Đối với dân chúng vùng này được kén vào hàng trinh nữ hầu Ngài là một điều vinh dự, bởi vậy số thiếu nữ tham dự cuộc thi tuyển đông lắm. Chính bố mẹ các cô cũng muốn các cô được tuyển chọn và nhiều bà mẹ đã dạy bảo các cô những điều cần thiết để các cô có thể thắng được cuộc thi, nhất là những điều về nữ công bếp núc.

Cuộc thi tuyển nữ quan được tổ chức ở bãi Giang Đình. Trước bãi, một con đường thẳng tắp chạy tới đền Mã Cương. Sau bãi là một đầm nước không sâu lắm, nước thường chỉ đến bụng, dân chúng quen gọi là đầm Giang Đình. Chính đầm Giang Đình này là trung tâm cuộc thi.

ĐỒ XÔI VÀ THỐI COM. Một trong các môn thi chính để tuyển nữ quan là đồ xôi và thối com. Thực ra hai công việc này, đã gọi là phụ nữ Việt Nam, trừ những bọn vô dụng, mấy ai là không biết, nhưng thối com và đồ xôi lại là những công việc rất khó khăn vì không phải các nữ thí sinh được thực hiện công việc này ở ngay trong bếp mà ở trên thuyền bơi trên mặt đầm Giang Đình, ngay ngoài trời, có khi gặp buổi mưa phùn hoặc gặp gió đầm thổi lửa tứ phía. Hơn nữa, dùng để nấu com, đồ xôi, không ai được dùng than củi của riêng mình, mỗi nấu do ban Giám khảo phân phát và gồm toàn bã mía còn tươi khó bén lửa và rất dễ tắt nếu thí sinh hơi vụng về trong việc gây bếp và nhóm lửa.

Cuộc thi bắt đầu từ sáng tinh sương ngày giáp Tết.

Sáng hôm đó, dọc theo bờ đầm Giang Đình, dân làng đã cho neo sẵn hàng trăm chiếc thuyền thúng, một loại thuyền nan tròn như cái thúng, nhưng có cặp thêm ở hai đầu hai vành bơi chèo, tạo cho chiếc thuyền thúng thành một hình thoi nhọn hai đầu. Hàng năm dân làng phải tuyển cho ngày

hội 48 trinh nữ, nhưng số nữ thí sinh tham dự thường trên hàng trăm, có khi đến hai trăm.

Sau tiếng trống lệnh đầu tiên của ban tổ chức, các nữ thí sinh, mỗi cô xuống một thuyền, mang theo đồ rau hoặc kiềng ba chân để làm bếp cùng với mọi vật liệu cần thiết: rom ướm làm dóm, bã mía tươi làm mỗi nấu, nôi, chõ, gạo nếp, gạo tẻ...

Các cô chèo thuyền ra giữa đầm, chuẩn bị bắt bếp, đặt nồi vo gạo cho sẵn sàng rồi chờ hồi trống thứ hai của ban giám khảo trên bãi Giang Đình ra lệnh bắt đầu cuộc thi. Một hồi trống dài điểm thêm ba tiếng sau cùng! Tiếng trống dứt, cuộc thi mới bắt đầu, lúc đó các nữ thí sinh mới được nhóm lửa, nhóm cả bếp đồ xôi lẫn thổi cơm. Mỗi cô được phép mang xuống thuyền hai cỗ bếp, hoặc đồ rau, hoặc kiềng. Trong cuộc thi các cô được tự do muốn làm sao thì làm, thổi cơm trước hay đồ xôi trước tùy ý, miễn cho nhanh chóng, xong sớm để chèo thuyền vào bờ nộp cơm và xôi lên Ban Giám khảo. Các cô xong trước được thêm điểm nhanh chóng, nhưng phải ngon, xôi phải dẻo. Nếu nồi cơm trên sồng dưới khô, tứ bề nát bét và chõ xôi rắn nát thì dù các cô có xong sớm cũng đừng hy vọng gì đến sự trúng tuyển.

Thực ra, tài thổi cơm, đồ xôi của các cô cũng không hơn kém nhau mấy, vì cô nào cũng đã luyện tập tinh xảo. Khó khăn đối với các cô là ở chỗ nhóm bếp thổi lửa, và phải giữ sao cho thuyền khỏi trông thành, thuyền thúng lại là loại thuyền rất nhẹ dễ trông thành và thuyền đã trông thành, bếp lửa hướng ra phía gió, dễ tắt.

Ngày hội lại gặp bữa mưa phùn gió bắc, các cô sẽ trải qua một cuộc thi vất vả. Nếu mưa phùn lại biến thành mưa nặng hạt, lại là một điều may cho các cô, các cô sẽ được lên bãi Giang Đình, trở tài bếp nước dưới những mái tranh.

Thực ra, để sửa soạn dự cuộc thi tuyển này, các cô đã luyện tập ít nhất cũng từ tháng một để trau dồi nghệ thuật thổi cơm nấu xôi ngoài mưa phùn. Các bà mẹ đã dạy các cô cách thức

nhóm lửa bằng mỗi uớt, cách thức thổi lửa mỗi khi bếp tắt, nhất là cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió giúp đỡ cho việc nhóm bếp cũng như cách che bếp làm sao cho lửa cháy dưới nồi được điều hòa, không bị gió tạt đưa ra ngoài bếp. Lửa có giữ đều, gạo trong nồi mới sôi đều, gạo trong nồi mới nở đều, cơm mới ngon, xôi mới dẻo được. Các cô cũng lại am tường cách ước lượng thời gian từ lúc nước sôi đổ gạo vào nồi, chét nồi đầy chỗ xôi cho đến khi chín dẻo đúng mức; các cô dùng những nén hương đốt cháy và trông theo những đoạn hương cháy để biết nồi cơm, chỗ xôi đã vừa chín chưa.

Cuộc thi đồ xôi, thổi cơm mất buổi sáng.

Trong khi các nữ thí sinh làm bài thi ở dưới đầm, ở trên bãi Giang Đình, dân làng đông đúc đứng xem, trong số đó, có rất nhiều bà mẹ đã từng huấn luyện cho con gái, sốt ruột chờ đợi kết quả chỗ xôi nồi cơm của con.

LÀM BÁNH. Món thi thứ hai trong việc tuyển nữ quan là làm bánh. Mỗi thí sinh phải làm một hoặc hai thứ bánh theo sáng kiến của mình, bánh có thể làm bằng bột gạo thường hoặc bột lọc và chế hóa tùy theo ý muốn và tài năng của các cô.

Các cô lại phải đặt tên cho thứ bánh của mình làm.

Thường công việc đặt tên này do các ông hoặc cha đã tìm chữ đặt trước cho các con.

Thí dụ bánh: Song phượng tề phi hai con phượng cùng bay. Chiếc bánh có thể to bằng cái mâm, bột lọc trong suốt, duy có hai con phượng hình đang bay có nhân đậu xanh làm nổi mình phượng nằm trên mâm bánh.

Một thí dụ khác: Lý ngư vượt vũ môn, cá chép vượt vũ môn. Đây là nhắc lại tích cá thi để hóa rồng. Một dòng thác chảy mạnh bằng bột lọc, mé dưới có dăm ba con cá chép bằng bột trắng mang cá hồng hồng như muốn vượt ngọn thác.

Thêm một thí dụ thứ ba: Mẫu đơn phú quý. Hoa mẫu đơn là hoa phú quý. Chiếc bánh là một bông bạch mẫu đơn lớn, có hai chiếc lá xanh, bột trắng nhuộm xanh, một chiếc mang chữ

Phú và một chiếc mang chữ Quý, hai chữ màu vàng hoặc đỏ.

Đại để các kiểu bánh đều mang những tên cầu kỳ, dùng các thứ hoa, các loài chim, tứ linh, long ly, quy phượng hoặc các điển tích để cho tên thật đẹp. Tên đẹp mà bánh lại phải ngon mới được làng lựa chọn.

Cô nào qua được cả hai môn thi trên được lựa làm nữ quan để dự những cuộc ca hát thờ thần, và các cô cũng là những người có trọng trách sửa soạn cỗ bàn để dâng Ngài.

CA HÁT THỜ THẦN

Trong những buổi lễ thờ thần, các trinh nữ đã được tuyển lựa được tham dự Hát Trãi để mừng Ngài. Hát Trãi nghĩa là vừa bơi trải vừa ca hát. Trải là một loại thuyền dài, khi bơi ở trên sông cần phải có nhiều người bơi hoặc ngồi ở giữa thành một hàng hai tay hai bơi chèo hai bên, hoặc ngồi thành hai hàng ở hai bên cùng bơi theo nhịp người cầm lái. Thường trong trường hợp hai hàng tay chèo, người ta dùng bơi chèo ngắn, trái lại chỉ có một hàng tay chèo ở giữa, người ta dùng bơi chèo dài.

Trải ở đây chỉ là hai thuyền rồng, hàng ngày để thờ trong đền, ngày hội mang ra đặt song song trước sân đình, chầu vào bàn thờ Đô Thống Thượng Tướng Quân. Mỗi thuyền rồng có mười hai cặp bơi chèo sơn son cho hai mươi bốn nữ thủy thủ, chính là các cô trinh nữ đã được dân làng kén chọn qua cuộc thi ngày giáp Tết.

Trong khi tế lễ, các cô ngồi vào thuyền rồng, mỗi chiếc thuyền hai mươi bốn cô, các cô vừa chèo thuyền cạn vừa ca hát để chầu thần. Lễ tất nhiên việc chèo thuyền cũng như việc ca hát các cô phải tập trước, tập từ trong năm, từ trước khi dự cuộc thi tuyển nữ quan của làng. Việc luyện tập này rất khó khăn, có luyện tập mới dai sức để có thể bơi trải trong suốt buổi tế kéo dài hàng giờ.

Có cô lại phải tập múa và tập hát ở nhà một người Quản giáp. Muốn hát được các cô phải học thuộc lòng những bài hát thờ có sẵn, thường dùng tại các nơi đền điện mà dưới đây là mấy bài tiêu biểu.

BÀI DÂNG NHANG

Một nén hương thơm thấu chín tầng,
Kính trời, kính đất, kính linh thân.
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới,
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.
Một nén hương thơm thấu cửa thiên,
Mây lồng năm thức nguyệt lồng in.
Kính thành những bén duyên hương lửa,
Rờ rở vinh hoa ức vạn niên.

BÀI NHẠC HƯƠNG

Thông minh chính trực vị chi thần,
Biến hóa vô cùng đức đại tân.
Mừng vua có sắc phong choi choi,
Đệ nhất vua, đây Thượng đẳng Thần.

MÚA BÀI BÔNG. Trong các lối ca hát ở Hạc Đình lối ca múa bài bông bắt đầu cho các buổi tế lễ. Ca và vũ hòa điệu với nhau theo nhịp trống nhịp đàn. Lối ca vũ này thường thấy tại các đền điện khi hội hè có múa hát, nhất là khi có các nữ quan, nghĩa là khi có các trình nữ trong làng được tuyển để tham dự. Cũng có nơi không phải là các thanh nữ ca múa mà do đàn ông trong làng, những người đã được kén chọn và chỉ định trước.

Múa bài bông cần đông người. Ở Hạc Đình số này gồm tất cả các cô đã được tuyển lựa ngày giáp Tết. Lúc múa mỗi cô cầm một chiếc quạt nhỏ. Thoạt mới vào, các cô chia làm hai hàng quỳ ở trước hương án, hai tay nâng chiếc quạt lên

khởi đầu. Một cô đứng đầu đóng vai Tiên Đồng đứng lên khai mạc cuộc múa bằng một bài hát:

Tiêu dao lồng lộng Thiên Đình
Tật tốc giáng dương trần bộ
Khâm thừa Phật tổ,
Giáng hạ trần.

Hát xong mấy câu trên, Tiên đồng hát tiếp mấy câu nói lời:

Như tôi nay tiên ông trao chúc
Ngô biểu tự Tiên đồng
Truyền ca nhi Nam, Bắc, Tây, Đông
Đều múa hát dâng hương Thượng Đế.

Hết câu hát, tất cả các cô khác đều đứng lên vừa múa vừa hát, các cô vừa múa vừa lượn trước bàn thờ, theo một hàng lối đã tập trước trông rất nhẹ nhàng.

Sau múa bài bông là bơi trải chèo thuyền rồng.

Trong các buổi tế lễ cũng còn những điệu múa khác như múa tứ linh, múa đèn v.v... mỗi điệu múa lại có bài ca riêng, nhưng rất tiếc lâu ngày chúng tôi không còn nhớ và vì cách trở muốn tìm kiếm tài liệu cũng không ra.

Hội đèn Mã Cương vui, dân chúng nô nức tới lễ bái và vui xuân, nhưng có lẽ từ ngày Cách mạng tháng 8 tới nay nghĩa là từ gần ba chục năm nay, hội đâu còn nữa, hội có còn chăng chỉ ở trong trí nhớ những người hoài cổ, và chắc rằng đền Đô Thống Thượng Tướng Quân Lê Phụng Hiểu cũng chẳng còn ai hương khói!

HỘI ĐỀN HAI BÀ TRUNG



Làng Đồng Nhân là nơi có đền thờ Hai Bà Trưng Trắc và Trưng Nhị, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, về phía Nam thành phố. Đền thờ Hai Bà ở ngay trước cửa nhà máy rượu, cách con đường Yersin Hà Nội (Nguyễn Công Trứ) chừng 500 thước.

Kiến trúc theo lối xưa, đền có một vẻ linh tú nghiêm trang, dưới bóng một cây đa lớn mọc ngay trước cửa đền.

Hàng năm làng Đồng Nhân mở hội từ ngày mồng ba cho đến hết ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch, tuy chánh hội là ngày mồng 5 tháng 2.

Dân chúng Hà Nội và các vùng lân cận kéo nhau tới lễ bái và xem hội rất đông.

Khách thấy hội tới trước nhà máy rượu đã trông thấy cây đa cổ thụ với những bóng cờ đuôi nheo ngũ sắc bay phấp phới cắm trước cửa đền và ở hai bên lối vào trong đền. Ở cây đa còn có treo lủng lẳng những đôi hài giấy và những bó vàng hương. Những người đi lễ nói đó là vàng và hài để cúng những người hầu cận hai Bà.

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VÀ THẦN TÍCH

Sự nghiệp Hai Bà Trưng chống quân Hán, đã là người Việt Nam, hỏi mấy ai là không biết. Hồi đó nước ta đang nội thuộc nước Tàu dưới đời vua Quang Vũ nhà Đông Hán.

Thái thú quận Giao Chỉ là Tô Định vốn người bạo ngược, chính sách lại tàn ác, lòng dân đều oán giận. Năm Canh Tý, Tô Định giết chết ông Thi Sách, người huyện Châu Diên, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Bà Trưng Trắc vợ ông Thi Sách, con gái quan Lạc Tướng huyện Mê Linh, nay là làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú), liền cùng với em là Trưng Nhị, nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Tô Định thua chạy bỏ trốn về quận Nam Hải.

Lúc bấy giờ các quận Cửu Chân, Nhật Nam, và Hợp Phố cũng nổi lên theo về với Hai Bà. Chẳng bao lâu Hai Bà thu lại được 65 thành trì. Hai bà tự xưng làm vua đóng đô ở Mê Linh.

Năm sau, năm Tân Sửu (41) vua Quang Vũ nhà Hán, sai Phục Ba Tướng Quân là Mã Viện cùng các Phó tướng là Lưu Long và Đoàn Chỉ đem quân sang đánh Trưng Vương.

Hai Bà chống cự nhưng thế yếu phải lui quân về đóng ở Cẩm Khê. Quân Mã Viện đánh đuổi theo. Quân Hai Bà tan vỡ. Hai Bà chạy tới xã Hát Môn, nay thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) gieo mình xuống dòng sông Hát tự tử. Bấy giờ vào ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43).

Theo thần tích làng Đồng Nhân, khi Hai Bà nhảy xuống sông Hát để trầm mình liền hóa thành đá trôi về địa phận bãi Đồng Nhân. Dân chúng liền lập đền thờ ở xứ Vườn Tịch ngay trên bãi sông. Về sau nước to, đê vỡ, đền đổ nát phải di vào trong đê, ở thôn Hương Viên, xã Đồng Nhân tức là đền thờ ngày nay.

TỤC LỆ TRONG NHỮNG NGÀY HỘI

Hàng năm làng Đồng Nhân mở hội để kỷ niệm Hai Bà từ mồng 3 với lễ mở cửa đền cho đến hết ngày mồng 6 mới rã đám.

Trong những ngày hội có tế lễ, rước xách, múa đèn theo nhịp trống của con đi đánh bông, và dân làng cũng có mở cuộc đánh cờ bỏi, và buổi tối xưa kia có hát chèo để đồng dân mua vui.

Ngoài ra, trong suốt thời gian có hội, các con hương đệ tử tới lễ bái hầu bóng, xin thẻ vận... vận... cũng như ở hầu hết các đền miếu khác.

RƯỚC

Đám rước ở hội đền Hai Bà được cử hành rất long trọng vào ngày mồng 5 tháng hai âm lịch từ đền ra sông Hồng Hà để thánh giá làm lễ mộc dục tức là lễ tắm mình.

Đám rước có cờ quạt phường bát âm đi trước rồi đến kiệu Hai Bà. Theo sau kiệu là bộ lão cùng các quan viên chức sắc mặc áo thụng xanh đội mũ tế. Dân làng theo sau cùng và bao giờ cũng đông.

Đám rước ra tới bờ sông thì Thánh Giá được khiêng xuống một chiếc thuyền. Thuyền này bơi ra giữa sông, lấy nước giữa dòng làm lễ mộc dục.

Lễ mộc dục xong, dân làng lại rước Thánh Giá về đền và sau đó là những cuộc tế lễ hàng năm theo nghi thức cổ truyền.

Trong khi đám rước cử hành từ đền ra sông và từ sông về, các thôn trong xã đều lập hương án ở bên đường để bái vọng.

TẾ LỄ

Tế lễ tại đền Hai Bà hàng năm được cử hành ngay sau buổi rước theo nghi lễ cổ truyền với văn tế do ban tư văn trong làng cùng soạn.

Thỉnh thoảng có năm dân làng tổ chức tế nữ quan, việc tế

do phụ nữ hoàn toàn đảm trách, từ chủ tế, bồi tế cho đến các chấp sự viên. Nghi thức lễ cũng giống như khi do các quan viên trong làng cử hành.

MÚA ĐÈN VÀ CON ĐI ĐÁNH BÔNG

Đặc biệt trong buổi hành lễ, sau đám tế, tại đền có đoàn vũ công múa đèn theo nhịp trống của con đi đánh bông.

Đoàn vũ công gồm trên dưới mười người, mặc áo dài đen thắt lưng đỏ ra ngoài áo, buộc mũi chéo sang bên cạnh sườn, sau nghi thức đám tế, cùng nhau vào múa đèn. Đây là những dân làng đã được chọn trước và đã có tập dượt, thường những người được cử vào công việc này năm trước, năm sau lại được lựa chọn để tránh sự mất công luyện tập. Đèn là những chiếc đài hoặc chiếc đĩa chung quanh có cắt giấy hình cánh hoa dán vào, và ở giữa đài là một ngọn nến đang cháy. Mỗi vũ công cầm hai cây đèn ở hai tay, đi thành hàng, lượn qua lượn lại trước bàn thờ với những điệu múa nhịp nhàng. Hàng vũ công có khi đi nối đuôi nhau, có khi đi theo những hàng lối khác, khi chéo khi thẳng, khi vòng tròn, khi kẻ trước gặp người sau, khi là một hàng, khi tách thành hai hàng đối diện nhau trước bàn thờ, gặp nhau trong điệu múa. Điệu múa rất nhịp nhàng, tay lên tay xuống, những ngọn nến chập chờn, lúc tỏ lúc mờ, không bao giờ tắt và ngọn lửa cũng không bao giờ bắt ra những cánh hoa giấy ở chung quanh.

Dẫn đầu đoàn này là một con đi đánh bông. Đây không phải là một người đàn bà, chính là một vũ công, áo the quần trắng khăn lượt, đeo ngang mình, quàng qua vai bằng những dây vải ngũ sắc một chiếc trống com. Sau lưng có cắm chéo lên hai vai, hai hoặc bốn lá cờ đuôi nheo nhỏ. Dáng điệu người này thật là ẻo lả mềm mại.

Dẫn đầu đoàn vũ công múa đèn, con đi đánh bông vừa đi vừa đánh chiếc trống com bằng hai bàn tay tạo nên những tiếng bập bập bùng làm nhịp cho điệu múa.

Trong lúc đoàn vũ công múa đèn, dân làng đứng trước bàn thờ, xúm nhau lễ bái.

CỜ BỎI VÀ HÁT CHÈO

Ở một thửa ruộng bên cạnh đền, xưa kia có một bàn cờ bỏi để dân làng hoặc các tay danh kỳ tới đánh cờ mua vui.

Và buổi tối, ngay trước đền có ban chèo tới hát để thờ thần và dân làng xem giải trí.

VĂN BIA VÀ VĂN THƠ TẠI ĐỀN HAI BÀ

Hai Bà đánh đuổi quân Tô Định đã được toàn thể dân Việt nhớ ơn, và được lưu truyền rất nhiều trong thơ văn kim cổ. Đáng kể hơn cả là những thi văn đã được ghi ngay tại đền Hai Bà, xã Đồng Nhân.

Khách thấy hội đi từ ngoài vào đền ắt phải thấy hai cây cột trụ cao ngất mang một đôi câu đối vì phong sương chỉ còn một vế đọc được. Dù chỉ đọc lên một vế ta cũng thấy tác giả mỉa mai Mã Viện:

SƠN TIÊU ĐỒNG TRỤ TƯƠNG AN TẠI

Nghĩa là:

CHỖ NÚI, ĐÃ NÊU CỘT ĐỒNG CÒN ĐÂU NỮA!

Vế câu đối đã mất chắc ý nghĩa nói đến sự nghiệp nghìn thu của Hai Bà.

Rồi từ cổng đi vào, khách phải nhận thấy một tấm bia đặt trên lưng con rùa đá cổ kính. Bài văn bia do cụ Dương Duy Thành, người làng Phú Thị, phủ Khoái Châu tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) cung soạn khi cụ làm Đốc học Hà Nội.

Ông Hoa Bằng đã dịch bản văn bia đó như sau:

Trong vòng vũ trụ, sự nghiệp lạ, phần nhiều ra từ những tay đại trượng phu. Kể phận gái mà làm nên sự nghiệp lạ chẳng cũng là bậc nữ trượng phu ư? Thế lại càng đáng ghi chép lắm!

Nhớ Hai Bà Trưng: người Châu Phong, cha làm Lạc tướng, tổ là Hùng Vương. Kể dòng dõi đã không phải là hạng tầm thường ví được. Huống chi Hai Bà đem tấm thân ngọc trắng giá trong, ôm cái chí cung dẫu tên cỏ, thì hoài bão ấy lại không phải vừa. Thủ đoạn làm việc lớn lao chẳng ở đây thì ở đâu nữa!

Kể từ khi nước Văn Lang nửa vơi sụp đổ, bờ cõi mất về Thục, Triệu và Lương Hán (Tây Hán và Đông Hán) đã đến vài trăm năm.

Thêm nổi ngọn lửa bạo ngược của Tô Định lại lung trời ngùn ngụt bốc!

Hai Bà, vợ vì chồng, em vì chị, phùng phùng nổi giận, cùng dấy nghĩa binh, ném trâm thoa mà mặc nhung phục, nâng gương lược mà cầm can qua, không đầy vài tháng trời đã lược định đoạt năm mươi sáu thành ở ngoài Ngũ Lĩnh, dựng nước, xưng vương, đóng đô ở Mê Linh: Chẳng phải sự nghiệp lạ là gì đấy!

Đến như Hai Bà phải lưu giữ ở Cẩm Khê, rồi tuần tiết ở Hát Giang! Cũng là bởi trời chi há nên bình luận anh hùng thành hay bại.

Nhưng xét đến gan dạ kia, mưu lược kia và tiết tháo kia thì Hai Bà thật không thẹn là dòng dõi thần minh vậy.

Sau khi mất, chân thân Hai Bà hóa thành hai pho tượng đá, hiển linh ở phần sông Nhị.

Năm Đại Định thứ ba (1142) vua Lý Anh Tôn sai lập đền ở bãi Đồng Nhân, huyện Thanh Trì để thờ Hai Bà rất linh ứng. Các triều đại đều có sắc phong.

Hoàng triều ta rất long thịnh về mặt điển lễ, đã sắc phong rồi.

Năm trước, chỗ đền cũ hư hỏng vì nổi sông lở, cát bay đã được chỉ dụ nhà vua cho dời vào xóm Hương Viên, huyện Thọ Xương để dân xã tấc thờ phụng.

Nghìn thu hương lửa, dằng dặc với trời đất không cùng
Nay nhân sửa đền lại, tôi xin kính thuật sự tích Hai Bà để
khắc vào bia đá truyền lâu dài.

Ngoài bài văn bia này ở trước cửa đền, vào đến trong đền,
ta còn thấy đề ngay trên vách trước bàn thờ một bài thơ nôm
của cụ Cúc Hương Hoàng Thúc Hội:

Ngựa Gióng đã lên không,⁽¹⁾
Rừng Thanh voi chữa lỏng.⁽²⁾
Nấy chồi hoa nọ Lạc,
Mở mặt nước non Hồng.
Trắng tỏ gương hồ Bạc.
Mây tan dấu cột Đồng.
Nén hương lòng cố quốc.
Xin khẩn một lời chung.

Ngoài văn thơ trên, ta được đọc ngay ở đền thờ Hai Bà
tại làng Đồng Nhân, còn biết bao văn thơ khác đã nhắc tới
Hai Bà.

Cụ Dương Bá Trạc, trước mọi dư luận có ý ám chỉ Hai Bà
vì tư thù mà đuổi quân Hán, đã phân tích rõ hành động của
Hai Bà là vì nghĩa công chứ không phải thù riêng:

Nước nhà gặp cơn bĩ,
Trách nhiệm gái trai chung.
Quyết lo đền nợ nước,
Há những vị thù chồng!
Tham tàn căm tướng chệch,
Tai mất tử nòi Hồng.
Em ơi đứng cùng chị,
Thù riêng mà nghĩa công.
Xin đem phận bỏ liều.
Đánh liều với non sông!

1. Phù Đổng Thiên Vương tức Đức Thánh Gióng.

2. Bà Triệu, sau Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Cửu Chân nay là Thanh Hóa.

Soạn giả tập sách này, nhân viết tới ngày lễ kỷ niệm Hai Bà, cũng đã xin có bài thơ cung vịnh:

Nêu gương muôn thuở gái Châu Phong,
Chị cũng như em quyết một lòng:
Hận nước lấy binh đao rửa sạch,
Thù nhà đem cung kiếm đền xong.
Ba năm uy trấn miền Nam Việt,
Một trận lòng danh gái Lạc Hồng.
Miếu Hát bên sông còn dấu tích,
Linh Nam cân quốc nữ anh hùng.

ĐỀN XÃ HÁT MÔN

Hai Bà là anh hùng dân tộc, việc thờ phụng Hai Bà không phải chỉ riêng ở làng Đồng Nhân, ở nhiều nơi khác cũng có đền thờ.

Xã Hát Môn huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây (Hà Tây), nơi Hai Bà trầm mình, ngay bên bờ sông Hát Giang cũng có đền thờ tục gọi là miếu Hát.

VỊ TRÍ ĐỊA DƯ VÀ THẦN TÍCH THEO DÂN XÃ HÁT MÔN

Muốn tới miếu Hát, từ Hà Nội phải đi theo quốc lộ Hà Nội, Sơn Tây cho tới cây số 26 rẽ sang tay phải, đi vào con đê một quãng. Xã Hát Môn nằm ngay ven đê.

Xã này là một vị trí chiến lược quan trọng, xưa kia Hai Bà muốn dùng để quyết định thắng bại sau cùng với quân Mã Viện.

Hát Môn ở ngay cửa sông Đáy, một phụ lưu sông Hồng Hà, và ở quãng này mang tên là sông Hát. Nơi này vừa cách xa nơi đóng quân của Mã Viện ở Tây Hồ và cũng cách xa Mê Linh nay thuộc Phúc Yên nơi đóng đô của Hai Bà. Mê Linh, cách Hát Môn hơn 7 dặm, vào khoảng 30 cây số ngày nay, do Trung mầu là bà Man Thiện đóng quân giữ thành. Lúc

đó đạo tiền quân của Hai Bà đóng ở Lạng Sơn dưới quyền chỉ huy của bà Thánh Vẽ và bà Phùng Thị Chính, mắc mưu quân giặc đã bị thua ở Bắc Giang Hà Bắc. Hai Bà có một căn cứ thủy quân ở Tây Hồ, nhưng lúc này, sau trận thua quân ở Bắc Giang căn cứ này không còn là hậu cứ yểm trợ cho đạo tiền quân ở Lạng Sơn và đạo tiền quân ở Bạch Đằng nữa, đạo quân ở Bạch Đằng do bà Lê Chân điều khiển. Hai Bà rút quân về sông Hát, giao quyền chỉ huy đạo quân Tây Hồ cho bà Cao Nhự. Ở Hát Môn, Hai Bà chuẩn bị phòng tuyến thứ nhì chờ ngày chạm địch. Lúc đó là ngày mồng 4 tháng 9 âm lịch, năm 39 tây lịch. Tại đây Hai Bà cho giết trâu mổ bò khao quân để khích lệ 7 vạn tân binh do bà Man Thiện mới tuyển mộ. Kế hoạch được bố trí, ngày 24 tháng Chạp năm đó, đội quân của bà Cao Nhự đóng ở Tây Hồ, trá bại rút về Mê Linh. Quân Mã Viện đuổi theo nhưng tới cửa sông Hát chúng bị Hai Bà đổ quân ra đánh, và cùng lúc bà Cao Nhự cũng quay lại phản công.

Lưỡng đầu thụ địch, quân Mã Viện đại bại phải lui về Tây Hồ cố thủ để chờ Lưu Long mang thêm 50.000 quân từ sông Hồng Hà kéo lên mới lại dám tiến đánh vị trí đóng quân của Hai Bà.

Trong trận này, lúc đầu Hai Bà có thắng, nhưng sau vào ngày mồng 6 tháng Ba năm 43, quân Mã Viện kéo tới đông, Hai Bà chống không lại phải gieo mình xuống sông Hát để đền nợ nước. Trận này Mã Viện tuy thắng nhưng cũng bị hao binh tổn tướng.

Thắng quân Hai Bà, Mã Viện tự cho mình là anh hùng, hấn đã ăn cắp chiếc trống đồng Ngọc Lũ của nước Nam, tự đúc tượng mình, một tay cầm guơm, một tay nắm tóc Bà Trưng để tại Liễu Châu khoe công trạng mình. Hấn quên mất rằng, hấn suýt chết dưới lưỡi guơm của Hai Bà đã phải lui quân về Tây Hồ để chờ quân cứu viện.

Sự tích trên, cho tới trước năm 1945, người dân nào ở xã Hát Môn cũng nhớ, họ nhớ như câu chuyện mới xảy ra hôm qua. Họ còn nhắc lại cả chuyện bà hàng bán bánh trôi đã dâng bánh Hai Bà xoi trước cửa đình, khi Hai Bà xuất trận lần sau cùng. Và tại miếu Hát, có thêm cả đền thờ bà hàng bánh trôi, dưới gốc một cây đa cổ thụ.

Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, người dân Hát Môn không quên lịch sử oanh liệt của làng mình đã là nơi dụng binh của hai vị nữ anh hùng dân tộc, và họ truyền tụng nhau thi ca về sự tích Hai Bà:

Tay tiên phát ngọn cờ đào,
Sáu mươi thành quách thu vào một tay.
Cơ quân gặp bước không may,
Than ôi! Sông Hát, nước nay là mờ!
Mảnh gương tiết nghĩa chưa mờ,
Muôn thu giọt nước Tây Hồ vẫn trong!

Theo thần tích trên, Hai Bà đã thua quân tự trấn mình vào ngày mồng 6 tháng Ba, không phải ngày mồng 6 tháng Hai như sự tích ghi trong sử, chép theo thần tích xã Đồng Nhân.

NHỮNG NGÀY LỄ TẠI MIẾU HÁT

Dân xã Hát Môn không phải chỉ làm lễ kỷ niệm một ngày mồng 6 tháng Ba, ngày Hai Bà tuần quốc, nhưng họ đã làm lễ kỷ niệm một năm ba lần theo ba giai đoạn hành quân của Hai Bà.

NGÀY MỒNG 6 THÁNG BA

Ngày Hai Bà tuần quốc, ngày hôm nay dân làng làm bánh trôi để dâng lên Hai Bà, kỷ niệm ngày Hai Bà từ giã nhưng cũng là kỷ niệm ngày Hai Bà ra quân trận sau cùng, và nhắc lại lòng thành kính của người dân đối với Hai Bà ngay từ lúc sống: một bà hàng bán bánh trôi đã dâng bánh trôi lên Hai Bà!

Theo dân làng Hát Môn, sự tích bánh trôi của Việt Nam

khác hẳn sự tích bánh trôi của người Tàu làm để kỷ niệm Giới Tử Thôi trong ngày Hàn thực.

Bánh trôi Việt Nam dựa theo sự tích trăm trứng nở ra trăm con của bà Âu Cơ. Bởi dựa theo sự tích này nên dân xã Hát Môn nặn bánh trôi theo hình quả trứng. Để dâng Hai Bà bánh được nặn đúng 100 viên rất nhỏ và sau khi tế thần xong dân làng đem 49 viên đặt vào lòng một bông hoa sen thả ra sông Hát để trôi ra biển, người ta nhìn những viên bánh trôi trôi đi...⁽¹⁾

Trong khi cúng tế Hai Bà, dân xã Hát Môn không quên bà hàng nước. Họ cũng dâng bánh cúng bà. Đền bà dưới gốc cây đa ở ngay cửa đền Hai Bà.

TỤC ĂN BÁNH TRÔI Ở XÃ HÁT MÔN

Dân Việt Nam ta thường trong mấy ngày sóc vọng về tháng Ba âm lịch có tục cúng bánh trôi bánh chay, gọi là trôi nước. Cúng vào tháng Ba, nhưng thường bánh trôi xuất hiện ngay từ giữa tháng Hai.

Dân làng Hát Môn không bao giờ và không ai dùng bánh trôi trước ngày mồng 6 tháng Ba.

Ngày hôm đó, trong khi ở đền cúng Hai Bà, tại các tư gia người ta cũng làm bánh trôi để cúng tổ tiên, và chỉ sau những cuộc cúng lễ này, người ta mới ăn bánh trôi.

Món bánh này, đối với dân làng Hát là một thứ bánh Thánh, Thánh hưởng thụ rồi người dân mới ăn. Nếu chưa đến ngày mồng 6 tháng Ba, người dân Hát Môn dù có đi đâu, được bạn bè mời ăn bánh trôi cũng không bao giờ họ ăn. Đây là do lòng thành kính họ đối với Hai Bà, chưa đến ngày giỗ Hai Bà, Hai Bà chưa hưởng, họ chưa ăn. Và họ cũng muốn nhớ lại cử chỉ cao đẹp của Bà hàng bánh trôi, dù nghèo khổ cũng dâng bánh lên Hai Bà, trước khi Hai Bà xuất trận.

1. Danh từ bánh trôi có lẽ do đây mà có.

NGÀY MÔNG 4 THÁNG 9

Đây là ngày Hai Bà khao quân khi vừa rút quân ở Tây Hồ về. Trong ngày này dân làng kéo cờ Đại, giết trâu, dê, bò, lợn để tế Hai Bà.

Trong ngày hội này có lễ trình diện con trâu do các ông Quan viên chọn mua để tế Hai Bà. Con trâu này không phải chỉ béo tốt là đủ, tục lệ nơi đây cần đến tướng trâu. Con trâu mang trình diện phải có quý tướng, nghĩa là theo kinh nghiệm phải lưng cầu, đầu quạ, dạ bình vôi, mắt ốc nhồi. Chọn được con trâu trúng cách, dân làng sẽ làm ăn phát đạt. Con trâu mang trình diện được cho uống rượu, sau đó mới bị làm thịt cắt tiết thui vàng rồi khiêng vào trước sân đền để làm lễ tế.

NGÀY 24 THÁNG CHẠP

Đây là ngày hội quan trọng nhất trong năm của xã Hát Môn. Trong ngày hội này hàng ngàn trai gái trong làng được động viên để chia thành hai đạo binh tiền hậu.

Tám cô trinh nữ nhan sắc được lựa chọn để theo sau hậu kiệu Hai Bà.

Các thanh niên được cất đặt vào những địa vị cao thấp trong ngày hội tùy theo gia thế từng dòng họ. Thanh niên nào ba đời bạch đình sung các chân vác cờ, vác giáo, khiêng chiêng, khiêng trống, hoặc làm quân lính. Hạng thanh niên trí thức hay con nhà gia thế được mang guơm phù giá.

Cất đặt xong mọi người phải tập dượt hàng tuần trước.

Nửa đêm hôm 24 tháng Chạp, nghe tiếng trống làng thanh niên thanh nữ tập hợp thành từng đội rước thần tượng ra bờ sông làm lễ mộc dục sau đó lại rước thần tượng về đền.

Đêm hôm giá lạnh mùa đông, đám rước rầm rộ giữa tiếng đàn nhạc.

Người dân Hát Môn vui sướng vì đã lo tròn nhiệm vụ đối với hai vị nữ anh hùng trong ngày kỷ niệm và cùng nhau, đây là dịp người ta ôn lại lịch sử oai hùng của Hai Bà.

HỘI ĐỀN HẠ LÔI

Làng Hạ Lôi, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú) ngày nay, tức là Mê Linh xưa, dân làng cũng có đền thờ Hai Bà. Hàng năm làng này mở hội vào ngày 15 tháng Giêng, nhân dịp lễ Thượng Nguyên.

Không hiểu tại sao làng này lại làm lễ kỷ niệm Hai Bà vào ngày Thượng Nguyên, có lẽ dân làng cho ngày rằm tháng Giêng là ngày tốt đẹp nhất trong năm chăng?

Trong ngày hội có nhiều trò vui cổ truyền như đánh cờ, đánh đu, đảo đĩa v.v... nhưng quan trọng hơn cả là đám rước tập trận.

Để cử hành đám rước này dân làng phải kén 150 thanh niên và 150 thiếu nữ để đóng làm quân Hai Bà Trưng. Nam thì áo dài đen quần trắng thắt lưng đỏ bó que, nghĩa là thắt ra ngoài áo dài đen, buộc múi sang bên cạnh sườn, nữ thì áo dài màu nâu, sống màu đen, áo dài tứ thân, hai vạt thắt ra đằng sau⁽¹⁾.

Những thanh niên thiếu nữ này phải luyện tập trước. Hôm rước họ sẵn sàng để hiểu biết tuân theo hiệu lệnh của người chỉ huy, chịu trách nhiệm về toàn thể buổi rước.

Đám rước bắt đầu từ đình, đi vòng dưới chân đê sông Hồng Hà, nghỉ ở bờ sông, rước kiệu xuống sông lấy nước rồi lại quay về đình. Đám rước không đi vòng lên đê, vì bờ đê cao hơn mặt đình, quân sĩ leo lên bờ đê sẽ mất vẻ tôn kính đối với Hai Bà xưa nay vẫn được thờ ở đình.

Trong lúc đi rước đám quân nam, nữ hò reo và hát lên những bài hát, trong số đó có bài sau đây, theo ông Trịnh Đình Rur là một khúc hát có từ đời Hai Bà đặt ra để quân lính hát khi đồn trú trên núi.

1. Sống tức là váy, quần 1 ống, áo tứ thân là áo may bằng 4 mảnh vải, 2 mảnh đằng trước bằng nhau là 2 vạt áo.

Ta lên núi,
Ta lên núi,
Đuổi đàn hươu,
Đuổi đàn hươu,
Chị em năm ba mặt cũng râu râu.
Ta lên núi,
Ta lên núi
Đuổi đàn nai
Đuổi đàn nai,
Nỗi niềm tâm sự than thở cùng ai?
Đoái trông phương Đông: nước rộng mênh mông,
Đoái trông phương Tây: đá trắng gồ ghề,
Đoái trông phương Nam: mây che đầu ngàn,
Đoái trông phương Bắc: núi cao ngất.

Trong bài ca trên Hai Bà dụng ý cổ võ nhân dân và khuyến khích quân lính cùng lo việc đuổi quân Đông Hán.

Có lẽ còn có nhiều nơi ở Việt Nam lập đền thờ Hai Bà và hàng năm, đã có đền thờ ắt phải có cúng lễ kỷ niệm, nhưng biết tới đâu chúng tôi xin thưa tới đó và chúng tôi chờ mong sự chỉ dẫn của các bạn đọc để sau này, có dịp tái bản tập sách chúng tôi sẽ bổ khuyết thêm.

Để kết luận về các ngày hội kỷ niệm Hai Bà, chúng tôi xin mượn lời thơ sau đây của Hoàng Thái Xuyên, bài thơ nhan đề Trung Vương:

Tượng đá trời Nam giải tuyết sương,
Nghìn năm công đức nhớ Trung Vương.
Tham tàn trách bởi quân gây biến,
Oanh liệt khen cho gái dị thường,
Liều với non sông hai má phấn,
Giành nhau loài giống một da vàng,
Cột đồng Đông Hán tìm đâu thấy,
Chỉ thấy Tây Hồ ánh nước gương.

ĐỀN THỜ MÃ VIỆN

Nói đến công ơn Hai Bà Trưng, không bao giờ chúng ta quên nỗi hận thù đối với Mã Viện. Người Hán ghi công Mã Viện vì hắn đã đem quân đánh dẹp được Trưng Vương để tái lập nền đô hộ trên đất nước ta, họ ghi công ca tụng, nhưng người Việt chúng ta, chúng ta chỉ nhớ đến Mã Viện là một kẻ xâm lăng. Trong một bài thơ về Mã Viện, Hải Nam Đoàn Như Khê đã kết luận:

Mặc kẻ ghi công ta chép oán,
Công riêng ai đó, oán ta chung!

Chúng ta oán Mã Viện là oán con người Mã Viện trong tước Phục Ba tướng quân đã đem quân cướp nước chúng ta, nhưng không vì thế chúng ta chê Mã Viện. Dù sao Mã Viện cũng là một tôi trung của Hán Triều, chỉ biết mệnh vua, không quản khó nhọc, để từ miền Bắc sang chinh phục phương Nam.

Có lẽ vì thấy Mã Viện không những là một bầy tôi trung lại có đảm lược, nên dân ta đối phó với họ Mã đã có một sự quảng đại không một dân tộc nào có thể có được. Tổ tiên chúng ta đã bao dung cả sự thờ phụng Mã Viện ở ngay giữa Kinh đô của nước nhà trước đây là Hà Nội.

Thực vậy, trước đây ở phố Hàng Buồm Hà Nội có đền thờ Bạch Mã Thần. Đền này chính là đền thờ Mã Viện do người Trung Hoa lập nên. Cùng thờ với Mã Viện, ở nơi đây người Trung Hoa còn thờ cả Thành hoàng phường Hà Khâu, huyện Thọ Xương tức là Hà Nội ngày nay. Đây cũng chỉ là một mảnh khoe của họ để lôi kéo người Việt cùng vào lễ tại đền này, người Việt lễ Thành hoàng Hà Nội, còn họ lễ cả Thành hoàng lẫn Mã Viện. Mặc dầu vậy, người Việt cũng chỉ lác đác có đôi người tới lễ, còn người Trung Hoa quanh năm hương khói tới lễ đông lắm.

Đáng chú ý là tại đền có một bức hoành phi của Đốc Biện

quân vụ Quảng Tây Phùng Tử Tài cúng vào năm Đồng Trị thứ 8 tức là năm 1869 với bốn chữ DU LẬP TRỤ TÔN để nhắc tới Đồng Trụ của Mã Viện đã dựng nên ở biên giới của hai nước.

HỘI CÁC ĐỀN THỜ CÁC TUỞNG LÃNH CỦA HAI BÀ

Nói đến những ngày hội tại các xã có đền thờ Hai Bà Trưng, lẽ tất nhiên không thể bỏ qua được những hội làng tại các nơi có đền thờ các nam, nữ tướng lãnh đã cùng Hai Bà dấy quân khởi nghĩa đánh đuổi quân Hán, bọn người đã cai trị dân Nam một cách quá tàn nhẫn độc địa.

Danh tướng của Hai Bà nhiều, nam cũng như nữ, và dân Nam thờ các vị này ở rải rác nhiều nơi. Chúng tôi rất tiếc không biết hết để nhắc lại trong sách này dù tóm lược, chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm, hỏi các cụ già, nhưng ngồi ở miền Nam tìm hiểu về những điều ở miền Bắc, nhất là những điều đã thuộc về quá khứ, kết quả rất ít ỏi chẳng có bao nhiêu. Chúng tôi ghi chép lại đây những điều gì chúng tôi biết, và cũng như ở các điểm khác, chúng tôi chờ đợi sự chỉ dẫn của những vị biết nhiều hiểu rộng.

HỘI MAI ĐỘNG NƠI CÓ ĐỀN THỜ BÀ LÊ CHÂN

Làng Mai Động, tổng Mai Động, Đại Lý Hoàn Long, Hà Nội ở ngay Hà Nội, trên con đường ngã tư Trung Hiền đi Vĩnh Tuy là nơi có đền thờ bà Lê Chân, nữ danh tướng của Hai Bà Trưng đã cầm quân chống quân Mã Viện ở Bạch Đằng.

Hàng năm làng này mở hội trong ba ngày vào các ngày mồng bốn, năm và sáu tháng Giêng.

Trong ba ngày này, ngoài các cuộc tế lễ, có những trò vui

xuân cho dân làng giải trí, nhưng đặc biệt nhất ở nơi đây có cuộc thi vật.

THI VẬT. Thi vật ở ngay trước bãi đình làng. Các tay đô vật các nơi kéo nhau về dự giải vật ở đây đông lắm, và những trận vật hào hứng đã kéo được rất nhiều khách ở Hà Nội tới xem.

Trong những trận đấu vật, có các cụ, các quan viên đánh trống cái cầm trịch, lại có một anh tuần đình cầm trống khẩu đánh ngay sát bên tai các đô vật, nửa như thúc giục, nửa như khuyến khích.

Đánh vật còn được gọi là chọi vật.

Đánh vật lẽ đương nhiên phải dùng sức, nhưng muốn chế ngự bên địch, sức khỏe không đủ, cần phải biết thế vật gọi là miếng để lừa địch để ngáng hoặc đội địch lên.

Đánh vật, muốn thắng hoặc phải vật ngã ngựa, danh từ vật gọi là vật ngã trắng bụng, hoặc là đội bổng địch thủ lên.

Trong hội xuân, những cuộc đánh vật bao giờ cũng được hoan nghênh. Những làng mở hội thường treo giải vật, gồm ba giải chính, nhất nhì ba và nhiều giải hàng.

Giải hàng là những giải được vật trước khi có vật các giải chính. Trong giải hàng hai đô vật vào với nhau, ai thắng là được giải và làng tặng một món tiền hoặc một món quà nhỏ.

Ba giải chính có người giữ giải và thường chỉ vật vào ngày chính hội. Người giữ giải tức là người nhận lấy cái giải đó về phần mình, ai vật nổi người giữ giải sẽ được thế để giữ. Người giữ giải có thể được giải không cần vật, nếu trong thời gian ấn định bởi làng treo giải không có ai là người phá giải.

Thường thời gian giữ giải là ba ngày.

Tại một làng mở hội xuân với giải vật, đô vật các nơi kéo nhau tới xin vật. Trong lúc vật, họ cời trần và chỉ đóng một chiếc khố cho kín hạ bộ. Cởi trần để đôi bên không thể nắm áo nắm quần nhau gây lợi thế cho mình được.

Khố các đô vật đóng màu hồng điều, màu xanh hay màu vàng, thường phần nhiều bằng lụa, nhiều, lụa nhiều đây chính

là những vuông nhiều, vuông lựa họ đã được giải trong các giải vật.

Trước khi vào vật, hai đô vật lễ vọng vào trong đình.

Cuộc vật bắt đầu, các đô vật lên đài, nghĩa là đi đi lại lại múa tay khoa chân để rình miếng nhau. Lên đài một hồi họ mới xông vào ôm lấy nhau. Họ lừa, họ dùng những miếng ngang cho nhau ngã xuống, hoặc dùng đầu đội bóng nhau lên. Có những tay đô vật bị hở cơ, phải vội nằm sấp xuống, bò nhòai trên mặt đất. Địch thủ muốn thắng phải vật ngửa họ được lên. Vói miếng nằm bò, tay đô vật nằm lì mặc cho địch thủ bẫy mình, rồi bất thần trong lúc địch sơ hở, họ lại nhóm đứng dậy để tiếp tục cuộc vật.

Các cuộc vật các giải chính bao giờ cũng rất hào hứng. Khi vật các giải chính có lệ:

Giải nhất trong sáu ngoài năm,

Giải nhì trong năm ngoài bốn,

Giải ba trong bốn ngoài ba.

Theo lệ này thì ở giải nhất người giữ giải phải thắng luôn sáu keo, vật ngã sáu đô vật khác nhau mới được giải còn người phá giải chỉ cần thắng năm keo, nghĩa là vật ngã người giữ giải và bốn người khác nữa là được giải; giải nhì, người giữ giải phải thắng luôn năm keo còn người phá giải chỉ cần thắng luôn bốn keo, ở giải ba, người giữ giải phải thắng luôn bốn keo, người phá giải thắng luôn ba keo.

Thường thường giải ba được vật trước, rồi đến giải nhì và sau cùng là giải nhất. Mỗi một giải vật xong, người thắng giải thường được làng đốt mừng một bánh pháo.

Vật các giải chính gay go lắm, các đô vật lừa nhau từng miếng, người xem ở ngoài cũng thấy thú vị và nhiều khi hồi hộp như chính mình là một đô vật đang dự cuộc vật vậy.

TẠI SAO LÀNG MAI ĐỘNG CÓ CUỘC THI VẬT. Như trên đã nói, làng Mai Động thờ bà Lê Chân, nữ danh tướng của Hai Bà Trưng. Bà là tướng tiên phong, chống giữ với quân Mã

Viện ở Bạch Đằng, sau rút lui về hồ Lãng Bạc (Hà Tây). Ở đây bà đã chống cự rất anh dũng với quân Hán, nhưng quân ít, bà đã không địch nổi giặc do chính Mã Viện điều khiển, với sự phụ tá của hai phó tướng là Phù Lạc Hầu Lưu Long và Đốc Lâu Thuyền Tướng Quân Đoàn Chí. Bà Lê Chân phải lùi về Mai Động và bị chết tại đây.

Dân làng Mai Động lập đền thờ bà. Về sau bà được phong làm Thượng Đẳng Phúc Thần công chúa.

Làng Mai Động ngày nay mở hội có thi vật là để ghi nhớ những cuộc thi binh tuyển tướng của hai bà ngày xưa mà môn vật đã là một môn quan trọng trong các môn võ nghệ.

*

* *

Chính ra vật là một môn võ rất được dân ta ưa chuộng nhất là giới bình dân.

Trong thời bình đây là một môn giải trí, nhưng trong thời loạn, đây là một môn võ thực dụng để tự bảo vệ mình và để giúp nước. Hầu hết các thanh niên đồng quê đều có tập qua một vài miếng vật. Có nhiều làng có những tay đô vật có tiếng như làng Chung Mầu, làng Yên Xá tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc), làng Vị Thanh, làng Lầm, làng Dịch Đồng, làng Hội Hạ tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú), làng Mộ Trạch tỉnh Hưng Yên, làng Mai Động (Đại Lý Hoàn Long cũ) Hà Nội v.v...

Bà Lê Chân, ngoài đền thờ ở xã Mai Động còn có nhiều nơi khác có đền thờ bà, như ở làng An Biện, huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) và Ngõ Nghè, Hải Phòng.

HỘI LÀNG TÂN LA

Làng Tân La tỉnh Thái Bình, hàng năm mở hội vào ngày 16 tháng Giêng. Làng này thờ Bát Nàng công chúa, một nữ tướng của Hai Bà.

Chồng Bát Nàng công chúa là một lạc tướng bị quân Tàu giết chết. Trước nợ nước thù chồng, Bát Nàng công chúa đã dẫn quân theo Hai Bà khi Hai Bà khởi nghĩa. Bà được sung vào đạo quân tiên phong cùng với bà Lê Chân.

Khi Hai Bà chết, Bà cũng chết theo.

Không rõ tên thật của Bà là gì, thần tích làng Tân La chỉ ghi là Bát Nàng công chúa.

Hội làng Tân La chỉ có rước xách tế lễ để dân làng mua vui trong dịp đầu xuân. Trước kia, cũng có năm dân làng tổ chức những cuộc đánh Trung bình tiên.

HỘI LÀNG THUỢNG LẠP

Làng Thượng Lạp, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú) có đền thờ Cao Nguyên, một nam tướng của Hai Bà. Hàng năm làng mở hội vào dịp đầu xuân trong khoảng thượng tuần tháng Giêng.

THẦN TÍCH. Cao Nguyên là một danh tướng của Hai Bà, đóng quân ở Mê Linh cùng với Trưng Mầu là bà Man Thiện. Khi quân Hai Bà bị quân Mã Viện đánh ở Hát Môn, quân của Trưng Mầu cùng các tướng trong đó có Cao Nguyên kéo quân tới cứu viện, nhưng vì quân Hán quá đông, quân Hai Bà đánh không lại, Hai Bà phải tự vận, thì quân Hán cũng đánh dồn đạo quân của Trưng Mầu lui về Mê Linh. Ở đây, đạo quân này cố sức chống cự, nhưng ít khó chống nhiều nên sau cùng cũng bị tiêu diệt, và các tướng nam nữ hoặc bị chết trận hoặc nhảy xuống sông tự tận.

Riêng tướng Cao Nguyên, sau khi tử tiết, xác trôi về hạt Vĩnh Tường ở Phong Châu và được dân làng Thượng Lạp vớt lên lập đền thờ. Hàng năm, mỗi độ Xuân về, tại đền Ngải dân làng có mở hội tế lễ trước là để tỏ lòng biết ơn đối với một vị anh hùng đã vì nước bỏ mình, sau là để nhân dịp hội hè dân làng mua vui.

NHỮNG CUỘC VUI TRONG NGÀY HỘI. Hội làng Thượng Lạp ngoài các cuộc tế lễ rước sách theo nghi lễ, còn các trò vui xuân như đánh vật, đánh phết và các môn cờ bạc như đáo đĩa, quay đất v.v...

ĐÁNH PHẾT. Trong các trò vui ngày hội, đáng kể và vui một cách ồn ào nhất là đánh phết. Thú vui này chúng tôi đã trình bày cặn kẽ trong PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG.

Đây là một môn du hí lưu truyền từ đời Hai Bà, rất vui nên ta đã có câu vui ra Phết.



HỘI ĐỀN VUA ĐÌNH TIỀN HOÀNG



Làng Trường Yên, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình là nơi có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và hàng năm dân làng mở hội từ 15 đến 20 tháng Hai âm lịch.

Nơi đây xưa chính là Hoa Lư, đế đô nhà Đinh, phong cảnh thật nên thơ, núi non hùng vĩ, với động phủ đẹp tuyệt vời.

Nhắc đến Trường Yên và ngày hội nơi đây, ca dao ta có câu:

Ai là con cháu rồng tiên?

Tháng Hai mở hội Trường Yên thì về.

Về thăm đất cũ Đinh, Lê,

Non xanh nước biếc bốn bề như xưa.

Muốn tới Trường Yên, du khách hoặc đi theo một con đường hàng tỉnh dễ đi, cách thị xã Ninh Bình không xa, hai bên đường rất nhiều thắng cảnh, non xanh nước biếc, suối róc rách bên khe, hoặc theo dòng sông Đáy đến bên Gián Khẩu, rẽ vào sông Hoàng Long độ 6 cây số thì tới.

Thực ra cho tới nay, trải qua hơn mười thế kỷ của lịch sử, di tích của hai triều đại Đinh và Tiền Lê đã bị thời gian xóa nhòa gần hết, chỉ còn lại hai ngôi đền thờ vua Đinh và vua

Lê ở giữa một vùng núi non trùng điệp. Với địa thế, Trường Yên quả là một nơi cố thủ vững vàng trong thời loạn lạc. Với sự phân chia đất nước làm mười hai mảnh của Thập nhị sứ quân, Vạn Thắng Vương chọn nơi đây đóng đô, thật ngài đã lo xa tính rộng vậy.

Đền vua Đinh không rộng lắm. Ở ngoài sân có một cái sập đá trên mặt chạm rồng, hai bên có hai con nghê bằng đá, theo người địa phương, những vật này đã lấy ở nước Chiêm Thành về.

Đền không cao mấy, cột trong đền sơn son thiếp vàng,

Trong hậu cung có tượng nhà vua. Tượng nhà vua ở giữa, bên phải có tượng ông chú, bên trái là tượng hai Hoàng tử. Từ đời vua Gia Long về trước theo lời các cụ truyền lại, xưa có cả tượng Đỗ Thích, kẻ đã ám sát nhà vua. Tượng này hàng năm đến ngày hội bị mang ra cửa đền chịu sự đánh đập. Tục lệ không mấy đẹp này đã được bãi bỏ bởi vua Gia Long và tượng Đỗ Thích cũng đã được đem đốt đi.

Trước đền vua Đinh có ngọn Mã An Sơn, cao độ 200 thước, trên có lăng vua Đinh, đường lên lăng khúc khuỷu và dốc chênh vênh rất khó đi.

Ngoài đền thờ nhà vua còn có đền thờ Thục Tiết công chúa con gái nhà vua.

LỊCH SỬ THẦN TÍCH

Lịch sử vua Đinh Tiên Hoàng có lẽ người Việt Nam ai cũng phải biết với các cuộc cờ lau tập trận, với sự bình định Thập nhị sứ quân. Tất cả các tập sách lịch sử Việt Nam đều có nhắc tới, nhiều văn thơ đã được sáng tác để ca tụng nhà vua cũng như đế đô Hoa Lư của người. Ở đây chúng tôi chỉ xin nhắc sơ qua lại.

Năm 945, Dương Tam Kha chiếm ngôi nhà Ngô, trong

nước bắt đầu có loạn; thổ hào các nơi nổi lên, mỗi người chiếm cứ một phương tự xưng là sứ quân. Tất cả có 12 sứ quân, con vua Ngô Quyền cũng chỉ còn uy quyền của một sứ quân, đóng ở Bình Kiều.

Lúc bấy giờ có ông Đinh Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư con ông Đinh Công Trứ, đã dẹp được hết 12 sứ quân và thống nhất giang sơn về một mối.

Đinh Bộ Lĩnh mồ côi cha từ thuở nhỏ, ở với mẹ nơi quê nhà, đi chăn trâu cho chú. Ngay từ nhỏ, ông đã tỏ ra gan dạ anh hùng, thường bắt trẻ chăn trâu khoanh tay làm kiệu cho ngồi để chúng rước, cùng chúng lấy bông lau làm cờ, tập trận đánh nhau. Ông can đảm, lũ trẻ đứa nào cũng sợ, tôn ông đứng đầu. Khi cùng chúng bạn cờ lau tập trận, ông thường cho hát bài ca sau đây:

Cây cỏ ấy, nước non này,
Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.
Rừng hoang, cỏ rậm để chi,
Phen này ta quyết dọn đi cho rồi.
Này này chúng bạn ta ơi!

Qua bài ca trên, nhà vua đã biểu lộ ngay từ lúc thiếu thời ý chí muốn quét sạch lũ giặc Bắc xâm lăng cũng như muốn bình định hết các sứ quân gây rối nước nhà.

Nhà vua đã thể hiện được ý chí của mình. Trong, đã thống nhất nước nhà; ngoài, đã đương đầu được cùng giặc Bắc.

Lớn lên, nhà vua theo sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu. Minh Công rất tin cậy giao cho giữ binh quyền. Khi Minh Công mất nhà vua đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương. Về sau, nhà vua bình định xong hết các sứ quân.

Năm 968, Ngài lên ngôi Hoàng Đế, tức là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt đóng đô ở Hoa Lư.

Về sau nhà vua bị Đỗ Thích ám sát. Cái chết của nhà vua

đã làm cho muôn dân nhớ tiếc. Hàng năm, tới rằm tháng Hai tại đền nhà vua, dân làng mở hội có quốc tế và chủ tế bao giờ cũng do vị đại diện của triều đình đảm trách.

CÁC TỤC LỆ NGÀY HỘI

Ngoài các cuộc tế lễ rước xách thông thường, trong thời gian ngày hội, dân làng có tổ chức nhiều trò vui: Thi thơ, hát chèo, rước đuốc, chơi gà, kéo chữ, bơi thuyền trên sông Hoàng Giang, múa Muông, uống rượu cần. Lại có tế nữ quan tại đền thờ Thục Tiết công chúa, con gái Vạn Thắng Vương. Và sau hết là diễn tích Cờ lau tập trận.

CỜ LAU TẬP TRẬN

Ngoài các trò vui trên, cuộc vui chính của ngày hội được dân làng đặc biệt chú trọng và khách xem hội chờ đợi là cuộc diễn lại sự tích Cờ lau tập trận. Cuộc diễn này do các trẻ em trong làng và hàng tổng thực hiện dưới sự chỉ dẫn của ban tổ chức ngày hội. Các trẻ em chia làm hai phe, một bên đóng vua Đinh Tiên Hoàng và chúng bạn, một bên đóng trẻ chăn trâu các làng lân cận.

Trong cuộc diễn lại tích Cờ lau tập trận này, khách thấy hội sẽ thấy cậu bé Đinh Bộ Lĩnh hăng hái xông pha chiến đấu cùng chúng bạn đuổi lũ mục đồng đối phương. Chiến cuộc thắng lợi, cậu Đinh Bộ Lĩnh được chúng bạn làm kiệu công kênh giữa những cờ quạt sắc sỡ màu lá cây hoặc tết bằng rơm rạ. Các bạn che tàn, che lọng cho cậu, rước cậu đi giữa rừng cờ lau.

Cuộc diễn tích Cờ lau tập trận năm nào cũng kết thúc ngày hội giữa sự nô nức của mọi người, giữa tinh thần phấn khởi của dân làng biểu lộ lòng tôn sùng đối với các vị anh hùng của Quốc gia dân tộc.

THI THƠ

Việt Nam vốn chuộng văn học. Ninh Bình lại là nơi phong cảnh thanh tú, nhất là Hoa Lư, phong cảnh càng hùng vĩ nên thơ. Hàng năm nhân ngày hội, để giữ gìn nếp xưa, để khuyến khích dân chúng trên đường văn học, dân làng mở hội thi thơ, không những riêng cho dân sở tại mà cho tất cả những ai văn hay chữ tốt, muốn được giải và muốn lấy tiếng tăm với mọi người. Đề thơ tùy ban tổ chức lựa chọn. Giải thưởng thường chỉ mấy vuông nhiều điều, gói chè, mười quả cau, những người được giải hãnh diện vì thơ hơn vì giải. Hàng năm có ba giải thưởng trong cuộc thi này, và ban giám khảo gồm các tay văn học nổi tiếng trong vùng, có khi ban tổ chức mời cả những bậc đại khoa có danh tới chấm giải. Ngày xưa, thường vị tuần phủ chủ tỉnh làm chủ tịch hội đồng chấm thơ.

Những bài được giải, ban tổ chức cho bình lên để mọi người cùng thưởng thức.

HÁT CHÈO

Cũng như bất cứ ở hội Xuân nào, khi xã Trường Yên bắt đầu mở hội là có các ban chèo tới xin trình diễn. Hát chèo để thờ thần và cũng để dân làng mua vui buổi tối.

RƯỚC ĐUỐC

Tổ chức vào buổi tối hôm trước ngày rã đám, do các trẻ em đảm trách, những em này sẽ tham dự diễn tích Cờ lau tập trận ngày hôm sau. Đám rước được đi từ đình làng qua đền Thục Tiết công chúa.

CHƠI GÀ

Các tay chơi gà chơi các nơi mang gà tới dự giải. Có ba giải.

KÉO CHỮ

Do dân đình phụ trách. Những dân đình này được dân làng

chọn trước và phải có luyện tập dưới hiệu lệnh của một vị chức sắc. Những chữ được kéo thường là mấy chữ Thiên hạ thái bình, Phong đăng hòa cốc, tùy từng năm.

Về tục này xin xem trong PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG có những chi tiết.

BOI THUYỀN

Sông Hoàng Giang chảy qua xã Trường Yên. Đây là nơi xưa vua Đinh Tiên Hoàng thường cùng chúng bạn bơi lội, và khi nhà vua bị ông chú đuổi, nhà vua đã nhảy xuống sông này.

Trong ngày hội, có cuộc thi thuyền của dân làng rất vui và rất được các khách trẩy hội thưởng thức.

MÚA XÒE

Xòe do các cô Mường ở phủ Nho Quan tới múa. Họ Đinh là một họ trong dân Mường, và Hoa Lư cũng là một phần đất của xứ Mường. Vua Đinh Tiên Hoàng rất được dân Mường tôn sùng, và họ hãnh diện với sự tích nhà vua xuất phát từ đất Mường.

Các cô múa xòe được họ lựa chọn đưa tới. Những điệu múa rất nhịp nhàng được các cô biểu diễn trước bàn thờ.

Sau cuộc múa này là tiệc uống rượu cần của ban tổ chức và chức sắc trong làng.

*

* *

Trên đây là sơ lược về các tục lệ tại hội Trường Yên.

Những tục lệ này không những làm vui cho ngày hội, còn nói lên phần nào cái tinh thần ganh đua cố hữu của dân ta, ganh đua để tiến và để giữ vững thuần phong mỹ tục.

MỘT CÂU CHUYỆN TỤC TRUYỀN VỀ VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Ở trên về phần thần tích chúng tôi mới nhắc tới vua Đình Tiên Hoàng qua lịch sử. Bên những dòng sử nghiêm trang, truyện vua Đình Tiên Hoàng thường được dân chúng kể lại qua một câu chuyện tục truyền, tuy đầy vẻ hoang đường, nhưng cũng đầy thi vị. Câu chuyện tục truyền như sau theo các ông Đỗ Đình Nghiêm, Ngô Vi Liễn và Phạm Văn Thư trong ĐỊA DƯ CÁC TỈNH BẮC KỲ:

“Tiên Hoàng họ Đình, tên là Bộ Lĩnh, người ở động Hoa Lư, phủ Đại Hoàng (bây giờ là phủ Yên Khánh)⁽¹⁾, là con ông Đình Công Trứ.

“Tục truyền rằng: vợ ông Trứ một hôm tắm ở dưới suối bị một con rái cá hiếp về có mang. Sau người ta bắt con rái cá ăn thịt, vứt xương đi, bà ấy nhặt lấy, đem về cất đi.

“Khi ông Trứ mất, bà ấy mới sinh ra Đình Tiên Hoàng.

“Tiên Hoàng lớn lên, thông minh, nhanh nhẹn lại có tài bơi lội. Nhà nghèo phải nương nhờ ở với chú. Bây giờ có một thầy địa lý Tàu sang nước ta xem đất, đến phủ Đại Hoàng trông xuống dòng sông, thấy nước sâu thăm thẳm mà xoáy mạnh lắm, đồ là đấy có huyết đế vương. Người địa lý ấy mới gọi trẻ, thuê tiền bảo lặn xuống chỗ ấy xem thế nào. Tiên Hoàng nhận lời lặn xuống, thì sờ thấy con ngựa bằng đá, lúc lên bờ bảo với người khách ấy. Người ấy đưa cho nắm cỏ xuống nhử thì con ngựa đớp ngay lấy.

“Lúc lên nói chuyện lại thì người khách lấy tiền thưởng cho rồi đi. Tiên Hoàng vốn thông minh, biết ngay chỗ ấy hẳn là đại huyết, về nói với mẹ, xem mả cha ở đâu, để đem táng vào huyết ấy. Bà mẹ trở lên gác bếp rồi lấy nắm xương

1. Ngày nay là huyện Gia Khánh, Hà Nam Ninh.

đưa cho con. Tiên Hoàng lại lặn xuống chỗ vực sâu ấy, cũng lấy cỏ bọc nắm xương nhử vào mồm ngựa thì con ngựa cũng đớp mà nuốt đi.

“Từ đấy Ngài sinh ra bạo tợn, các trẻ chăn trâu bò đều sợ, để Ngài làm tướng, bẻ hoa lau làm cờ, chặt tre làm khí giới đi đánh nhau với trẻ các làng khác. Đi đến đâu, trẻ cũng sợ hãi kính phục. Một bữa nọ Ngài hội hết trẻ các làng ở ngoài đồng rồi nhân có con bò của chú cho đi chăn, mổ ngay ra làm cổ để khao chúng. Chú ở nhà nghe tin tức giận lắm, vác gậy ra đuổi đánh.

Ngài sợ hãi chạy mãi, sau phải nhảy choàng xuống sông. Bỗng dung có con rồng vàng ở dưới sông đội ngài lên. Người chú thấy vậy kinh hoàng, vội vàng bỏ gậy mà lạy phục xuống đất.

“Từ bấy giờ, danh tiếng Ngài lừng lẫy, các hào kiệt trong nước để lòng trông mong về Ngài. Nhân bấy giờ về cuối đời Nam Tấn, nước ta có 12 ông sứ quân nổi lên, mỗi người chiếm giữ một phương.

“Tiên Hoàng nhân dịp ấy, theo về ở với Trần Minh Công. Trần Minh Công thấy Ngài là dòng dõi tướng võ và có tài cán, mới dùng cho cai quản binh lính. Dần dần Ngài đem quân đi dẹp được các sứ quân rồi tự xưng là Vạn Thắng Vương, lên ngôi Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lư, sửa sang thành quách, cung điện, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt.

“Ngài ở ngôi được mười một năm thì bị Đỗ Thích giết mất, đến đời con là Vệ Vương thì cơ nghiệp lại về tay triều khác”.

HỘI ĐỀN HÙNG



Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương năm Giáp Dần, 1914, ông Phạm Huy Hồ có cung soạn đôi câu đối thờ dâng trong *Đồng Dương tạp chí*:

Non nước cao sâu, tưởng bóng Long Tiên còn thoảng đó.

Khói hương ngào ngạt, động lòng sơn hải biết yêu nhau.

Với đôi câu đối này, tác giả có ý nhắc nhở đồng bào Nam quốc Nam nhân nên biết thương yêu nhau, nhất là giữa lúc nước non bị ngoại bang thống trị, như bóng Tổ xưa còn thoảng đó để con cháu phải động lòng.

Hàng năm, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương vẫn tới với ngày mùng 10 tháng Quý Xuân (tháng Ba). Phàm đã là người dân Việt, ai mà quên được giỗ tổ. Nhớ tới Tổ không phải để nhớ tới những điều hoang đường thời tiền sử nhưng để kiêu hãnh rằng dân tộc Việt Nam ta có Tổ, có tổ nghĩa là có một lịch sử từ mấy nghìn năm nay, hơn hẳn nhiều quốc gia, tuy văn minh nhưng dân tộc lại không gốc rễ, chỉ vền vện văn minh với vài trăm năm lập quốc.

Từ xưa ngày giỗ Tổ vẫn được coi là ngày Quốc lễ, và hàng năm tại đền thờ vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, rừng Hy Cương thôn Cổ Tích, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh

Phú) vẫn có Quốc lễ và triều đình qua các triều đại vẫn cử đại diện tới để làm chủ tế.

NGÀY HỘI

Ngày có Quốc tế tại đền thờ vua Hùng là ngày Hội đền Hùng, hàng năm dân xã Hy Cương vẫn theo cổ lệ tổ chức ngay từ đầu tháng, tuy chính lễ vào đúng mùng 10.

Trong ngày hội, dân chúng Việt Nam từ bốn phương kéo tới lễ Tổ để tỏ lòng thành kính biết ơn các đức Hùng Vương đã dày công gây dựng nên nước Văn Lang, tức là nước Việt Nam ngày nay.

Là người Việt Nam, ai cũng nên biết hội Đền Hùng, ai cũng phải nhớ đến ngày giỗ Tổ. Từ hơn bốn nghìn năm nay, dân tộc Việt Nam trải bao hưng vong biến chuyển, sở dĩ vẫn vững bền tồn tại, chính là vì người Việt Nam uống nước biết nhớ nguồn, trăm vạn người như một, hàng năm ai cũng nhớ ngày giỗ Tổ. Người Việt Nam có thể quên hết mọi ngày, nhưng ngày giỗ tổ, người không quên gốc không ai quên. Dù ở xa xôi, người ta vẫn hướng về non Nghĩa Lĩnh để nhớ tới các vị Tổ chung.

VỊ TRÍ ĐỀN HÙNG

Đền Hùng xây trên núi Nghĩa Lĩnh, rừng Hy Cương, thôn Cổ Tích, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú).

Ngọn Nghĩa Lĩnh là một ngọn núi cao của vùng trung du miền Bắc, bắt nguồn từ núi Thảm chia làm nhiều chi, mỗi chi có nhiều đồi nhỏ. Chi giữa ăn tới làng Hy Cương, thôn Cổ Tích thì nổi bật lên một ngọn núi cao.

Đứng trên đỉnh Nghĩa Lĩnh, nhìn về phía Đông là dãy núi Tam Đảo thuộc hai tỉnh Vĩnh Yên và Thái Nguyên (Bắc Thái), mập mờ trong mây, như xa như gần, như thực như hư. Về

phía Nam là núi Cánh Phượng, trông như con phượng luôn luôn xòe đôi cánh. Đây chính là núi Ba Vì, còn gọi là núi Tản Viên, thuộc tỉnh Sơn Tây (Hà Tây). Bao giờ trên đỉnh cũng có mây che trông thật là huyền ảo. Giữa hai cảnh núi hùng vĩ đó, là hai dòng sông Lô và sông Thao nước cuộn cuộn chảy, gặp nhau ở Bạch Hạc, cố đô Phong Châu đối diện với thành phố Việt Trì trông rất ngoạn mục.

LỘ TRÌNH ĐI ĐỀN HÙNG

Muốn thấy hội Đền Hùng, con cháu tổ có thể dùng đường thủy hay đường bộ.

Đường bộ dùng đường xe lửa Hà Nội đi Văn Nam Phủ, hay đi xe hơi theo quốc lộ số 2, từ Hà Nội tới ga Kiên Cường. Từ đây rẽ sang tay phải, đi bộ vào thôn Cổ Tích theo đường hàng xã tới chân núi Nghĩa Lĩnh.

Đi đường thủy phải ngược dòng sông Hồng Hà tới Việt Trì. Từ Việt Trì, lại theo đường bộ tới xã Kiên Cường để lại rẽ vào con đường hàng xã nói trên, đi cho tới chân núi như những người đi đường bộ.

Hai lộ trình trên dùng cho những người từ Hà Nội đi lên, còn những người ở men ngược, lẽ tất nhiên phải đi xuôi trở xuống cho tới ga Kiên Cường. Đường bộ, theo quốc lộ số 2, còn đường thủy, xuôi dòng sông Lô hoặc sông Thao tùy địa phương.

QUANG CẢNH LỘ TRÌNH TRONG NGÀY HỘI

Như trên đã nói, ngày chánh hội là ngày mồng 10 tháng Ba, nhưng dân làng Hy Cương hàng năm vẫn mở hội từ mấy ngày trước. Trong những ngày hội, con cháu đức Tổ từ bốn phương tám hướng kéo nhau về thăm mộ Tổ và dự lễ rất đông. Những con đường Phú Thọ tới Kiên Cường, Hà Nội

đi Việt Trì luôn luôn tấp nập những người. Những chuyến xe chở khách, trong Nam gọi là xe đò, đông nghẹt hành khách đều ngừng ở ga Kiên Cường để trút khách xuống, có những chuyến đông đến nỗi có khách phải ngồi trên mui và có khách bám đằng sau xe. Và trên những chuyến xe lửa, toa nào toa nấy khách trẩy hội chen chúc nhau suốt từ Hà Nội qua các ga Yên Viên, Đông Anh, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Bạch Hạc, Việt Trì cho đến ga Kiên Cường. Ở mỗi ga, khách trẩy hội lại kéo nhau lên thêm càng nhiều, toa tàu càng đông hơn, người đã lúc nhúc lại càng như lên chặt. Đông thì đông, chen thì chen, lòng người ta vẫn hân hoan hướng về Hùng Sơn Nghĩa Lĩnh, cần được tới nơi chiêm bái mộ tổ là hài lòng.

Khách trẩy hội có người già, có người trẻ, có nữ tú, có nam thanh. Người ta chen nhau để lấy một chỗ đứng, người ta vịn vào nhau và nhiều người đứng cả ở bậc toa tàu. Con tàu từ từ đi, khách trẩy hội ồn ào trò chuyện.

Khi con tàu ngừng ở ga Kiên Cường, đoàn người đổ xuống như thác, người nọ trước người kia sau. Các ông già bà lão thường dắt díu theo các cô gái quê còn e lệ, thẹn thùng giữa đám khách thập phương, các cô mới đi lễ Tổ lần đầu. Các bà đứng tuổi, gợn gàng vai vác đầy vàng hương đồ lễ, nhanh nhẹn bước bên các cụ già thủng thỉnh.

Sở Hỏa xa trong những ngày hội, ngoài các chuyến xe lửa thường lệ, có đặt thêm nhiều chuyến xe phụ để đủ chở hành khách trẩy hội. Những chuyến xe này đậu ngay tại địa phận xã Hy Cương, nơi đó con đường đi thẳng vào thôn Cổ Tích tới đền Hùng.

Con đường qua thôn Cổ Tích này đi trên bờ ruộng giữa cánh đồng. Chư khách thập phương nhộn nhịp kẻ ra người vào, người này gặp người khác, người nọ trước người kia. Có người vừa đi vừa lâm râm cầu khẩn muốn xin Tổ phù hộ độ trì cho. Họ đi tới đền với một lòng thành kính.

Có người nói chuyện ồn ào, tiếng vọng vang lên đồng ruộng, lách vào giữa đám rừng sâu, sát ngay khu cánh đồng.

Cái cảnh tịch mịch quanh năm tại xã Hy Cương, vị trí ở một nơi nửa núi rừng, nửa đồng ruộng của trung du, mất hẳn để nhường chỗ cho một vẻ tấp nập khác thường. Người người vui chân đi, người người vui miệng nói hoặc thành tâm tụng niệm.

ĐỀN HÙNG LÀ ĐÂY

Theo con đường hàng xã qua thôn Cổ Tích, khách thấy hội chằng mấy chốc đã tới chân núi Nghĩa Lĩnh, còn có tên gọi là núi Đền, chính tại núi này có đền thờ vua Hùng.

Ngay ở dưới chân núi có đền thờ hai bà công chúa con vua Hùng Huệ Vương là Tiên Dung và Ngọc Dung công chúa.

Đền này còn được gọi là đền Giếng, ở trước đền thờ có mạch nước chảy thành giếng trong và mát. Đền Giếng còn có tên là đền Hạ, bởi ở ngay dưới chân núi.

Vào lễ đền Giếng xong, khách lên đền Trung và đền Thượng.

Từ đền Hạ lên đền Thượng phải leo 296 bậc đá.

Đền Trung ở lưng chừng núi, giữa khoảng hai đền Thượng và Hạ. Ở cạnh đền Trung có ngôi chùa của xã Hy Cương, và ở ngay trước đền có nhà Bia với một bia chính lớn và rất nhiều tấm bia phụ.

Tám bia chính, nét chữ khắc còn rõ, nhắc lại lịch sử của các đức Hùng Vương, còn các tấm bia phụ ghi về công việc xây đền cùng danh sách những vị đã giúp công giúp của vào công việc trùng tu đền.

Đền Thượng ở trên đỉnh núi, thờ mười tám đức Hùng Vương. Trước đền có bức hoành phi mang bốn chữ VIỆT NAM TRIỀU TỔ. Đền này trước đã đổ nát mới được trùng tu vào năm 1914. Nhân dịp trùng tu đền này, cuộc lễ Tổ đã được tổ chức rất trọng thể.

Ở chính giữa bàn thờ đền Thượng có bài vị 18 đức Hùng Vương với 14 chữ sau đây:

*ĐỘT NGỘT CAO SƠN CỔ VIỆT HÙNG THỊ THẬP BÁT THÁNH
VƯƠNG VỊ*

Lại có rất nhiều câu đối chữ Hán có, chữ Nôm có trong số đó có đôi câu đối Nôm của cụ Nguyễn Kỳ Nam được nhiều người chú ý:

*Đồ vương tranh bá, thôi nói chi lịch đối số trời, hỏi trước
sau truyền bốn nghìn năm, nước biếc non xanh, bờ cõi ai
xây bờ cõi ấy;*

*Vấn tổ tìm tông, nay vẫn còn lừng xưa miếu cũ, kể nhiều
ít hai mươi năm triệu, con đàn cháu đống, cõi cảnh đâu
chẳng cõi cảnh đây.*

Cùng với đôi câu đối trên, đôi câu đối sau đây, cũng treo ở đền Thượng, rất được nhiều người ghi nhớ:

Vật đối sao dời, phúc tổ vẫn lưu nền Cổ Tích,

Nước nguồn cây cội, đạo người nên nhớ mộ Hùng Vương.

Kể ra câu đối ở cả ba đền rất nhiều, nhưng rất tiếc trong lúc này, chúng tôi không còn đủ tài liệu để trình bày cùng bạn đọc.

MỘ VUA HÙNG

Ngay gần đền Thượng có một ngôi mộ tương truyền là mộ vua Hùng Vương, nhưng không biết là mộ vua thứ mấy.

Lối vào mộ có khắc năm chữ Sắc kiến Hùng Vương lăng, nghĩa là sắc xây mộ vua Hùng, do Hoàng đế Tự Đức kính đề.

Hỏi thăm về ngôi mộ, dân làng nói họ cũng chỉ được các cụ dạy đây là mộ vua Hùng Vương, không rõ là vua thứ mấy.

Có người nói có lẽ đây chỉ có hình thức lăng, còn bên dưới không biết có cốt hay không.

Các bậc thức giả thì bảo rằng, ngôi mộ đây chỉ cốt để tượng trưng cho mộ Tổ, con cháu tới lễ đền Hùng, thấy mộ càng nhớ tới Tổ xưa.

HAI CHIẾC RỌ LỚN

Vào mấy năm cuối cùng hội tiền chiến, khách đi trẩy hội, hẳn phải để ý ngay ở dưới đền Hạ, lối vào đền, hai bên cho treo hai chiếc rọ lợn rất lớn.

Hội sẽ được dân làng trả lời:

Ngày giỗ Tổ là ngày trang nghiêm, vậy mà có các người ở nơi xa xôi tới, (có ý ám chỉ các thanh niên thành thị), lấy đây làm nơi chõng ghẹo các thôn nữ, các cô van lon cũng không tha, có những cử chỉ suồng sã. Những người đó cần phải bị trừng phạt. Hai chiếc rọ này dùng để trừng phạt những ai giở trò trăng hoa, ghẹo cợt thôn nữ tại đây. Ghẹo gái ở nơi thờ tự này bị dân làng bắt được sẽ bị nhốt vào trong rọ trong hai giờ để khách thập phương đi qua cùng thấy.

Biện pháp này thật hiệu nghiệm. Từ khi có người bị nhốt vào rọ, trò ghẹo gái không còn chàng thanh niên nào dám thò ra ở giữa đền nữa.

NHỮNG TỤC LỆ CỔ TRUYỀN

Hội đền Hùng mở từ ngày đầu tháng cho đến hết ngày mồng 10 mới rã đám.

Trong ngày hội có rước xách tế lễ và trong các buổi tế lễ có buổi quốc tế vào sáng ngày mồng 10 do vị Đại diện triều đình, thường là vị Tỉnh hiến Phú Thọ, làm chủ tế. Trong buổi tế này có đông đủ các quan chức địa phương tới dự.

Ngoài ra còn có rất nhiều các trò vui cổ truyền. Cụ Vân Toàn Dương Tự Như, một bậc khoa bảng trước đây, trong bài thơ tả quang cảnh ngày hội đền Hùng, đã có đoạn nhắc đến các cuộc vui cổ truyền đó:

...

*Ai ơi tới hội mà trông,
Nơi tung điều sáo, nơi trông đu tiên;
Nào cò, nào trống, nào đèn,
Nào xe, nào ngựa, như len chặt đường.
Leo dây, múa rối đủ phường,
Đánh cò treo giải lạ thường vui thay.*

...

Qua đoạn thơ trên, ta thấy trong ngày hội có leo dây, múa rối, thi điều sáo, treo đèn, đu tiên và đánh cò. Cụ Vân Toàn quên không nói tới đánh cò, một trò chơi rất thú vị của phụ nữ Phong Châu mà chính chúng tôi đã được dự kiến khi đi lễ Tổ vào năm Tân Ty (1941).

LEO DÂY

Đây là một trò chơi giống như ngày nay các đoàn xiếc thường biểu diễn. Một chiếc dây được căng trên hai chiếc cột, rồi có người đi lên trên, vừa đi vừa múa. Thường người này trong tay cầm một chiếc gậy để giữ thăng bằng trong lúc biểu diễn. Cũng có khi một chiếc dây được cột trên một chiếc xà cao buông thông xuống để người biểu diễn leo lên làm trò.

MÚA RỐI

Xin xem trong bài nói về Hội Chùa Thầy ở Chương Hai.

ĐÁNH CỜ

Đã trình bày trong Nếp cũ: THÚ VUI TAO NHÃ.

THI ĐIỀU SÁO

Ngoài Bắc, chơi điều là một thú rất say mê của người lớn. Đây không phải là những chiếc điều nhỏ có đuôi như điều trẻ em, mà là những chiếc điều thật lớn bề ngang có khi tới sáu thước tay và có mang một hoặc nhiều chiếc sáo. Khung điều làm bằng cật tre, giấy phất vào điều bằng cật.

Điều thả bằng dây tre vót nhỏ hoặc bằng dây mây. Mấy hồi về sau có dây thép, nhiều tay chơi điều dùng dây thép nhỏ.

Sáo điều có ba loại chính phân theo tiếng kêu:

Sáo CÔNG, tiếng kêu vang vang như tiếng công thu quân của một vị tướng quân. Những tiếng du du, dòn dòn dỗng dạc.

Sáo ĐẤU, tiếng kêu rên rĩ, dài dài như lời than của một nàng cung phi thời xưa bị sống trong cảnh lạnh lẽo cô phòng.

Sáo CÒI, tiếng kêu the thé dài như tiếng còi.

Thi điều sáo, ban giám khảo có thể chấm theo tiếng sáo, nhưng trước tiên bao giờ cũng phải xem điều có lên bổng, dây điều căng hay võng, nhất là lúc ở trên không điều có lắc lư đảo ngang đảo dọc không.

TREO ĐÈN

Trong ngày hội từ đền Hạ lên đến đền Thượng chùa và các lăng miếu đều có chăng đèn. Buổi tối đèn thấp lên rất vui mắt.

ĐU TIÊN

Đu tiên không giống như cây đu thường tám cọc mọi người vẫn hằng thấy. Người lên đu tiên không phải rướn, và cũng không đứng trên bàn đu, trái lại ngồi trên ghế đu. Đu tiên có nhiều người cùng đu một lúc.

Đu tiên gồm hai chiếc cột cao có trục bắc ngang. Chiếc trục này ăn ra hai chiếc vành như một chiếc bánh xe lớn. Mắc vào hai chiếc vành này là những chiếc ghế buông thõng xuống để các nàng tiên ngồi. Những ghế này cũng có trục bắc vào vành đu, khi đu quay, ghế không quay theo, vẫn giữ nguyên một chiều. Các nàng tiên ngồi trên đu vừa đu vừa hát những bài ca cổ truyền theo nhịp đu quay.

Những nàng tiên là các cô thôn nữ do dân làng cất cử sẵn. Lên đu, các cô ăn mặc diêm dúa như những nàng tiên.

Các cô ngồi trên ghế đu, một loạt, có người quay chiếc vành đu để các cô lên cao lại xuống thấp trông rất ngoạn mục.

ĐÁNH CÒN

Đánh còn là một môn giải trí lưu truyền từ đời Hùng Vương, nghĩa là từ khi có các Quan Lang và các cô My Nương. Còn là một trò chơi quý phái của quý tộc thời xưa, là một thú chơi riêng của nữ nhi, hay đúng hơn, là một thú chơi riêng của các tiểu thư con các Lạc hầu, Lạc tướng.

Lưu truyền tới thế kỷ XX, môn du hí này vẫn giữ nguyên nếp chơi của thời trước và rất được thịnh hành tại các vùng sơn cước miền Bắc.

Trong các hội, mồng 9 tháng Giêng ở Đồng Mỏ thuộc châu Ôn tỉnh Lạng Sơn, mồng 10 tháng 3 tại đền Hùng và nhiều nơi khác tại các tỉnh Thượng du miền Bắc, các cô sơn nữ dắt nhau tới hội là tìm hát lượn và đánh còn.

CÒN là một trái cầu to bằng quả cam lớn khâu bằng vải, trong ruột là bông, cỏ mềm hay vải vụn. Còn bọc bằng vải màu và tua ngũ sắc sỡ rất đẹp.

Đánh còn thường được tổ chức ở một khoảng đất rộng gọi là sân còn. Giữa khoảng đất này có trồng một cột tre cao bằng cả cây tre. Trên ngọn cột tre ngoài những lá cờ đuôi nheo ngũ sắc phấp phới, biểu hiệu của đình đám ngày xuân, có một vòng tròn đường kính ước độ già hai tấc gọi là vòng còn. Các thiếu nữ chơi Còn đứng về hai phía sân Còn, đối diện nhau để lần lượt thi ném quả Còn cho lọt qua vòng Còn, hai mặt vòng Còn hướng về phía các cô ở hai bên. Khán giả đứng xem vây chung quanh sân Còn.

Muốn ném Còn, các thiếu nữ cầm rua Còn đưa tay văng vụt lên. Trái Còn lướt qua ngọn cột tre, những dây rua cũng lướt xòe ra trông rất ngoạn mục. Thường thường trái Còn chỉ lướt qua cạnh vòng Còn, ít khi trúng vào giữa vòng. Mỗi lần trái Còn trúng giữa vòng Còn, khán giả thường hò reo khen ngợi khuyến khích.

Tưởng cũng cần nói thêm, vòng Cờn có dán giấy, thường là giấy đỏ. Cờn ném trúng vòng xuyên thủng tờ giấy, rồi rút xuống phía đối diện. Các cô bên này lại nhặt Cờn ném trở lại.

Các thiếu nữ say mê ném Cờn, ganh đua nhau mong ném quả Cờn qua giữa vòng Cờn. Ném trúng đích, các cô hãnh diện không những với các bạn chơi Cờn, đem thắng lợi về cho bên mình, mà còn hãnh diện với cả khách đứng xem, nhất là với những chàng trai đã cùng các cô hát lượn, trong những ngày hội có hát lượn. Các chàng trai gọi tên các cô để ngợi khen, mắt các cô sáng lên, má các cô ửng hồng, miệng các cô cười và các cô cố gắng hơn.

Trái Cờn vắng đi, trái Cờn vắng lại, những tầm con mắt ngược theo đà Cờn, và những trái tim hồi hộp khi trái Cờn lướt tới chiếc vòng Cờn.

Cuộc chơi ném Cờn thường kéo dài suốt mấy ngày hội, và các cô hàng ngày trong thời gian ấy chỉ ngưng cuộc vui khi bóng đêm đã xuống, không cho phép các cô ném được tinh tường nữa.

Đánh Cờn cũng vui ra phết.

*

* *

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG

Thần tích tại đền Hùng chính là lịch sử nước Văn Lang, với họ Hồng Bàng gồm mười tám đời Hùng Vương. Nhắc tới đoạn lịch sử đầu tiên này, chúng tôi nghĩ không gì bằng chép lại ra đây những trang đầu tập *Đại Nam Quốc sử diễn ca* của các ông Phạm Đình Toái và Lê Ngô Cát:

*Kể từ trời mở viêm bang,
Sơ đầu có họ Hàng Bàng mới ra;
Cháu đời Viêm đế thứ ba.*

Nổi dòng hỏa đức, gọi là Đế Minh.
Quang phong khi giá Nam hành,
Hay đâu Mai Lĩnh, duyên sinh Lam Kiều.
Vu tiên vừa thuở đào yêu,
Xe loan nổi gót, tơ điều kết duyên.
Dòng Thần sánh với người Tiên,
Tinh anh nhóm lại, thánh hiền nổi ra.
Phong làm quân trưởng nước ta,
Tên là Lộc Tục, hiệu là Kinh Dương.
Hóa Cơ dựng mối luân thường,
Động đình sớm kết với nàng Thần Long.
Bến hoa ứng vẻ lưu hồng,
Sinh con là hiệu Lạc Long trị vì?
Lạc Long lại sánh Âu Kỳ,
Trăm trai diễm ứng hùng bi lạ đường,
Noãn bào dù truyện hoang đường,
Vi xem huyền diệu sinh thương khác gì?
Đến điều tan hợp cùng kỳ,
Há vì thủy hỏa sinh ly như lời.
Chia con cũng sự lạ đời,
Quy sơn, quy hải khác người biệt ly.
Lạc Long về chốn Nam Thùy,
Âu Cơ sang nẻo Ba Vì Tản Viên.
Chủ trương chọn một con hiền,
Sửa sang việc nước nổi lên ngôi rồng.
Hùng Vương đô ở Châu Phong,
Ấy nơi Bạch Hạc, hợp dòng Thao Giang.
Đặt tên là nước Văn Lang,
Chia mười lăm bộ, bản chương cũng liền.

SINH VIÊN VỚI NGÀY GIỖ TỔ

Trong mọi việc gây tinh thần cao đẹp cho dân tộc, bao giờ anh em sinh viên cũng giữ một vai trò quan trọng. Viết tới ngày hội đền Hùng chúng tôi không quên một việc làm của sinh viên cách đây mấy chục năm:

Năm 1941, giữa lúc dân tộc Việt Nam đang bị đè nén dưới hai gọng kìm đế quốc Pháp và quân phiệt Nhật, nhân ngày giỗ tổ để nhắc nhở đồng bào khỏi quên nguồn gốc, anh chị em sinh viên ở Hà Nội đã tổ chức một cuộc đi thăm lăng miếu Tổ rất nhộn nhịp. Trong dịp đi thăm mộ Tổ này, một sinh viên sinh quán miền Nam (anh Lưu Hữu Phước) đã soạn bài hát *Đi hội đền Hùng*. Và bài hát này đã được Tổng hội Sinh viên cho in và phát không ngay tại đền Hùng cho những ai đi lễ Tổ. Bài hát đã làm rung động con tim bao người.

I

Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm
Nơi cố hương của giống Tiên Rồng;
Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm
Những vết xưa của núi sông,
In dấu chân biết bao anh hùng,
Cùng với nhau Bắc, Nam, Trung.
Chúng ta về thăm mộ Tổ ta,
Cho vẻ vang với nước non nhà.

II

Biết bao đời Tiên vương nổi lên,
Để chống ai đắp lũy xây thành,
Biết bao đời Tiên vương nổi lên
Giữ núi sông trong thanh danh,
Xây nước non với tôi trung thành.
Cùng khắc tên trên sử xanh,

Hiến thân mình để lo quốc gia,
Cho vẻ vang với nước non nhà.

III

Chúng ta cùng vui ca hát lên,
Ta hát lên trước cảnh huy hoàng,
Chúng ta cùng vui ca hát lên,
Lễ Tổ tiên, người Văn Lang,
Ta hát lên khúc ca nhịp nhàng,
Cùng với nhau lên mấy tiếng vang
Chúng ta cùng nhau lên tiếng ca
Cho vẻ vang thêm nước non nhà.

BÁO CHÍ VỚI NGÀY GIỖ TỔ

Tổ là Tổ chung của mọi tầng lớp dân tộc Việt Nam, đối với giới lao động chân tay cũng như giới lao động trí thức. Thời thường giới cầm bút, các nhà thơ, nhà văn, nhà báo, bao giờ cũng là giới đi tiên phong cùng với anh chị em sinh viên trong những công tác đề cao tinh thần dân tộc, và lòng yêu nước, mở con đường cho các giới khác theo sau.

Các nhà làm báo ở Hà Nội trong năm 1953 đã làm một việc vô cùng đẹp đẽ và đầy ý nghĩa: làng báo xứ Bắc năm đó đã quyết định lấy ngày đại đoàn kết của tất cả các ký giả khắp trong nước, ngày thiêng liêng để lớp người cầm bút hướng về Tổ Hùng Vương.

Ban tổ chức của làng báo đã trình bày bài diễn văn đọc nhân ngày giỗ Tổ năm Quý Ty (1953), lý do việc làm của mình:

Chúng tôi đã chọn ngày đó là đã cố tâm muốn được anh hồn tổ tiên của nòi giống Lạc Hồng áp ủ lên công việc của báo chí nâng đỡ phù hộ cho báo chí ngày một phát triển và trở nên dụng cụ tranh đấu thiết thực nhất của dân chúng trong Quốc gia và của Quốc gia trong thế giới.

Chúng tôi chọn ngày đó là muốn chiêm ngưỡng tiền nhân mà nhớ đến tiền nhân là nhớ rằng bốn phận mình là ở bên cạnh dân chúng, và vun đắp vào công việc chung làm cho quốc gia Việt Nam xứng đáng với những trang sử oanh liệt của tiền nhân.

Trong năm Quý Ty (1953) cũng như năm sau Giáp Ngọ, báo chí đã nghỉ ngày giỗ Tổ và cho xuất bản một số ĐẶC BIỆT HỢP NHẤT BÁO CHÍ.

Trong số báo đặc biệt này, ngoài phần tin tức có các bài khác viết rất nhiều về ngày giỗ Tổ.

Trong số đặc biệt năm Giáp Ngọ, thi sĩ Xuân Tiên có một bài thơ rất cảm động về ngày giỗ Tổ, sau đây là đoạn kết:

Đứng trước ngọn lửa thiêng rừng rực
Đỉnh trầm hương sức nức khói hương
Chúng ta con cháu Hùng Vương,
Cao tay thề quyết noi gương Tổ truyền.
Nguyên gìn giữ cho bền danh dự,
Cố ganh đua rộng mở tinh thần.
Nước non ngày một canh tân.
Tiên rồng nòi giống góp phần văn minh.
Cờ độc lập tung hoành trước gió,
Đài vinh quang đồ sộ ngất cao
Năm Châu thiên hạ trông vào
Việt Nam lên tiếng tự hào từ đây...

HỘI ĐỀN LÝ BÁT ĐẾ



Đền Lý Bát Đế là nơi thờ tám vị vua nhà Lý, hiện nay ở làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc). Làng Đình Bảng trước kia là làng Cổ Pháp, nơi Lý Công Uẩn khởi phát.

Làng Đình Bảng, ngoài đền thờ tám vị vua nhà Lý lại có đền thờ Lý Chiêu Hoàng và có cả lăng Lý Bát Đế nữa.

Làng Đình Bảng ở ngay ven quốc lộ số 1, quãng đường từ Hà Nội tới Bắc Ninh, cách Hà Nội 18 cây số và cách thị xã Bắc Ninh 23 cây số.

Du khách, nếu có dịp đi trên quãng đường này của quốc lộ số 1, đi khỏi ga Yên Viên tới chùa Dận, và cách chùa Dận trên một cây số, sẽ thấy ở mé tay phải một làng rất trù phú với nhà gạch, mái ngói phong quang, có chợ lớn, có trường học rộng rãi. Đó là làng Đình Bảng.

Hàng năm, làng Đình Bảng kéo hội vào trung tuần tháng Ba để kỷ niệm các vị vua nhà Lý. Hội không nhất định mở vào ngày nào, thay đổi tùy từng năm, nhưng bao giờ cũng vẫn mở trong trung tuần tháng Ba.

Hàng năm, sắp tới kỳ hội, dân làng họp bàn để ấn định ngày mở hội, chiếu theo ngày xấu tốt trong âm lịch.

Trong ngày hội, có tế lễ, có rước xách. Hội mở tại đình, nhưng ở quanh đình dân chúng và khách xem hội tụ họp để cùng mua vui với những trò giải trí đầu Xuân: cờ bỏi, đáo đĩa, múa rối, leo dây, đánh đu và đôi khi có cả hát đúm, lại có những đám cờ bạc chơi xuân: thò lò, xúc xắc, bài lá... Cũng có năm có tổ tôm điểm hoặc tam cúc điểm do ban tổ chức mở ra với giải thưởng của dân làng... Buổi tối có hát chèo thờ, và cho dân chúng xem.

Tại đền thờ Lý Bát Đế có tám kiệu của tám vua:

Lý Thái Tổ,
Lý Thái Tôn,
Lý Thánh Tôn,
Lý Nhân Tôn,
Lý Thần Tôn,
Lý Anh Tôn,
Lý Cao Tôn,
Lý Huệ Tôn,

Tám kiệu của tám vua bằng nhau và đồng kiệu.

Tại đền thờ của Lý Chiêu Hoàng cũng có kiệu của Lý Chiêu Hoàng, nhỏ hơn tám kiệu trên và làm theo kiểu kiệu đàn bà.

Trong ngày có lễ rước kiệu của tám vua. Kiệu của Lý Chiêu Hoàng không được rước, phải khiêng ra đặt ở trước đền thờ để bà nghênh đón kiệu của tám vua. Đó là một sự trừng phạt đối với Lý Chiêu Hoàng, vì Lý Chiêu Hoàng không những làm mất ngôi nhà Lý lại còn là đầu mối cho nhà Trần giết con cháu nhà Lý.

Cuộc rước tám kiệu rất vui. Dân làng, những con trai từ 18 tuổi trở lên được cất cử khiêng kiệu. Đây là một điều vinh dự. Được cử khiêng kiệu các trai làng phải sắm sửa quần áo rất tốn kém. Ngoài việc khiêng kiệu cũng chính trai làng được đề cử vác cờ, vác tàn, vác tán cùng những đồ thờ trong đám rước. Tám kiệu đi theo thứ tự của tám vua.

Đi đầu đám rước là cờ quạt ngũ sắc, kế đến phường bát âm rồi đến tám kiệu.

Đám rước đông vui lắm. Dân làng Đình Bảng, dân các xã chung quanh, có khi xa hơn nữa, có người từ Bắc Ninh, Thị Cầu, Đáp Cầu tới, có người từ Hà Nội về, đều nô nức đi xem đám rước lịch sử hàng năm này. Các cô gái làng hôm đó, cũng như các cô gái làng bên trang điểm thật là đằm dáng. Các cô mong má hồng được lọt vào mắt xanh của những chàng trai đi rước và đi xem rước.

Hội làng Đình Bảng mở liên tiếp trong ba ngày. Suốt trong thời gian này cửa đền thờ tám vua cũng như cửa đền thờ Lý Chiêu Hoàng rộng mở để khách thập phương tới lễ.

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VÀ THẦN TÍCH

Nhà Lý là một triều đại oanh liệt của Việt Nam, đã đánh Chiêm Thành, bình Tống, sự nghiệp thật hết sức hiển hách. Thủy tổ nhà Lý là vua Lý Thái Tổ, tên tục là Lý Công Uẩn vốn người làng Cổ Pháp.

Tục truyền rằng ông Lý Công Uẩn không có cha, mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiêu Sơn, nằm mộng ân ái với thần nhân, rồi thụ thai sinh ra Lý Công Uẩn. Khi Công Uẩn lên ba tuổi, bà đem cho sư ông trên chùa Cổ Pháp là Lý Khánh Vân làm con nuôi, bởi vậy mới lấy họ Lý. Công Uẩn lớn lên vào Hoa Lư làm quan với nhà Tiền Lê đến chức Tả Thị vệ Điện tiền Chỉ huy sứ. Khi vua Lê là Lê Long Đĩnh mất, triều đình thấy nhân dân oán giận nhà Lê, tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long và truyền ngôi được tám đời, cho tới đời Lý Chiêu Hoàng mới chuyển sang nhà Trần.

Nguyên vua thứ tám của nhà Lý là Lý Huệ Tông bị bệnh lại không có con trai nên sau khi trị vì được 14 năm thì truyền

ngôi cho con gái thứ hai là Phật Kim, tức là Chiêu Thánh công chúa. Công chúa lên ngôi lấy hiệu là Lý Chiêu Hoàng.

Chiêu Hoàng làm vua nhưng quyền chính ở cả trong tay Trần Thủ Độ. Muốn chiếm ngôi nhà Lý, Thủ Độ tìm cách cho cháu mình là Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng.

Năm Ất Dậu (1225), Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng và nhà Lý cũng mất từ đó.

Nhà Lý làm vua được tất cả 216 năm đã có công làm cho nước Nam trở nên cường thịnh.

Hội làng Đình Bảng hàng năm nhắc nhở cho dân ta công ơn nhà Lý với đất nước và một thời oanh liệt của dân tộc.



HỘI GIÓNG VÀ TỤC DIỄN LẠI SỰ TÍCH PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG PHÁ GIẶC ÂN



Ca dao có câu:

Mồng bảy hội Khám,
Mồng tám hội Dâu,
Mồng chín đầu đầu
Thì về hội Gióng.

Lại cũng có câu:

Mồng chín tháng Tư
Không đi Hội Gióng cũng hư một đời!

Hai câu ca dao trên chứng tỏ sự vui vẻ nhộn nhịp của Hội Gióng, có cả đền thờ Đức Phù Đổng Thiên Vương tục gọi là đức Thánh Gióng, người đã giúp vua Hùng Vương thứ VI phá tan quân của Thạch Linh, tướng giặc Ân đã xâm chiếm nước Văn Lang.

Hàng năm vào ngày mồng 8 tháng Tư, tại đình làng Gióng, tên chữ là làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc) có mở hội kỷ niệm ngài rất linh đình và trang trọng. Bốn xã thuộc tổng Phù Đổng: Phù Vực, Đồng Viên, Đồng Xuyên và Phù Đổng chung nhau tổ chức lễ kỷ niệm này với sự tham dự của xã Hội Xá thuộc phủ Gia Lâm ở bên kia sông Thiên Đức.

Hội đền Phù Đổng Thiên Vương tục gọi là hội Gióng rất vui với cuộc rước lịch sử, diễn lại trận đánh giặc Ân của đức Thánh Gióng nên được dân chúng miền Bắc bao giờ cũng nô nức kéo nhau đi xem đông như nước chảy. Không được đi xem hội Gióng một lần trong đời người, kể như đã “hư một đời”.

CHÚT ÍT SỰ TÍCH

Trước khi đi thăm hội Gióng ta hãy thử tìm hiểu đức Thánh Gióng là ai? Và công trạng ngài thế nào mà được nhân dân sùng bái, kính cẩn kỷ niệm như vậy.

Đây sự tích của ngài qua Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim:

“Đời vua Hùng Vương thứ VI, có đám giặc gọi là giặc Ân hùng mạnh lắm không ai đánh nổi. Vua mới sai sứ đi rao trong nước để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng bộ Vũ Ninh, nay là huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh⁽¹⁾, có đứa trẻ xin đi đánh giặc giúp vua. Sứ giả về tâu vua lấy làm lạ, cho đòi vào chầu. Đứa trẻ ấy xin đúc cho một con ngựa và cái roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, tự nhiên người cao lớn lên một trượng, rồi nhảy lên ngựa cầm roi đi đánh giặc.

“Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc Sơn thì biến mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, về sau phong làm Phù Đổng Thiên Vương”.

1. Làng Phù Đổng sau tách khỏi huyện Võ Giàng, thuộc huyện Tiên Du (Bắc Ninh) Hà Bắc.

VÀ ĐÂY THẦN TÍCH

Sự tích trên so với thần tích ghi tại đền làng Phù Đổng có đôi chỗ khác nhau. Trong thần tích có ghi thêm nhiều chi tiết rõ ràng hơn. Xin chép lại dưới đây qua bản tóm tắt bằng chữ Pháp của Ông NGUYỄN VĂN HUYỀN trong tập “LES FÊTES DE PHÙ ĐỔNG”, xuất bản năm 1938 tại Hà Nội bởi hội Nghiên cứu Địa Dư Hà Nội với thêm những chi tiết truyền khẩu tại tổng Phù Đổng.

“Dưới đời vua Hùng Vương thứ VI, nước Văn Lang thực là thái hòa, thịnh trị. Nhà vua bỏ tục cống lễ nhà Ân bên Tàu. Thấy vậy, Ân chúa kiếm cớ tuần du phương Nam để có ý xâm chiếm nước Nam.

Vua Hùng Vương lo ngại, họp triều đình bàn kế giữ nước. Một vị đại thần quỳ tâu: “Xin nhà vua cầu khẩn Long thần, thần sẽ chỉ bảo nhà vua.” Vua nghe lời tâu, lập đàn tràng cúng lễ ba ngày liền.

Chợt giông bão nổi lên với mưa gió sấm sét. Tại ngã tư kinh thành hiện ra một ông già mình cao chín thước, đầu râu tóc bạc, nháy nhót múa hát. Nhà vua triệu ông già tới đàn tràng dâng rượu thịt, ông già từ chối.

Hỏi tới quốc sự, ông già đáp:

“Ba năm nữa, giặc sẽ từ phương Bắc lại. Muốn diệt giặc nhà vua phải tìm người tài trong nước và hứa ban thưởng trọng hậu. Sẽ có thần nhân xuất hiện dẹp giặc.”

Nói xong, ông già biến mất.

Ba năm sau, giặc Ân do Thạch Lĩnh, thái tử nước Ân đem quân xâm chiếm nước Văn Lang. Đại tướng nước Văn Lang là Lý Công Dật xuất quân cự địch, nhưng trước thế giặc mạnh, quân Văn Lang bị thua và Lý tướng quân tự sát chết.

Nhà vua chợt nhớ tới lời Long thần, sai sứ đi khắp trong nước để tìm người tài giỏi ra giúp nước.

Bấy giờ tại làng Phù Đổng có một lão trượng tuổi đã 60, cách đây ba năm, bà vợ có sinh ra một đứa con trai trong trường hợp rất kỳ lạ.

Nguyên sau một đêm mưa gió, bà lão ra vườn hái rau, để ý thấy một vết chân to lớn đã dẫm dẫm rau của bà. Vô tình bà đứng đè lên vết chân đó để hái những cây rau đã bị giày xéo về ăn. Từ đó, bà thụ thai, rồi sinh một con trai. Đứa con trai này, cho đến năm lên ba tuổi thì vẫn nằm ngửa, không biết nói không biết ngồi.

Khi nghe sứ giả nhà vua đi rao qua, bà mẹ nhìn con nói đùa: “Nhà vua đang cần tướng tài đánh giặc mà con nay mới lên ba, chưa biết cười biết nói, bao giờ con khôn lớn mà giúp nước phò vua?”.

Bà mẹ vừa dứt lời, đứa bé bỗng bật ra lời nói, bảo mẹ mời sứ giả nhà vua tới.

Thấy con tự nhiên biết nói lại đòi mời sứ giả nhà vua, bà mẹ lấy làm ngạc nhiên, nhưng cũng ra thuật rõ chuyện cho sứ giả hay.

Sứ giả theo bà ta vào. Đứa bé bảo sứ giả về tâu vua đánh cho một con ngựa sắt và một chiếc roi sắt.

Sứ giả về tâu vua rõ mọi sự. Nhà vua mừng lắm cho đó là ứng lời Long thần dạy trước, liền sai đánh ngựa sắt, roi sắt cho đứa bé.

Trong khi sứ giả về tâu vua thì ở làng Phù Đổng, đứa bé lớn phổng lên, ăn uống tốn kém rất nhiều com thịt.

Sứ giả mang ngựa và roi tới. Đứa bé bảo mẹ thổi cho một nồi ba mươi com, vươn vai đứng lên, ăn hết nồi com, cầm roi nhảy lên ngựa sắt, nhắm thẳng phía giặc đóng phi ngựa tới. Lúc đó, giặc đang đóng ở núi Châu Sơn huyện Tiên Du.

Trước khi lên ngựa cậu bé nói: “Ta là Thiết Lũng thiên thần, giáng trần đi dẹp giặc.”

Thiết Lũng thiên thần ra roi, ngựa sắt hét ra lửa, tới núi

Châu Sơn phá tan quân giặc, giết được cả tướng giặc là Thạch Lĩnh và ba đại tướng khác.

Nội trong một ngày giặc tan. Còn lại 24 tướng giặc phải xin hàng.

Trong lúc ra quân, ngựa sắt luôn luôn hét ra lửa để đốt giặc. Hiện nay di tích những ngọn lửa vẫn còn ở làng Cháy tức là làng Phù Chẩn, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh (Hà Bắc). Nơi đây ngựa thần đã đốt giặc, những cây bén lửa cũng cháy sém. Giống tre này nay mọc ở mấy tỉnh Bắc Ninh, Phúc Yên với những đốt trắng đen như vết cháy; đó là loại tre “đăng ngà” rất đẹp và bền được dân quê kén dùng chế tạo các vật dụng trong nhà. Giết giặc nhiều, chiếc roi sắt gãy, ngài phải nhổ tre dùng thay.

Giặc tan, ngài trở về làng Xuân Tảo, tỉnh Hà Đông, nơi Hồ Tây lợi xuống tắm; sau đó ngài lại lên ngựa đi về tới núi Sóc Sơn tỉnh Phúc Yên, (Vĩnh Phú) thì biến mất.

Nhớ ơn ngài, vua Hùng Vương sai lập đền thờ tại làng Phù Đổng tức là làng Gióng và sắc phong cho ngài là Phù Đổng Thiên Vương. Dân chúng gọi ngài là Đức Thánh Gióng.

“Hàng năm để nhớ ơn ngài, dân chúng hàng tổng mở hội diễn lại sự tích ngài đánh giết giặc Ân...”

LỘ TRÌNH ĐẾN ĐỀN PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Làng Phù Đổng ở tả ngạn sông Đuống, còn gọi là sông Thiên Đức, cách thị xã Bắc Ninh 23 cây số về phía Đông Nam và cách Hà Nội 18 cây số về phía Đông Bắc.

Từ Hà Nội, muốn tới làng Phù Đổng, phải qua cầu Long Biên bắc ngang sông Hồng Hà, rồi theo quốc lộ số 1 đi về hướng Bắc Ninh, thẳng tới sông Thiên Đức.

Du khách phải qua cầu sông Thiên Đức, đi rẽ về phía tay phải, dọc theo bờ đê, một quãng già bảy cây số thì tới làng

Phù Đồng. Nơi đây tại bờ đê vào mé bên trong, có một điểm canh dưới một gốc cây đa to lớn. Đó là điểm canh của làng Phù Đồng dùng để canh đê về vụ nước, và ngoài việc canh đê vụ nước, quanh năm, đêm đêm có tuần tráng canh gác giữ gìn an ninh cho dân làng.

Đứng trên bờ đê có thể trông thấy đền Thượng làng Phù Đồng, một ngôi đền rất đồ sộ, kiến trúc lối xưa. Đây là nơi thờ đức Phù Đồng Thiên Vương. Làng Phù Đồng còn một ngôi đền Hạ là nơi thờ đức Thánh Mẫu, thân sinh ra Thiên Vương.

Theo thần tích, ngôi đền thờ Thiên Vương xây từ đời Hùng Vương. Thực sự, ngôi đền này xây từ đời vua Lý Thái Tổ, nếu không cũng được tu sửa cho rộng lớn từ đó.

Nguyên trước khi làm vua, vua Lý Thái Tổ sống ở chùa Kiền Sơ về phía tây đền Phù Đồng. Những ngày tuần tiết ngài thường hay tới đền lễ và cầu xin với Thiên Vương về tương lai. Ngài đã được báo mộng cho biết là ngài sẽ làm vua và truyền được tám đời. Giấc mộng về sau ứng nghiệm. Vua Lý Thái Tổ đã cho sửa sang, xây to rộng ngôi đền hơn trước.

Ngay trước cửa đền có một hồ sen hình chữ nhật. Ở giữa hồ có ngôi nhà thủy tạ, xây trên một chiếc cồn, kiến trúc cũng theo lối rất xưa.

Cách ngôi đền này độ 700 thước là đền Hạ. Trong những ngày hội có rước từ đền Thượng tới đền Hạ.

SỬA SOẠN NGÀY HỘI

Hội đền Phù Đồng Thiên Vương là một hội rất lớn do bốn xã thuộc tổng Phù Đồng cùng tổ chức với sự tham gia của làng hội Xá, nên việc sửa soạn ngày hội cũng rất cẩn trọng, nhất là sửa soạn cho cuộc diễn lại thần tích: đức Thánh Gióng phá giặc Ân.

Như trên đã nói, tổng Phù Đồng bao gồm bốn xã Phù Đồng, Phù Dực, Đồng Xuyên, và Đồng Viên.

Trong bốn xã này thì hai xã Phù Đồng và Phù Dực được luân phiên cử chủ tọa đám hội. Hai xã Đồng Xuyên và Đồng Viên chỉ đóng vai phụ tá trong đám hội và chỉ được đóng vai quân lính do thám trong việc diễn lại thần tích.

Bốn xã trên, mỗi xã chia làm nhiều giáp:

Xã Phù Đồng có sáu giáp,
Xã Phù Dực có bốn giáp,
Xã Đồng Viên có ba giáp,
Xã Đồng Xuyên có hai giáp.

Mỗi giáp cũng gần tựa như một ấp hiện nay ở trong Nam. Việc chia giáp tại xã Phù Đồng hơi khác, là chia theo họ chứ không theo địa lý thôn ấp. Làng Phù Đồng có lối mười họ. Họ to nhất là họ Đặng Trần, tất cả đều thuộc giáp Đoài. Giáp Đông gồm tất cả những người họ Khổng. Các họ khác thuộc các giáp khác. Những họ nhỏ, hai ba họ phối hợp thành một giáp. Về địa lý, làng Phù Đồng chia ra làm nhiều ngõ: Ngõ Ban, Ngõ Phu, Ngõ Chợ, Ngõ Ngánh v.v... mỗi ngõ có thể coi như là một thôn ngày nay ở miền Nam.

Trong số 15 giáp của bốn xã thuộc tổng Phù Đồng, mười giáp của hai xã Phù Đồng và Phù Dực sẽ luân phiên nhau chủ tọa ngày hội, đứng mạnh bái trong những buổi lễ, nghĩa là làm Chủ Tế và chịu trách nhiệm về sự tổ chức hội.

Chính vì sự trách nhiệm này nên ngày hội đã được sửa soạn cẩn trọng lắm.

QUÂN TUỞNG DIỄN TRẬN

Hàng giáp phải cử lấy những người giữ các vai quan trọng trong cuộc diễn lại trận diệt giặc Ân. Những người này là các ông Hiệu, hiệu Cờ trông nom cờ lệnh, hiệu Chiêng điều

khiển chiêng, hiệu Trống điều khiển trống. Ngoài ba ông Hiệu trên, còn một ông Hiệu Trung quân để phối hợp điều hòa sự tiến quân và hai ông Hiệu Tiểu Cổ để đi tiên phong thám thính quân giặc, do hai xã Đồng Viên và Đồng Xuyên cắt cử.

Tất cả các ông Hiệu đều tượng trưng các tướng chỉ huy quân đội của nước Văn Lang; trong các đám rước cũng như trong buổi diễn trận các ông đều có hai lọng che, trừ ông Hiệu Trung quân được đi bốn lọng vì cờ lệnh chính là linh hồn của cuộc điều binh khiển tướng.

Các ông Hiệu đều phải kén trong đám thanh niên từ 12 đến 26 tuổi. Có thể là những chàng trai đã lập gia đình rồi nhưng phải chay tịnh trong suốt thời gian sửa soạn cho đến hết ngày hội.

Đó là các tướng!

Có tướng thì phải có quân;

Quân được chọn trong dân đinh bốn xã từ 18 đến 36 tuổi hợp thành 10 cơ, mỗi cơ gồm một cơ trưởng và 15 cơ binh.

Cơ trưởng và cơ binh đều ăn mặc giống nhau trong ngày hội.

Y phục gồm một chiếc khố đen thắt ngang bụng. Họ đeo bên sườn trái một chiếc túi bằng vải cũng màu đen, hình lưỡi liềm có điểm hoa. Dây đeo túi màu hoa cà vắt quàng qua vai phải. Họ ở trần hoặc phủ một khăn quàng chéo từ vai trái xuống sườn bên phải. Mỗi người đều cầm trong tay một chiếc quạt và đội một chiếc mũ tể màu đen có dát mặt gương óng ánh. Mũ cơ trưởng cũng giống mũ cơ binh, nhưng cơ trưởng được quyền đội bên trong chiếc khăn lượt, mũ phủ bên ngoài. Cơ trưởng đi thêm đôi giày và mặc áo thụng xanh.

VÀ QUÂN GIẶC

Trên là quân tướng nước Văn Lang, đời vua Hùng Vương thứ VI. Quân tướng này cần có kẻ địch để giao tranh! Vậy kẻ địch đâu và kẻ địch là ai?

Kẻ địch là quân tướng nhà Ân được tượng trưng bằng 28 thiếu nữ tuổi từ 10 đến 13 do hàng tổng cử ra để đóng vai 28 viên tướng giặc Ân.

Tại sao lại kén các thiếu nữ?

Quân tướng nước Văn Lang xưa đã thắng giặc Ân phải là quân tướng hùng mạnh nên hàng tổng kén bọn trai tráng, còn quân tướng giặc Ân là lũ bại binh phải do phái yếu tượng trưng lại.

Trong 28 thiếu nữ đóng vai tướng giặc, mỗi giáp phải cử hai cô, trừ giáp chủ tọa được miễn vì đã phải cử nhiều các ông Hiệu và đã phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức ngày hội.

Hai thiếu nữ đóng vai hai tướng chỉ huy luân phiên do sáu giáp làng Phù Đổng cử. Giáp nào đã đứng ra tổ chức ngày hội, nếu năm đó tới phiên phải đề cử hai thiếu nữ này, cũng được miễn, và giáp kế phải đề cử thay.

Tất cả 28 thiếu nữ đóng vai tướng giặc đều ăn mặc sặc sỡ và đeo đồ trang sức lộng lẫy.

GIÁP CHỦ TỌA LĨNH TRÁCH NHIỆM

Ngày mồng 1 tháng 3 âm lịch mỗi năm, các vị chức sắc trong hàng tổng đều tề tựu tại đền làng Phù Đổng để làm lễ giao trách nhiệm cho giáp chủ tọa. Giáp này phải sửa lễ cáo thần để xin lĩnh sổ phân phối chức vụ, sổ này hàng năm vẫn để thờ tại đền.

Sau khi nhận sổ phân phối chức vụ rồi, hàng giáp họp bàn luôn mấy ngày hôm sau để đề cử các ông Hiệu, cất đặt các nhân viên người nào vào việc nấy, trong các buổi rước xách tế lễ cũng như trong ngày diễn lại thần tích.

Kể từ ngày mồng 6 tháng 3, các ông Hiệu phải chay tịnh, nhất là ông Hiệu cờ phải đặc biệt giữ gìn, ở riêng một nơi với người hầu hạ riêng.

Ngày rằm tháng 3 hàng giáp rước ra đền một lư hương và làm lễ trình diện các ông Hiệu với đức Thiên Vương, trước sự hiện diện của chức sắc trong làng tổng.

Sau lễ trình diện này, ông Thủ từ giao cho giáp tổ chức cờ lệnh, chiêng và trống.

Giáp đương sự lĩnh các tự khí này, long trọng rước về trụ sở giáp, chuyển giao cho các ông Hiệu để luyện tập cho thành thuộc dưới sự chỉ dẫn của các ông Hiệu năm trước.

Cũng trong buổi lễ trình diện này, ông Thủ từ giao cho các ông Hiệu Trung quân và Tiểu cổ của hai xã Đồng Viên và Đồng Xuyên ba chiếc trống khẩu sẽ dùng trong buổi diễn trận để các ông cùng dự việc luyện tập với các ông Hiệu Cờ, Chiêng và Trống.

Cờ lệnh bằng lụa màu lòng đỏ trứng gà, nghĩa là đỏ ngả sang vàng, rộng ba tấc rưỡi và dài bảy vuông, bảy lần ba tấc rưỡi. Cờ do giáp chủ tọa may và đây chính là cờ đức Thánh Gióng dùng trong ngày diễn trận.

Ông Hiệu Cờ sẽ phát cờ này và sau đó sẽ lưu thờ tại đền Thượng cho đến rằm tháng Ba năm sau lại giao cho giáp chủ tọa mới. Như vậy mỗi năm thay cờ lệnh một lần. Cờ năm trước, ông Hiệu Cờ năm sau dùng để luyện tập trước ngày diễn trận.

THẢO LỆNH TỪ

Cờ lệnh không phải cứ may xong là đem dùng ngay. Để phân biệt với những lá cờ khác, trên cờ sẽ có chữ “LỆNH” do một tay văn tự viết lên. Giáp chủ tọa trong mấy ngày đầu tháng tư sẽ lựa một ngày tốt, mời một bậc đại khoa nếu có, bằng không cũng phải mời một tay văn học tới viết chữ “LỆNH” này với sự chứng kiến của tất cả các ông Giáp trưởng bốn xã trong hàng tổng.

Để thảo chữ “LỆNH” này, phải dùng bút mới, mực mới loại tuyệt phẩm.

MIẾU

Ngày mồng 7 tháng Tư, hàng giáp làm lễ rước cờ lệnh tới miếu giáp. Cờ may vào cán, quấn lại, đựng trong một chiếc túi màu đỏ thêu long phượng. Trong túi này, hàng giáp đặt vào một trăm tờ giấy trắng, một nghìn con bướm giấy các màu và tới 60 gói trầm nhỏ.

Tất cả các túi như vậy gọi là MIẾU.

Hàng giáp theo ông Hiệu Cờ rước Miếu tới đền Mẫu.

DIỄN TRẬN

Kể từ ngày mồng 6 đến ngày 12, nước Văn Lang coi như đang bị họa xâm lăng.

Trước thời gian này, mọi việc luyện tập của các ông Hiệu và của các Cơ trưởng, Cơ binh đều đã hoàn tất.

Đền Thượng và đền Hạ đã được quét dọn lại, các tự khí lau chùi lại sạch sẽ.

Dàn hàng tổng chỉ còn chờ sự diễn trận và du khách tứ xứ tới xem hội cũng chỉ mong được chứng kiến sự diễn trận.

QUÂN GIẶC

Quân giặc chính là 28 thiếu nữ từ 10 đến 13 tuổi được dân hàng tổng cử ra như trên đã nói.

Ngày mồng 8 tháng Tư hàng tổng đi kiểm soát lại đoàn quân giặc.

Tuy ngày mồng 8, hàng tổng mới kiểm soát lại đoàn quân giặc, nhưng thực sự cuộc diễn trận đã được sửa soạn từ ngày mồng 6, 28 tướng giặc với 28 cỗ kiệu đã sắp sửa sẵn sàng,

và các cô thiếu nữ trong ngày mồng tám này được phấn son trang điểm với những đồ nữ trang lộng lẫy khiến vẻ ngây thơ của các cô càng được khách xem hội thập phương ngắm nghía. Các cô đều ngồi kiệu và có lọng che.

“Ai ơi mừng chín tháng tư

Không đi hội Gióng cũng hư một đời”

Thực ra ngày mồng 9 chỉ là ngày có cuộc diễn trận. Hội gồm nhiều ngày với nhiều trò vui. Diễn trận là chủ chốt và là cuộc vui độc đáo nhất của mấy ngày hội.

Mồng bảy hội Khám,

Mồng tám hội Dâu,

Mồng chín đầu đầu,

Thì về hội Gióng!”

Hai làng Khám và làng Dâu cũng thuộc huyện Vũ Ninh trước, hàng năm có mở hội vào hai ngày mồng 7 và mồng 8. Dân chúng trong hạt, sau hai ngày trên, xem hội tại hai làng Khám và Dâu, đến ngày mồng 9 kéo nhau về hội Gióng xem cuộc diễn trận.

NHỮNG NGHI LỄ TRƯỚC NGÀY MỒNG 9 THÁNG TƯ

Như trên đã nói, cuộc diễn trận được sửa soạn từ ngày mồng 6 tháng Tư. Ngay từ 3 giờ chiều hôm mồng 6, dân làng đã cử hành một đám rước tới GIẾNG trước đền Mẫu, tức là đền Hạ, để lấy nước lau rửa tự khí dùng trong việc diễn trận.

Nước đựng vào hai ché sứ. Hai mươi bốn quân sĩ của Phù Đổng Thiên Vương sắp hàng hai theo bậc Giếng từ trên bờ tới mặt nước để lấy nước. Người cơ binh đứng ở bậc Giếng cuối cùng, sát mặt nước, múc nước vào một chiếc gáo đồng rồi chuyển cho người đứng cùng hàng với mình ở trước mặt.

Người này nhận gáo nước rồi chuyển lại cho người đứng ở trước mặt mình bên bậc trên, đứng kế bên người vừa chuyển cho mình...

Cứ lần lượt như vậy, gáo nước được chuyển theo đường chữ “CHI” cho tới miệng Giếng đến tay người đứng bên chóc sứ. Người này đổ nước vào chóc, lọc qua một miếng vải điều theo hiệu lệnh Cơ trưởng. Cơ trưởng mặc áo thụng xanh và đánh Kiếng để ra lệnh cho người cơ binh đổ nước vào chóc.

Tự khí được rửa bằng nước đã lọc đựng trong chóc sứ ở ngay sân đình.

Ngày mồng 7 vào cuối giờ Ty, cờ lệnh được rước từ đền Mẫu đến đền Thượng, và buổi chiều vào lúc giờ Mùi, hàng tổng đi kiểm soát lộ trình từ đền đến bãi trận. Có điều gì khiếm khuyết lập tức phải sửa chữa và bổ khuyết ngay.

CUỘC DIỄN TRẬN CHÍNH THỨC

Vào giờ Ty ngày mồng 9, có lễ tế cờ tại đền. Ông Thủ chỉ giáp chịu trách nhiệm về tổ chức chủ tọa lễ này. Có mổ trâu giết bò. Các ông Hiệu kiểm soát lại nhân số của mình.

Mọi người đều sẵn sàng để xuất trận.

Lúc đó quân giặc, 28 thiếu nữ đóng tướng nhà Ân, đóng dinh tại Đồng Đàm, một khoảng đất ở ven đê sông Thiên Đức, giữa khoảng con đê mới ngày nay và con đê cũ ngày xưa thuộc địa phận xã Đồng Viên. Các cô thiếu nữ ngồi trên kiệu, những chiếc kiệu lộng lẫy, chung quanh có bà con và các cô gái làng xóm lại trang điểm cho các cô.

Vào lúc cuối giờ Ngọ, quân thám thính tới đền Thượng báo tin quân giặc đã cắm dinh trại tại xã Đồng Viên.

Tiếng nổi hiệu báo động. Các ông Hiệu và quân lính tề tựu tại đền hô to khẩu hiệu “TUÂN LỆNH”. Người người rút binh khí ra khỏi giá rồi đứng đợi lệnh ở sân đình.

Các ông Hiệu vào lễ thần, đoạn cầm những tự khí mình phụ trách, người trống kè chiêng, người cờ lệnh, kẻ trống khẩu đứng sắp hàng trước bàn thờ.

KHÚC QUÂN CA VÀ ĐIỀU MÚA LÀO

Lúc đó ban múa Lào của làng Hội Xá ở bên kia sông đã được cử sang để hát khúc quân ca liền vào làm lễ múa và ca.

Ban này gồm 20 người, một người đóng vai ông Cọp tượng trưng cho sức mạnh tới trước bàn thờ lễ phủ phục, còn mười chín người đóng giả người Lào múa hát, điệu múa theo giọng hát.

Dưới đây là khúc quân ca hàng năm ban hát làng hội Xá vẫn ca múa trước bàn thờ, khúc hát này theo dân làng Phù Đổng thì có từ đời nhà Lý, và ban hát làng Hội Xá vẫn vừa hát vừa đánh phách theo điệu múa:

“Thứ sáu là Hùng á Vương
Nhớ á xưa là nhớ á xưa
Thứ sáu là Hùng á Vương
Hai mà mười là là tám á tướng
Tướng tướng cường là là nữ á nhung
Tướng tướng công là là nữ á nhung

*

* *

Xâm á thương là là xâm á thương
Cây thế là là khoe á hùng
Quân mã sang sang là là đóng mà chặt
Một vùng là là Vũ á Ninh
Một vùng là là Vũ á Ninh.

*

* *

Thánh thánh tướng là là giáng á sinh
Trời á sai là là trời á sai
Thánh thánh tướng là là giáng á sinh
Giáng mà về là là Phù mà Đổng
Ẩn ẩn hình là là ai á hay

Ấn ấn hình là là ai á hay
Ba ba tuổi là thơ á ngây.
Mới á lên là là mới á lên
Ba ba tuổi là là thơ á ngây
Nghe mà vua là là cầu mà tướng
Ngày ngày rầy là ra á quân
Ngày ngày rầy là ra á quân.

*

* *

Phán phán bảo là ân á cần
Gọi mà sứ là là gọi mà sứ
Phán phán bảo là là ân á cần
Hương⁽¹⁾ mà vàng là là ngựa mà sắt
Đề đề binh là là tức á thì.
Đề đề binh là là tức á thì.
Khi khi ấy là là ra á uy
Thánh á vương là là thánh á vương
Khi khi ấy là là ra á uy
Thánh á vương là là thánh á vương
Khi khi ấy là là ra á uy
Thánh á vương là là thánh á vương
Khi khi ấy là là ra á uy
Nửa mà chiều là là sấm mà sét
Tức tức thì là là giặc á tan
Tức tức thì là là giặc á tan

*

* *

Cởi cởi lại là là Linh á sơn
Áo á nhung là là áo á nhung

1. Gươm.

Cổỉ cổỉ lại là là Linh á sơn
Thoát mà đà là là thoát mà nợ
Trần trần hoàn là là lên á tiên.

*

* *

Đẹp đẹp nước là là đã á yên
Giúp á vua là là giúp á vua
Đẹp đẹp nước là là đã á yên
Ức á niên là là ức á niên
Hương hương lửa là là phụng á thờ
Quốc mà dân là là khang mà thái
Đời đời nhờ là là Hùng mà Long
Đời đời nhờ là là Hùng mà Long.

Bài hát này từ đời nhà Lý, hàng năm mỗi lần Hội lại là một lần được hát lại.

TIẾN QUÂN

Khúc quân ca vừa hát dứt, ba hồi chiêng trống nổi lên và cuộc tiến quân khởi hành. Đoàn ca vũ làng Hội Xá cũng dự cuộc tiến quân này.

Mở đầu là 12 trẻ em mặc áo dài sắc sỡ, tay cầm roi mây đi trước hai ông Hiệu Tiểu Cổ. Kế đó là ông Cọp dẫn đoàn ca vũ làng Hội Xá, rồi đến các ông Hiệu Chiêng, Hiệu Trống và Hiệu Trung Quân. Ông Hiệu Cờ vác “cờ lệnh” đi sau. Các cờ binh kéo bạch mã đi liền với cờ lệnh. Cuối cùng là cờ binh mang hòm sắc và hòm y phục của Thiên Vương.

Quân lính đi dàn hai bên.

Mọi người chạy ủa tới trận địa trên quảng đường dê dài chừng ba cây số. Khi chạy qua đền Mẫu họ đều dừng lại và nghiêng đầu làm lễ.

Độ khoảng cuối giờ Mùi đoàn quân tiến tới trận địa qua xã Đồng Viên.

Địch quân lúc đó cũng bố trận dàn binh chờ đoàn quân của nước Văn Lang.

Mặt trận sơ sài lắm. Dưới chân đê có một hồ sen. Địch quân chiếm đóng nơi hồ. Quân Phù Đổng Thiên Vương tiến chiếm bên bờ hồ bên này, có một khoảng đất trống với nhiều mô nhỏ. Có ba chiếc chiếu đã trải sẵn ở giữa những mô đất này.

Giữa mỗi chiếc chiếu có một chiếc bát úp trên một tờ giấy: CHIẾU TƯỢNG TRUNG CHO CÁNH ĐỒNG, BÁT CHO ĐỒI NÚI, TỜ GIẤY CHO MÂY.

Hàng tổng đã dựng trước một bàn thờ ở bên trong khoảng đất thuộc xã Đồng Viên, dưới chân con đê cũ. Khi đám rước đi tới đây, con ngựa được dẫn tới trước bàn thờ, khí giới cờ quạt kéo lên và các ông Hiệu Chiêng, Trống, Tiểu Cổ và Cờ tới đứng bên những chiếc chiếu.

GIAO PHONG

Sau nửa giờ nghỉ ngơi tại mặt trận, cuộc giao phong khai diễn vào đầu giờ Thân.

Ông Hiệu Cờ tới đứng trước chiếc chiếu thứ nhất ở gần bên bàn thờ. Lúc đó các ông Hiệu đều xắn tay áo thụng, vạt buộc ra sau lưng. Ông Tiên chỉ xã Phù Đổng với ông Thủ từ trưng cờ lệnh lên. Cờ này từ trước vẫn đựng trong chiếc túi đồ thêu Long Phụng. Rồi những con bướm sặc sỡ và những gói trầm được tung ra. Dân chúng và khách thấy hội xô nhau cướp để lấy phước. Ông Thủ từ bao giờ cũng giữ lại một phần bướm cũng như trầm để chia cho dân trong tổng.

Cờ lệnh đã trưng lên, ông Hiệu Cờ tiếp lấy rồi tiến lên ba bước, bước chân trái sang bên trái, chân phải sang bên phải đoạn ông dùng “chân phải khều lấy chiếc bát và tờ giấy”,

động tác này có ý nghĩa sự tiến quân vượt qua mây núi. Rồi ông đứng ở giữa chiếc chiếu, hai chân chụm vào nhau. Ông nhảy lên hai lần, sau đó ông quỳ gối bên phải xuống chiếu, bàn chân trái dẫm ra đằng trước như hình chữ “LỆNH”. Hai tay ông phất cờ lệnh từ phải sang trái, xoay mình ba lần. Dân chúng dự cuộc lúc đó mỗi lần ông xoay mình lại đếm theo.

Ông đứng lên lùi khỏi chiếc chiếu. Lập tức mọi người nhảy xô tới cướp lấy xé chiếc chiếu. Họ tin những mảnh chiếu mang may mắn cho họ, và những người hiếm con cướp được mảnh chiếu có thể thấy được tin mừng.

Ông Hiệu Cờ nhắc lại các động tác trên hai lần nữa trên hai chiếc chiếu còn lại, và khi chiếc chiếu thứ ba được dân chúng xâu xé chia nhau hết quân giặc cũng tan, các tướng giặc cũng rút lui hỗn loạn. Kiệu của các cô thiếu nữ được rước về làng Phù Đồng.

Quân của Thiên Vương đại thắng khải hoàn về đền Mẫu. Con bạch mã được dẫn tới trước đền lưng mang quần áo và mũ măng của Thiên Vương.

Một tiệc lớn khao quân diễn ra ngay trước cửa đền.

QUÂN GIẶC TRỞ LẠI

Các tướng giặc tuy rút lui hỗn loạn, nhưng lại đã thu thập tàn quân kéo tới tận làng Phù Đồng! Chính vì ông Hiệu Cờ đã múa cờ ngược nên không thắng hẳn được quân giặc.

Đoàn do thám xã Đồng Viên tới cấp báo là quân giặc trở lại: Lập tức các tướng sĩ bỏ dở tiệc khao quân để xông pha ra trận tiền.

Các tướng giặc dàn trận giữa đền Thượng và đền Mẫu. Quân của Thiên Vương kéo qua trận tuyến của giặc. Mỗi lần ông Hiệu Cờ vác cờ lệnh qua đám tướng giặc, dân hàng tổng lại đốt một quả pháo lớn.

Trận tái chiến diễn ra ở bãi Sồi Bia thuộc làng Phù Đồng. Ở đây cũng lại có ba chiếc chiếu như ở Đồng Đàm.

Ông Hiệu Cờ nhắc lại những động tác cũ ba lần trên ba chiếc chiếu, nhưng lần này ông xoay mình từ trái sang phải để múa thuận lá cờ thành chữ “LỆNH”: như vậy lệnh của Thiên Vương phá tan hắc quân giặc. Ba chiếc chiếu cũng lại được mọi người tranh nhau xé cướp.

Lần này quân giặc thua hẳn. Các tướng giặc quỳ xuống xin hàng. Ông Thủ từ từ dùng hai thanh kiếm của hai tướng chỉ huy quân giặc, lột mũ áo của hai người này, tượng trưng cho sự hành quyết. Còn các tướng khác đều được hưởng sự khoan hồng.

Lúc này, quân tướng của Thiên Vương đã trở lại bữa tiệc khao quân dở dang lúc trước.

Trời vừa tối.

THIÊN HẠ THÁI BÌNH

Ngày hôm sau, mùng 10 tháng 4, hàng tổng duyệt lại đạo binh thắng trận. Các khí giới được kiểm soát lại. Hàng tổng lại làm lễ trước đền. Có mổ bò, mổ lợn. Quân sĩ lại được khao thưởng.

Các tướng giặc đầu hàng mang tới triều kiến Thiên Vương cũng được thiết tiệc.

Thế là “Thiên Hạ Thái Bình”.

SAU NGÀY DIỄN TRẬN

Ngày 11 tháng 4, hàng tổng lại tổ chức rước nước để rửa lại khí giới và đồ thờ đã dùng trong việc chiến trận. Và có nhiều trò vui cho khách trẩy hội thưởng thức: đánh vật, hát chèo và có cô đầu hát thờ.

Ngày 12 tháng 4 lại có lễ rước để các chức sắc đi kiểm soát lại các chiến địa tai hại nơi Đồng Đàm và Sòi Bia. Cờ trắng trưng lên đầu đường, chúng tổ quân giặc đã quy hàng.

Buổi chiều tại đền Thượng lại có hát thờ.

NHẤT NIÊN NHẤT LỆ

“Ai ơi mồng chín tháng tư,

Không đi hội Gióng cũng hư một đời!”

Hội năm nay qua, dân hàng tổng xã nào về xã nấy để năm sau, ngày hội tới, hội lại được tổ chức linh đình không kém chi năm trước, để ghi công một bậc anh hùng đã cứu dân cứu nước.

Dân chúng Vũ Ninh nghiệm rằng cứ ngày mồng 8 tháng 4 có mưa. Người ta bảo đây là mưa rửa đền và rửa các tội khí. Dân chúng cũng lại nghiệm thêm năm nào có mưa như vậy thì được mùa, năm nào mất mưa thì mất mùa. Bởi vậy, tại địa phương có câu ca dao:

“Mồng tám tháng tư không mưa

Bỏ cả cây bừa mà vất lúa đi.”

Ta hãy bỏ phần hoang đường trong câu chuyện, ta sẽ thấy rằng hồi đó đã có một vị tướng tài, có lẽ đã dùng xe thiết mã giống như loại xe gỗ có máy thời Tam Quốc của Khổng Minh và thiết côn trừ kẻ xâm lăng. Chính vị tướng tài này là Phù Đổng Thiên Vương, về sau đã được dân ta thần thánh hóa để tỏ lòng tôn trọng.

Nhắc lại mấy dòng lịch sử oanh liệt thuộc thời tiền sử của chúng ta còn ghi trong *Đại Nam Quốc sử Diễn ca* của các ông LÊ NGÔ CÁT và PHẠM ĐÌNH TOÁI:

“Sáu đời Hùng vận vừa suy,

Vũ Ninh ló giặc mới đi cầu tài.

Làng Phù Đổng có một người,

Sinh ra chẳng nói chẳng cười trơ trơ.
Những ngờ oan trái bao giờ.
Nào hay thần tướng đợi chờ phong vân.
Nghe vua cầu tướng ra quân,
Thoắt cười, thoắt nói muôn phần khích ngang.
Lời thua mẹ, dạ cần vương,
Lấy trung làm hiếu một đường phân minh.
Sứ về tâu trước thiên đình,
Gươm vàng ngựa sắt tề binh tiến vào;
Trận mây theo ngọn cờ đào,
Ra uy sấm sét nửa chiều giặc tan.
Áo nhung cỡi trước Linh Sơn
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn lên tiên.
Miếu đình còn dấu cố viên,
Chẳng hay chuyện cũ lưu truyền có không?”

Chuyện cũ có hay không, điều đó không quan trọng, chỉ biết từ đời Hùng Vương tới nay, dân ta hàng năm có lễ kỷ niệm một vị anh hùng, dù đây là người thật hay người của tưởng tượng, vị anh hùng này theo tục truyền lại đã tận trung phò vua giúp nước, nêu gương sáng cho đời sau.

Và để kết luận bài này, xin mời bạn đọc qua một đoạn thơ tả cuộc dẹp giặc của Phù Đổng Thiên Vương trích trong một tập ANH HÙNG CA VIỆT NAM:

“Giặc Ân cậy tướng anh hùng,
Là người Thạch Lĩnh bạo hung khác người.
Dân lành hấn chẳng thương ai,
Máu người khác chảy trò cười hấn vui;
Ra tay đột phá toi bời,
Tướng nào binh ấy một loài vô nhân.
Thạch Lĩnh ra lệnh tiến quân,
Ào ào như gió chiếm dần Văn Lang.
Đúng là một lũ sài lang,
Chỉ chuyên giết hại tham tàn cùng nhau.

Muốn dân chịu họa thảm sâu,
Đắng cay điều đắng khổ đau muôn vàn.
Cầu trời cho giặc chóng tan,
Nước nhà thịnh trị bình an dân lành.
Kể từ có nạn đao binh,
Thiệt tiền, thiệt của sinh linh toi bời.
Đang khi quân giặc cậy tài,
Thì thần Thiết Lũng tới nơi trận tiền.
Phóng roi, ngựa sắt thét lên,
Khói phun lửa bốc ngai liền ra uy.
Ngọn roi theo lối ngựa phi,
Giặc Ân chạm tới hồn lìa cõi dương.
Sức thần tỏ mặt phi thường,
Giặc Ân lớp lớp chiến trường phơi thầy,
Máu tuôn ra cánh đồng đầy,
Lại thêm lửa đốt mặt mày sém se!
Tướng Ân hùng dũng tướng chi
Gặp tay thần tướng sức gì đảm đương!
Hỡi ơi! Thạch Linh can trường,
Roi thần cũng giết sạch phường ác tham!
Ngọn roi giết giặc bạo tàn,
Dùng nhiều roi cũng gãy tan không còn.
Thây quân giặc chất như non,
Tan tành giặc chết thỏa hồn dân ta.
Thiên thần đuổi giặc không tha,
Gãy roi nhổ gốc tre già dùng thay!
Một cây rồi lại một cây,
Không ngừng tre nhổ liền tay dọc đường.
Giặc Ân nát thịt gãy xương,
Tiếng rên, tiếng khóc âm vang góc trời!
Khen thay ngựa sắt cũng tài,
Luôn luôn tiếng hí không ngơi vó thần.

Lửa hồng thiêu giặc nhà Ân,
Vó câu lồm đất vết chân in hình.
Giặc Ân nào tướng nào binh,
Chạy như vỡ tổ thất kinh hãi hùng.
Thiên thần giết giặc đã xong,
Đường về ruổi ngựa ung dung thư nhàn.
Thần về đến núi Sóc Sơn,
Thuộc Kim Anh huyện nay còn dấu ghi;
Cả người lẫn ngựa biến đi,
Giặc tan còn lại dư uy muôn đời.
Văn Lang non nước yên rồi,
Vua Hùng nhớ tới ơn người hữu công,
Sắc vàng bốn chữ tặng phong:
THIÊN VƯƠNG PHÙ ĐỔNG tạ lòng thần linh.
Nước non từ thuở thanh bình,
Muôn dân lạc nghiệp quang vinh thuận hòa.
Thái bình thiên hạ âu ca,
Ơn người dẹp giặc nước nhà không quên.
Tháng tư mồng chín đệ niên,
Tại làng Phù Đổng hội truyền trong dân.
Tích xưa diễn lại một lần,
Năm năm tưởng nhớ tinh thần vũ uy.
Gương xưa anh dũng còn ghi,
Lòng người dân Việt quyết thề noi theo.
Trải qua suy thịnh đã nhiều,
Dân Nam lắm thứ đã treo gương vàng.
Bao lần chống cự Bắc phương,
Xứng dòng Phù Đổng Thiên Vương nước nhà!

HỘI ĐỀN TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG Ở BẦN YÊN NHÂN



Ai đã có dịp đi từ Hà Nội tới Ninh Giang (Hải Hưng) ắt biết thị trấn Bần Yên Nhân.

Bần Yên Nhân là một thị trấn sầm uất và có đền thờ tướng quân Đoàn Thượng, còn được tôn là Đông Hải Đại Vương⁽¹⁾, một trung thần và là một dũng tướng đời vua Lý Huệ Tông.

Tướng quân Đoàn Thượng người làng Hồng Thị, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) là một người rất khỏe có sức địch muôn người, được vua Lý Huệ Tông giao cho trọng trách trấn giữ đất Hồng Châu, một khu vực ven sông Hồng Hà.

Sau khi vua Lý Huệ Tông đi ở chùa, Lý Chiêu Hoàng làm vua được ít lâu rồi nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông. Đoàn Thượng không phục nhà Trần, vua Trần cho người chiêu dụ, nhưng tướng quân nhất quyết không chịu theo Trần. Tướng quân chỉ biết có nhà Lý, không

1. Hưng Nhượng Vương, con trai Hưng Đạo Vương cũng được tôn là Đông Hải Đại Vương.

biết tới nhà Trần, mặc dầu vua Trần hứa phong vương và gả công chúa.

Trước ý chí cương quyết của tướng quân, Trần Thủ Độ cho quân đến đánh nhưng không thắng, phải tìm kế giảng hòa rồi ngầm sai quân đánh đồn hai mặt để phá quân của Ngải.

Bị đánh bất thần, lại bị lương đầu thụ địch, quân của Ngải bị thua, và chính Ngải bị một tướng nhà Trần chém một nhát vào cổ gần đứt đầu tại địa hạt thôn Đông Đạo xã Yên Phú tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) bây giờ.

Bị chém, Ngải liền cởi dây lưng buộc cổ cho khỏi rơi đầu rồi hăm hăm tể ngựa đánh giết quân Trần, ngựa Ngải đi tới đầu, quân Trần sợ hãi phải tránh tới đó.

Khi ngựa Ngải chạy tới làng Yên Nhân, Bần Yên Nhân ngày nay, Ngải gặp một ông cụ già mũ áo chững chạc, đứng bên đường chào Ngải và nói rằng:

“Tướng quân trung dũng lắm. Thượng đế đã kén tướng quân làm thần xứ này. Có một cái gò ở bên cạnh làng kia, chính là nơi hương hỏa của tướng quân, xin tướng quân để tâm cho.”

Nghe cụ già nói, Đoàn tướng quân vâng lời, cho ngựa đi thẳng tới chỗ gò đó, xuống ngựa, nằm gối đầu lên mác một lúc thì chết. Liền ngay đó, mối đùn đất lên thành ngôi mộ của Ngải.

Nơi đó là làng Yên Phú. Dân làng này lập miếu thờ Ngải có tượng tạc bia, nhưng về sau nước lụt, đền miếu bị cuốn đổ. Tượng của Ngải trôi về xã Yên Nhân, xã này lập đền bên bờ sông Hồng Giang để thờ Ngải.

Ngải hay hiển linh giúp đỡ dân chúng, dân chúng rất ghi ơn Ngải.

Triều Nguyễn, Ngải được phong là **BẢO QUỐC HÀ DÂN NHẤT ĐẰNG THẦN**.

Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, có đôi câu đối treo ở đền Ngải.

*Thanh miếu tuế thời hương, lăng cốc bất khai canh hoàn cục.
Hồng châu kim cổ lộ, cương thường sức khởi vãng lai nhân;
Đôi câu đối này Nhật Nham Trịnh Như Tấu trong Hưng
Yên địa chí đã dịch:*

*Khói hương thanh miếu ngạt ngào, trời trắng gió nêu cao
nền tiết nghĩa.*

*Đường sá Hồng châu đi lại, khách gần xa trông rõ cột
cương thường.*

*

* *

Nhất niên nhất lệ, hàng năm ngày 11 tháng 4 âm lịch, tại đền thờ ngài có mở hội. Dân chúng Bần Yên Nhân nô nức đi xem hội và làng Yên Phú năm nào cũng cử một nhóm người thay mặt dân xã tới yết lễ trong dịp này.

Hội có tế lễ rước xách theo tục lễ cổ truyền. Có đánh cờ bỏi và cũng như ở các đền miếu khác, có các ông Đồng bà Bổng tới lên đồng hầu bóng. Khách thấy hội, lễ thần rồi xin thẻ.

Dân chúng các nơi kéo nhau tới hội này đông lắm, nhất là dân chúng vùng Hưng Yên.

HỘI ĐỀN CHÈM



Làng Chèm ở tả ngạn sông Hồng, ngay trên con đường Liên tỉnh Hà Nội đi Phúc Yên, thuộc địa phận huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên (Vĩnh Phú).

Tại đền Chèm có đền thờ ông Lý Ông Trọng.

VÀI NÉT VỀ ÔNG LÝ ÔNG TRỌNG

Lý Ông Trọng là người Việt Nam nhưng làm tướng nước Tàu thời vua Tần Thủy Hoàng. Lý Ông Trọng có công đánh giặc Hung Nô rất được vua Tần tin mến và được phong làm Phục Tín Hầu.

Tại đền có pho tượng của Ngài rất lớn, to hơn tầm vóc người ta ngày nay. Tương truyền rằng ngày xưa Lý Ông Trọng to lớn như vậy nên rợ Hung Nô trông thấy bóng Ngài phải sợ.

Khi về già, Lý Ông Trọng được vua Tần cho trở lại quê nhà, lúc chết dân làng Chèm lập đền thờ.

NGÀY HỘI

Hội làng Chèm mở vào ngày rằm tháng Năm. Lúc này hội hè đã hết ở các nơi khác nên hội làng Chèm rất được nhiều

người quanh vùng kéo nhau tới dự. Địa thế gần Hà Nội của làng Chèm càng khiến cho hội thêm đông khách với những người ở Thủ đô dắt nhau tới. Hội kéo dài ba ngày.

Ngày hội có nhiều cuộc vui trong đó có đánh đu, thả chim thi, đánh vật, hát chèo, đánh cờ...

Cũng rước xách tế lễ như các hội nơi khác, nhưng ở đây có đám rước tượng thần xuống sông Hồng Hà để làm lễ mọc dục là đặc biệt.

Tượng thần to lớn, lúc rước các thanh niên trong làng phải xúm nhau vào khiêng và để cuộc rước được dễ dàng, ông tiên chỉ hàng năm phải làm lễ khẩn Ngài để Ngài phù hộ cho bức tượng được nhẹ đi.

Sở dĩ tượng Ngài được rước xuống sông để tắm là vì theo lời truyền lại, khi ở Tàu về, sống ở làng Chèm, hàng ngày Ngài thường xuống tắm ở sông Hồng Hà. Bởi vậy để kỷ niệm việc tắm sông xưa kia của Ngài, dân làng rước tượng Ngài xuống sông để Ngài tắm như lúc sinh thời.

Sau lễ tắm ở sông, dân làng lại rước tượng ngài về đình cúng tế. Dân làng cắt những bộ quần áo giấy thật to lớn để tế Ngài.

Trong ngày hội, những thanh niên trong làng còn tân được kén để đáp thuyền ra giữa dòng sông Hồng Hà, mức nước trong về tế Ngài.

Những cuộc tế lễ theo nghi thức cổ truyền rất vui, và dân làng cũng hân hoan hàng năm mở hội kỷ niệm ngài. Hội càng mở to, càng linh đình bao nhiêu, năm đó dân làng càng làm ăn phát đạt chừng ấy.

Dân làng sùng kính Ngài lắm. Ngày hội, người ta nghỉ cả mọi việc để dự các cuộc tế lễ và rước xách.

HỘI LĂNG ÔNG VỚI HÚY NHẬT TẢ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT



Nói tới các danh thần triều Nguyễn, thời vua Gia Long khai sáng lại có công ơn với dân chúng miền Nam, đã từng đổi nguy làm an, đem lại thịnh vượng phú cường cho toàn cõi, phải kể tới Tả quân Lê Văn Duyệt, Gia Định thành Tổng Trấn, trải thờ hai đời vua, luôn luôn một dạ trung thành, lo cho dân, nghĩ đến đất nước.

Ngài mất ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn (1823). Nhân dân đã lập đền thờ Ngài và hàng năm đến húy nhật của Ngài, không ai quên, người ta tập nập tới lễ Lăng Ông, nơi có mộ và đền thờ Ngài để tỏ lòng sùng kính. Và chính hai tiếng Lăng Ông, cũng là hai tiếng gọi cung kính đối với Ngài.

LĂNG ÔNG

Lăng Ông ở đâu?

Đã là dân Sài Gòn và Gia Định không ai là không biết Lăng Ông. Lăng Ông xây trên địa phận xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định, ở ngay tỉnh lỵ, bên kia cầu Bông, cách cầu chừng 600 thước, trên đường Lê Văn Duyệt, thị xã Gia Định (nay

thuộc P.1, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh).

Lăng Ông chiếm một khu đất rộng lớn giữa bốn con đường: Đại lộ Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) bên phía hữu, đường Trịnh Hoài Đức bên phía tả, đường Châu Văn Tiếp ở trước mặt và đại lộ Chi Lăng (Phan Đăng Lưu) ở sau lưng.

Khu đất này vuông vắn đẹp đẽ, mặc dầu Ty Bưu điện hàng tỉnh có chiếm mất một khoảng nhỏ đằng sau về phía trái.

Từ Sài Gòn đi tới phải đi qua Cầu Bông rồi thẳng đại lộ Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) đến ngã ba đường, nơi đường Châu Văn Tiếp gặp đường Lê Văn Duyệt (Đinh Tiên Hoàng) là tới Lăng Ông.

Lăng Ông trông thẳng sang mé tay mặt công sở xã Bình Hòa (Nhà Văn hóa quận Bình Thạnh), ngang đường Châu Văn Tiếp.

Trước Lăng Ông là một khoảng đất trống rộng rãi để các khách tới lễ bái đậu xe.

Qua khoảng đất này là cửa Tam Quan. Cửa này có ba cổng, cổng giữa chỉ mở trong những ngày Tết hoặc ngày lễ. Hàng ngày chỉ có hai cổng bên mở cho khách hành hương ra vào, vào theo lối tay trái và ra theo lối tay mặt.

Qua cửa Tam Quan, là một con đường xây gạch đi thẳng cho tới lối vào đền thờ. Hai bên đường gạch này là vườn hoa có cây cao bóng mát, phong cảnh trầm tĩnh.

Đi từ ngoài cửa vào độ vài chục thước, rẽ về phía tay trái theo một con đường nhỏ khác cũng lát gạch, khách hành hương sẽ đi tới nơi đức Tả quân Lê Văn Duyệt an nghỉ giấc thiên thu. Nằm bên cạnh ngài là mộ phu nhân, nữ danh Đỗ Thị Phấn.

Hai ngôi mộ của ông bà Tả quân đều xây cao và quanh năm có người tới hương khói phụng thờ. Chung quanh hai ngôi mộ là lớp tường hoa, và ở mé ngoài về góc tay phải là nhà bia nhắc lại công trạng của Tả quân.

Trở lại con đường gạch lớn, khách hành hương đi thẳng vào chừng vài chục thước thì tới cổng vào đền, nhưng trước khi tới cổng này, ở bên trái, tại khu vườn hoa, có đền thờ thổ thần, xây cất rất giản dị.

ĐỀN THỜ

Đền thờ đức Tả quân ở bên tay trái con đường gạch, và xây theo lối xưa không có gác. Đền đã qua nhiều lần sửa chữa và xây thêm, nên trông ở bên ngoài vẻ cổ kính có giảm đi nhiều. Qua cổng đền, trước đền là một sân gạch khá rộng.

Tại sân này có đặt một dãy lư hương để khách hành hương có nơi thắp hương khấn vái và có lò hóa vàng, nơi đốt những vàng mã của khách thập phương mang dâng lễ.

Thường ngày, ngay ngoài cổng Tam quan và ở ngay sau cổng vào đền, có những người bán vàng hương cho khách lễ bái. Những người bán hàng này thường hay chèo kéo gây sự bực mình cho khách nên những năm gần đây, ban quản trị đền tuy không cấm bán nhưng đã trừ liệu ngay trong đền vàng hương để khách hành hương dâng lễ và cấm ngặt người bán hàng không được chèo kéo khách.

Chiếc sân gạch rộng suốt trước mặt đền và ở mé bên kia sân, đối diện với cửa vào là cửa ra. Đền xây lưng về phía trước Tòa Hành chánh tỉnh Gia Định.

Đền ngăn làm ba có cửa ăn thông nhau. Giữa là đền thờ, bên trái là nhà sửa soạn vàng hương của khách vào dâng lễ, bên phải là nhà để xấp.

Đền thờ chia làm ba lớp, mỗi lớp đều có bàn thờ, duy lớp trong cùng tức là hậu cung có tượng của đức Tả quân trông thật uy nghi trang trọng. Đền có những bức hoành phi chữ vàng chói lọi và những đôi câu đối ở những hàng cột, nhắc lại sự nghiệp hiển hách của Tả quân.

Đền đã được liệt vào hạng di tích văn hóa được bảo tồn.

Đằng sau đền lại là vườn hoa và có cửa sau để khách hành hương cũng có thể ra vào lối này được. Cửa sau cũng có ba cổng, cổng giữa thường chỉ mở trong những ngày lễ, còn hai bên là lối ra vào riêng biệt.

HỘI LĂNG ÔNG

Như trên đã trình bày, đức Tả quân Lê Văn Duyệt tạ thế ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn (1823).

Hàng năm tới kỳ nhật của Ngài, hội Thượng công quý tế tức là hội trông nom quản trị Lăng Ông có mở hội để làm giỗ Ngài. Tuy kỳ nhật vào ngày 30 tháng 7, nhưng hội thường kéo dài cho đến hết ngày mùng 3 tháng 8. Trong những ngày hội, năm nào ban quản trị cũng dự trù một chương trình thật là phong phú.

Dân chúng xã Bình Hòa trước tiên rồi đến dân chúng Gia Định, Sài Gòn và toàn cõi Việt Nam tới dự giỗ để chiêm bái Ngài, và nhân thể nhiều người xin quẻ xăm để tìm hỏi về gia sự, bản mệnh công danh v.v...

Suốt trong mấy ngày hội Lăng Ông tấp nập những thiện nam tín nữ tới hành hương chen chúc nhau ở trong đền và ở cả nơi mộ của hai ông bà Tả quân nữa. Già có, trẻ có, nam thanh nữ tú có. Lòng sùng bái vị anh hùng dân tộc ăn sâu vào mọi tầng lớp dân chúng, nên trong ngày giỗ Ngài, không ai tham công tiếc việc, ai cũng cố bớt chút thì giờ đi lễ.

Hội Lăng Ông, ngoài phần lễ bái của dân chúng có gồm các buổi tế lễ theo nghi thức cổ truyền của dân xã Bình Hòa và nhất là của ban quản trị hội Thượng công quý tế,

Hội Thượng công quý tế cũng có tổ chức những châu hát bội cúng đức Thượng công, nhân thể để khách hành hương được mua vui. Để có nơi trình diễn những buổi hát này, ban

quản trị phải cho dựng thêm nhà rạp trong mấy ngày hội. Khách đi lễ vừa lễ thần lại vừa được xem hát.

CHIÊM BÁI ĐỨC TẢ QUÂN

Thường những người tới lễ Lăng Ông trong dịp húy nhật của ngài Tả quân đều lấy lễ bái làm trọng, cho nên đã tới lăng việc đầu tiên là vào lễ trong đền và ở ngoài lăng.

Người người mang theo đồ lễ gồm vàng, hương, nến, trầu cau, hoa quả nhưng cũng nhiều người tới lĩnh vàng hương ngay tại đền để làm lễ.

Khách đi lễ, sau khi bước vào sân đền, những người không mang sẵn đồ lễ, rẽ vào gian nhà ở bên trái đền chính để lĩnh vàng hương. Nơi đây sắp sẵn thành từng xuất đủ vàng hương nến cho mỗi khách hành hương gồm dăm tờ vàng giấy, một cây nến nhỏ và dăm nén hương.

Khách lĩnh số vàng hương trên không phải trả tiền, ra trước sân, đứng trước những lư hương, quay mặt vào đền, nơi có bàn thờ đức Tả quân, khấn vái, sau khi đã châm nến và đốt hương. Khách cầm cả mấy nén hương đang cháy, vái bốn vái dài, ba vái ngắn. Khách vừa vái vừa thì thầm khấn. Cũng có người vái trước rồi khấn sau, và khi khấn xong lại vái lần thứ hai nữa. Kế đó, họ cắm những nén hương vào các lư hương ở sân đền, rồi đem mấy tờ vàng giấy ra hóa tại lò hóa vàng.

Lễ ở ngoài sân đền xong, khách lại vào lễ ở trong đền. Nơi đây bàn thờ khói hương nghi ngút, đèn nến sáng trưng.

Ở hai bên hành lang có những tủ sắt để khách hành hương, ai thành tâm cúng tiền thì bỏ vào.

Vào lễ trong đền, khách có thể xin quẻ thẻ, còn gọi là quẻ xăm để cầu xin chỉ dẫn một việc gì.

Lễ ở trong đền xong, khách lại ra lễ ở lăng hai ông bà Tả quân mé đền trước.

Ở trong đền hay ở lăng, khách cũng đều khấn vái.

Trong những ngày hội, khách hành hương đông lắm, phải chen chúc nhau mới vào được trong đền, rồi lại phải chen chúc mới tới được trước lăng. Khói hương bốc lên nghi ngút, vàng giấy được đốt cháy đầy lò.

Khách hành hương nào có mang đồ lễ tới, khi vào tới đền đã có nhân viên trong đền giúp đỡ để đặt đồ lễ lên bàn thờ. Đồ lễ đặt lên bàn thờ khách cũng khấn vái và lễ trước bàn thờ như những người khác. Có người đứng vái, có người làm lễ hấn lên gối xuống gối, bốn lễ và ba vái. Lễ trong đền xong, khách cũng ra yết lăng, thỉnh thoảng cũng có đôi người chỉ lễ ở trong đền không ra lễ ở ngoài lăng.

Lạ có nhiều người nhân ngày hội làm sớ tới cúng vái ở Lăng Ông, cúng xong họ đốt sớ ngay ở lò hóa vàng tại sân đền.

XIN XĂM

Một số đông người tới chiêm bái đức Tả quân, có xin xăm. Vậy xăm là gì?

Người miền Bắc gọi xăm là quẻ thẻ, là một tờ giấy trên có ghi những điều về gia sự, bản mệnh, tài lộc, duyên số v.v... những lời ghi này có thể ứng vào người lễ bái cầu xin. Mỗi tờ giấy như vậy gọi là một quẻ xăm. Tại các đình chùa đền miếu thường đều có xăm.

Tại đền Đức Tả quân có tất cả trăm quẻ xăm đánh số từ một đến trăm.

Khách lễ bái muốn xin xăm phải quỳ khấn trước bàn thờ, nói rõ ý mình muốn xin về việc gì, rồi cầm lấy một ống thẻ đựng một trăm thẻ tre cũng đánh số từ một đến trăm, ghi bằng hai thứ chữ Hán và Việt. Những thẻ tre này mỏng độ một ly dài độ 15 phân và rộng độ một phân.

Người xin xăm quỳ trước bàn thờ lấy ống thẻ cho tới khi

một thẻ tre rơi ra. Nếu có hai ba thẻ cùng rơi ra, phải bỏ vào ống thẻ lắc lại cho tới khi chỉ có một thẻ tre bắn ra. Đương sự nhặt chiếc thẻ tre đó, đọc xem con số ghi trên thẻ, con số đó là con số quẻ thẻ. Được số quẻ thẻ rồi, người xin lại khẩn lễ lần nữa để xin keo xem có đúng đức Tả quân đã ứng cho quẻ thẻ đó không.

Xin keo tức xin âm dương. Có hai mảnh keo bằng gỗ hình mặt trăng lưỡi liềm, một mặt phẳng và một mặt khum khum vồng lên để phân biệt sắp ngửa. Người xin keo, sau khi khẩn vái tung hai thanh keo lên cho rơi xuống chiếu trước bàn thờ, nếu được nhất âm nhất dương, nghĩa là một sắp một ngửa, quẻ thẻ lắc rơi ở ống ra chính là quẻ thẻ đã ứng cho người xin.

Khẩn lần thứ nhất xin keo không được nhất âm, nhất dương, khách xin thẻ sẽ khẩn lại lần thứ hai rồi lần thứ ba. Nếu cả ba lần đều không được khách sẽ cắm quẻ thẻ vào ống và lắc lại để xin quẻ khác. Được quẻ khác rồi, khách vẫn phải xin keo nếu không được, tức là Thánh không ứng. Xin đến ba lần thẻ mà keo vẫn không được tức là Thánh không muốn ứng, hoặc vì người đi lễ thiếu thành tâm, hoặc vì có sự gì cản trở. Khách phải đợi một ngày khác.

Cũng có người xin keo trước khi lắc ống thẻ, nếu ba lần xin keo không được, tức là Thánh không muốn ứng.

Sau khi đã xin được số quẻ thẻ, khách lễ tạ, lại bốn lễ ba vái hoặc bốn vái dài ba vái ngắn, rồi đi sang gian nhà bên tay mặt đèn để lĩnh thẻ. Ở đây có một hàng tủ để xăm chia làm một trăm ô, mỗi ô để xăm theo một số từ một tới trăm. Khách chọn lấy quẻ xăm theo số thẻ đã xin được ứng trước bàn thờ.

Trước bàn thờ có trải chiếu, có để nhiều ống thẻ và những bộ keo.

Trong ngày hội khách hành hương thi nhau khẩn vái xin thẻ. Ai nấy đều quỳ trước bàn thờ khẩn vái. Tỉnh có, quê có,

già có, trẻ có, nam phụ lão ấu đủ mặt, quốc phục, âu phục không thiếu.

Mỗi người xin xăm cầu một việc. Người xin hỏi về bệnh tật, người xin hỏi về công danh, người xin hỏi về gia cảnh, người xin hỏi về tình duyên, người xin hỏi về con cái v.v...

Xin được quẻ xăm, đọc theo lời trong quẻ xăm mà hiểu. Ai không hiểu, trước đền đã có những người đoán quẻ. Họ đoán theo sách BÀN XĂM và LỊCH SỬ THUỘC CÔNG LÊ TẢ QUÂN của Hội Thượng công Quý Tế. Sách này trước bằng chữ Nho, đã được phiên dịch và xuất bản tại Sài Gòn năm 1949.

NỘI DUNG QUẺ XĂM

Quẻ xăm ở Lăng Ông cũng giống như hầu hết các quẻ xăm ở các đình chùa đền miếu khác.

Mỗi quẻ xăm gồm hai phần chữ Hán và chữ Việt, nhưng cũng có những quẻ toàn bằng chữ Hán dành cho Hoa Kiều.

Trên đầu quẻ thẻ có ghi bốn chữ Tướng quân linh sấm nghĩa là lời sấm linh thiêng của Tả quân và số quẻ thẻ.

Dưới hàng chữ trên là một bài thơ tổng quát, bằng chữ Hán với lời giải cũng là một bài thơ chữ Hán. Cả hai bài thơ này đều là thơ tứ tuyệt, bài tổng quát ngũ ngôn còn bài sau tứ tự.

Hết phần chữ Hán đến phần chữ Việt, gồm hai bài thơ trên được phiên âm và dịch nghĩa, bài thơ tổng quát ở trên và bài thơ giải ở dưới. Bài thơ tổng quát được dịch ra thành thơ ngũ ngôn tứ tuyệt còn bài thơ giải được dịch ra văn xuôi.

Đó là mặt trước lá xăm.

Lật lá xăm ra mặt sau, ta thấy lời bàn của quẻ thẻ. Lời bàn này chia ra làm từng mục theo thứ tự sau:

Bổn mạng - Gia đạo - Mưu sự - Cưới gả - Chiêm bệnh - Cầu tài - Cầu quan - Xuất hành - Kiện cáo và Mất đồ.

Mỗi mục đều có lời bàn rõ ràng để khách xin thẻ muốn cầu điều gì, xem qua mục đó.

CHƯƠNG TRÌNH HỘI LÃNG ÔNG

Như trên đã trình bày, hỷ nhật Tả quân Lê Văn Duyệt nhằm ngày 30 tháng 7 âm lịch, nhưng năm nào cũng vậy, hội được tổ chức ba hoặc bốn ngày để khách hành hương đủ thì giờ tới lễ bái, nhất là đối với những người ở nơi xa xôi.

Ban tổ chức hàng năm đều có chương trình cho những ngày hội để khách thập phương tới chiêm bái dự những lễ cúng và những châu hát cúng đức Thượng công.

Để bạn đọc có một ý niệm và chương trình ngày hội, dưới đây chúng tôi xin lục in lại bản chương trình năm Quý Mão, 1963, chúng tôi còn lưu giữ được.

Ngày 30 tháng 7 Quý Mão (17-9-1963).

7 giờ tới 9 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

10 giờ: Đại lễ cúng đức Thượng công. (Diên túc yết)⁽¹⁾

12 giờ tới 15 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

15 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

Ngày 1 tháng 8 Quý Mão (18-9-1963)

15 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công và xin xăm.

10 giờ: Lễ cúng đức Thượng công

14 giờ 30: Hát tuồng Ngũ Vân Thiện thất thành Nam Dương

1. Cung yết kính mời.

Ngày 2 tháng 8 Quý Mão (19-9-1963)

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công
và xin xăm

10 giờ: Lễ cúng đức Thượng công và chiến sĩ
trận vong.

14 giờ 30: Hát tuồng: Tống tửu Ô Hắc Lợi đến
lúc xử án Bàng Quí phi

Ngày 3 tháng 8 Quý Mão (20-9-1963)

7 giờ tới 10 giờ: Bá tánh chiêm bái đức Thượng công
và xin xăm

*

* *

Qua bản chương trình trên, ta thấy ban tổ chức đã dành rất nhiều thì giờ cho dân chúng tới chiêm bái đức Tả quân và xin xăm. Mặc dầu thì giờ nhiều nhưng trong suốt mấy ngày hội lúc nào lảng và đền cũng đông nghẹt người tới lễ bái và thường phải chen chúc nhau. Khi xin xăm khách phải chờ đợi kẻ trước người sau để quỳ khấn xin keo và lắc ống thẻ.

Lòng dân ta rất sùng kính những vị anh hùng, đức Tả quân Lê Văn Duyệt là một bậc tôi trung lại có công với dân với nước nên được đời đời hương khói phụng thờ, và dân chúng luôn luôn tới lễ đền Ngài, viếng mộ Ngài, không những trong dịp húy nhật của Ngài mà suốt quanh năm nhất là vào dịp đầu xuân và những ngày sóc vọng tuần tiết.

CHÚT ÍT SỬ LIỆU

Nói tới ngày hội Lăng Ông, lẽ tất nhiên phải nói qua tới thân thế và sự nghiệp oanh liệt của Ngài.

TIỂU SỬ - Ông Lê Văn Duyệt sinh năm 1764 tại Rạch Gầm, nay là xã Long Hưng, gần rạch Ông Hồ, tỉnh Định

Tường (Tiền Giang) nhưng nguyên quán ông tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phú).

Theo Tiên Đàm trong tạp chí Tri Tân, nội tổ đức Tả quân can tội ngộ sát, phải bỏ làng Tề Lỗ vào sinh cư tại làng Bồ Đề, huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi, nhưng về sau lại vào xã Hòa Khánh thành Định Tường (Tiền Giang).

Đến đời thân phụ Ngài là ông Lê Văn Toại gia đình họ Lê lại rời Hòa Khánh để tới lập nghiệp ở Rạch Gầm.

Tả quân là trưởng nam và có ba em trai.

Lúc nhỏ Ngài có học chữ, nhưng Ngài không ham văn, chỉ chuộng võ, ưa leo cây săn bắn, chọi gà và đánh nhau với trẻ cùng tuổi.

Sách chép rằng, Ngài có ẩn tật tại bộ phận sinh dục. Có lẽ vì thế nên Ngài không chịu nổi đời sống tù hãm với sách vở, chỉ ưa hoạt động.

Năm 16 tuổi, Ngài gặp vua Gia Long, và từ đó Ngài theo nhà vua khi sang Xiêm, lúc về nước lập được nhiều công trạng trong công cuộc chống Tây Sơn cho đến khi vua Gia Long thống nhất sơn hà.

Sắc phong Ngài là Duyệt Quận công cử giữ chức Khâm Sai Gia Định thành Tổng trấn.

Ngài trải thờ hai đời vua Gia Long, Minh Mạng, và mất ngày 30 tháng 7 năm Nhâm Thìn, thọ 69 tuổi, vào năm Minh Mạng thứ 13 (1823).

Ngài được truy tặng chức Thái Bảo và an táng tại làng Bình Hòa nay là làng sở tại tỉnh Gia Định (quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh).

CÔNG LAO CỦA TẢ QUÂN VỚI MIỀN NAM NƯỚC VIỆT

Xưa kia vua nước Việt là Câu Tiễn có thù với vua Ngô

nước láng giềng là Phù Sai, đem việc đánh báo thù bàn với quần thần.

Quan Thái sư là Văn Chung tâu rằng:

“Tâu nhà vua, trước khi nghĩ đến đánh báo thù nước Ngô, xin nhà vua hãy tính đến việc no lòng người dân Việt đã. Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu. Dân Việt ta sau mấy năm loạn lạc đang cần được no lòng.”

Quan Thái sư Văn Chung nghĩ đến cái ăn của dân, nên nước Việt xưa kia đã trở nên mạnh.

Khi là Tổng trấn Gia Định thành, Tả quân Lê Văn Duyệt cũng luôn luôn nghĩ tới việc nuôi dân, Ngài thường nói:

“Muốn trừ trộm cướp không gì bằng nuôi dân... Muốn nuôi dân không gì bằng cho dân ruộng đất để cày cấy.”

Và Ngài cũng đã thực hành lời nói ấy. Năm Minh Mạng nguyên niên, Ngài đã xin với nhà vua cho lập đồn điền trước là để nuôi những kẻ lưu vong, những quân gian phi ra đầu thú sau là để khai khẩn đất hoang của nước nhà. Chính sách này của Ngài đã thành công. Những lưu dân đã chiêu tập những đất đai đã được khai khẩn, rừng đã được phá thành ruộng.

Trấn Gia Định nhờ chính sách này đã được mở mang và trở nên màu mỡ phì nhiêu. Dân chúng được thịnh vượng phú cường, những phường trộm cắp được dẹp yên, và bờ cõi, với các đồn điền mở rộng cũng lan về phía Cao Miên.

Nhân dân rất cảm mến đức Tả quân và không ai là không biết ơn Ngài.

Sau này, về đời vua Tự Đức, khi cụ Nguyễn Công Trứ lập đồn điền tại các miền Kim Sơn, Tiền Hải cũng là theo gương Tả quân Lê Văn Duyệt đã thi hành ở phương Nam.

HỘI ĐỀN KIẾP BẠC



Đền Kiếp Bạc là nơi thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn xây tại làng Vạn Yên, huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) từ năm Canh Tí, 1300, tức là năm Hưng Đạo Vương qua đời. Ngài đã được phong tới chức Thái sư Thượng phụ Thượng Quốc công Bình Bắc Đại nguyên soái.

Đền Kiếp Bạc tựa lưng vào núi Dục Sơn, một ngọn núi ở giữa một dãy núi gồm ba ngọn, hai ngọn hai bên là núi Nam Tào và núi Bắc Đẩu, trên hai ngọn núi này có đền thờ Nam Tào và Bắc Đẩu lưỡng vị tinh quân. Mặt đền trông ra Lục Đầu giang, nơi ba con sông Nhật Đức gọi nôm là sông Thương, Nguyệt Đức gọi nôm là sông Cầu và Thiên Đức gọi nôm là sông Đuống gặp sông Lục Nam, sông Thái Bình và sông Kinh Môn. Ngay trước đền có một bãi đất rộng, Bãi Kiếm, tục truyền là nơi xưa kia Hưng Đạo Vương đã hành quyết Phạm Nhan.

Trên cổng đền có năm chữ đại tự TRẦN HUNG ĐẠO VƯƠNG TỪ, trên hai cột trụ có đôi câu đối của Thám Hoa Vũ Phạm Hàm.

Vạn kiếp hữu sơn giai kiếm khí
Lục đầu vô thủy bất thu thanh.

Lược dịch:

Vạn Kiếp núi cao hơi kiếm tỏa

Lục đầu nước chảy tiếng thu vang

Qua chiếc cổng lớn này là một khoảng sân rộng rãi bao la với những cây đa cổ thụ cao ngất um tùm. Rồi đến ngôi đền kiến trúc theo lối xưa, thật uy nghi cổ kính.

Trong đền, ngoài bàn thờ Hưng Đạo Vương, còn bàn thờ thân phụ, thân mẫu ngài, bàn thờ các con trai ngài là Hưng Nhượng Vương và Hưng Vũ Vương, các con gái ngài là Quyên Thanh và Đại Hoàng và con rể Ngài là Hổ tướng Phạm Ngũ Lão. Lại có cả bàn thờ hai gia tướng Yết Kiêu và Dã Tượng.

Điều đáng chú ý là cùng với các vị trên, tại đền Kiếp Bạc lại có thờ cả một tướng nhà Nguyên là Nguyễn Bá Linh tức Phạm Nhan. Theo lời tục truyền, tướng này có tà thuật, đã bị Hưng Đạo Vương dùng gươm thiêng giết, phải chăng việc thờ cúng y có dụng ý để nêu cho mọi người biết Hưng Đạo Vương có uy trừ tà thuật.

Trên vách tường đền Kiếp Bạc có bài thơ nôm không đề tên tác giả, nêu rõ công trạng oai hùng của Hưng Đạo Vương trong cuộc chống quân Mông Cổ:

Nghiêng trời lệch nước cuộc đao binh,

Việc nước an nguy hệ một mình.

Núi Kiếp bao phen quân Việt thắng,

Sông Đâu một trận giặc Nguyên kinh.

Ráp đem văn vũ tài vô địch,

Nguyện rửa non sông tiếng bất bình.

Tháng tám dâng hương đền Kiếp Bạc,

Vẫn còn hiển hiện khí oai linh?

Hội đền Kiếp Bạc mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch mỗi năm tức là vào ngày giỗ Tổ đức Hưng Đạo Vương, nhưng ngay từ đầu tháng Tám cửa đền đã mở để khách hành hương tới lễ bái, và ngay từ lúc mở cửa đền khách thấy hội đã kéo tới rất đông từ khắp các nẻo đường.

LỘ TRÌNH TỚI ĐỀN KIẾP BẠC

Muốn đi hành hương đền Kiếp Bạc, từ Hà Nội khách thấy hội đi xe lửa tới ga Bắc Ninh hoặc Đáp Cầu, chính ra xe lửa hàng ngày chỉ chạy qua ga Thị Cầu cho hành khách xuống rồi chạy thẳng Bắc Giang, nhưng trong những ngày hội đền Kiếp Bạc, sở Hỏa xa cho chạy thêm đoạn đường từ Thị Cầu đến Đáp Cầu và đậu ngay ở bến tàu thủy trên sông Nguyệt Đức.

Khách xuống ga Bắc Ninh phải dùng ô tô hàng, trong Nam gọi là xe đồ, đi Phả Lại, nơi có đền Kiếp Bạc, còn khách xuống Đáp Cầu dùng tàu thủy cũng đi Phả Lại (Hải Hưng). Trong những ngày hội, tàu thủy cho chạy thêm nhiều chuyến tàu riêng và cả những hãng ô tô chạy đường Bắc Ninh Phả Lại cũng phải thêm nhiều chuyến.

Chuyến xe chuyến tàu nào cũng chật như nêm, khách thấy hội đủ hạng tuổi nam nữ, giàu nghèo không thiếu hạng nào.

QUANG CẢNH ĐỀN KIẾP BẠC TRONG NGÀY HỘI

Ngày hội là ngày húy nhật đức Hưng Đạo Vương. Người đi thấy hội lấy việc lễ bái làm đầu, bởi vậy hội ở nơi đây chỉ có lễ bái đầu, không có các trò bách hí như ở các hội khác.

Chỉ có khách tới lễ bái, quang cảnh ngày hội cũng đủ thật náo nhiệt sầm uất.

Khách đi lễ đông, người tới hầu bóng xin bùa trừ tà cũng đông.

Dưới sông những con tàu, những con thuyền chở khách từ từ ghé bến giữa cảnh chen chúc của mọi người. Bên những chiếc tàu lớn thuyền to, là những thuyền nan của mấy cô bán vàng mã hương nến chèo ngược chèo xuôi để chào khách.

Trên mặt sông, khách thấy hội ai cũng trông thấy không biết bao nhiêu những khúc chuối cấm hương đốt nến và đặt

vàng mã thả trôi khắp mặt nước. Đây là của người trẩy hội thả để xua đuổi tà ma đi nơi khác. Bọn tà ma mãi đuổi theo vàng mã không ám ảnh những khách hành hương.

Ban đêm những ngọn nến trên những khúc chuối này lập lòe đầy sông xen vào giữa những đám thuyền bè chập chờn như ma trôi, và xa trông như những bóng sao phản chiếu dưới mặt nước.

Từ bến đò đi lên đông nghẹt những người, làn sóng người dồn dập kẻ ra người vào, hết lớp nọ tới lớp kia, chen chân lấn bước, đi thật khó khăn. Hai bên lối đi la liệt những quán hàng bán hương hoa lễ phẩm và những quán bán thức ăn cho khách hành hương.

Những tà áo xanh đỏ tím vàng của những ông Đồng bà Bóng nổi bật lên giữa đám quần trắng áo the hoặc quần nâu áo nâu của những người đi lễ. Những ông Đồng bà Bóng còn đeo thêm nào kiếm gỗ, nào dây quần áo ngồi đồng, nào cờ ngũ sắc...

Trước sân đền, người ta lên đồng ngồi đảo lia đảo lịa. Đây một ông đồng được Thánh ợp, linh xiên thủng mếp đang bắt tà. Tiếng hét, tiếng roi dẫu quật xuống chiếu hoặc vào người những ai đang bị tà ma ám ảnh. Kia một đám cúng lễ, tiếng tiêu cảnh chập cheng lẫn với tiếng khấn vái như muốn át tiếng quát tháo và tiếng roi dẫu vun vút của những đám bắt tà. Lại còn tiếng thanh la, tiếng trống lẫn vào tiếng ồn ào của khách trẩy hội. Mùi hương trầm bốc ngào ngạt, khói tỏa mịt mù. Chỗ này đốt vàng, chỗ kia hóa sớ, khói càng bốc nhiều. Người người sì sụp lễ trước bàn thờ, cầu xin khấn vái từ bàn thờ này qua bàn thờ khác.

Trong đền, trước các bàn thờ, còn có nhiều người quỳ khấn xin thẻ hoặc lắc ống thẻ. Người nọ chờ người kia, và cảnh đông đúc cũng không khác chi ngoài sân đền. Lại có những người xin áo dấu. Họ mua sẵn áo ở ngoài, mang vào

đền lấy dấu son đóng vào. Có khi họ mua những áo có dấu sẵn, mang vào đền đặt lên bàn thờ cầu khẩn để xin Thánh chứng cho. Những áo dấu này là những áo cánh nhỏ, mặc cho các trẻ em. Người ta tin rằng, các em mặc áo dấu, tà ma không dám trêu ghẹo, xin lưu ý là chỉ có áo dấu, không có quần dấu. Dấu Thánh thiêng liêng không ai đóng vào quần.

Ban đêm khách trẩy hội còn lễ bái cho tới khuya. Sau đó có người nằm ngủ ngay trong đền, có người tìm đến những quán ở bên ngoài hoặc tìm đến ngủ dưới những con thuyền đậu ở ven sông.

Quang cảnh tưng bừng náo nhiệt kéo dài cho tới hết tháng Tám âm lịch, mặc dầu ngày hội chính là ngày 20 tháng Tám.

ĐOẠN SỬ OAI HÙNG

Nói đến Hưng Đạo Vương người dân Việt không ai là không nhớ tới đoạn sử oai hùng nước nhà về triều nhà Trần. Quân Trần đã ba phen phá tan quân Mông Cổ.

Chúng ta hiểu rằng Mông Cổ thời đó là một dân tộc hung hãn ở phía Bắc nước Tàu. Chúng đã đánh chiếm nước Tàu, xâm lấn hết vùng Trung Á, Ba Tư kéo quân tới tận Đông Bắc Âu Châu. Ở Bắc Á, chúng đã chiếm Tây Hạ, đánh nước Kim, tràn sang Triều Tiên. Vó ngựa của chúng đi tới đâu người chết tới đó, gà không dám gáy, cỏ không mọc nổi, vậy mà chúng đã ba lần bị thua liểng xiểng khi tiến đánh nước Nam và ba lần chúng kéo quân sang ta là ba lần chúng đại bại, hao binh tổn tướng đến nỗi chủ tướng của chúng, trong chuyến chinh Nam lần thứ hai phải chui vào ống đồng mới trốn nổi cung kiếm của ta.

Quân ta đã thắng nhờ tài điều binh khiển tướng của Hưng Đạo Vương.

Những cuộc chiến thắng này đã làm vẻ vang cho dân tộc

ta, nhiều tác giả ngoại quốc khi nhắc tới lịch sử kháng Bắc của ta cũng phải khâm phục trước ý chí quật cường bất khuất của dân tộc Việt.

Ông A. Pazzi,⁽¹⁾ trong cuốn *Người Việt Cao Quý* đã viết: “Đọc lịch sử của họ, chúng ta không ngăn được mỗi xúc động và sự thán phục. Nếu người ta nghĩ đến giấc Mông Cổ với cái đế quốc Thát Đát mệnh mông chùng nào, có lẽ người ta mới thấy được cái sức chiến đấu lạ lùng của người Việt Nam. Người ta có thể nhận định một cách rõ ràng và dứt khoát rằng chỉ mình dân tộc Việt Nam - duy nhất trên địa cầu này đã đánh bại quân Mông Cổ xâm lăng. Đó là đoàn quân xâm lược vô cùng dũng mãnh, đã thôn tính biết bao nhiêu dân tộc lớn lao, đã đặt Trung Hoa dưới ách nô lệ bạo tàn, đã chiếm Tây Hạ, Tây Bá Lợi Á, xâm lăng Trung Âu, uy hiếp Áo, Đức... Vậy mà đoàn quân bách thắng của họ khi vào biên giới Việt Nam đã bị đánh cho thảm bại liên tiếp ba lần.

“Ba lần chiến thắng vinh quang của dân tộc Việt để chống lại kẻ thù số một của loài người trong lúc ấy, đã đặt Việt Nam vào những dân tộc oanh liệt hàng đầu.”

Nhắc tới Hưng Đạo Vương ngày nay tức là nhắc tới cùng một lúc đoạn sử vẻ vang của dân Việt.

Trong *Đại Nam quốc sử diễn ca*, có ghi lại đoạn sử oai hùng đó bằng những vần thơ hùng tráng sau đây:

Rợ Nguyên quen thói tham tàn,
Quân năm mươi vạn những toan tranh giành.
Sắc sai Hưng Đạo Tổng Bình,
Vớ Trần Quang Khải các dinh tiến vào.
Chương Dương một trận phong đào,

1. A. Pazzi. - *Người Việt Cao Quý* do Hồng Cúc dịch, Cảo Thơm, in lần thứ hai, Sài Gòn, trang 88-89. (A. Pazzi là bút danh của nhà văn Vũ Hạnh dùng để qua mặt ty kiểm duyệt của chính quyền Sài Gòn thời bấy giờ.

Kìa ai cướp giáo ra vào có công?
Hàm quan một trận ruổi rong,
Kìa ai bắt giặc uy phong còn truyền?
Giặc Nguyên còn muốn báo đền,
Mượn đường hộ tống binh thuyền lại sang.
Bạch Đằng một cõi chiến tràng,
Xương bay trắng đất, máu vàng đỏ sông.
Trần Hưng Đạo đã anh hùng,
Mà Trần Nhật Duật kể công cũng nhiều.
Hoài Văn tuổi trẻ chí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.
Trần Bình Trọng cũng là trung,
Đành làm Nam quý không lòng Bắc vương.
Khuyển ưng còn nghĩa đá vàng,
Yết Kiêu, Dã Tượng hai chàng cũng ghê.
Mà trong ngọc điệp kim chi,
Lũ Trần Ích Tắc sao đi đầu hàng?
Nhân khi biến cố vội vàng,
Kẻ trung người nịnh đôi đảng tỏ ra.
Trùng hưng đem lại sơn hà...

HỘI ĐỀN BẢO LỘC

Nhân ngày húy nhật Hưng Đạo Vương, không phải chỉ riêng ở đền Kiếp Bạc có hội hè để lễ bái Ngài, mà còn nhiều nơi khác nữa. Trong số đó có đền Bảo Lộc, xã Bảo Lộc thuộc phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh) là quê hương của Hưng Đạo Vương và có đền thờ Ngài.

Hàng năm vào ngày giỗ Ngài, dân làng có mở hội kỷ niệm vào ngày 20 tháng 8. Đồng bào thuộc các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa cũng như các tỉnh miền Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam không tiện thấy hội đền Kiếp Bạc đều tới lễ bái tại đền Bảo Lộc. Có rất nhiều người đã đi thấy hội đền Kiếp Bạc

trước ngày lễ chính, đến ngày Khánh kỵ cũng lại tới đền Bảo Lộc dự lễ.

Ngày hội có tế lễ, có rước xách. Ngoài ra có hầu bóng, bắt tà tại đền và các con hương đệ tử tới dự hội cũng đông lắm.

Cũng như ở các đền đài khác, dân chúng tới lễ đền Bảo Lộc để tỏ lòng biết ơn vị anh hùng của đất nước và cũng là để cầu phúc và xin đức Thánh phù hộ cho những điều mong ước. Ở đây, khách hành hương cũng làm sớ, dâng vàng đốt hương làm lễ. Cũng có thể xin thẻ để cầu lời Thánh dạy, và cũng có người xin áo dấu như ở Kiếp Bạc.

HỘI XÃ YÊN CƯ

Xã Yên Cư thuộc tổng Xuân Dương, huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình (Hà Nam Ninh) ở giáp bờ sông Đáy, trông sang bên kia là tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh), địa phận xã Phú Hào.

Cũng như nhiều xã khác thuộc tỉnh Ninh Bình ở gần xã Bảo Lộc, xã Yên Cư có đền thờ Hưng Đạo Vương. Hàng năm, cứ vào dịp tháng Tám âm lịch, xã Yên Cư mở hội kỷ niệm cùng với các xã Đa Giá, Yên Khê, Yên Bồng... tỉnh Ninh Bình.

Hội mở to lắm. Dân chúng các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và Nghệ An, vì đường sá xa xôi không thể đi hành hương tại đền Kiếp Bạc đều tới dự hội này, dù đã dự hay không hội đền Bảo Lộc.

Ngày hội có rước xách, tế lễ và các con hương đệ tử quanh vùng cũng kéo nhau tới lên đồng trừ tà để trừ giặc Phạm Nhan hay quấy nhiễu sản phụ và trẻ sơ sinh.

Phạm Nhan, chính tên là Nguyễn Nhan, tục là Bá Linh, xưa là một viên tướng Mông Cổ theo Thoát Hoan sang đánh nước Nam.

Nguyễn Nhan có yêu thuật, lập được nhiều công với giặc Mông Cổ, nhưng cũng mang nhiều tội với dân Nam, chính

vì vậy mà dân ta gọi hấn là Phạm Nhan, nghĩa là phạm nhân tên là Nhan.

Tục truyền rằng Phạm Nhan nhờ có yêu thuật, khi bị bắt, bị trói hấn vẫn tung hoành trốn thoát, sau phải dùng dây ngũ sắc trói hấn mới chịu, nhưng đến khi bị giết, chém đầu này hấn lại mọc ra đầu khác. Sau cùng Hưng Đạo Vương phải dùng gươm thần mới chém được chết hấn, và còn phải lấy các uế vật, máu dê, máu chó vẩy lên người hấn để hấn hết biến hóa.

Tuy hấn bị giết, nhưng từ đó tới nay đã trải hơn sáu trăm năm, người bình dân Việt Nam vẫn còn tin hấn sinh yêu, tác quái trong các gia đình người Việt để hãm hại các trẻ sơ sinh và gây bệnh tật cho các sản phụ.

Muốn trừ Phạm Nhan phải đến xin bùa phép tại các đền thờ đức Trần Hưng Đạo.

LỘ TRÌNH TỚI ĐỀN XÃ YÊN CƯ

Muốn tới xã Yên Cư, phải đi theo con đường liên tỉnh số 10 từ Ninh Bình cho đến cây đa Quay: Đó là xã Yên Cư.

NHỮNG TỤC LỆ TRONG NGÀY HỘI

Tại hội xã Yên Cư, ngoài các cuộc rước xách tế lễ có hai điểm đặc biệt đã kéo khách trẩy hội tới đông hơn: Đó là Cá quần tại sông Đáy và các thiếu nữ phù giá.

CÁ QUẦN

Cá quần thể hiện ngay ở sông Đáy, mé trước cửa đình vào ngày hội.

Theo dân làng này, hàng năm đúng vào buổi sáng ngày 20 tháng Tám, không biết cá ở đâu kéo nhau về khúc sông Đáy này nhiều lắm và cùng nhau quần lên đảo xuống múa lượn như mừng rỡ đón chào ai.

Không ai bắt cá ngày hôm đó, dân làng cũng như khách

trẩy hội, mọi người chỉ thi nhau ném thực phẩm cho cá ăn và đàn cá cũng như đàn người không biết sợ hãi.

Người ta bảo rằng cá quần ở khúc sông này hàng năm vào ngày nói trên đã có từ lâu lắm, không biết từ bao giờ. Tục bảo rằng đó là cá ở sông Bạch Đằng về mừng đón đức Hưng Đạo Vương khi Ngài giáng lâm tại đình xã Yên Cự. Sau ngày 20 tháng Tám, cá lại kéo nhau đi.

PHÙ GIÁ NỮ QUAN

Đây là điểm đặc biệt thứ hai của ngày hội. Các thiếu nữ thanh tân trong làng từ 18 tuổi được dân làng cử khiêng kiệu trong những đám rước, nhất là đám rước qua sông ngày 20 tháng Tám.

Tại đây có câu:

Trai thanh tân chân quỳ vai kiệu,
Gái yếu điệu phù giá nữ quan.

Lệ làng này trong ngày hội, con trai từ thập bát trở lên được cất để khiêng kiệu và các đồ thờ trong đám rước. Cùng với các chàng trai thanh tân này, dân làng lại cất cả các trinh nữ, nghĩa là những cô gái chưa chồng từ 18 tuổi trở lên để khiêng kiệu của Hưng Đạo Vương phu nhân và của các quận chúa.

RƯỚC QUA SÔNG

Trong mỗi kỳ hội, xã Yên Cự có tổ chức nhiều đám rước, nhưng đám rước được mọi người chú ý hơn cả là đám rước vào ngày 20 tháng Tám, đám rước cuối cùng của kỳ hội hàng năm trước khi rã đám.

Đám rước đi từ xã Yên Cự, qua sông Đáy sang xã Phú Hào bên Nam Định. Lễ tất nhiên trong lúc rước, đám rước có dùng thuyền nhưng dân làng Yên Cự bảo rằng kiệu của Hưng Đạo Vương, của phu nhân và của các quận chúa không phải dùng thuyền. Trong đám rước này, các kiệu đều do các

cô phù giá khiêng và lội qua sông. Phép mầu của Hưng Đạo Vương thực là huyền diệu nên các kiệu lội qua sông không chìm và các cô phù giá cũng không ai bị ướt.

Đám rước sang tới xã Phú Hào, nghỉ tại đình làng này sau khi tế lễ, đến chiều lại rước về, nhưng lần này, quay về bằng thuyền.

Các quan viên cùng những người đi rước xã Yên Cư được ban Hội đồng xã Phú Hào khoản đãi theo tục lệ giao hảo giữa các xã.

Không rõ xã Phú Hào thờ vị thần nào nhưng theo lời một vài người dân Yên Cư chúng tôi quen biết, xã này cũng thờ một vị nhân thần đời nhà Trần.

Đám rước qua sông vui lắm! Nào tàn lọng, nào trống kèn, nào phường bát âm, cờ quạt phấp phới, hương tỏa khói trầm và người người đông nghịt những con thuyền.

Nhất niên, nhất lệ, ngày hội hàng năm, ai bỏ được!

KỶ NIỆM HUNG ĐẠO VƯƠNG TẠI SÀI GÒN

Từ năm 1954, với Hiệp định Genève, đất nước bị chia đôi, nhưng lòng người Việt Nam không thay đổi, dù xưa kia hay ngày nay, dù ở Bắc hay ở Nam, cũng không bao giờ quên ngày kỷ niệm vĩ đại anh hùng của dân tộc.

Hàng năm vào ngày 20 tháng Tám âm lịch, tại đền thờ Ngài ở đường Hiền Vương Sài Gòn (nay là Võ Thị Sáu), dân chúng vẫn làm lễ kỷ niệm với những cuộc tế lễ rất long trọng. Trong mấy năm gần đây, ban quản trị đền lại có tổ chức Tế nữ quan, nghĩa là các quan viên dự tế, từ chủ tế, bồi tế đến chấp sự viên đều là phụ nữ.

Rất nhiều người tới dự lễ và khách hành hương trong ngày kỷ niệm từ sớm đến chiều luôn luôn không ngớt.

Cũng nhiều người tới xin thẻ như ở các đền ngoài Bắc xưa kia.

MỘT VÀI HỘI TẠI CÁC ĐỀN THỜ CÁC TƯỚNG TÁ CỦA HUNG ĐẠO VƯƠNG

Nhân nói tới hội hè tại các đình đền có thờ Hung Đạo Vương, chúng tôi xin nói qua tới một vài hội tại các nơi có đền thờ các tướng tá bộ hạ của Người. Chúng tôi chỉ nói tới một số ít ỏi chúng tôi biết và chờ sự chỉ giáo của bạn đọc về các hội hè khác liên quan tới các tướng sĩ của Hung Đạo Vương.

HỘI ĐỀN PHẠM NGŨ LÃO

Làng Phù Ủng thuộc phủ Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Hải Hưng) có đền thờ ông Phạm Ngũ Lão, một danh tướng đời Trần đã lập được rất nhiều công trạng trong cuộc chống quân Mông Cổ xâm lăng.

Hội mở trong 15 ngày, từ 11 đến 25 tháng Giêng.

Đền thờ Ngài ở giữa làng. Cách đền Ngài 300 thước có đền thờ bà cung phi con gái Ngài, Thủy Tiên quận chúa, sau được vua Trần Anh Tông vời làm cung phi.

Thủy Tiên quận chúa, là con gái duy nhất của Ngài.

Quận chúa tuy là cung phi của vua Anh Tông nhưng bà không có con, cho nên lúc về già, bà về tu ở chùa Phù Ủng và mất ở đó. Ngày hội làng Phù Ủng mở đầu bằng một đại lễ vào ngày 11 tháng Giêng. Đại lễ này dân làng tế Phạm Tiên Công tức là ông thân sinh ra Ngài trước rồi sau đó mới tới tế tại đền Ngài.

Tối hôm đó, sau hai lễ tế Phạm Tiên Công và Phạm tướng quân, dân làng họp mặt tại đền bà cung phi để lau rửa tượng bà và trang sức cho pho tượng với đủ quần áo hoa hột. Những đồ nữ trang này, trước kia, ông thủ từ vẫn giữ gìn cẩn thận và hàng năm chỉ mang dùng trong dịp hội, sau đó lại được cất trong các hộp riêng.

Ngày 12 dân làng tế lễ tại đền bà cung phi, và sáng ngày 13, dân làng rước tượng bà về đền chính và thờ tại đền này cho tới ngày 23 tháng Giêng, mới lại rước về đền cũ.

Trong buổi rước tượng bà cung phi, các trai làng phải khiêng kiệu, nhưng các tín nữ, áo quần thật là lòa lẹt được cất cử để đội những hòm giày, hòm mũ, hòm quần áo của bà. Các cô được cất cử vào công việc này đều lấy làm hãnh diện và các cô tin rằng sẽ gặp may mắn quanh năm, những cô chưa lập gia đình sẽ gặp bạn lứa đôi xứng đáng.

Suốt thời gian mở hội, ngày nào dân làng cũng có tế lễ và có các trò vui như đánh cờ, đánh tổ tôm điểm. Tối tối lại có hát chèo.

Ngày 15 có cuộc tế của hội Kỳ Anh trong xã. Chỉ những người có phẩm hàm chức tước, và những ông già trên năm chục tuổi mới được dự lễ này.

Ngày 23 có cuộc rước tượng bà cung phi trở về đền. Lại các thanh niên khiêng kiệu và các thanh nữ đội vàng hương, giày mũ như hôm rước tượng bà vào đền chính.

Đám rước có trống, náo bạt, và có phường bát âm cử nhạc, và cả trong những ngày tế lễ cũng vậy.

Ngày 25 là ngày rã đám. Dân làng làm lễ tại đền bà cung phi để xin cất các đồ trang sức.

HỘI ĐỀN HUNG NHƯỢNG VƯƠNG

Đền này gọi là đền Suốt, vì ở cửa Suốt, gần Cẩm Phả. Hung Nhượng Vương chính tên Trần Quốc Tảng, con trai thứ ba đức Hưng Đạo Vương.

Đền Suốt dựng trên con đường từ Hải Phòng tới bến Cẩm Phả, xây trên đỉnh núi Hồng Nhạc. Trong đền có tượng Hung Nhượng Vương trông ra biển Đông Hải, và do đó dân chúng còn gọi đền này là đền đức Đông Hải Đại Vương. Đền tựa lưng vào dãy núi Vạn Hoa, một dãy núi đất hình chữ bát úp. Hai bên núi Hồng Nhạc có hai núi cũng mang tên là Nam Tào Bắc Đẩu, giống như hai ngọn núi hai bên núi Dục Sơn ở Kiếp Bạc.

Hung Nhượng Vương xưa kia đã có công giúp cha là Hung Đạo Vương đánh đuổi giặc Nguyên, trong hai lần Thoát Hoan chực xâm chiếm nước Nam, bởi vậy khi Vương chết được dân chúng lập đền thờ phụng.

Hội mở vào rằm tháng Giêng âm lịch hàng năm. Trong ngày hội có tế lễ và cũng có các ông Đồng, bà Bống mang khăn châu áo ngự tới lên đồng, bắt tà chữa bệnh. Khách thấy hội cũng xin thẻ.

Dân chúng miền duyên hải miền Bắc, nhất là dân thợ mỏ Hồng Gai và Cẩm Phả tới lễ đông lắm. Có người tới xin bùa xin dấu, có người chỉ cốt tới lễ để tỏ lòng nhớ ơn một vị anh hùng.

Tuy hội chính mở vào rằm tháng Giêng, nhưng ngay từ ngày 12 đã có người bắt đầu tới lễ và mãi tới ngày 20 đóng cửa đền, hội mới coi là hết.

Trong những ngày hội có tàu thủy chạy đường biển và ô tô chạy đường bộ từ Hải Phòng hoặc Hồng Gai (Quảng Ninh) tới đền.

Đi thấy hội đền Suối, khách hành hương còn có dịp ngắm phong cảnh dãy núi Vạn Hoa, đi thăm mấy ngọn Hồng Nhạc, Nam Tào và Bắc Đẩu.

Suốt mấy ngày hội, đền cửa Suối thật là tấp nập. Để kiêng tên người ta gọi Hung Nhượng Vương là ông lớn cửa Suối.

Ngoài ngày hội về rằm tháng Giêng, ngày mồng ba tháng Tám là ngày giỗ Hung Nhượng Vương, dân làng nơi đây cũng có mở hội.

HỘI ĐỀN YẾT KIÊU

Xã Hạ Bì, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) ở ngay bên sông Phú Lương, có đền thờ Yết Kiêu, gia tướng của Hung Đạo Vương. Hàng năm dân làng mở hội vào ngày mồng 8 tháng Hai âm lịch.

THẦN TÍCH. Yết Kiêu là gia tướng của Hung Đạo Vương đã lập nhiều công trạng trong ba cuộc đánh đuổi quân Nguyên.

Hạ Bì chính là quê ông. Ông là một người có sức khỏe. Bà mẹ ông nhà nghèo, lập quán bán hàng nước dưới gốc một cây đa đầu làng. Quán lợp sơ sài chỉ đủ che mưa che nắng.

Ông Yết Kiêu, lúc nhỏ ở với mẹ, ban đêm không bao giờ ngủ trong quán, bắc võng ngủ trên cây đa.

Ông hầu hạ mẹ rất có hiếu và làm hết những công việc nặng nhọc. Nhà ông có hai cái chum lớn⁽¹⁾ đựng nước. Công việc gánh nước để dùng trong nhà cũng như để bà mẹ nấu nước bán do ông đảm nhiệm. Gánh nước ông không dùng thùng nhỏ, mà ông đem ngay hai cái chum lồng vào để gánh nước ở sông. Mỗi lần như vậy ông gánh đầy hai chum nước, đủ cho mẹ dùng bảy tám ngày.

Một ngày kia ông gánh đôi chum ra bờ sông lấy nước, ông bắt gặp hai con trâu đang húc nhau, ông liền lấy đòn ổng gánh nước để đuổi cho chúng khỏi húc nhau, không dè hai con trâu mải húc nhau, húc dập cả đòn ổng của ông. Tức mình ông xông thẳng tới lấy hai tay vít đầu hai con trâu xuống.

Hai con trâu hoảng sợ chạy xuống sông mất. Ông nhìn tới đòn ổng thấy có dính mấy chiếc lông trâu. Ông tự bảo “Đòn ổng mọc lông.”

Đoạn ông nhổ những chiếc lông đó cắm vào hai lòng bàn chân không dè lông ăn luôn vào da. Ông lấy làm lạ, nhưng cũng không lưu tâm tới mấy, gánh hai chiếc chum xuống sông để múc nước. Nào ngờ ông bước xuống sông, nước rẽ ra cả hai bên và ông không múc được nước.

Ông gánh hai chiếc chum về không. Không thấy có nước, bà mẹ hỏi thì ông đáp: “Sông hết nước rồi!”

Thấy con trả lời một cách vô lý bà mẹ cho là ông mải đi

1. Trong Nam gọi là cái lu.

chơi không chịu gánh nước, rồi nói dối. Bà vác gậy đuổi đánh. Ông bỏ chạy, không dám về nhà nữa. Về sau ông gặp Hưng Đạo Vương theo về làm gia tướng lập được nhiều công trạng trong việc đánh đuổi quân Mông Cổ.

Trên đây là thần tích xã Hạ Bì. Thần tích này hơi khác với những điều đã ghi trong các sách Nam Hải dị nhân của Phan Kế Bính và Hải Dương Phong vật chí của Trần Đạm Trai, bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm.

Theo Hải Dương Phong vật chí, một lần ông ra bãi biển gặp lúc có hai con trâu húc nhau, ông dùng cùi tay đánh trâu, trâu chạy xuống bể mất dạng. Khi nhìn lại thấy có mấy cái lông trâu dính bết vào cùi tay. Ông cho là vật thiêng bỏ ngay vào mồm nuốt chửng. Từ đấy ông lội nước cũng như đi trên đất bằng.

Theo Phan Kế Bính, khi ông thấy hai con trâu húc nhau, ông lấy gậy đánh trâu, trâu chạy xuống biển. Nhìn đầu gậy có dính mấy lông trâu, ông bỏ vào mồm nuốt chửng.

Khi theo Hưng Đạo Vương đánh quân Nguyên, ông dùng một chiếc dùi sắt, lặn xuống nước, khoan thủng thuyền của giặc, làm cho thuyền giặc bị đắm rất nhiều. Tướng giặc là Ô Mã Nhi thấy vậy dùng lưới chụp bắt được ông. Ô Mã Nhi tra hỏi trong nước Nam có bao nhiêu người tài giỏi như ông. Ông trả lời những người giỏi hơn ông nhiều lắm, tha ông, ông sẽ chỉ cho mà bắt. Ô Mã Nhi nghe lời, sai lấy thuyền nhẹ chở ông đi dẫn đường, ông liền, trong một lúc quân giặc không đề phòng nhảy xuống sông trốn.

Khi giặc Nguyên đã phá xong, triều đình chưa kịp ban thưởng, ông đã ốm chết. Ông được truy phong làm TĨNH MỤC HIỂN MINH CHIÊU ÚNG ĐẠI VƯƠNG.

Dân làng Hạ Bì lập đền thờ ông, và hàng năm mở hội để kỷ niệm.

TỤC LỆ TRONG NGÀY HỘI

Ngoài những cuộc tế lễ tại đình, trong ngày hội dân làng có tổ chức đánh cờ bỏi. Và chung quanh đình là những đám cờ bạc như xúc xắc, thò lò, đáo đĩa v.v...

Làng này có tục đăng cai rất tốn kém. Hàng năm sau ngày hội, dân làng chỉ định 12 vị quan viên sẽ lo việc đăng cai cho ngày hội năm sau.

12 vị quan viên, trong suốt năm được chỉ định, nếu vợ có chứa sẽ phải phạt vạ, và theo nguyên tắc họ phải giữ không gần nữ sắc cho đến kỳ hội năm sau.

Đến kỳ hội, mỗi vị đăng cai phải giết một con lợn (heo) nặng ít nhất một tạ ta tức 60 kí lô ngày nay. Con lợn này vị đăng cai phải nuôi từ năm trước, vỗ cho béo đầy, và cũng phải giữ sạch sẽ. Nếu ai vô ý để lợn ăn phải vật ô uế, con lợn sẽ bị bệnh mà chết, do đó con lợn được săn sóc kỹ lưỡng cũng như vị đăng cai phải tự giữ gìn lấy mình vậy. Cùng với con lợn vị đăng cai lại phải lo thổi một mâm xôi lớn, khổ mâm rộng 2 thước 2 tấc ta, tức là 0 thước 88 ngày nay. Mâm xôi phải đem thật đầy. Và phải thổi bằng gạo nếp cái hột tròn mập và mùi thơm phức.

Xôi lợn này mang ra tế thần, rồi dùng làm phần chia cho dân làng.

Các vị bô lão tuổi cao được chia phần nhiều hơn, đúng theo tục lệ trọng tuổi già.

Các vị đăng cai nếu trong thời gian được chỉ định chẳng may gặp đại tang, sẽ bị loại, và một vị quan viên sẽ thay thế để lo việc đăng cai. Đăng cai tuy tốn kém, nhưng đây là một điều vinh dự trong dân làng, nên mọi người được chỉ định đều lấy làm hân hoan lo tròn bổn phận.

Theo lời một người dân xã Hạ Bì nói với chúng tôi thì Tỉnh Mục Hiến Minh Chiêu Ứng đại vương linh thiêng lắm,

Ngài phù hộ cho dân làng rất nhiều. Trong đền thờ còn có chiếc búi tóc của Ngài. Chiếc búi tóc này, với thời gian đã biến từ màu đen sang màu vàng đỏ. Cho tới hồi 1945 chiếc búi tóc vẫn còn, nhưng không biết ngày nay có còn nguyên tại đền thờ Ngài chẳng?



LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN TRUNG TRỰC



Tại xã Long Kiên, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang hiện nay có đền thờ ông Nguyễn Trung Trực, người đã dấy binh chống Pháp vào những năm 1860.

Hàng năm trong những ngày 18, 19 và 20 tháng Mười tại đền Ngài có lễ kỷ niệm rất trọng thể.

VÀI DÒNG TIỂU SỬ

Nguyễn Trung Trực là một vị anh hùng của dân tộc, người đã hy sinh thân thể chống giặc Pháp xâm lăng. Dưới đây là tiểu sử của Ngài theo Nguyễn Thành Nhuận ở Long Xuyên đã đăng trên nhật báo Tiền Tuyến:

“Sanh trưởng trong một gia đình chuyên nghề chài lưới tại Mỹ Tho, Nguyễn Trung Trực có tên thật là Nguyễn Văn Lịch. Mồ côi cha từ thuở bé, ngài sống với mẹ già trong cảnh thanh bần với tấm lòng hiếu thảo hiếm có. Tánh tình điềm đạm, hình vóc trung trung, ngài có vẻ nho sinh hơn võ tướng. Vì hoàn cảnh gia đình thiếu thốn và cô đơn ngài cam chịu kém phần khoa cử nhưng rất tinh thông võ nghệ.

“Nhằm lúc nước nhà gặp cơn khốn đốn vì giặc Pháp xâm lăng, vốn có lòng ưu quân ái quốc, ngài không thể ngồi nhìn cảnh giang sơn bị giày xéo, đồng bào bị đau khổ, nên cùng người bạn là Nguyễn Văn Cầm chiêu binh mãi mã lập đội Nghĩa binh chống lại quân thù.

“Nhận thấy cụ Nguyễn Tri Phương là danh tướng đương thời có đồn lũy kiên cố mà không thể ngăn chặn được sức tấn công của giặc, ngài không áp dụng theo lối đánh công khai mà xoay qua thế du kích và chiến lược tiêu hao.

“Ngày 11-12-1861, ngài chỉ huy đột kích tàu Espérance tại vàm Nhật Tảo, tiêu diệt tất cả địch quân và chính tay ngài đã bêu đầu Trung tá Parfait. Đây là chiến thắng oanh liệt nhất lúc bấy giờ, được vua Tự Đức tuyên dương công trạng và chiếu chỉ sửa đổi tên ngài lại là Nguyễn Trung Trực.

“Sau đó ngài liền hợp với cụ Trương Công Định tại Gò Công tiếp tục đánh phá những đồn bót của địch trong vùng Thuộc Nhiêu, Thủ Thừa, Bến Lức, Mỹ Hạnh, Phước Lý, Long Thạnh, Phú Lâm, Bà Hom.

“Vì lầm mưu tên phản bội Huỳnh Công Tấn tục gọi là Lãnh binh Tấn, cụ Trương Công Định bị sát hại đêm 20-8-1864 và hàng ngũ kháng địch do đó bị tổn hại khá nhiều.

“Qua năm 1867, ba tỉnh miền Tây Nam Việt lọt vào tay quân Pháp. Thế nhưng ngài không nản lòng thối chí. Lúc bấy giờ, Thủ Khoa Huân khởi nghĩa tại Định Tường; Thiên Hộ Dương phát cờ vùng Đồng Tháp, còn ngài thì chuyển binh về khắp miền Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên. Ngài đi khắp vùng Thất Sơn đến Vịnh Thái Lan, có lúc về ẩn náu vùng Cù Lao Ông Chưởng.

“Đang hoạt động tại miền An Giang kể được tin bạn là Nguyễn Văn Cầm bị giặc bắt tại đồn Kiên Giang, ngài liền tới Hòn Chồng huy động binh sĩ vào đánh lấy đồn này. Với sự trợ lực hăng say của Cai Thoại một nghĩa binh có sức

mạnh phi thường, bà Điền một bà già bán quán tại Trà Niên làm liên lạc và tình báo, và Bếp Cân trong hàng ngũ lính mã tà của Pháp làm nội tuyến, ngài đã hạ đồn Kiên Giang trong một đêm làm cho quân địch không kịp trở tay.

“Để ca tụng hai chiến công hiển hách trên, cụ Huỳnh Mẫn Đạt thời ấy có làm hai câu đối cho đến ngày nay vẫn còn truyền tụng:

Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần

“Một thời gian sau binh cứu viện của giặc từ Sài Gòn kéo đến. Thế giặc khá mạnh làm cho ngài không chống cự nổi phải rút binh ra Phú Quốc. Quân Pháp đuổi theo giao chiến liên tiếp. Trong cơn binh lửa, người chần gối với Ngài lâm bồn thọ bệnh đến chết, đứa con thơ không người chăm nuôi săn sóc cũng chết theo mẹ.

“Lãnh binh Tấn thừa lệnh của giặc ra tận Phú Quốc tìm ngài để khuyên dụ. Không thể gặp ngài, Tấn kiếm bắt mẹ ngài tra tấn tàn bạo bắt buộc chỉ nơi ngài ẩn trú. Không đành để mẹ mình chịu đau khổ và dân làng bị hành hạ, ngài từ chối tất cả mọi vinh quang phú quý của Pháp đem ra mua chuộc để nhận lấy cái chết ngang nhiên cho trọn niềm trung quân vương, hiếu phụ mẫu. Ngài bị xử tử tại Kiên Giang vào tháng 10 năm 1868.

“Trước giờ bị hành quyết, Ngài có làm một bài thi tứ tuyệt như sau:

Thư kiếm từng nhung tự thiếu niên,
Yêu gian đảm khí hữu long tuyền,
Anh hùng nhược ngộ vô dụng địa,
Báo hận thâm cừ bất đãi thiên.

*

* *

Theo việc binh nhưng tự thuở trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài,
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chan chan chẳng đội trời.

“Thế rồi lưỡi dao đao thủ phủ chém xuống, đầu ngài rơi nhưng hai tay của ngài đưa lên hứng lấy đặt ngay chỗ cũ, 2 mắt của ngài vẫn trừng trừng sáng quắc làm cho ai nấy cũng phải kinh hoàng và thán phục.

“Khi triều đình Huế nhận được tin này, vua Tự Đức có dạy làm lễ truy điệu.

“Tuy ngài đã chết nhưng khí hùng của ngài vẫn sống muôn đời. Tuy cuộc tranh đấu của ngài không thành công nhưng gương trung nghĩa của ngài vẫn lưu truyền hậu thế.

“Để noi gương anh dũng ấy, tên của ngài được đức Huỳnh giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo dùng đặt cho một bộ đội cách mạng kháng Pháp từ năm 1946.

“Vào năm 1952, bộ đội Nguyễn Trung Trực có xây cất tại xã Long Kiên quận Chợ Mới (An Giang) một đền thờ để tưởng niệm và tri ân ngài mà hàng năm đều có làm lễ giỗ.

“Tại tỉnh lỵ Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cũng có đền thờ ông Nguyễn Trung Trực”.

KẾT LUẬN



Chúng tôi xin tạm ngưng ở đây về những hội hè kỷ niệm liên quan tới các nhân vật lịch sử. Chúng tôi hiểu còn rất nhiều thiếu sót, nhưng sự biết ơn của chúng tôi có sao chúng tôi viết vậy, và chúng tôi rất mong sự bổ khuyết của bạn đọc. Đọc qua mấy chục trang trên, điểm thắc mắc đầu tiên của các bạn có lẽ là thấy thiếu những ngày kỷ niệm về các vị Bố Cái Đại Vương, Lê Thái Tổ. Chúng tôi đã nhớ tới và chúng tôi cũng có chút ít tài liệu về các vị cũng như về nhiều vị anh hùng khác của dân tộc. Bà Triệu, Lý Thường Kiệt... Nhưng những tài liệu của chúng tôi không đủ rõ ràng, và chúng tôi cũng không có dịp đến tận nơi có đền thờ các vị này để tìm hiểu, nên chúng tôi nghĩ thà không nói đến còn hơn là nói đến một cách mập mờ.

Tất cả những hội hè chúng tôi đã nêu lên ở chương này đều liên quan tới các vĩ nhân lịch sử, và các vị này thật xứng đáng sự tôn thờ của hậu thế, tuy nhiều vị đã xuất thân nơi áo vải như vua Quang Trung, vua Đinh Tiên Hoàng, ông Phạm Ngũ Lão, Tả quân Lê Văn Duyệt v.v...

Dù ở nơi áo vải, dù từ một kẻ chăn trâu như vua Đinh, dù chỉ là một người dân quê đan rổ như Phạm Ngũ Lão v.v...

các vị trên đã vì dân vì nước hoặc đánh đuổi xâm lăng, hoặc định an xứ sở, hoặc có những công trạng ích quốc lợi dân. Các vị đã quên thân mình, đem tài đức lo nghĩa công mới được đời đời tưởng niệm khói hương phụng thờ.

Người có công, dân nước không bao giờ quên, cũng như những kẻ có tội với quốc gia dân tộc, bán nước cầu vinh, thì muôn đời vẫn chịu bia miệng?



PHẦN THỨ HAI



Hội hè về tôn giáo

Những hội hè về tôn giáo thường là những hội cử hành tại những nơi thờ tự riêng về các tôn giáo. Phần lớn những hội này là những hội chùa, nhưng cũng có những hội tổ chức tại các đền thờ chư vị, thờ các Bà chúa miền rừng núi hoặc miền sông và ta thường gọi là các đức Mẫu như đức Mẫu Thượng Ngàn, đức Mẫu Thủy Cung. Bên các Bà chúa có các Ông Hoàng và các Công chúa, các tín đồ gọi là các Cô, như cô Ba Bắc Lệ và các Cậu.

Bà Liễu Hạnh, ta gọi kính cẩn là bà chúa Liễu cũng là một vị thần linh thiêng, và các nơi có đền thờ bà hàng năm cũng đều có mở hội.

Lại như ở miền Nam có Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc mà hàng năm hội vào những ngày 24, 25, và 26 tháng Tư âm lịch được dân chúng gọi là lễ Vía Bà Núi Sam. Cũng phải kể các hội tôn giáo như lễ kỷ niệm Huỳnh Giáo Chủ ở Thánh địa Hòa Hảo.

Trong các hội tôn giáo, phần chính là sự lễ bái, các trò vui xuân tuy cũng có nhưng chỉ là phần phụ.

HỘI CHÙA HƯƠNG



Chùa Hương còn gọi là chùa Hương Tích là một thắng cảnh của miền Bắc Việt Nam đã được vua Lê Thánh Tông tặng là NAM THIÊN ĐỆ NHẤT ĐỘNG.

Chùa nằm trên địa phận làng Yến Vĩ, phủ Mỹ Đức tỉnh Hà Đông.

Bắc Việt có nhiều chùa chiền thắng cảnh, nhưng ai đã đi chùa Hương đều công nhận chùa Hương là đẹp và chùa Hương cũng là nơi được nhiều người biết tới hơn cả, và sự biết này chính là do Hội Chùa Hương.

Hàng năm Hội Chùa Hương mở từ đầu tháng Giêng cho đến hết tháng hai, ngày chính hội là ngày rằm tháng Hai.

Trong kỳ hội dân chúng các nơi, khắp bốn phương miền Bắc, từ Thanh Hóa đến Lạng Sơn, từ Cao Bằng đến Nam Định đều rủ nhau trẩy hội Chùa. Nhiều người dù chẳng giàu có gì, nhưng lòng mộ đạo muốn thăm cảnh, họ cố gắng đi lễ Chùa Hương, người sung túc vài ba năm đi lễ một lần, người thiếu thốn cũng cố gắng một đời đi lấy một lần để biết nơi bầu Trời cảnh Bụt.

Chùa ngoài tên Hương Tích, còn được gọi là Hương Sơn. Nói là chùa Hương nhưng không phải chỉ gồm một ngôi chùa,

mà gồm nhiều ngôi Chùa rải rác trong dãy núi đá vôi nhiều ngọn không cao lắm ở vùng này. Ngôi chùa chính là chùa Hương Tích thiết lập trong một động lớn, thờ Phật Bà Quan Âm, cùng với nhiều vị Phật. Chính trước cửa động này có năm chữ tương truyền là của vua Lê Thánh Tôn, với những nét rất sắc sảo Nam Thiên Đệ Nhất Động.

Đi chùa Hương thường do hai lối: đường bộ hoặc đường thủy, nhưng đi đường nào, khi tới bến Đục, hoặc bến Hà Đoan khách thấy hội cũng phải đi đò Suối. Đường bộ qua Hà Đông đến phủ Vân Đình, tới làng Hòa Xá, rồi sang sông cập bến Hà Đoan khách thấy hội sẽ đi bộ chừng năm trăm thước, và đây là đò Suối. Đi đường thủy, khách đi đò dọc trên sông Đáy từ Phủ Lý, tỉnh lỵ tỉnh Hà Nam. Thuyền đi từ chập tối hôm trước, và tang tảng sáng hôm sau tới bến Đục, kể bến Hà Đoan. Khách cũng lại đi bộ độ năm trăm thước trước khi tới đò Suối.

Bến Đục là địa đầu cảnh Hương Sơn. Phong cảnh trông thật là bao la hùng vĩ.

Trong những ngày mở hội, giữa khung cảnh bao la hùng vĩ này chen vào một vẻ tấp nập nhộn nhịp khác thường.

Dưới sông thuyền đậu san sát tại bến. Những cột buồm chi chít, khiến ở đằng xa, trông như một rừng tre khô: Những con đò ngang đi đi lại lại, từ bên này sang bên kia sông, và những con đò dọc từ mạn Phủ Lý tới từ từ cập bến. Du khách đứng nhấp nhô trên mũi thuyền, trên mạn thuyền. Mái chèo khua nước bắn tóe, sóng sông nhẹ vỗ vào mạn thuyền đều đều khiến những con thuyền dập dềnh như chen chúc. Du khách gọi nhau, chỉ trỏ cảnh núi non cao rộng, cảnh sông nước bao la, trông như tranh vẽ.

Lên bến Đục, người đi lễ đông nghịt, ai nấy đều tay xách nách mang, lủng túng những vàng hương đồ lễ. Họ kéo nhau đến đò Suối, hoặc từ đò Suối đi ra. Những lớp người tiếp những

lớp người, những lớp người gặp những lớp người. Không ai quen biết ai, nhưng gặp nhau họ đều vui vẻ chào nhau. Họ chào nhau bằng những tiếng niệm Phật Nam mô. Những tiếng Nam mô vang lên, những tiếng Nam mô đáp lại. Lòng khách đi lễ, hay ở chùa ra về, ai nấy đều hướng vào Đức Phật Bà Quan Âm, cầu xin ở Đức Phật mọi sự từ bi hỉ xả, mong Đức Phật ra tay cứu vớt họ, để bao nhiêu lỗi lầm của họ về trước đều được xóa bỏ.

Đi bộ một lúc lâu là đến Suối. Trên quãng đường vào khoảng năm trăm thước từ bến Đục tới bến Suối là một dãy dài hàng quán bán quà bánh, các đồ thủ công nghệ để làm kỷ niệm và nhất là các thứ sản phẩm địa phương: Rau sắn, củ mài, mơ, trao lão mai v.v...

Đứng ở bến Suối, khách nhìn bao quát được hết phong cảnh vùng chùa Hương. Non nước bao la, xa gần nét đậm nét nhạt, những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau. Bầu không khí trong vắt. Lòng du khách thấy nhẹ lâng lâng. Những tiếng Nam mô của chư khách chào nhau vang lên trời cao, vang trên mặt nước, lẫn vào ngàn mây, bụi trần lúc này cơ hồ như gột sạch.

Ở đây, khách sẽ xuống đò đi vào chùa Ngoài.

Những cô lái đò lanh lẹ trên chiếc thuyền nan với nét mặt tươi cười, với giọng quyến rũ mời khách đi đò.

Trời đầu năm còn lạnh lạnh. Các cô chít chiếc khăn mỏ quạ để lộ đôi má ửng hồng. Với khuôn mặt nhẹ nhàng, với dáng điệu mau mắn, các cô giúp đỡ khách đi chùa. Có những con thuyền vừa cập bến, chở khách từ chùa ra, có những cô đã cắm thuyền từ trước đợi khách vào chùa. Cô nào cô nấy đều vui vẻ đón chào chư thiện nam tín nữ thập phương.

Có lẽ ở đây là cảnh Phật, nên lòng người, ai cũng thấy nhẹ lâng lâng, không bợn chút bụi trần: Người ta đang sống ở một thế giới khác, tấm lòng vị tha đã thắng sự ích kỷ vị ngã, lấy sự niềm nở giúp đỡ nhau làm trọng yếu!

Có lẽ ở đây cảnh thiên nhiên mơ màng như không như có, như xa như gần, người ta chịu ảnh hưởng của núi trời mây nước, trở nên phóng khoáng rộng rãi, quý người hơn quý mình!

Khi thuyền vừa cập bến, các cô lái dò dẫm chèo, mang hành lý lên bờ giúp khách đi đồ. Miệng các cô hớn hở tươi như hoa, lời các cô nhẹ nhàng, điệu bộ các cô nhanh nhẹn. Khách đi thuyền ai cũng ngợi khen.

Chào khách ra về, các cô niệm Nam mô A Di Đà Phật, và các cô nói theo: “Xin Phật độ trì cho cụ để sang năm cụ lại đi trẩy hội, chúng con sẽ đón cụ ở đây”.

Khách cũng đáp lại:

“A Di Đà Phật! Tôi cũng cầu xin Phật phù hộ cho cô luôn luôn khỏe mạnh, chở được nhiều khách tới lễ Phật.”

Đấy là những khách rời thuyền, còn những khách xuống thuyền nữa.

Các cô đơn đả chào mời. Du khách xuống thuyền cô hay xuống thuyền của một cô khác, các cô vẫn vui vẻ giúp đỡ khách. Các cô lên bờ mang giúp khách xuống thuyền đồ lễ, vàng hương, và có khi khách mang theo cả chăn màn để phòng lúc ngủ lại chùa. Khách được các cô giúp vui mừng, cảm ơn lòng từ bi của Đức Phật đã cho khách được may mắn, và các cô cũng hài lòng.

Một tốp khách xuống thuyền, hai ba tốp khách lại xuống thuyền. Chiếc thuyền bé nhỏ của mỗi cô chỉ chở nhiều lắm là năm sáu người khách. Khách đã đủ, thuyền các cô rời bến.

Cô lái đứng ở đầu thuyền, quay mặt về phía khách. Theo đà tay cô bơi, mái chèo đập xuống nước, làm bắn những bọt trắng lên mạn thuyền. Người cô cúi xuống hay đứng lên tùy theo mái chèo đưa về đằng sau hay đằng trước. Dò lướt nhẹ nhàng trên dòng suối nhỏ nước trong vắt. Du khách có thể nhìn thấy đám cỏ mọc ở dưới suối, hoặc những cây rong bập bênh theo gợn sóng.

Dòng suối quanh co chảy qua cánh đồng chiêm, hai bên bờ

suối có những ruộng mạ con gái xanh mơn mớn như tơ nõn chạy suốt tới chân trời hoặc tới chân một ngọn núi xa xa. Đi khỏi cánh đồng chiêm, suối lọt vào những vách đá xanh rì. Ở thuyền nhìn lên, du khách thấy những ngọn núi đủ các hình, cao có, thấp có, xa có, gần có, ngọn đậm, ngọn nhạt, ngọn chênh vênh, ngọn hiền từ.

Cô lái đò vừa bơi thuyền, vừa nói chuyện với khách chỉ dẫn cho khách biết đâu là núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi Chiêng, đâu là động Tuyết Quỳnh, đâu là chùa Trình. Cô lại giảng giải cho khách nghe tại sao có suối Giải Oan, có chùa Cửa Vồng, tại sao lại gọi là hang Phật Tích, tại sao có chùa Tiên, đường lên Trời thế nào, lối xuống Địa Ngục ra sao. Khách trầy hội vừa nghe cô nói vừa nhìn theo phong cảnh, đồng thời khách cũng luôn miệng niệm Nam mô mỗi khi gặp chiếc thuyền ở trong chùa đi ra, hoặc mỗi khi vượt một chiếc thuyền khác. Cô lái đò dể tay chèo, vui câu chuyện, và cũng nhẹ miệng niệm Nam mô A Di Đà Phật theo với du khách. Thuyền lướt sóng, đè ngọn cỏ, đi nhẹ nhẹ, bên các thuyền khác. Tiếng niệm Phật Nam mô vang động khắp dòng suối.

Mỗi khi thấy một ngọn núi, cô lái đò thường chỉ cho du khách: “Kìa là núi Mâm Xôi, đây núi Mẹ Bồng Con v.v...”.

Cảnh đi đò Suối là cảnh nên thơ nhất trong cuộc đi trẩy hội chùa Hương. Khách ngồi đò, với lòng tin tưởng vô biên ở đức Phật, hướng cả tâm hồn về cõi Phật.

Những con đò bập bênh đè mặt nước, chiếc nọ trước chiếc kia. Khách đi thuyền miệng không ngớt tiếng niệm Phật. Họ niệm Phật để chào nhau, họ niệm Phật để cho đò mau tới bến. Họ niệm Phật để cầu chúc cho mình và cho các bạn đồng hành. Những con đò vào gặp những con đò đi ra, tiếng niệm Phật lại càng vang dội hơn. Các nam thanh nữ tú, các cụ già, các thiếu phụ, mặc dầu không hề quen biết, vồn vã nhau trong tiếng chào, cầu chúc cho nhau những điều may mắn. Những

nụ cười đón những nụ cười, những nét mặt hân hoan đáp lại những nét mặt hân hoan. Tỉnh cũng như quê, ở đây người ta không phân biệt ai sang ai hèn. Đạo giáo đâu có giai cấp, và đức Phật đâu có của riêng ai. Những chàng thanh niên thành thị, ăn vận rất lịch sự tới nơi đây hằng tươi tỉnh chào các cụ già quê, chào các thiếu nữ đồng ruộng, và những cô áo quần sặc sỡ xanh đỏ tím hồng ở đây vẫn là bạn của những cô quần sồi áo vải. Ai gặp ai cũng đều mừng rỡ, và những tiếng Nam mô hồn nhiên xuất ở cửa miệng mọi người như muốn tả hết nghĩa bác ái của Đức Phật. Tiếng Nam mô của khách thấy hội như làm nhịp cho cô lái đò bơi, và đều đều theo tay lái, thuyền lướt sóng thắm thoát đã tới chùa Trình.

Khách có người vào lễ chùa Trình, có người đi thẳng.

Sao chùa này gọi là chùa Trình? Khách thấy hội vào chùa như trình diện trước khi tới cảnh Phật, và khách ra về cũng vào lễ chùa này như để từ giã cảnh Hương Sơn.

Chùa Trình cách bến đò Suối chừng 500 thước. Rời khỏi chùa Trình, thuyền đi được chừng hai cây số sẽ gặp một nhánh suối khác, nhánh suối này dẫn khách tới chùa Long Vân, chùa có động tuyệt đẹp, cũng là một thắng cảnh thuộc phạm vi chùa Hương.

Thuyền cứ lướt theo dòng suối cho tới khi thấy ngọn núi Mâm Xôi Con Gà sừng sững hiện ra là sắp tới chùa Ngoài, tức là chùa Thiên Trù. Khỏi núi này một quãng là bến Thiên Trù có đường xây dốc thoải để khách lên chùa.

Trước bến lên chùa, đò Suối như vùng rộng ra. Chùa Thiên Trù xây trên một sườn đồi, rộng rãi khang trang, ngoài những phòng cho tăng ni ở, còn có từng dãy phòng lớn để khách thập phương về tạm trú trong những ngày chùa mở hội.

Thật là một nơi tịch mịch nếu không phải là ngày hội. Suối chảy róc rách, tiếng chim gõ mõ trong ngàn cây, khiến cho ta quên hết mùi trần tục. Lại thêm đàn cá lừng lợ dưới suối

nghe kinh. Chuông chùa từng hồi vang lên như muốn đưa tâm hồn ta tới cõi hư vô.

Những ngày hội, chùa Thiên Trù thực tung bùng nhộn nhịp đủ các hạng người từ mười phương tìm đến, trước là lễ Phật, sau thăm cảnh chùa; tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng tụng kinh, niệm Phật thực náo nhiệt vô cùng. Trái lại những ngày thường, đây là cảnh kỳ quan giữa chốn sơn lâm, trong chùa hương thơm bát ngát, mờ hòa nhịp điệu, chuông vắng ngân nga, ngoài rừng chim ca riu rít, vượn hót véo von, điểm tô cho cảnh lâm tuyền tĩnh mịch càng thêm huyền ảo mơ màng...

Vào ngày hội, khách đi lễ chùa Hương phải mất hai ba ngày để đi thăm các cảnh chùa khác như: chùa Tiên, chùa Giải Oan, chùa Cửa Vông, chùa Trong tức động Hương Tích. Buổi sáng thông thả ra đi và buổi chiều về nghỉ tại chùa Thiên Trù. Nếu du khách khỏe chân, có thể đi viếng cảnh chùa Hình Bồng, chùa này ở trong động đá, gần đỉnh một trái núi cao bên hữu chùa Thiên Trù cảnh trí cũng đẹp, trong chùa có tượng Phật bằng bạc. Chùa ở trên cao, đường lên có nhiều chỗ dốc dựng đứng hiểm trở cheo leo nên rất ít người lên viếng cảnh, lễ chùa.

Từ chùa Thiên Trù vào chùa Trong đường đi khúc khuỷu gập ghềnh, nhưng cảnh xinh như mộng. Trên đường kẻ đi người lại, miệng luôn luôn niệm câu “Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát” cho quên sự mệt nhọc trên quãng đường dài. Dù quen nhau, dù chẳng quen nhau, nhưng gặp nhau ở đây cùng chung một mục đích lễ chùa, tỉnh cũng như quê, ai cũng có thể chào hỏi nhau rất thông cảm bằng nụ cười bằng câu niệm Phật.

Cảnh Phật thiền đầy thiện tính làm cho ai cũng hân hoan niềm nở cùng nhau.

Trên đường vào chùa Trong, cách chùa Thiên Trù một quãng ngắn, có lối rẽ lên chùa Tiên ở sườn một trái núi nhỏ bên tay mặt, cao hơn đường đi khoảng hai ba chục thước.

Chùa Tiên được xây lên với một động đá nhỏ, có hai lối ra vào khác nhau. Động đá có nhiều thạch nhũ rủ xuống rất đẹp. Vào động chùa Tiên, nếu không quen, người ta không thể nào ở lâu được vì khói hương thom ngát, động đá nhỏ, khói thoát ra ngoài không kịp.

Từ chùa Tiên đi một thôi đường dài đến chùa Giải Oan, cách đường đi một chút về phía tay trái. Chùa này mang tên Giải Oan, vì có một giếng nhỏ gọi là giếng Giải Oan, giếng do mạch tự động trong núi đá chảy ra thành dòng suối nhỏ, nước trong và mát. Khách lễ chùa tin rằng nếu uống nước giếng này thì con người được thanh thần tươi vui, nỗi oan khiên sầu muộn hầu như được tiêu giải hết. Cũng vì thế, có nhiều người sau khi đã uống nước suối còn cầu khẩn Đức Phật và xin một vài chai nước suối mang về làm quà cho họ hàng, bè bạn.

Từ chùa Giải Oan đi một độ đường dài nữa đến chùa Cửa Vồng. Chùa mang tên theo lối kiến trúc, nhìn bên ngoài phía trước giống như cái cửa vồng trước hậu cung các đền thờ.

Qua chùa Cửa Vồng đến chùa Trong tức động Hương Tích, tuy vậy còn phải đi một độ đường khá xa, phần nhiều leo dốc. Động Hương Tích ở gần đỉnh một trái núi. Đến cửa động, như hình hàm rồng, khách phải xuống mấy chục bậc xây, sâu hơn cửa động trên mười thước mới vào được trong động. Ngay trước cửa động có hai cây chò vẩy rất thẳng và rất cao, đó là thứ gỗ quý và hiếm có ở miền Bắc. Xuống hết bậc xây, ngay trước cửa động, khách thấy ngay một giải thạch nhũ từ trên rủ xuống trên có chữ đề Nam Thiên Đệ Nhất Động, nét bút rất sắc sảo, tương truyền là bút tích của vua Lê Thánh Tôn.

Động Hương Sơn có tượng thờ Đức Phật Bà Quan Âm và chư vị La Hán. Cứ theo lời truyền lại, động này là nơi

Đức Phật Bà đã tu thành chính quả, mới có tên gọi là động Hương Tích.

Động Hương Tích rất rộng, có nhiều khối thạch nhũ từ dưới đất đùn lên, từ trên trần giải xuống, ngăn phần trong cùng động thành mấy lớp. Nhũ đá óng ánh muôn màu kỳ ảo, lạ nhất là có những nhũ đá gõ vào nghe như tiếng chuông, tiếng khánh, có những nhũ đá như hình em bé, người ta nói là hình cô, hình cậu. Tín nữ hiếm con đi trẩy hội cầu tự thường miệng lẩm nhẩm cầu trời cầu Phật tay vuốt ve các nhũ đá như để rủ về với mình.

Ánh sáng trong động vì chỉ có từ ngoài cửa chiếu vào và qua một vài lỗ hổng trên đỉnh núi chiếu xuống nên rất yếu ớt; thêm vào đó, ánh sáng những ngọn nến trên các bệ thờ Phật không đủ sức sáng, còn khói trầm, khói hương làm cho mờ mờ ảo ảo cả một khoảng trong cùng quả động, nơi thờ Phật càng thêm vẻ tôn nghiêm.

Trong động có đường lên trời, đường xuống Âm phủ, đó là chỗ vách đá thông lên đỉnh núi và hang đá đi sâu vào lòng đất, người ta đã gọi vậy cho thêm bí ẩn ly kỳ.

Du khách đi lễ chùa Hương nếu muốn đi cho hết, nên đi lễ chùa Hình Bồng đã nói ở trên và chùa Long Vân chỉ cách chùa Thiên Trù chừng vài ba cây số. Ngoài ra còn một ngôi chùa nữa, đi theo ngã khác nhưng cũng thuộc khu vực Hương Sơn đó là chùa Tuyết Sơn. Muốn viếng chùa Tuyết Sơn, không phải đi theo đò Suối. Từ bến đò Suối có đường bộ đi theo phía tay trái chừng một cây số.

Chùa xây ngay chân một trái đồi đất lẫn đá. Cảnh trí cũng rất mỹ quan, cửa chùa nhìn ra cánh đồng chiêm, mùa lúa đang con gái xanh muốt như nhung, bám sát những trái núi màu xanh hòn đậm, hòn nhạt, màu sắc hòa hợp đẹp như bức tranh tuyệt tác khổng lồ.

Chùa Hương nổi tiếng linh thiêng, chùa Hương có cảnh đẹp thiên nhiên mơ màng quyến rũ. Từ đò Suối vào đến Thiên Trù

cảnh trời mây non nước đã đẹp với vẻ đẹp hùng vĩ bao la, thì từ Thiên Trù vào chùa Trong đi theo đường rừng, đường núi, có hoa thơm ngào ngạt có rừng mơ tươi tốt, có chim bay, bướm lượn, có từng bầy khỉ đùa rồn bên đường mặc cho du khách qua lại nhộn nhịp không sợ hãi. Phải chăng nơi thiên nhiên này là giang sơn của chúng cũng như của những loài dã cầm, dã thú tự do sinh hoạt!

Chùa Hương là một thắng tích. Nhiều văn nhân thi sĩ đi trải hội có đề thơ trên vách đá, và trong dân chúng cũng truyền tụng rất nhiều thi ca ca tụng cảnh chùa và ca tụng đồ Suối.

Cụ Phan Mạnh Danh có bài thơ Hương tích tuyền độ sau đây nói về đồ Suối:

Phong diêm lãng tĩnh quỳnh vô trần,
Lưỡng ngạn sơn đầu thảo mộc xuân.
Khê hạ nhất hoàng nguyên thủy lục,
Chu hành nghi vị Vũ lăng tân.
Cụ Đông Viên đã dịch:
Sóng êm chẳng chút bụi trần bay,
Hai mạn xanh rì núi cỏ cây.
Dòng suối dưới khe tuôn nước biếc,
Thuyền đi ngõ bến Vũ Lăng đây.

Cụ nghệ Chu Mạnh Trinh xưa cũng đã để lại cho chúng ta một bài thơ tuyệt bút về Hương Sơn thắng cảnh:

Bầu trời cảnh bụi,
Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay,
Kìa non non, nước nước, mây mây.
“Đệ Nhất Động” hỏi rằng đây có phải?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lờ khe yến cá nghe kinh;
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh.
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Vồng,
Này am Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh!

Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.
Chùng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hóa khéo ra tay sắp đặt
Lần tràng hạt niệm “Nam vô Phật”
Cửa từ bi công đức biết là bao.
Càng trông phong cảnh càng yêu.

Cụ Chiêu Dương, một thi sĩ lão thành và là một trong những nhà thơ cổ cuối cùng, trong tập Sơn Nhân Nhân Bút xuất bản năm 1959 cũng có bài thơ Vịnh Chùa Hương Tích:

Nam thiên đệ nhất động Hương Sơn,
Riêng thú thanh cao cảnh núi ngàn.
Cõi Phật bốn mùa thừa thụy khí,
Bầu trời muôn trạng góp kỳ quan.
Hữu tình núi Tượng, Gà, Chiêng, Trống,
Vô tận kho Tơ, Thóc, Bạc, Vàng,
Có lối lên trời, đường xuống đất,
Long lanh cẩm thạch rọi hào quang.

*

* *

Cứ kể ra văn thơ về chùa Hương còn nhiều, rất tiếc viết lại ra đây không xuể. Nào bài cảnh chùa Hương của cụ Thám Hoa Vũ Phạm Hàm, bài Động Hương Sơn của cụ Dương Khuê, lại còn bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp có lẽ trong chúng ta không mấy người là không biết.

Cảnh chùa Hương đẹp, văn thơ chùa Hương hay, và trước đây ở miền Bắc không ai là không ước ao thấy hội chùa Hương một lần!

SÀI SƠN VỚI HỘI CHÙA THẦY



Vùng trung du miền Bắc là vùng có nhiều phong cảnh tuyệt mỹ nên thơ, du khách đã một lần qua thăm không bao giờ quên được, nhất là lại đi thăm vào dịp đầu xuân, gặp khi nơi thăm mở hội xuân với tục lệ đặc biệt của dân tộc. Nhớ cảnh đẹp, nhớ tục lệ hay và có khi nhớ thêm cả sự tích nơi thăm viếng.

Qua các thắng cảnh trung du miền Bắc đã thăm Sài Sơn với hội chùa Thầy, đố ai không nhớ!

Miền Bắc có câu ca dao:

Chùa Thầy khánh đá, chiêm đồng

Có đi thì trả của chồng mà đi!

Đúng vậy, phong cảnh Sài Sơn đã đẹp hùng vĩ, ngày hội chùa Thầy lại có nhiều thú vui rất quyến rũ.

Vậy Sài Sơn với chùa Thầy ở đâu?

VỊ TRÍ SÀI SƠN

Sài Sơn còn có tên Phật Tích Sơn, là một ngọn núi cao thuộc địa phận làng Thụy Khuê, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Vùng Quốc Oai thực nhiều núi, la liệt có tới vài chục ngọn.

Những ngọn núi này đặc biệt hiện ra đột ngột ở giữa cánh đồng ruộng lúa bao la, trông giống như những cù lao trên mặt biển. Mỗi khi gió thổi, ngọn mạ nhấp nhô, người ta tưởng chừng đồng lúa chín là mặt biển vịnh Hạ Long.

Theo các sách địa lý, xưa kia đây là biển, nước phù sa sông Đà và sông Hoàng Hà đã bồi đắp, biển đã thành cánh đồng bát ngát, và những cù lao biến thành những ngọn núi đứng sừng sững giữa đồng bằng.

Núi Sài Sơn là ngọn núi cao nhất vùng này. Đàng xa có ngọn Phụng Hoàng Sơn, còn gọi là núi Tản Viên, trông giống như con Phụng sắp bay và ngọn Hoàng Xá Sơn hình giống con voi phục. Cả Phụng lẫn Voi đều hướng về Sài Sơn.

Xa nữa là một dãy núi chạy dài. Theo dãy núi này sẽ có núi Đồng Lư, núi Tiên Lữ, núi Sơn Lộ và núi Tử Trầm, ngọn núi sau cùng này thuộc địa phận xã Long Châu, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông. Trên dãy núi, cây cối um tùm, một màu xanh xanh đậm nhạt.

Về phía Tây nam Sài Sơn là một cánh đồng mông mênh bát ngát đưa tầm mắt tới phía chân trời vô định.

VÀ CHÙA THẦY

Chùa Thầy ở dưới chân núi Sài Sơn về phía cánh đồng, tên chữ là Thiên Phúc tự.

Đây là một ngôi chùa cổ kính xây từ đời vua Thần Tôn nhà Lý, kiến trúc theo kiểu cổ Trung Hoa trông thật uy nghiêm linh tú và xếp đặt như cung điện của một vị đế vương.

Trước cửa chùa có một hồ nước khá rộng, giữa hồ là một thủy đình. Hai bên tả hữu thủy đình có hai chiếc cầu xây bằng gạch, lợp mái gọi là Nhật, Nguyệt lương kiều.

Khách vãn cảnh chùa có thể tới thủy đình hóng gió, làm thơ và có khi uống rượu thưởng sen với những bông hoa trăm cánh, với hương thơm ngào ngạt bốc lên. Thật là thanh cao thú vị!

Chùa chia làm ba lớp:

Lớp ngoài cùng là nơi tế lễ, trang trí cũng như các ngôi chùa khác. Có thể gọi đây là nhà tam quan, ngôi nhà để trống được xây ở trước cửa đình, cửa chùa, nơi dân làng tới họp trong những ngày hội hoặc tuần rằm, mồng một để bàn định về việc tế lễ.

Lớp giữa thờ Phật với đủ các pho tượng Tam thế, Cửu Long, Thích Ca thành đạo, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát v.v...

Lớp trong cùng, đây là điểm đặc biệt của chùa Thầy, là nơi thờ ông Từ Đạo Hạnh, nơi đây có ba pho tượng, theo lời dân làng và ông từ giữ chùa, ba pho tượng đó đều là tượng ông Từ Đạo Hạnh:

Pho tượng ở chính giữa, trông giống thầy tu, đó là kiếp trước của Ngài.

Pho bên tả giống một vị đế vương, đó là kiếp sau của Ngài.

Pho tượng bên hữu chính là tượng Ngài. Tượng này làm bằng gỗ bạch đàn, một thứ gỗ quý rất thơm, đựng trong khám kín không ai được xem, chỉ hàng năm vào ngày mồng 5 tháng 3 âm lịch dân làng mới cử người vào mở khám để làm lễ mộc dục tức là lễ tắm tượng.

Ở hai bên hàng cột có treo nhiều đôi câu đối sơn son thiếp vàng, trong đó có câu:

*Vi Tiên, vi Phật, vi Quốc vương, sinh hóa tam thân lưu hiển tích
Hữu động, hữu hồ, hữu thiên thị, giang sơn nhất dải biểu kỳ quan*

Dịch nôm:

*Làm Tiên, làm Phật, làm Quốc vương, sinh hóa ba lần
linh hiển lắm*

Có đông, có hồ, có chợ trời, giang sơn một dải lạ lùng thay!

SỰ TÍCH ÔNG TỪ ĐẠO HẠNH VÀ VUA LÝ THẦN TÔN

Đôi câu đối chúng tôi vừa nhắc tới đã nói lên tất cả sự tích dị kỳ của ông Từ Đạo Hạnh. Chúng tôi xin lược chép dưới đây qua thần tích. Thần tích này gồm cả lịch sử ngôi chùa.

Ông họ Từ, đi tu lấy pháp danh là Đạo Hạnh, tục danh ông chính là Từ Lộ.

Ông người làng An Lãng, huyện Vinh Thuận, tức là làng Láng thuộc đại lý Hoàn Long Hà Nội sau này.

Ông sinh vào đời nhà Lý, tu theo đạo Phật, là một vị cao tăng thời bấy giờ. Ông học vấn uyên thâm, kiến văn quảng bác lại thêm pháp thuật cao siêu.

Cha ông tên Từ Vinh làm Tăng Quan Đô Sát triều Lý, mẹ là Lãng thị thuộc dòng dõi quý phái. Khi còn ít tuổi, ông thường chơi bời kết bạn với một nho gia họ Phí, một đạo sĩ tên Phan Ất và một người phường chèo là Lê Hoàn. Hàng ngày ông chỉ cùng mấy người kia đàn địch hát xướng và đồng dài cờ bạc nên luôn luôn bị cha quở mắng.

Ban ngày ông chơi bời như vậy, nhưng ban đêm ông lại rất chăm học, thường thường có khi đọc sách thâu đêm suốt sáng.

Sau ông đi thi trong giáo hội về khoa Bạch Liên và có sang Ấn Độ học đạo.

Cha ông, ông Từ Vinh dùng thuật phản ông Diên Thành Hầu, một vị quan tôn thất. Diên Thành Hầu liền nhờ ông Đại Diên một thầy Phù Thủy cao tay dùng phép thuật đánh chết, quăng xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi đến cầu Yên Quyết tự nhiên dừng lại. Đại Diên biết liền đến gần cái xác quát to lên rằng:

Tăng hận bất cách túc, sinh tử nhất tràng mộng

Nghĩa là:

Thầy chùa giận không để cách đêm, sống chết chỉ là giấc mộng dài.

Sau lời quát của Đại Diên, xác của Từ Vinh lại trôi đi.

Từ Đạo Hạnh thấy cha bị Đại Diên giết, lòng căm tức vô cùng, thề quyết báo cái thù chẳng đội trời chung ấy, nhưng nghĩ mình pháp thuật kém Đại Diên, đành phải nén thù cố tâm đi học đạo luyện phép.

Ông vào trong hang Phật Tích tu luyện.

Sau một thời kỳ dày công khổ hạnh, ông trở về kinh thành. Đến sông Yên Quyết, ông cầm cái gậy ném xuống dòng sông, nước sông dù chảy xuôi nhưng gậy lại trôi ngược uốn khúc tựa con Rồng. Ông mừng lắm và tự nói rằng:

“Pháp thuật của ta đã hơn Đại Diên!”

Sau đó ông dùng phép tàng hình đánh chết Đại Diên.

Đại Diên tuy chết nhưng vong hồn không tan, hẩn vẫn hẩn học muốn báo thù Từ Đạo Hạnh, bèn hóa làm một đứa con trai độ ba tuổi rất xinh đẹp tự xưng là hoàng tử Giác Hoàng. Mọi việc xảy đến nhà vua, Giác Hoàng đều biết trước. Vua Lý Nhân Tôn, bấy giờ chưa có con trai, nghe tin lấy làm lạ, sai người đi đón Giác Hoàng về cho ở trong chùa Báo Thiên. Về sau vua lại có ý muốn lập Giác Hoàng là Đông Cung Thái Tử nên nuôi làm con nuôi.

Ông Từ Đạo Hạnh được tin, biết Giác Hoàng chính là hồn của Đại Diên muốn nhờ cửa nhà vua để báo thù mình.

Ông bèn yểm các ấn pháp để giết chết Giác Hoàng.

Giác Hoàng chết, vua Nhân Tôn thương xót lắm, sai sứ đi tìm quanh nơi Giác Hoàng chết xem có bùa yểm gì không, sứ bắt được nhiều quả ấn khắc tên Từ Đạo Hạnh.

Vua giận lắm sai bắt Đạo Hạnh giam vào lầu Hung Khánh rồi hội họp đình thần nghị án chém đầu. May thay cho Đạo Hạnh! Có em vua là ông Sùng Hiền Hầu thấy vậy thương xót tâu rằng:

“Nếu Giác Hoàng pháp thuật cao cường, dù có bị yểm bùa cũng không chết. Nay Từ Lộ có phép giỏi hơn Giác Hoàng nghĩ xin bệ hạ tha cho y và bắt y thác sinh còn hơn.”

Nhà vua y tấu. Từ Đạo Hạnh đến tạ ơn Sùng Hiền Hầu, nhân thấy phu nhân có thai, ông bèn bảo Hầu:

“Khi nào phu nhân sắp lâm bồn xin ngài nhớ cho tôi biết trước.”

Đến khi Sùng Hiền Hầu phu nhân tới ngày lâm bồn, trở dạ đã lâu mà chưa sinh được. Hầu nhớ tới lời dặn của ông, cho người tới nói để ông hay.

Ông dặn người học trò của mình là Nguyễn Minh Không:

“Ta với ngươi có duyên cũ, vậy kiếp sau nếu ta phải hóa làm hổ thì ngươi nghĩ tình thầy trò đến chữa cho ta.”

Dặn Nguyễn Minh Không rồi ngài vào trong một hang núi Sài Sơn, làng Thụy Khê và hóa ở đấy. Hang này ngày nay mang tên là hang Thánh Hóa.

Đúng với giờ ngài hóa, Sùng Hiền Hầu phu nhân sinh một con trai đặt tên là Dương Hoán, lớn lên rất thông minh đỉnh ngộ lại hiếu học. Vua Lý Nhân Tôn nhận làm con và sau truyền ngôi cho tức là vua Lý Thần Tôn.

Vua Lý Thần Tôn là một vị vua hiền, nhiều lần đại xá cho tội nhân và giảm thuế cho dân chúng.

Về sau nhà vua tự nhiên mắc một chứng bệnh thật là kỳ dị, tinh thần mê loạn, mình mẩy ngứa ngáy, gào thét nhảy nhót suốt ngày như cọp.

Bao nhiêu pháp sư và danh sư đều không chữa bệnh được cho vua. Triều đình cho sứ đi tìm các danh y cao tăng. Nguyễn Minh Không được tin, liền đặt ra một câu hát, xui trẻ con hát:

Tập tầm vông

Có ông Nguyễn Minh Không,

Chữa được cho Hoàng Thái Tử.

Triều đình cho sứ đi mời ông đến. Các danh y, cao tăng thấy ông ăn mặc xuềnh xoàng quê mùa cục mịch có ý coi thường.

Biết ý, ông liền lấy một cái đinh dài 5-6 tấc đóng lên trên cột và nói rằng:

“Nếu ai rút được cái đinh này mới đủ tài trị bệnh cho hoàng đế.”

Các danh y và các chư tăng đều chịu. Nguyễn Minh Không bèn dùng tay trái nhổ cái đinh ra, ai nấy đều khiếp phục.

Ông lấy một cái vạc thật to, đun nước thật sôi, nhúng tay vào hòa thuốc, rồi dùng nước đó tắm cho vua. Vua khỏi bệnh. Vua phong cho ông làm Quốc Sư.

Đó là câu chuyện về sự tích của ông Từ Đạo Hạnh với vua Lý Thần Tông và hang Thánh Hóa tại chùa Thầy.

Câu chuyện có vẻ hoang đường, nhưng đây là thần tích, chúng tôi chỉ xin chép lại!

HANG THÁNH HÓA VÀ DI TÍCH CỦA ÔNG TỪ ĐẠO HẠNH

Như trên đã trình bày, ông Từ Đạo Hạnh trước khi thác sinh, vào một hang núi Sài Sơn để hóa, và hang đó nay mang tên là hang Thánh Hóa. Hang này ở lưng chừng núi, trên một địa điểm chênh vênh.

Muốn tới hang Thánh Hóa phải leo một con đường ngoắt ngoéo, trên những hòn đá cheo leo, giữa những đám cây cỏ um tùm. Qua con đường này, tới một ngôi chùa nhỏ, chùa Đình Sơn. Chùa Đình Sơn nhỏ nhưng rất đẹp và mát mẻ. Trong chùa, lễ tất nhiên thờ Phật, nhưng lại có thờ vọng cả ông Từ Đạo Hạnh.

Qua khỏi chùa, đi theo một con đường nhỏ ven chùa tới một chiếc am mang tên là am Hiển Thụy. Sau am Hiển Thụy là hang Thánh Hóa.

Hang Thánh Hóa rộng rãi, ở ngoài trông như một gian nhà cao ráo sáng sủa. Ở hai bên chân hang có hai bể nước chứa nước mưa rỏ xuống từ khe núi.

Trong hang có nhiều pho tượng. Hang ở dưới rộng rãi, nhưng

qua nơi rộng rãi này, ở trên có một khe nhỏ ăn hút vào núi. Muốn vào khe này, nhà chùa để sẵn cho du khách một chiếc thang tre, và khi đã leo hết thang phải bò theo sườn hang.

Trước khe này có khắc vào đá ba chữ THẠCH ĐIỂM ĐẦU. Cửa khe nhỏ chỉ một người chui vào vừa nhưng bên trong cùng rộng ra có thể đủ ba bốn người cùng đứng. Người ta bảo đây mới đúng là hang Thánh Hóa và mé dưới chỉ là một cái động!

Trong hang có nhiều vết lõm xuống đá. Theo lời tương truyền đó là những vết trán vết chân khi ông Từ Đạo Hạnh hóa, ngã xuống!

Đây chỉ là lời tương truyền! Thường ở tất cả những nơi thắng tích, nếu có những dấu vết đều có những lời tương truyền để thi vị hóa phong cảnh hoặc để cho người ta sùng kính tế tự.

CHÙA MỘT MÁI, HANG GIÓ VÀ HANG BỤT MỘC

Hang Gió là một cái hang hổng hai đầu, đứng ở trong hang mát lắm, lúc nào cũng có gió lùa, do đó gọi là HANG GIÓ.

Muốn tới Hang Gió phải vòng ra đằng sau chùa Đình Sơn rồi đi theo con đường nhỏ ở ven núi sang cho tới chỏm núi bên kia. Ở ngay chỏm núi bên kia lại có một ngôi chùa nữa, chùa MỘT MÁI, lối kiến trúc chỉ làm có một mái. Trước chùa Một Mái cũng có một hang nhỏ trong có rất nhiều bọt đá. Với những bọt đá này, ngôi chùa trông có vẻ lạ và đẹp.

Hang Gió ở giáp ngay mé bên cạnh chùa.

Đi khỏi Hang Gió, khách thấy hội lại gặp một chiếc miếu, đây là miếu thờ Quan Đế; rồi ở đằng sau miếu lại có một cái hang nhỏ nữa gọi là HANG BỤT MỘC: trong hang có rất nhiều tượng Phật bằng đá.

Núi Sài Sơn rất nhiều hang động vì đây là núi đá. Khách thấy hội hàng năm thường kéo nhau đi thăm đủ.

HANG CẮC CỐ

Ca dao vùng Sơn Tây có câu nói về chùa Thầy và hang Cắc Cớ:

Động chùa Thầy có hang Cắc Cớ
Trai chưa vợ thì nhớ chùa Thầy!

Hang Cắc Cớ là hang thế nào và tại sao những chàng trai chưa vợ lại cứ nhớ chùa Thầy?

Hang Cắc Cớ là một hang sâu lắm, ở cách không xa hang Bụt Mọc bao nhiêu. Hang đã sâu, cửa hang lại nhỏ, trong hang tối om om.

Dân làng Thụy Khuê còn gọi hang này là hang THẦN.

Đi qua cửa hang, du khách phải lách về phía bên trái, đi theo con đường sát vào vách đá. Con đường này rất nhỏ và dài vào khoảng năm trăm thước. Hang tối om, ai đi trên con đường vách đá này đều phải hết sức chú ý, sẩy chân rớt xuống vực sâu là mất mạng! Phải đi lần từng bước. Không ai dám sợ ý dù có ham ngắm rất nhiều thạch nhũ muôn màu rủ xuống đang chìm đắm trong bóng tối. Thằng hoặc có ai mang theo đèn nến cũng không dám coi thường từng bước đi!

Đường đó đi một người cũng đã phải thận trọng hướng hồ trong những ngày hội, kẻ ra người vào tấp nập không ngừng, người ta lại càng phải thận trọng hơn nhiều. Đường là đường độc đạo, lại chỉ vừa một người đi, nên mỗi khi hai người kẻ ra người vào gặp nhau, người ta phải ôm sát lấy nhau để tránh cho khỏi ngã.

Thật là cắc cớ trớ trêu! Đã có biết bao nhiêu chàng trai được ôm sát lấy người những cô gái, và khi một cô gái gặp một chàng trai, dù muốn hay không cũng phải ôm sát lấy người chàng để khỏi bị rơi xuống vực thẳm. Sự gần gũi ngẫu nhiên này giữa nam và nữ đã đem lại cho hang cái tên là CẮC CỐ!

Đi hết quãng đường tối dốc nguy hiểm nhưng lại rất thú vị

này, đến quãng đường rộng, tương đối bằng phẳng hơn, tuy ở dưới chân vẫn lởm chởm những hòn đá ngầm trong vũng nước. Quãng đường này đã bớt nguy hiểm nhiều. Hết quãng đường này, khách sẽ gặp một tảng đá to sừng sững đứng giữa dòng, chính tảng đá này đã che hết ánh sáng làm cho hang Cắc Cớ tối om om. Vòng hết tảng đá, đi quặt sang bên phải, đột nhiên ánh sáng trong như lọc, lọt vào trong hang do một lỗ hổng ở trên cao. Giờ đây, khách thấy hội có thể ngắm những nhũ đá muôn hình vạn trạng óng ánh như kim cương rủ xuống.

DI TÍCH CỦA ÔNG LÃ TÁ CÔNG TRONG HANG CẮC CỚ

Trong hang Cắc Cớ ở chính chỗ nơi sâu rộng có rất nhiều hài cốt và xương người.

Trước kia vào thời Thập nhị Sứ quân, một toán quân của ông Lã Dương tức là Lã Tá Công, một trong Thập nhị Sứ quân đã bị quân của vua Đinh Tiên Hoàng vây hãm trong hang núi. Quân của ông Lã Tá Công không phá được vòng vây, bị hãm lâu ngày chết đói hết. Những mảnh hài cốt bắt gặp ngày nay chính là hài cốt của toán quân đó.

Trong hang có lập nhiều bàn thờ để cúng những âm hồn uổng tử này. Ngoài những hài cốt thật, người ta còn nặn cả những hài cốt đất sét để thờ.

Hồi tiền chiến, hang này có được sửa sang lại để trong những ngày hội, khách thấy hội có thể ra vào dễ dàng hơn.

Hang Cắc Cớ có rất nhiều khe ngách. Đi vào vô ý rất có thể bị lạc đường.

CHỢ TRỜI

Đã tới Sài Sơn phải biết Chợ Trời.

Chợ Trời ở trên đỉnh Sài Sơn. Đó là một khoảng đất khá rộng hình tròn, chung quanh mọc lổm nhổm những hòn đá vừa to vừa nhỏ và lác đác dăm ba cây đại già.

Muốn lên Chợ Trời tự chân núi phải đi theo một con đường đá lổm nhổm quanh co, khập khểnh, lắm chỗ rất khó đi, phải leo trèo như con vượn. Leo lên rất mệt, nhưng phải leo lên tới đây mới thưởng thức được cái vẻ đẹp của toàn cảnh Sài Sơn.

Thật là một nơi đệ nhất danh thắng tỉnh Sơn Tây. Phong cảnh như tranh vẽ: mây trôi dưới gót, gió thổi bên khe, xa xa nào núi, nào sông, núi cao cao ngất, sông quanh co uốn khúc lấp lánh dưới ánh mặt trời! Những xóm làng đồng nội cách nơi đây độ mười lăm cây số đều có thể trông thấy rõ ràng, thu gọn vào với núi sông thành một bức họa thiên nhiên, màu sắc êm dịu và hòa hợp, đồ có tay họa sĩ nào vẽ được cho bằng.

HỘI CHÙA THẦY

Hàng năm cứ đến ngày mồng bảy tháng ba âm lịch, Chùa Thầy mở hội rất to để kỷ niệm ông Từ Đạo Hạnh. Ngoài việc cúng vái tụng kinh, dân làng Thụy Khuê có tổ chức những trò vui cổ truyền như đánh cò, hát chèo, múa rối.

Làng Thụy Khuê chỉ cách thị xã Sơn Tây có 17 cây số, và Sơn Tây cách Hà Nội không bao xa, nên ngày hội khách ở tỉnh và ở Hà Nội kéo về không ít, trước là đi lễ, sau là ngoạn cảnh và xem những trò vui cổ truyền.

Những đồng bào Phật Giáo đưa nhau trẩy hội với vàng hương và lễ vật. Những người hiếm con tới chùa cầu tự và rất nhiều người xin áo dấu ở chùa. Người ta cũng xin thẻ để cầu những điều mong mỏi, trai gái hỏi về việc tình duyên,

người buôn bán làm ăn hỏi về tài lộc, người đau ốm hỏi về bệnh tật v.v...

Chính hội là ngày mồng bảy tháng Ba, nhưng dân làng Thụy Khuê mở cửa chùa từ ngày mồng 5, sau lễ mộc dục tẩm tượng ông Từ Đạo Hạnh.

Quanh năm vất vả với công việc làm ăn, nhân làng mở hội, ai nấy trong làng đều nghỉ việc để dự hội làng, nào tổ tôm điểm, nào cờ bỏi, nào xem múa rối, nào dự hát chèo... và nhất là vui chơi cờ bạc.

CỜ BỎI

Cờ bỏi chơi cũng như cờ chiếu tướng và cũng có một số quân như vậy gồm tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt. Đúng ra cờ bỏi là cờ chiếu tướng chơi ở trên sân đình, hoặc ruộng, và thay vì những quân cờ đặt trên bàn cờ, quân cờ ở đây là những chiếc biểi cắm xuống những lỗ đào sẵn ở sân đình hoặc ở ruộng. Những lỗ này xếp đặt theo như những vị trí trên bàn cờ.

Cờ đi cũng giống như quân cờ đi ở trên bàn cờ: mã lệch, tượng điền, xe liền, pháo cách...

Muốn ra sân chơi cờ bỏi, các kỳ thủ phải đấu trước cờ bàn mấy trận, và chỉ những người thắng cờ bàn mới được ra chơi cờ bỏi.

Giải cờ do dân làng tặng, giải không to, thường chỉ gồm vài bao trà, bánh pháo, vuông nhiễu điều, nhưng giải to nhỏ đâu có phải là điều quan tâm của các tay danh thủ. Điều cốt yếu là được giải, được giải mới là điều vinh dự.

Trong lúc hai đấu thủ chơi cờ, dân làng cử người đánh một chiếc trống khău để thúc giục đấu thủ không được quá trì chậm trong nước đi.

Mỗi ván cờ thắng dân làng thường đốt một bánh pháo mừng.

HÁT CHÈO

Đây là một lối hát đặc biệt Việt Nam.

Hàng năm trong dịp đầu xuân thường có những phường chèo đến các làng có hội xin hát thờ thần và đồng thời để dân làng mua vui. Lễ tất nhiên những buổi hát đều có tiền thù lao.

Hát chèo điệu bộ cũng gần như hát tuồng, nhưng giọng hát thì khác hẳn. Giọng hát Nam, hát Bắc, hát Núi đều không giống như hát tuồng.

Y phục phường chèo cũng tương tự như y phục phường tuồng.

Những tích hát chèo thường là những tích có kết cục luân lý để răn đời.

Trong những ngày hội quê miền Bắc cũng như miền Thanh Nghệ thuở xưa thường bao giờ cũng có hát chèo.

Chèo hát ở ngay trước bàn thờ thần.

Các cụ có tuổi hoặc các quan viên trong làng được cử cầm trống chầu.⁽¹⁾

MÚA RỐI

Múa rối là một trò chơi giải trí bằng người gỗ hoặc người vải nhồi bông có người ngồi ở chỗ khuất giắt dây cho cử động.

Đám múa rối thường thiết lập ở cạnh đình làng, đàn bà trẻ con xúm nhau tới xem.

Trong trò múa rối người ta cũng diễn lại những sự tích cũ như hát tuồng hoặc hát chèo. Những người gỗ hoặc người vải nhồi bông đóng vai nào thường được vẽ mặt và bận y phục như vai đó trong một vở tuồng.

Nghệ thuật hát tuồng và hát chèo là nghệ thuật tượng trưng thì trò múa rối tuy là trò của đàn bà trẻ con, cũng có tính cách tượng trưng như nhiều môn mỹ thuật hoặc trò giải trí khác của phương Đông.

1. Xin xem CẨM CA VIỆT NAM cũng trong bộ Nếp Cũ của soạn giả.

Trong lúc những người gõ hoặc người vãi nhồi bông cử động nhảy múa theo đà dây giạt, thì ẩn núp ở hậu trường đã có những người hát theo những nhịp cử động của mỗi vai trò hoặc nói những lời của những vai trò này phải nói và thỉnh thoảng lại khôi hài để chuốc lấy tiếng cười của khán giả.

Xưa kia trò múa rối rất thịnh hành ở nước ta, tại hầu hết các hội quê đều có tổ chức múa rối để mua vui cho đàn bà trẻ con. Mỗi khi một làng mở hội cũng có những phường múa rối tới làng để xin diễn trò như những phường tuồng và phường chèo.

MÚA RỐI NƯỚC

Ngoài kiểu múa rối ở trên cạn, tại các xã ở gần sông hồ còn có múa rối nước rất đặc biệt và đòi hỏi ở các diễn viên một sự khéo léo tối đa, - diễn viên đây xin hiểu là những người có nhiệm vụ giạt dây các vai trò.

Phan Kế Bính trong Việt Nam phong tục đã viết về trò múa rối nước như sau:

“Bắc rạp ở dưới nước, phường hát ngồi trong rạp trông phách hát hồng, một người đứng dưới nước cầm máy làm cho các người gỗ đi chạy trên mặt nước, hoặc đánh nhau. Hoặc làm hai con rồng chọi nhau, hoặc làm ông Lã Vọng câu cá, có cá nhảy ra đớp mồi, giạt lên được cá”⁽¹⁾.

Thực ra trò múa rối nước cũng không khác trò múa rối trên cạn bao nhiêu. Cũng làm rạp và người giạt dây cũng đứng khuất để giạt cho những vai trò làm trò. Sự hấp dẫn của cả hai lối múa rối đều như nhau, nhiều hay ít tùy ở tài người giạt dây và ở những người ca theo điệu nhịp của các vai trò. Các lời ca, lời nói thường được đệm nhạc.

1. Việt Nam Phong tục. - Đông Dương tạp chí số 29 ngày 1-8-1915.

VĂN THƠ SÀI SƠN VỚI CHÙA THẦY

Sài Sơn là một thắng cảnh, chùa Thầy là một di tích tôn giáo lẫn lịch sử nên rất được nhiều người viếng thăm, không riêng gì trong những ngày hội mà cả ngày thường nữa.

Các văn nhân thi sĩ, viếng cảnh chùa Thầy, xúc động trước phong cảnh hữu tình thường đề thơ kỷ niệm. Thơ đề ngay trên vách đá, thơ khắc ngay vào các cửa động.

Chúa Trịnh Căn (1682-1700) khi xưa cũng đã viếng thăm cảnh Sài Sơn với chùa Thầy, và cũng đã có một bài dẫn và một bài thơ đề hang Cốc Cờ, khắc ngay vào vách đá núi Sài Sơn. Dưới đây là bản dịch hai bài trên của trường Bác Cổ Hà Nội:

Rộng xem dưới sườn núi mấp mô, trời nhân sáng sửa bao quát rất nhiều gió tốt. Ta từng cầm quyền lan nhị, trang sức dùng xạ châu, đã khắp nơi tán dương đề vịnh, sai khắc ở lưng núi này. Vừa gặp buổi trời mây mở thịnh, nhân tiết xuân lại lên xem cảnh tốt, lòng vui thẳng bước, hết thấy xem chơi, chỉ thấy khe núi quanh co, rõ ràng đường tắt bằng phẳng, thỉnh thoảng điểm màu xanh biếc, y nhiên có vẻ huyền trân, thực là trong cảnh sáng tỏ; càng thêm thần kỳ, lòng mến cảnh chưa thôi, văn thơ đã nảy; bèn sai khắc vào đá này:

Lạ thay hồng tạo khéo đào thành,
Danh ấy đong đo xứng sở danh,
Ngọc tử hương nhuần mùi bát ngát,
Quân giai nguyệt tỏ bóng dành rành.
Sắc xanh thu thụ khoe xuân đượm,
Tiếng nhật huân kinh điển đạo lành.
Trần giới hây hây chẳng điểm bộn,
Chốn sao thanh tĩnh nữ thiền tình.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương khi xưa đi thăm chùa Thầy, đã có một bài thơ thật là tuyệt tác đề vịnh hang Thánh Hóa:

Khen thay con tạo khéo khôn phạm,

Một đố giường ra biết mấy ngoàm.
Luồn đá cở leo, sờ rậm rạp,
Lách khe nước rỉ, mó lam nham.
Một sư đầu trọc ngồi khua mõ,
Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am.
Đến mới biết rằng hang Thánh Hóa,
Chồn chân mỗi gối vẫn còn ham.

Cụ Tam Nguyên Yên Đổ cũng có thăm Sài Sơn và đã vịnh
Chợ Trời:

Hóa công xây đắp biết bao đời,
Nợ cảnh Sài Sơn có chợ Trời.
Buổi sớm gió tuôn mưa nắng trải,
Ban chiều mây họp tối trắng chơi.
Bày hàng hoa quả tư mùa sẵn,
Trải thẻ giang sơn bốn mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ
Chả lên mà cả một đôi lời.

Văn thơ về Sài Sơn và Chùa Thầy rất nhiều, nhưng khuôn
khổ bài này không cho phép chúng tôi được đi xa hơn nữa.

HỘI ĐỀN LINH SƠN THÁNH MẪU NÚI BÀ ĐEN TÂY NINH



Núi Bà Đen là ngọn núi cao nhất miền Nam Việt Nam cách tỉnh lỵ Tây Ninh 11 cây số. Núi cao vòi vọi, mây lam che phủ trông rất ngoạn mục.

Trên lưng chừng núi có đền Linh Sơn Thánh Mẫu, dân chúng tôn gọi là Đức Phật Bà, và đền này được gọi là Điện Bà.

Hàng năm vào dịp xuân, từ mồng 10 tháng Giêng dân chúng các nơi tới hành hương lễ bái rất đông, nhất là ngày 15 tháng Giêng.

SỰ TÍCH PHẬT BÀ

Tây Ninh có sự tích về Phật Bà như sau:

Tương truyền rằng thuở còn là phần đất của Cao Miên, tại vùng núi Tây Ninh, có một viên quan Trấn thủ địa phương người Miên sinh hạ được hai con: một trai tuấn tú và một gái hiền thực tục gọi là Nàng Đênh.

Lúc nàng mới độ 13 tuổi có một ông sư người Tàu tên là Trung Văn Danh từ Bến Cát (Thủ Dầu Một) (Sông Bé) đến núi Tây Ninh tìm chùa làm nơi để hoằng khai Phật Pháp.

Khi đến nhà quan Trấn, sư ông thăm hỏi việc truyền bá đạo Phật trong vùng và dò la kiếm nơi ẩn trú để hành đạo.

Quan Trấn Thủ mời sư ông tạm nghỉ nhà mình để ông thừa dịp học đạo.

Sư ông vui vẻ nhận lời và từ đó bắt đầu hoành khai Phật pháp trong gia đình quan Trấn Thủ và Cơ Vệ Đội.

Tuy trẻ tuổi, nhưng sớm mượn màu thiền, nàng Đênh miệt mài nghe sư ông giảng đạo. Quan Trấn là người mộ đạo, nên sau đó đã thiết lập cho sư ông một cảnh chùa nay còn di tích gọi là chùa Ông Tàu nằm về phía Đông chân núi, phía làng Phước Hội lên, chưa được kiến thiết lại.

Thời gian thấm thoắt trôi qua, nghĩ lại đã mấy năm xa cách thiện nam, tín nữ Bến Cát. Sư ông bèn tạm biệt quan Trấn để trở về thăm cảnh cũ người xưa.

Từ ngày sư ông vắng bóng, nàng Đênh vẫn một lòng sùng kính Phật Đạo, luôn luôn lo việc hương khói cho chùa.

Vốn con nhà trâm anh, lại tuổi đã tới tuần cập kê, nên nhan sắc của bà càng thêm xinh lịch và được tiếng đồn khắp nơi. Quan Trấn địa phương vùng Trảng Bàng, cơ sở tại sông Đua Bờ thành thuộc làng Lộc Hưng nay còn di tích, mới cậy mai mối đến nói với song thân của bà xin cho bà sánh duyên cùng trưởng nam của ông. Thân sinh của bà vui vẻ tán thành, vì trai tài, gái sắc lại môn đương hộ đối nên định cho bà thành nên giai ngẫu và hứa với đảng trai sẽ cho chọn ngày lành để sánh lễ.

Nhưng khi nói lại cho bà biết, thì trước lời hứa danh dự của song thân, bà chưa biết trả lời ra sao, nên xin đình đãi để bà kịp suy nghĩ.

Qua nhiều đêm trằn trọc, sau những lần cân phân hơn thiệt bà định tâm lánh mặt đợi ngày bà có dịp cạm tỏ để song đường biết. Bà đã phát nguyện xuất gia cầu đạo, không thể có mặt trong nhà mà không tuân lệnh song đường để làm rạn vỡ

tông môn, cũng không thể chấp nhận lập gia đình để gây mãi cho con người kiếp luân hồi khổ não.

Một đêm khi cha mẹ ngủ yên, bà lẻn ra đi tìm Đạo.

Hôm sau, cũng tưởng con mình như thường lệ sang chùa lễ Phật nên song thân bà không để ý đến sự vắng mặt ấy. Mãi đến bữa ăn, song thân bà mới cho người đi gọi, hình bóng bà đâu không thấy. Ông liền sai quân lính tỏa ra đi kiếm, kẻ băng rừng lội suối, người vượt đèo trèo non, mãi đến trưa, quân tìm theo các kệt đá, về báo đã gặp khúc chân bà tại một hang đá.

Song thân bà đến nơi, cảnh hải hùng hiện ra, máu còn đỏ và thật chân của bà, mà người còn đâu? Có lẽ hổ non đã ăn người vắn số?

Sau khi khóc than, song thân bà cho lính quân lính mai táng chân của bà trên núi và rước thầy giải oan cho bà.

*

* *

Dân địa phương cho bà chết oan như thế phải hiển thánh nên từ đó có việc gì khó khăn đều cầu xin bà về phù hộ và thường được toại ý.

Rồi việc bà hiển thánh đồn xa, nhân dân rất sùng kính bà từ đấy. Vì vậy nên khi có việc oan trái, dân địa phương nhang đèn sẵn trước sân, đứng giờ ngọ hướng về núi cầu bà phù hộ.

*

* *

Thời gian trôi qua...

Bao nhiêu năm sau, lúc ấy Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đuổi theo rất gấp nên từ Gia Định, Nguyễn Ánh theo “đường Sứ”, qua Tây Ninh sang Lào đi Xiêm cầu binh cứu viện.

Lúc Nguyễn Ánh chạy đến Trảng Mang Chà vùng Bùng Binh hiện nay bị Tây Sơn đuổi nã, còn đang do dự chưa biết tính lẽ nào thì được nhân dân cho biết trên núi có bà hiển thánh, ai tin bà cầu gì được nấy.

Nguyễn Ánh mới sai Quản cơ Lê Văn Duyệt phi ngựa đến

núi cầu bà mách giùm tương lai nhà Nguyễn.

Trong đêm, lúc mơ màng giấc điệp, Nguyễn Ánh được bà cho biết cứ theo “đường Sứ” đến Tây Ninh vòng qua Núi Bà, lên Võ môn tam cấp, qua Xiêm cầu viện, sự nghiệp cả sẽ nên, còn việc ngăn đón Tây Sơn, bà đã có cách.

Nguyễn Ánh cùng quan quân hôm sau tiếp tục cuộc thoát thân và công cuộc được như bà đã ứng mộng. Quân Tây Sơn theo đường thủy sông Sài Gòn đuổi theo rất gấp. Được tin Nguyễn Ánh qua Trảng Mang Chà, quân Tây Sơn càng hăng hái chèo thuyền không quản ngày đêm, định tận diệt dòng họ Nguyễn.

Nhưng vừa qua khỏi khúc sông Bùng Binh, thuyền thành linh đụng vào đá chìm trong đêm tối, làm cho quan quân Tây Sơn chết rất nhiều. Vì lực lượng còn quá ít, nên các tướng sĩ sống sót phải dùng một vài chiếc thuyền còn lại trở về Gia Định. Trên sông Sài Gòn tại chỗ thuyền Tây Sơn chìm nay còn xoáy nước.

Nhờ vậy, Nguyễn Ánh chúa tôi thoát nạn và về sau được các tướng hữu danh hợp về một mối, phá tan Tây Sơn, xây dựng lại nghiệp cũ.

Sau khi lên ngôi, vua bèn cho đúc cốt Bà Đên bằng đồng đen và giao quan Trấn thủ miền Nam đưa lên núi tại động thờ bà và kèm theo sắc phong cho bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Do đó nơi thờ bà được chư sư và bá tánh gọi là Linh Sơn Tiên Thạch Động.

Dân chúng, nghe lại tích bà, nên gọi núi Tây Ninh là núi Chân Bà Đên rồi nay gọi tắt và trại ra là núi Bà Đen.

SỰ TÍCH VIỆC THÀNH LẬP ĐIỆN BÀ

Phật Bà đã hiển thánh, nhưng việc thành lập Điện Bà dùng làm nơi hương khói thờ phụng bà, không phải dân dựng nên

ngay, mãi về sau điện mới được dựng nên do tu sĩ Đạo Trung.

Vào cuối thời kỳ Tây Ninh còn thuộc đất Miên, có một vị tu sĩ tên là Đạo Trung đến ẩn trú trên núi Bà và sinh sống bằng cách khai khẩn một khoảng đất tại nơi đây.

Tu sĩ cô đơn sống 31 năm một mình nơi núi rừng, sớm chiều lo tụng kinh niệm Phật. Cho đến một ngày kia bỗng nhiên, tu sĩ trông thấy Phật Bà hiển hiện trên đỉnh núi. Và ít lâu sau, tại một dòng suối, tu sĩ tìm được chân dung bằng đá của Phật Bà, tu sĩ liền thỉnh về núi lập động để thờ phụng. Điện Bà có từ đó.

Điện Bà lập nên, khách thập phương tấp nập về chiêm bái nhất là trong tháng đầu xuân.

SỰ TÍCH PHẬT BÀ THEO DÂN CHÀM

Dân Chàm ngụ tại xã Đông Tác, thường nhắc tới sự tích Phật Bà khác hẳn sự tích trên. Theo họ sự tích Phật Bà như sau:

Ngày xưa Hoàng Đế nước Chàm cướp công chúa nước Việt làm hoàng hậu.

Sau xảy ra chiến tranh giữa hai nước Chàm và Việt, hoàng hậu không nghĩ đến việc giúp đỡ chồng gìn giữ đất nước, lại cố tình giúp đỡ nước Việt để chiến thắng nước Chàm.

Hoàng hậu đã khuyên nhà vua đốn bỏ một cây thần mọc ở trước cung điện. Nước Chàm thuở ấy được thịnh vượng nhờ cây thần này, và dân Chàm tin rằng cây thần linh thiêng là nhờ phép mầu của Phật Bà.

Vua Chàm nghe lời hoàng hậu đốn cây thần, dùng gỗ cây chế tạo một chiếc tàu chiến. Với tàu chiến, mỗi lần ra quân, quân Chàm luôn luôn thắng quân Việt, chiếc tàu chiến vẫn được Phật Bà che chở.

Quân Việt phải tìm cách cắm cừ giữa sông, chiếm đoạt được chiếc tàu, sau đó mới chiến thắng được quân Chàm!

DÂN CHÚNG TRẤY HỘI

Mỗi năm xuân tới, dân chúng miền Nam kéo nhau tới lễ Điện Bà, người đông như nước chảy. Lễ Điện Bà để cầu sự phù hộ của người và cũng nhân dịp ngắm xem phong cảnh hùng vĩ của Núi Bà.

Đến Tây Ninh, còn phải đi chừng hơn mười cây số về phía Bắc mới tới chân núi, đường đi dễ dàng, có thể sử dụng các loại xe. Từ chân núi, khách trẩy hội phải đi bộ và phải leo núi. Điện Bà ở lưng chừng núi, nơi cao độ 380 thước. Đường lên núi tuy phải leo trèo, nhưng có nhiều đoạn được xây thành bậc đi cũng dễ dàng. Hai bên đường rải rác có những ngôi nhà nhỏ xinh xinh để khách nghỉ chân. Có thể ở những ngôi nhà này có vài bà hoặc cô bán quà bánh và đồ giải khát, thường là trái cây. Cũng có người bán những lâm sản lấy ở trong núi như những hạt đậu nọc dùng để trị rần rết hoặc bọ cạp cắn rất thần hiệu.

Khách đi giữa bóng cây râm mát, giữa tiếng ve kêu như khúc nhạc thiên thu, và có lúc con đường lên núi lại đi qua một dòng suối nước chảy róc rách thật nên thơ.

Đền Linh Sơn Thánh Mẫu ở lưng chừng núi. Khách vào lễ đền rồi nghỉ ngơi. Tuy đền ở giữa rừng núi, nhưng trong tháng Giêng, từ mồng 10, ngày nào cũng đông khách tới lễ bái, nhất là ngày rằm quang cảnh đền càng nhộn nhịp, người lễ bái đông gấp bội những ngày khác.

Lễ tại đền xong, khách có thể ra về hoặc tiếp tục theo đường mòn leo lên núi. Núi cao trên 800 thước và đỉnh núi luôn luôn có mây che, do đó núi còn có tên là Vân Sơn.

Thường thường khách lễ trong đền xong, đều lên lễ chùa ở phía trên. Nơi đây nhà chùa có cơm chay đãi khách, khách cứ việc dùng rồi cúng tiền vào quỹ chùa, có hoặc không, nhiều hoặc ít tùy hỉ. Nếu khách muốn lưu lại chùa, nhà chùa sẽ có

giường màn mời khách ngủ, ai cũng như ai không phân biệt sang hèn, không phân biệt người cúng tiền vào chùa nhiều ít. Khách có thể lưu lại hai ba ngày hay lâu hơn nữa, khách vẫn được nhà chùa thết đãi một cách nồng hậu như người mới tới. Ở chốn tu hành, đồng tiền không có nghĩa, và người mộ đạo, ai cũng như ai.

Chùa đã ở gần đỉnh núi, nhưng trên cao nữa còn có miếu Sơn Thần. Khách có thể lên miếu, nếu không ngại dốc đá chênh vênh, leo trèo khúc khuỷu.

Dân chúng sùng bái Linh Sơn Thánh Mẫu, mùa xuân tới ai cũng nghĩ tới đi lễ để cầu mong một năm thịnh vượng.



HỘI PHỦ GIẤY



Đền Phủ Giấy xây tại xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định thờ Liễu Hạnh Công chúa.

Hàng năm đền có mở hội từ mồng một cho đến hết mồng mười tháng ba mới rã đám, gọi là Hội Phủ Giấy. Hội mở rất linh đình nhộn nhịp và dân chúng đông lắm, nhất là dân mấy tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, và Thanh Hóa.

SỰ TÍCH LIỄU HẠNH CÔNG CHÚA

Liễu Hạnh Công chúa tên thật Giáng Tiên, là ái nữ ông Lê Thái Công, thôn An Thái, xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh).

Vân Cát là một làng văn học, dân cư sầm uất gần giáp núi Gôi, nơi có ga xe lửa trên đường Hà Nội đi Ninh Bình.

Lê Thái Công vốn người nhân đức ưa làm điều thiện, nhưng số phận hiểm họa, mãi ngoài 40 tuổi mới sinh được một con trai. Cách năm sau phu nhân lại có thai. Lạ thay, thai đã quá tháng, phu nhân không sinh lại thường bị đau yếu chỉ thích ngủ hương hoa. Người nhà nghĩ phu nhân bị tà ma ám ảnh, đền thầy pháp yểm trừ, nhưng bệnh không thay đổi, cả nhà lo sợ lắm.



Cho đến một đêm vào tiết Trung Thu, trong lúc mọi người thưởng nguyệt, bỗng có một người ăn mặc rách rưới, tự khoe có phép thuật xin vào trị bệnh. Người nhà không tin. Lê Thái Công vẫn ân cần đón mời.

Người đó vào đến sân, rút trong tay áo ra một cây búa ngọc, nhảy lên đàn đã thiết lập từ trước để thầy pháp cúng trừ tà, ngửa mặt lên trời lâm râm tụng niệm. Trong lúc ấy Thái Công và gia nhân đều đứng ở dưới đàn nhìn lên. Đang tụng niệm bỗng nhiên người kia hét lên một tiếng rất lớn, rồi quăng cây búa ngọc xuống chỗ Thái Công đang đứng. Thái Công liền ngã nhào xuống đất mê man bất tỉnh. Người nhà thấy vậy biết là phép thuật, chỉ cùng nhau khấn vái.

Một lát sau Thái Công tỉnh dậy. Cùng lúc ấy trong buồng phu nhân có bóng hào quang sáng rực và có tiếng khóc oa oa. Phu nhân vừa sinh một gái. Hương thơm ngào ngạt khắp nhà.

Mọi người vui mừng quên không để ý tới người lạ mặt ở trên đàn, nhưng khi để ý tới, không biết người này đã biến đi đâu tự bao giờ! Ai cũng lấy làm lạ.

Thái Công tỉnh dậy kể cho người nhà nghe:

Khi ông ngã xuống, có mấy lực sĩ dẫn ông đi, đằng trước bóng sáng lò mờ, qua mấy chặng đường đến một nơi cửa ngọc lầu vàng. Tại đây, lực sĩ thay áo cho ông rồi dẫn ông vào cửa cấm chờ lệnh. Không lâu, bỗng mây vàng bao phủ, hai bên sân có hàng mấy trăm tiên nữ, áo quần tha thướt, múa hát những khúc nghệ thuật vũ y. Cô dâng đào, cô chúc rượu, chúc thọ Vương mẫu.

Giữa lúc ấy, có một tiên nữ áo hồng, nâng chén ngọc, lơ đánh rơi, vỡ tan chiếc chén, tức thì phía bên tả có một tiên ông đệ trình một cuốn sổ vàng. Vương mẫu quả mắng nàng tiên.

Vương mẫu quả mắng xong, hai thị nữ áp dẫn nàng tiên

áo hồng ra lối cửa Nam, một người cầm chiếc biển vàng đề hai chữ SẮC GIÁNG⁽¹⁾ đi trước.

Thái Công hỏi, một lục sĩ đáp:

“Đây là tiên chúa thứ hai tên gọi Quỳnh Nương, nay phạm lối bị giáng xuống trần.”

Lục sĩ nói xong đẩy mạnh Thái Công làm cho ông sực tỉnh, và vừa sực tỉnh, ông nghe tiếng khóc oa oa ở trong phòng phụ nhân.

Thật là kỳ lạ! Người nhà ai cũng đoán cô gái mới sinh là tiên nữ áo hồng giáng thế. Cũng vì vậy Thái Công đặt tên con là Giáng Tiên.

Khi Giáng Tiên lớn lên nhan sắc lạ thường, học hành thông minh lại có tài âm nhạc, nhất là sử dụng ống tiêu. Cô đã soạn ra nhiều ca từ phổ vào đàn nhạc.

Dưới đây là bốn bài ca từ về bốn mùa theo bản dịch của Phan Kế Bính trong Nam Hải dị nhân liệt truyện:

XUÂN TỪ (Điệu Xuân Quang Hảo)

Cảnh như vẽ, khéo ai hay? Hoa đào mím miệng liễu dương may. Bướm nhón như bay, oanh vàng líu lo trong bụi, én đỏ ríu rít trên cây. Buồng xuân dịu dặt mối tình ngây, đề thơ này!

HẠ TỪ (Điệu Cách Phố Liên)

Trời đất nhiều phần nóng nẫu. Đầu cành rúc giọng ve, bãi cỏ kêu vắng tiếng chẫu; vò võ quốc kêu sầu, eo éo oanh hót ngẫu. Đường bảo nhau: “Chúa Xuân về rồi, thôi cũng hảo!” Cảnh sắc dường kia, ngao ngán cầm lòng khôn đậu. May đâu thần Chúc Dong gảy một khúc nam huân, hương sen thoảng thoảng một trận gió bay, sạch lòng phiền não.

1. Sắc cho giáng xuống trần.

THU TỪ (Điệu Bộ Bộ Thiềm)

Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc. Hoa lau muôn dặm trắng phau phau, cây cối vẻ hồng pha vẻ lục. Cung thiềm sáng quắc ả Hằng ngủ, dạo bước thềm giao tình rạo rực. Chi bằng đến thẳng giậu cúc thơm, thanh thoi dạo đàn gảy một khúc.

ĐÔNG TỪ (Điệu Nhất Tiễn Mai)

Khí đen mờ tịt tỏa non sông, hồng về Nam xong! Nhạn về Nam xong! Gió bắc cầm cầm tuyết mịt mùng! Tựa triện ngồi trông! Tựa triện đứng trông! Suối lò mặt vẫn giá như đồng, ngồi chẳng yên lòng, nằm chẳng yên lòng! Dậy xem phong cảnh lúc trời Đông, hoa quên lạnh lòng, người quên lạnh lòng!

Bốn điệu ca từ trên thật là buồn, Giáng Tiên thường dạo mấy khúc này. Mỗi khi Thái Công dạo chơi sau vườn, nghe những nhạc buồn của con gái, bụng cũng lấy làm buồn. Nhân Thái Công có một ông bạn họ Trần cùng làng, Thái Công cho Giáng Tiên làm con nuôi Trần Công, và làm riêng một căn nhà trong vườn Trần Công để nàng ở.

Ít lâu sau Giáng Tiên kết duyên cùng Đào Lang, con trai một vị hưu quan ở gần nhà Trần Công. Về làm dâu nhà họ Đào, Giáng Tiên một lòng hiếu thuận, và năm sau sinh hạ một con trai.

Ba năm sau, một hôm vào mồng ba tháng Ba, Giáng Tiên tự nhiên vô bệnh mà mất, năm ấy nàng mới 21 tuổi.

Nàng chết đi, ba nhà họ Lê, họ Trần và họ Đào đều thương tiếc, sầu thảm không nguôi, nhất là Lê Thái Bà đêm ngày khóc lóc, đau xót vô cùng.

Có lẽ cảm thương mẹ quá đau đớn, một hôm giữa lúc Thái Bà đang khóc, Giáng Tiên hiện về ôm lấy mẹ mà nói:

- Mẹ ơi! Con ở đây mẹ khóc gì thế!

Thái Bà ngừng nhìn con, và cả nhà xúm lại hỏi han, Giáng Tiên nói:

- Con là Đệ nhị tiên cung phải đầy xuống trần, nay hết hạn, phải về thiên cung. Cha mẹ có âm công, đã vào sổ tiên, mai sau cũng được đoàn tụ không cần gì phải âu sầu.

Nói xong nàng biến mất.

Từ ngày nàng hiện về, người làng biết chuyện gọi nàng là Tiên chúa.

Kể từ khi Tiên chúa mất đi, Đào lang cũng sầu thảm khôn khuây. Để giải phiền chàng thường ngâm thơ. Một đêm giữa lúc chàng ngâm thơ Tiên chúa hiện tới. Chàng vội vàng níu lấy kể lể sự đau khổ của mình. Tiên chúa khuyên giải rồi lại biến mất.

Từ đó, Tiên chúa thường hiện lên ở khắp nơi. Có lần ở Lạng Sơn, Tiên chúa đã cùng Phùng Khắc Khoan đối đáp thơ văn. Lại có lần ở Hồ Tây, Tiên chúa cùng Phùng Công làm thơ xướng họa liên ngâm.

Về sau Tiên chúa hiển thánh ở Đèo Ngang, Phố Cát, tỉnh Thanh Hóa, hiện ra làm một cô gái nhan sắc mở quán bán nước, những đàn ông con trai đi qua đùa bỡn bị chết hại rất nhiều. Tin về triều đình, cho là yêu quái, sai phù thủy và quân tướng đi dẹp, chẳng ngờ đến đèo Ngang, khi thầy phù thủy thi thử phép thuật bỗng ngã lăn xuống đất trợn mắt trừng trừng, còn quân lính dùng tên lửa bắn vào rừng cây cháy trụi, tan phá hết đền đài. Vài tháng sau, chứng dịch tễ phát sinh tại địa phương, dân chúng cùng nhau lập đàn cúng tế. Tiên chúa ứng lên cho biết mình hiển thánh. Nhân dân thấy việc lạ, làm sớ tâu lên triều đình. Được sớ tâu, hoàng đế là vua Lê Huyền Tôn hạ chiếu cho Công Bộ về tận nơi dựng ngôi đền thờ trên Phố Cát và sắc phong làm Mã Vàng công chúa. Về sau, vào đời vua Cảnh Hưng; giặc Mèo nổi loạn, triều đình sai quận công Phan Văn Phái đi dẹp. Khi kéo quân tới đèo

Ngang, Phan quận công vào đền Tiên chúa cầu khẩn, và ngày hôm sau tiến quân đánh tan được giặc Mèo. Trước công trạng ấy, triều đình sắc phong công chúa làm Chế Thắng Bảo Hòa Điều đại vương, và đồng thời sai dựng mấy tòa đền ở Sông Sơn, Phố Cát, Đèo Ngang để thờ. Đền Sông Sơn rất anh linh, cho đến trước thời tiền chiến, hàng năm đông người tới lễ bái. Ở tại xã Vân Cát, huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Hà Nam Ninh) cũng có dựng nên đền thờ, thường gọi là Phủ Giấy.

TỤC LỆ TRONG NHỮNG NGÀY HỘI

Đền Phủ Giấy rất linh thiêng, và hàng năm mở hội, dân chúng gọi là ngày hội Thánh Mẫu Vân Hương. Khách thập phương tới chiêm bái rất đông. Trong ngày hội có đủ các trò vui như ca hát, kéo chữ, đánh cờ, và đặc biệt là các cuộc tế lễ rất tưng bừng. Đáng chú ý nhất là đám rước từ Phủ Giấy tới xã Phù Chính ở chân núi Gôi vào ngày mồng 6 tháng 3: đây là một đám rước đồ sộ, có hàng mấy trăm ngàn người từ các ngả tới dự. Trên con đường Phù Chính đông nghịt những người, nối dài hàng năm sáu ngàn thước. Màu sắc sỡ của cờ, mùi hương quện với mùi hoa, tiếng trống rước xen lẫn tiếng người thật là âm ỉ nhộn nhịp.

Ngoài đám rước trên, tại hội Phủ Giấy vào ngày mồng mười lại có cuộc kéo chữ. Phu hội hàng mấy ngàn người trong huyện Vụ Bản từ các xã cất tới dự cuộc kéo chữ này. Có năm kéo mấy chữ Thiên Hạ Thái Bình, có năm kéo mấy chữ Phong Đăng Hòa Cốc, hoặc Quốc Thái Dân An, hoặc Vũ Giáng Dân Duyệt.

Người ta nô nức đi xem kéo chữ cũng như nô nức đi xem rước. Đi xem hội, ngoài việc dự các cuộc rước sách, xem các trò vui, người ta cần nhất để lễ bái và cầu phúc. Lại có các con hương đệ tử lên đồng, hầu bóng.

Hội chùa Hương vui, hội Phủ Giầy cũng vui. Năm năm mỗi kỳ hội xã Bảo Ngũ lại được tung bừng đón rước đồng bào thập phương tới dự.



HỘI MIẾU BẰNG LĂNG⁽¹⁾



Miếu Bằng Lăng dựng tại xã Phú Lâm, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (An Giang) là nơi thờ bà THUỘNG ĐỒNG CỔ HỖ.

Hàng năm, vào các ngày 15 và 16 tháng Ba âm lịch, ban quản trị miếu có tổ chức lễ vía Bà rất long trọng, và dân chúng trong vùng tới lễ bái rất đông.

SỰ TÍCH MIẾU BẰNG LĂNG

Nguyên miếu này trước đây dựng tại xã Phú An, một xã giáp ranh với xã Phú Lâm, về sau mới được dời về ấp Phú Hữu xã Phú Lâm. Sự di chuyển miếu có một sự tích khá ly kỳ.

Nguyên hồi ấy, tuy ở dưới thời Pháp thuộc nhưng đã xa xôi lắm rồi, phong trào Thiên Địa hội đang bí mật lan tràn trong nước ta, bị người Pháp phát giác. Họ liền ra lệnh cấm mọi sự tụ họp của dân chúng.

Như thường lệ, năm đó sắp tới kỳ lễ vía Bà, các vị kỳ lão

1. Theo tài liệu cuốn TÂN CHÂU của Nguyễn Văn Kiêm.

hai xã Phú An và Phú Lâm trong đó có cụ Phan Văn Hiền xã Phú Lâm, hội họp để bàn tính về việc tổ chức hành lễ. Trong lúc các cụ đang họp bỗng ông Phó tổng Trần Văn Quận tới. Ông bảo mọi người.

- Các ông to gan quá! Tự họp thế này mà không xin phép! Hay là mấy ông muốn làm Thiên địa hội. Các ông phải lập tức giải tán, nếu bất tuân tôi sẽ chạy tòng.

Lời nói của ông Phó tổng đã khiến các cụ bực mình nhưng không ai phản đối ngoại trừ cụ Phan Văn Hiền. Cụ phản đối kịch liệt rồi cụ xông vào chánh điện bưng lư hương mang tuốt về xã mình, lập miếu thờ tại ấp Phú Hữu, cách quận lỵ Tân Châu 22 cây số.

TẠI SAO GỌI MIẾU BẰNG LĂNG

Miếu lúc đầu lập sơ sài lợp lá.

“Đến năm 1926, ngôi miếu này được tái thiết thật đồ sộ bằng gạch, lợp ngói, cột cắm xe nền đúc cao ráo (dù nước lụt cũng không ngập) và sừng sững đứng yên lặng trong đồng xa vắng, cách lộ độ 200 thước ngoài có cổng lợp ngói, cột danh mộc rất uy nghiêm. Đi vào miếu có con lộ cao ráo, xe hơi có thể ra vào thông thả. Lưỡng biên con lộ này trồng hai hàng sao suôn đuột ngó trật ốt.

“Trước sân miếu có hàng dương cao vút. Vài cây bị sét đánh gãy cụt đọt. Bên phải miếu có vài cây đa cổ thụ, cành lá sum suê. Bên trái có ít cây lâm vồ, tàn to che khuất một góc miếu. Phía sau là ba cây BẰNG LĂNG. Theo lời mấy ông bô lão nói lại thì ba cây Bằng Lăng này không biết do ai trồng hay mọc tự hồi nào? Cả ba cây tàn lá sum suê, to lớn như nhau, giao cành và đứng giang giang rất đều khoảng, sang xuân bông trở đỏ ối, xa trông lầm ngỡ là hoa phượng vĩ.

“Cạnh miếu, một cái hồ khá to nằm im lặng, sen mọc lác

đắc, tạo thành một cảnh trí nên thơ. Những buổi chiều êm ả, người ta thường thấy le le, vịt nước, bông bông thả bập bênh trên mặt hồ, trông thật vô cùng ngoạn mục. Đầm hình chữ nhật, khá sâu. Diện tích non ba mẫu tây. Nơi đây có nhiều loại cá lưu lại suốt năm như: rô, trê, lóc v.v... Ấy là một thực phẩm bình dân dành cho kẻ nghèo xóm miếu (Đầm này đã cạn dần, vì hàng năm cứ đến mùa nước ngập, con mương Ông cả Phan Văn Trọng (đã qua đời), gần đây dẫn nước pha đất phù sa sông Cũ mà bồi lên mãi. Sau miếu, đàn mục tử thỉnh thoảng cỡi trâu bò qua lại trông không khác nào một trong bức tranh tứ thú.

“Sở dĩ lịch sử ngôi miếu này được rục rờ nổi danh là nhờ ba cây BÀNG LĂNG nói trên, đứng sừng sững phía sau miếu.

Vì sự tôn trọng Bà, nên dân địa phương gọi trại ra là “Miếu Bàng Lăng” rồi thành danh đến nay.

“Xa nhìn cảnh trí hùng vĩ và tĩnh mịch của ngôi miếu, nhàn khách có cảm nghĩ đây là một nơi thờ phượng một vị công thần của dân tộc. Chỗ này, người ở đây ca ngợi là một nơi có một phong cảnh đẹp trang nghiêm nhứt ở xã Phú Lâm.

SỰ LINH THIÊNG CỦA MIẾU BÀNG LĂNG

Từ ngày có chốn tôn nghiêm sùng bái, mấy ông kỳ lão đều ca tụng miếu Bà linh thiêng lắm: Những đêm trăng thanh gió mát hay ngày lành tháng tốt, nếu có một ánh sáng lờ lờ xẹt ngang qua miếu thì các cụ thắp kính, miệng lâm râm khấn vái và tuyên bố đó là Bà giáng hạ. Vì thế mà uy quyền của Bà càng ngày càng to tát. Bất kỳ già, trẻ bé, lớn ai vô tình rờ tới một nhánh cây chung quanh miếu - nhứt là nhánh cây bàng lăng thì thế nào cũng lãnh đủ sự trừng phạt nghiêm khắc của Bà: Nặng lắm là bị Bà vật chết, còn nhẹ nhẹ thì cũng tạ Bà một con “GỎI” (con heo) quay đúng

tạ mới mong Bà hỉ xả cái tội phạm thượng là dám phá phách đến miếu Bà.

LỄ VÍA BÀ

“Hàng năm, cứ đến ngày 15-16 tháng Ba âm lịch, các cụ trong Ban quản trị miếu đều có tổ chức lễ vía Bà rất long trọng. Họ rước hát bội về hát xướng đôi ba ngày, trước là thành kính trả lễ cho Bà theo tục lệ thường niên, sau cho con dân trong làng được vui nhộn để bù lại những ngày quá ư vất vả. Thôi thì mặc tình cờ bạc ăn chơi cho thoải mái. Vì thế, sau cuộc lễ, nhiều người phải mang công mắc nợ.

Theo thành kiến cổ hủ, có cúng kiến thường xuyên như vậy, Bà mới vui lòng ủng hộ dân làng bình yên vô sự và làm ăn tấn phát (lễ ấy nay vẫn còn). Và cũng vì sự kính nể sự linh thiêng đó, ngày lẫn đêm không một ai dám léo hánh vào miếu Bằng Lăng, trừ khi hội họp cúng Bà mà thôi.



LỄ VÍA BÀ CHÚA XỨ



Trong tập Nếp Cũ: LÀNG XÓM VIỆT NAM khi nói về mấy hội làng với vài nét đặc biệt của phong tục địa phương, tôi đã nói tới Lễ Vía Bà, ở đây chỉ xin nhắc sơ lược lại, và nói thêm đến những điểm trước còn bỏ sót.

Lễ Vía Bà cử hành tại miếu Bà thuộc địa hạt làng Vĩnh Tế, quận Châu Phú tỉnh Châu Đốc (An Giang). Làng Vĩnh Tế là một làng trù phú ở chân núi Sam, tên chữ gọi là Vĩnh Tế sơn, một ngọn núi cách tỉnh lỵ Châu Đốc 5 cây số trên con đường Châu Đốc đi Tịnh Biên.

Miếu Bà ở ngay chân núi, mé bên kia đường, xây lung ra mặt đường, và mặt tiền nhìn xuống ruộng hướng Đông Bắc.

Hàng năm, lễ Vía Bà được cử hành vào ngày 26 tháng Tư âm lịch, nhưng từ trước một tuần lễ, dân chúng quanh vùng từ các tỉnh Châu Đốc, An Giang, Kiến Phong, Sa Đéc, Vĩnh Long, Cần Thơ đổ về đông như nước chảy, có những khách trẩy hội từ Sài Gòn tới, và có những khách từ những vùng xa xôi hơn như Tây Ninh, Cà Mau, Bạc Liêu (Minh Hải).

Con đường từ Châu Đốc tới miếu Bà suốt trong mấy ngày thật là ngựa xe như nước, áo quần như nêm, càng đến gần miếu, cảnh người càng chen lấn, khách trẩy hội chỉ có thể đi bộ không dùng xe được.

Tại chân núi Sam, ban đêm hàng ngàn người đã nghỉ chân nơi đây.

THẦN TÍCH

Bà chúa Xứ còn được gọi là Thánh Mẫu nương nương, có một sự tích rất là huyền bí và màu nhiệm.

Theo đồng bào địa phương, tượng Bà trước kia ngự trên đỉnh núi Sam, nơi đây ngày nay chỉ còn hai vết lõm lớn trên bề mặt đá xanh. Vùng này trước thuộc Thủy Chân Lạp, người Xiêm thường kéo sang quấy nhiễu. Khi thấy tượng Bà, họ định tâm ăn cắp nên cùng nhau cạy ra muốn khiêng xuống núi, nhưng họ khiêng không nổi vì bỗng nhiên tượng Bà trở nên nặng vô cùng. Khiêng đi không được, họ đành bỏ lại trên núi.

Sau này khi người Việt Nam tới làm chủ vùng này, dân cư lập thôn xóm ở rải rác chung quanh chân núi. Một ngày kia dân làng gặp thấy tượng Bà ở giữa rừng, bèn họp nhau định khiêng về lập miếu thờ cúng, nhưng bao nhiêu người cũng không sao xô dịch nổi. Dân làng bèn cầu khẩn, được Bà nhập đồng vào một người đàn bà tu hành, tự xưng là Bà Chúa Xứ và truyền cho dân làng dùng bốn chục nữ đồng trinh tắm rửa sạch sẽ, Bà sẽ cho phép khiêng tượng Bà về thờ.

Dân làng làm đúng theo lời Bà truyền, quả nhiên bốn mươi nữ đồng trinh khênh được tượng Bà từ trên núi xuống tới chân núi, nơi hiện nay có miếu Bà. Tượng Bà khiêng tới đây bỗng nhiên trĩ xuống không xô dịch nữa. Các quan viên kỳ lão cho rằng Bà Chúa Xứ đã chọn nơi đây để an ngự, do đó miếu Bà được dựng nên tại chỗ.

Theo lời các cụ truyền lại, dưới thời vua Minh Mạng, khi Thoại Ngọc Hầu đến trấn giữ vùng này, gặp lúc quân Miên kéo sang quấy rối không ngớt, Thoại Ngọc Hầu phu nhân thường đến khẩn lễ Bà Chúa Xứ để xin phù hộ cho chồng

bà đẹp được giặc, tái lập cảnh an cư cho dân làng, và lời cầu nguyện của phu nhân đã thực hiện, Bà Chúa Xứ đã giúp Thoại Ngọc Hầu phá tan giặc Miên.

Để tạ ơn Bà, Thoại Ngọc Hầu phu nhân đã cho xây cất lại miếu, và nhân dịp này mở đại lễ linh đình trong ba ngày liền 24, 25 và 26 tháng Tư âm lịch. Từ đó về sau thành lệ, hàng năm dân làng cúng lễ Vía Bà vào những ngày trên.

SỰ LINH ỨNG CỦA BÀ CHÚA XỨ

Bà Chúa Xứ rất linh thiêng. Theo lời các bô lão địa phương thuật lại, Bà Chúa Xứ đã hiển linh nhiều lần. Một lần quân Xiêm sang quấy phá vùng Châu Phú, một tên giặc đã làm gãy cánh tay Bà, liền bị làm cho chết ngay tại chỗ. Lại có một lần, một tên trộm lẻn vào miếu Bà gỡ sợi dây chuyền vàng nơi cổ Bà, Bà liền bẻ tay và hành tội đi chống đầu kêu la thất thanh.

Theo dân chúng quanh vùng núi Sam, tượng Bà mỗi ngày một lớn dần.

Trước kia, tượng Bà nhìn thẳng ra đường, nhưng vì dân chúng qua lại miếu Bà, nhiều người vô ý không ngả nón chào, Bà cho là vô lễ. Bà nhập đồng báo cho dân làng và yêu cầu dân làng hướng tượng Bà về phía trong, lưng xoay ra ngoài. Tượng bà đã đổi hướng.

Nhiều lần Bà nhập đồng chữa bệnh, và bệnh nhân mắc các chứng nan y đã được Bà chữa khỏi.

TỤC LỆ NGÀY LỄ

Các lễ trong dịp lễ Vía Bà được cử hành trong ba ngày 24, 25 và 26 âm lịch.

Lễ đầu tiên là lễ tắm Bà, tức là lễ mộc dục được cử hành vào 12 giờ đêm ngày 24 âm lịch. Vào giờ này, hàng trăm các

cô các bà tay cầm bông huệ trắng, quỳ chặt cả chính điện nơi Bà ngự để làm lễ. Sau đó, một tấm màn được giăng ngang che kín tượng Bà. Hai phụ nữ được lựa chọn trước sẽ vào trong tấm và thay y phục cho Bà.

Nước bà tắm được nấu bằng thứ nước riêng trộn với quế và nước hoa. Tắm cho Bà xong, nước này được đem hòa lẫn vào hai thùng lớn nước uống phân phát cho khách thấy hội. Mọi người tin rằng uống nước này sẽ khỏe mạnh và hết bệnh tật.

Bộ y phục của Bà thay ra được đem cắt thành từng mảnh nhỏ phân phát cho dân chúng và mỗi mảnh vải được kính cẩn gọi là lá bùa của Bà.

Sang ngày 25, lễ thỉnh sắc được cử hành vào khoảng 4 giờ chiều. Đây là thanh sắc phong cho Bà từ lăng Thoại Ngọc Hầu đến miếu. Cùng với đám rước thỉnh sắc có múa lân. 12 giờ đêm có lễ túc yết báo cho Bà biết ngày lễ Vía Bà để mời Bà về dự. Cùng trong đêm này còn có hát bộ với những tích trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Ngày 26 là ngày lễ chính cử hành vào 4 giờ khuya để cầu an, cầu phúc. Có nhiều buổi lễ tụng niệm trong ngày. Ban ngày cũng có hát bộ, múa võ, ca, nhạc ngũ âm để mua vui cho khách thấy hội hành hương.

XIN XẤM THỈNH BÙA VÀ VAY TIỀN

Nhưng phần đáng chú ý nhất của khách hành hương là tục xin xăm thỉnh bùa và vay tiền.

Hình thức xin xăm cũng giống như tại các chùa miếu khác, khách hành hương quỳ vái trước bàn thờ Bà thỉnh nguyện điều gì muốn, rồi lắc xăm. Sau khi lắc được một quẻ sẽ nhờ một người đoán vận mạng tương lai mình.

Hầu hết khách hành hương đến đây đều xin xăm và đa số là phụ nữ. Trong miếu Bà có nơi xin xăm cùng với trên 30 người trong ban bàn xăm để giải đoán lá xăm cho dân chúng.

Trong mấy ngày chính lễ khách xin xăm đông đảo như không có chỗ nào trống và thiên hạ phải quỳ lạy ngay cả từ cửa vào chánh điện. Tiếng lốc cốc của ống xăm vang lên đều đều khắp nơi cùng với mùi hương tỏa lên nghi ngút càng tăng thêm sự linh thiêng của Bà Chúa Xứ.

Thỉnh bùa cũng là một hình thức đặc biệt của ngày lễ vía Bà: bùa là những miếng vải đỏ dài độ ba tấc, ngang hai phân được Bà làm phép và dân chúng thỉnh về để được Bà phù hộ.

Một hình thức khác nữa là việc vay tiền của Bà để làm ăn. Người ta tin tưởng tiền của Bà cho vay mang lại sự may mắn trong việc làm ăn mua bán, nên mỗi năm họ thường đến vay rồi năm sau đến trả vay lại. Tiền vay chỉ có giá trị về tinh thần nên rất ít, thường không quá 50 đồng, trung bình mỗi người chỉ vay từ hai đồng đến năm đồng, tiền được đựng riêng trong một bao nhỏ màu đỏ trao cho khách hành hương rồi khách đến vái trước bàn thờ nhờ Bà độ cho buôn bán phát đạt.

Thường người vay mỗi năm đều đến để trả nợ. Tuy không có văn tự vay nợ chính thức như những giấy nợ ngoài đời, nhưng hầu như không một ai dám không trả nợ của Bà vì nếu không trả sẽ làm ăn thua lỗ thất bại, số tiền trả nợ thường cao gấp trăm lần tiền vay, nhiều khi tiền nợ chỉ vài chục đồng mà tiền trả nợ đến vài chục ngàn đồng.

Số tiền khách hành hương mang trả nợ hàng năm thu được cho quỹ miếu một món tiền rất lớn.

Năm Kỷ Dậu, 1969, số tiền này lên đến trên bốn triệu bạc. Tiền này được ban quý tế sử dụng vào những công việc hữu ích chung: xây nhà cho khách thập phương, xây chùa, xây trường học v.v...

VÀI NÉT VỀ NÚI SAM

Nhân nói tới lễ Vía Bà Chúa Xứ, chúng tôi xin trình bày thêm vài nét về núi Sam, nơi xưa kia có tượng Bà và ngày nay ở chân núi có miếu Bà.

Theo các nhà địa lý học, núi Sam, trước kia là Hòn Sam nằm ở giữa biển Nam Hải. Về sau, hòn Sam được nối liền vào vùng Thủy Chân Lạp bởi đất bồi, nằm theo hướng Tây Bắc Đông Nam cách tỉnh lỵ Châu Đốc năm cây số, và cách biên giới Campuchia 17 cây số, tính theo đường hàng tỉnh số 10. Diện tích núi ước trên 4.000 thước vuông, chung quanh chân núi có con đường chạy vòng. Núi cao 237 thước.

Từ phía Đông kinh Vĩnh Tế nhìn lại, núi Sam như vươn hẳn trên rừng cây xanh rì và nằm cheo leo giữa vùng Thất Sơn.

Theo triền núi, có rất nhiều chùa am, xây dưới những đám cây xanh tốt.

Quanh chân núi, nhà cửa của dân chúng khá nhiều.

Núi Sam tuy không cao bằng núi Điện Bà ở Tây Ninh, nhưng nhìn phong cảnh cũng khá hùng vĩ, và ở nơi đây như có một vẻ huyền bí uy linh! Phải chăng chính do lòng tín ngưỡng của dân chúng đã tạo nên vẻ huyền bí này, và uy linh của Bà Chúa Xứ càng được người dân tin tưởng!

Quanh năm cảnh núi Sam tuy không vắng vẻ nhưng cũng không sầm uất, nhưng đến ngày hội cảnh chân núi thật là náo nhiệt bởi khách hành hương. Lễ miếu Bà xong, mọi người tới viếng thăm chùa Tây An và lăng Thoại Ngọc Hầu, Và những người ở xa xôi cũng nhân dịp lên thăm cả núi Sam.

HỘI ĐỀN QUAN LỚN TUẦN TRANH



Ở Ninh Giang, ven ngay bên bờ sông Tranh có đền thờ Quan lớn tuần Tranh.

Quan lớn tuần Tranh là danh từ dùng để gọi một cách kính cẩn vị thần trông coi khúc sông này.

Hàng năm vào ngày 25 tháng Hai âm lịch, tại đền có mở hội, và được khách thập phương kéo tới lễ bái rất đông, nhất là giới phụ nữ. Gọi là mở hội, nhưng thực ra, chỉ có lễ bái, không có rước xách như tại các hội hè đình đám khác. Việc lễ bái tại đền Quan lớn tuần Tranh do các ông Đồng bà Bống cử hành, và những người tới lễ bái phần nhiều là những người cô đồng, họ tới đền để hầu bống. Suốt từ ngày hôm trước, các con hương đệ tử đã kéo nhau tới với khăn châu áo ngự, luân phiên nhau ngồi đồng hầu bống ở trước bàn thờ chính cũng như trước những bàn thờ phụ. Tiếng đàn châu văn xen lẫn tiếng hát ồn ào từ trong đền đến ngoài sân.

Cũng có những người tới đền xin thẻ như tại các đền miếu khác.

THẦN TÍCH

Ngày xưa ở xã Lạc Giục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (Hải Hưng) có hai vợ chồng nhà kia đã nghèo khó lại hiếm hoi, phải đi làm thuê cuốc mướn kiếm ăn.

Một hôm, hai vợ chồng cuốc vườn nhặt được hai chiếc trứng. Tưởng là trứng chim, hai vợ chồng mang về ủ ấp, nhưng về sau nở ra hai con rắn.

Thấy là rắn, vợ muốn giết, nhưng chồng bảo:

- Có lẽ đây là trời cho chúng ta để khuây cảnh già.

Thế là hai vợ chồng giữ lại hai con rắn để nuôi.

Hai con rắn quần quít hai ông bà già, nhưng phải cái hay ăn gà, mà cặp vợ chồng già này lại nghèo, lấy đâu gà cho chúng ăn? Ông chồng phải đi ăn cắp gà về nuôi hai con rắn. Nhưng không lẽ cứ ăn cắp mãi, e người ta biết trình quan thì phải tội. Sau cùng hai vợ chồng đành đem vút hai con rắn xuống sông Tranh. Chỗ vút rắn xoáy sâu thành vực.

Một hôm có bà công chúa đi thuyền qua đó, thuyền bị nước xoáy không đi được. Hỏi thăm biết chuyện, bà công chúa cho đòi hai vợ chồng ông già tới.

Bà già lấy hai nắm cơm vút xuống sông và khẩn:

- Các con có thương mẹ thì đừng xoáy nước nữa kéo mẹ phải tội.

Bà lão khẩn xong thì sóng cũng yên. Thuyền bà công chúa liền đi được.

Từ đó dân quanh bến, hoặc những người thuyền bè xuôi ngược qua đây, nếu gặp sóng gió đều khẩn cặp rắn, sóng gió sẽ êm. Ai có cầu khẩn điều gì cũng được linh ứng.

Người ta liền lập đền thờ ở bên sông. Khách buôn bán đi qua cầu vào đền lễ cầu được may mắn, nhất là đối với những người buôn sông bán bè.

Thỉnh thoảng những đêm sáng, trăng suông, có người trông thấy một thanh niên mũ áo từ trong đền đi ra. Người ta liền kháo nhau đó là Quan lớn Tuần Tranh!

Đền Quan lớn Tuần Tranh rất linh thiêng.

Về sau có quan phủ Ninh Giang là Trịnh Thường Quân có nàng hầu rất xinh đẹp. Một hôm bà này đi chơi thuyền ở sông Tranh bỗng có một người ở dưới nước lên đòi lấy làm vợ, nhưng bà ta không chịu.

Đêm hôm ấy bà ta lại nằm mơ thấy người ấy vào trong buồng xin cưới. Thức dậy, bà thuật lại giấc mê cho quan phủ nghe. Quan phủ khuyên bà phải đề phòng.

Từ ngày đó bà ít đi ra ngoài, nhất là không đi thuyền ở trên sông nữa, nhưng một ngày kia, quan phủ nhân có việc quan phải đi vắng, ở nhà bà bị thần sông lên bắt mất.

Lúc quan phủ trở về, mất vợ, ông hàng ngày ra bờ sông Tranh tìm vợ.

Tương truyền rằng về sau, quan phủ làm đơn kiện dưới âm phủ, Diêm Vương tra xét, Quan lớn Tuần Tranh đã bị trừng phạt, bị đày đi một nơi biên trấn xa, và các cụ thuật lại rằng trên dòng sông Tranh khi Quan lớn Tuần Tranh ra đi, người ta thấy một con rắn lớn, giống như con thuồng luồng dẫn một đàn thuồng luồng nhỏ kéo nhau về phương Bắc, lặn lẽ lội trên mặt nước, không sóng, không gió.

Theo lời dân địa phương nói lại, từ ngày đó đền Quan lớn Tuần Tranh không còn được linh thiêng như trước.

Dù vậy mặc dầu, hàng năm tới ngày 25 tháng 2 âm lịch, tại đền vẫn mở hội, và các con hương đệ tử vẫn kéo nhau tới hầu bóng và lễ bái. Thánh vẫn ộp đồng, và người ta vẫn xin bùa xin thẻ, và có khi có cả người bệnh tới chữa bệnh.

Trong suốt ngày hội, đền tấp nập khách hành hương cùng với những ông Đồng bà Cốt áo ngự khăn châu.

HỘI ĐỀN THỜ ĐỨC TẢN VIÊN



Làng Và ở chân núi Tản Viên có đền thờ đức Tản Viên sơn thần. Hàng năm đều có mở hội vào ngày rằm tháng Giêng.

Núi Tản Viên trông hình như cái tán, là ngọn núi cao nhất tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) xa trông như có hai cánh phượng hai bên, nên còn được gọi là núi Cánh Phượng hoặc Phượng Hoàng Sơn. Núi cao 1280 thước, còn gọi là núi Ba Vì, vì có ba tầng cao chót vót, nằm trên địa hạt huyện Bất Bạt, quê hương của thi sĩ Tản Đà. Từ tỉnh lỵ Sơn Tây đi lên núi có đường qua các làng Vân Mộng, Hiệu Lực và làng Và ở ngay chân núi. Trên gần đỉnh núi cũng có đền thờ Tản Viên sơn thần.

Đối với dân chúng tỉnh Sơn Tây, nhất là ở hai huyện Phúc Thọ và Bất Bạt, Tản Viên sơn thần là một vị thượng đẳng thần rất linh thiêng và có nhiều phép thuật, luôn luôn phù hộ cho dân chúng quanh vùng được phong đăng hòa cốc thịnh vượng an ninh. Dân chúng sùng kính ngài và tạo nhiều xã có đền thờ ngài.

THẦN TÍCH

Có lẽ bạn đọc ai cũng biết chuyện cổ tích Sơn Tinh và

Thủy Tinh, một vị thần núi và một vị thần sông, hai vị cùng tranh nhau muốn lấy con gái vua Hùng Vương thứ 18 là công chúa My Nương, và người được may mắn làm rể vua Hùng Vương là Sơn Tinh.

Sơn Tinh chính là Tản Viên sơn thần. Tên tục của thần là Nguyễn Tuấn.

Tục truyền ngài là dòng dõi vua Lạc Long, nhà nghèo nên thường phải vào rừng kiếm củi. Một ngày kia, trong khi đốn củi, ngài đã chặt một cây cổ thụ, nhưng trời vừa tối, ngài ra về, sáng hôm sau trở lại thì ngạc nhiên biết bao, cây cổ thụ đã mọc trở lại như chưa hề bị một nhát dao nhát búa nào! Ngài lại hì hục đốn cây cổ thụ cho tới gần chiều cây mới ngã. Sợ trời tối, ngài ra về và khi sáng hôm sau tới, cây lại sống trở lại y như hôm trước! Lấy làm lạ, ngài đã toan tìm đốn cây khác nhưng sau một hồi ngẫm nghĩ, ngài lại tiếp tục đốn cây cổ thụ và cũng đến gần xế chiều cây ngã xuống. Hôm nay ngài không ra về, ngài tìm một chỗ nấp để xem sự thể ra sao. Chỉ một lát sau có sao Thái Bạch tinh quân ở trên trời xuống cứu cây ấy sống lại. Ngài chạy ra phen nản tình trạng nghèo khổ của mình, phải đốn củi kiếm ăn, mà Thái Bạch tinh quân lại đi cứu cây khiến cho ngài không biết lấy gì sinh sống.

Thái Bạch kim tinh bèn cho ngài một cây gậy và dặn rằng:

- Gậy này có phép cứu được bách bệnh cho người ta, hễ ai ốm đau chỉ cầm gậy gõ vào chỗ đau là khỏi, vậy ta cho người để cứu dân độ thế.

Ngài nhận cái gậy, từ đó bỏ nghề đốn củi, làm nghề đi cứu người đau ốm. Một hôm ngài cứu sống được một con rắn bị lũ trẻ chăn trâu đánh chết, trên đầu con rắn có chữ vương. Được cứu sống, con rắn bò xuống sông đi mất.

Vài hôm sau, bỗng có một chàng trai mang lễ vật tới biểu ngài và nói:

- Tôi là Tiểu Long Hầu, con vua Long Vương ở bể Nam.

Hôm nọ đi chơi bị lũ trẻ chăn trâu đánh chết, may được ông cứu sống, hôm nay tôi đến trả ơn.

Ngài nhất định từ chối không nhận vàng ngọc châu báu của Tiểu Long Hầu. Tiểu Long Hầu cố khấn khoản mời ngài xuống chơi dưới bể. Nể lời mời, ngài phải nhận lời. Tiểu Long Hầu đưa ra một cái ống linh tê rẽ nước đi xuống.

Long Vương thấy ngài xuống chơi mừng lắm, mở tiệc thết đãi ba ngày, rồi đưa tặng những của quý lạ, nhưng ngài hết sức từ chối không nhận gì cả. Sau cùng Long Vương biếu ngài một quyển sách ước, ngài nhận. Với quyển sách ước, ngài muốn ước gì được nấy.

Chức gây thần và quyển sách ước đã giúp ngài cứu dân độ thế, đi đến đâu dân chúng cũng được nhờ ngài. Ngài đi chu du khắp trong nước chỗ nào dân chúng thuần hậu thì ở lại, chỗ nào nhân tình đơn bạc chuộng phù hoa thì bỏ đi.

Phép thuật ngài cao cường, thần thông biến hóa, không thần thánh nào bì kịp.

Ngài đi tới huyện Phúc Lộc, ngày nay là huyện Phúc Thọ và một phần lớn huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) thấy có núi Tản Viên, ba từng núi xòe ra như hình chiếc tán, phong cảnh u nhã lấy làm bằng lòng lắm. Ngài liền hóa phép làm một con đường về phía Nam núi, ăn từ bến Phan Tân, bên dòng sông Hắc Giang đến tận chân núi, qua cánh đồng các làng Vệ Đồng, Nham Toàn, Thạch Bàn, Vân Mộng và Hiệu Lực. Ngài ở trên tầng núi cao nhất.

Ngài thường ra chơi sông Tiểu Hoàng xem cá, và luôn luôn ngài cứu giúp dân chúng quanh vùng qua khỏi những cơn bệnh hoạn và hàng năm mùa màng nơi đây đều tốt đẹp.

Nhớ ơn ngài, dân chúng các làng quanh núi Tản Viên có nhiều nơi lập đền thờ ngài, và ở các nơi khác những nơi ngài đã đặt chân tới, cũng có đền thờ. Đi tới đâu ngài hóa phép thành lâu đài tới đó, và thấy lâu đài dân chúng lại lập đền miếu để thờ.

Bây giờ vua Hùng Vương thứ 18 có công chúa là nàng My Nuong rất xinh đẹp. Ngài và vua Thủy Cung cùng hỏi xin lấy làm vợ, ngài đã được vua Hùng gả con cho vì mang đồ lễ tới trước.

Vua Thủy Cung tức giận dâng nước vây đánh ngài, mưa gió sấm sét âm âm, trời đất mù mịt, nhưng phép thần thông của ngài rất ghê gớm, vua Thủy Cung không làm gì được phải rút quân về.

Từ đó về sau hàng năm, nhớ tới thù cũ, vua Thủy lại dâng nước đánh ngài, gây cảnh lụt lội trong dân gian.

Dần dần về sau ít ai gặp ngài, nhưng ngài vẫn giúp đỡ cho mọi người. Các đền thờ ngài được nhiều người tới lễ bái, và ngài rất linh ứng. Các cụ nhắc lại gặp những năm hạn hán cầu đảo là có mưa liền, hoặc mưa nhiều cầu tạnh cũng linh nghiệm. Cũng theo lời truyền lại, những khi trời tạnh, ngài hay hiện hình đi chơi các khe suối, thường có đám mây phủ như hình tán quạt.

NGÀY HỘI Ở ĐỀN VÀ

Ngày hội ở đền Và, dân các xã lân cận đều tới tham dự.

Trong ngày hội có tế lễ, và cũng có những trò vui xuân như hát đúm, đánh cờ người.

Đặc biệt ở hội này là có đám rước từ đền Và lên đền Ngài ở gần đỉnh núi Tản Viên. Các làng quanh vùng đều cất cử người tới tham dự. Các thanh niên cất lượt nhau khiêng kiệu trong đám rước.

Đường lên dốc núi cheo leo, đi không cũng đã vất vả, vậy mà đám rước đi có vẻ nhẹ nhàng, từ các cụ già đến các trai tráng vác cờ quạt tàn tán, nhất là những người khiêng kiệu.

Dân chúng đi theo đám rước cũng không ít. Quanh năm đền Ngài ở trên núi vắng vẻ, ít người dám đi tới, phần vì đi

khó khăn, phần sợ gặp các thú dữ, nhất là chúa sơn lâm.

Đám rước lên đến đền Núi, dân các xã cùng nhau tế một buổi. Tế xong, dân chúng vào lễ bái và độ gần chiều, kiệu Ngài lại được rước trở về đền Và.

Hội đền Và tổ chức cốt để các dân làng xã lân cận tới lễ, các trò vui tuy có, nhưng việc chính là lễ bái. Nhiều người có người nhà bệnh hoạn tới lễ xin bùa dẫu. Theo lời truyền lại có nhiều người mắc những chứng bệnh nan y đã được phép của Ngài chữa khỏi.



HỘI LÀNG CUNG THUẬN



Làng Cung Thuận cũng thờ Tản Viên sơn thần; hàng năm làng mở hội từ mồng hai tới mồng mười tháng Hai âm lịch. Hội này chính ra có tính cách phong tục nhiều hơn là tôn giáo, vì tuy là một hội phong tục, nhưng phong tục này nhằm vào sự thờ phụng Tản Viên sơn thần.

Làng Cung Thuận tục gọi là làng Me thuộc huyện Tùng Thiện tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) ở cách tỉnh lỵ độ hơn 5 cây số. Hội làng có nhiều trò vui nhưng đặc biệt hơn hết có tục đánh cá vào sáng ngày mồng 4 tháng Hai.

ĐÁNH CÁ

Đình làng Me kiến trúc theo lối Tàu rất nguy nga cổ kính, trước cửa đình có một cái ao lớn vòng hai bên khu đất làm đình theo kiểu chữ môn. Ao này dân làng nuôi cá, và cá làng không ai được bắt. Hàng năm dân làng chỉ bắt cá trong ao về dịp hội để tế thần. Cá nhiều lắm, đủ mè, chép, trôi, trắm rất to.

Sáng ngày mồng bốn tháng Hai mỗi năm, dân làng tụ họp quanh ao có hàng mấy trăm người, sẵn sàng với nôm, vó đợi lệnh xuống đánh cá.

Ngoài những ngư nhân nhất thời ấy, ở chung quanh ao còn chật ních những người đứng vòng trong vòng ngoài để đợi xem cuộc vui nhất niên nhất lệ của làng. Có nhiều người ở tỉnh xa kéo tới xem.

Trước cuộc đánh cá, cụ Tiên chỉ phải khấn lễ ở đình, sau đó, theo lệnh cụ, một hồi trống ngũ liên nổi lên. Đó là lệnh đánh cá. Tức thì bao nhiêu trai tráng trong làng nhất tề nhảy ùm cả xuống ao. Cảnh ao thật là tung bừng náo nhiệt. Hàng mấy trăm người, với mấy trăm cái úp, cái nôm, cái cụp, cái vó cùng nhảy khua ở dưới nước. Nước động âm âm, bắn lên trắng xóa. Những con cá quẫy tanh tách. Thật là ồn ào, thật là vui. Trên bờ, đàn bà, trẻ con cùng chực khách thập phương hò reo inh ỏi. Thỉnh thoảng lại một tràng vỗ tay âm ỉ để thưởng một cậu trai làng vừa đánh được một con cá lớn. Dưới ao, những chàng trai khác càng hăng hái, cố úp, cố săn cho được nhiều cá hơn. Những hồi trống ngũ liên luôn luôn khuyến khích mọi người.

Một đôi khi, một con cá to phá rách vó chạy trốn, cả bao nhiêu nôm vó khác lại xúm nhau lại để săn cho kỳ được.

Ai bắt được con cá nào đều đưa cho người nhà đợi sẵn ở trên bờ. Cá của người nào để riêng cho người đó.

Cuộc đánh cá âm ỉ cho tới nửa buổi hôm: Cụ Tiên chỉ đốt một tràng pháo để báo hiệu cuộc đánh cá đã ngừng. Tức thì những chàng trai ở dưới ao vội vàng thu nôm, xếp vó lên cả trên bờ, và cùng người nhà khiêng cá vào sân đình để các cụ chức sắc và bô lão phân hơn kém và phát thưởng cho chàng trai nào đã đánh được nhiều cá nhất và phạt những chàng trai nào đánh được ít cá nhất. Người được thưởng lãnh tiền của làng, còn những chàng trai bị phạt phải nhận cá các cụ giao cho mang về nhà nướng cho kịp giờ tế thần.

Số cá đánh được, các cụ đem chia cho dân làng sau buổi tế.

Cuộc đánh cá vui lắm. Đã có câu ca dao:

Nhất hội Hương Tích, nhì hội Phủ Giầy,
Vui thì vui vậy, chẳng tầy đánh cá làng Me.

Làng Me không phải làng duy nhất ở miền Bắc có tục đánh cá, tại nhiều làng khác cũng có tục này, như làng Ngư Xá tỉnh Hà Đông (Hà Tây). Người ta tổ chức cuộc vui mỗi làng một khác, nhưng tựu trung vẫn là cá của dân làng lại đem chia cho dân làng.

NHỮNG TỤC LỆ TRONG NGÀY HỘI

Tục đánh cá là cuộc vui then chốt của ngày hội làng Cung Thuận, nhưng ngoài cuộc vui này, dân làng tổ chức nhiều trò vui khác, ấy là không nói tới những cuộc tế lễ rước xách ở hội nào cũng có.

Trong các trò vui có múa rối, tổ tôm điểm, tam cúc điểm, đánh vật, hát đúm, đả đĩa v.v... và buổi tối cũng như tại các hội xuân khác miền Bắc có hát chèo để thờ thần và để dân chúng mua vui.

HÁT ĐÚM

Đây là lối hát đối đáp của nam nữ cũng giống như hát ví. Trai gái các làng thường hẹn hò nhau tới ngày hội xuân gặp gỡ nhau để cùng hát trao tình, tìm hiểu nhau qua câu hát trước khi đi tới cuộc lứa đôi chỉ Tấn tở Tần.

TỔ TÔM ĐIỂM

Ca dao Việt Nam có câu:

Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống chè mạn hảo, xem nôm Thúy Kiều.

Câu ca dao trên cho ta biết thời xưa đã gọi là làm trai phải biết đánh tổ tôm, biết thưởng thức chè mạn hảo và đọc văn chương của cụ Nguyễn Du.

Đánh tổ tôm là một thú chơi tao nhã. Chơi tổ tôm phải đấu

trí cũng phân biệt cao thấp như chơi cờ. Con người phong nhã phải biết giải trí bằng tổ tôm. Tổ tôm không bị coi là một môn cờ bạc, mà được liệt vào hạng thú thanh cao.

Trong những ngày khao vọng, giỗ chạp cưới xin ở vùng quê đều có vài bàn tổ tôm để các cụ giải trí. Và trong những ngày hội, hầu hết tại các làng vùng quê miền Bắc đều có mấy bàn tổ tôm và muốn để cuộc đấu trí được long trọng hơn, những bàn tổ tôm này được tổ chức công cộng để cho mọi người đi hội được dự cuộc đấu trí của các đấu viên: người ta tổ chức tổ tôm điểm.

Tổ tôm chơi năm người, người ta lập năm cái điểm là Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung. Những điểm này có thể cất trên một khoảng đất rộng. Mỗi điểm là một cái chòi, có thang để đấu viên lên. Những điểm này cũng có thể là những bàn quây kê ở tam quan đình hoặc ở phòng nhà hội đồng. Điểm muốn lập ở đâu cũng được, điều cốt yếu là giữa năm điểm phải có một chỗ trống rộng để khách đi hội có thể xem được. Bài tổ tôm điểm cũng giống như bài tổ tôm thường với ba hàng Văn, Sách, Vạn thêm những quân chi chi, thang thang, ông cụ, tổng cộng 120 quân, nhưng bài không phải là những hình vẽ trên bìa cứng như tổ tôm thường; đây là hai mảnh gỗ ghép lại với nhau, có thể mở ra được. Trên một mảnh gỗ có viết chữ để chỉ quân bài, còn mảnh kia ghép lại như nắp đậy. Lúc đánh bài, mở nắp ra, nhưng lúc chia, người chia bài phải đậy nắp lại, để tránh sự trông ngó của các đấu viên hoặc sự gian lận thông lung giữa người chia bài với một số đấu viên nào.

Luật lệ chơi tổ tôm điểm cũng giống như luật lệ chơi tổ tôm thường. Vẫn những phu dọc, phu bí, phỗng, lưng với tôm lèo. Cách bắt cái lấy phần cũng giống như bài thường.

Chơi tổ tôm điểm cần có một người chạy bài, người này rao những quân bài của điểm đánh để các điểm khác rõ. Muốn phỗng hay ăn đều hiệu trống.

Tại mỗi điểm đều có một chiếc trống nhỏ để đấu viên sử

dụng. Nghe người rao bài, đấu viên muốn ăn, muốn bốc muốn phỗng hoặc muốn ù đều có hiệu trống riêng.

Tung cắc là hỏi lại

Tung là ăn

Cắc là không ăn

Tung tung là phỗng

Tung tung một hồi dài là ù

Bài tổ tôm điểm chia để vào các ngăn riêng, người rao bài chuyển lên các điểm cho các đấu viên. Các đấu viên dỡ bài ra xếp bài, rồi đánh trống báo hiệu đã xếp bài xong.

Điểm cái đưa bài cho người rao bài để đánh quân đầu tiên.

Bắt đầu một ván bài, bao giờ người giao bài cũng hỏi các điểm xem đã sẵn sàng chưa. Câu hỏi như sau: Trình bốn điểm xong chưa nổi hiệu phát bài!

Khi bốc bài cũng như khi bắt đầu cái đều do người rao bài. Lúc bốc hấn nhặt một quân bài ở ngăn nọ, rồi mở ra đọc cho các điểm nghe.

Chơi tổ tôm điểm, đối với các cụ lý thú lắm. Đây là một cuộc tranh tài công cộng, giữa bao nhiêu khán giả.

Ban tổ chức thường đặt ra những giải thưởng để tặng đấu viên nào được ù chi chi nẩy. Thường là một bánh pháo thật kêu đốt sau hồi trống báo tin ù. Khói pháo bốc lên khiến quang cảnh ngày hội càng tung bùng. Những người xem bàn tán ngợi khen.

TAM CÚC ĐIỂM

Cũng như tổ tôm điểm, tam cúc điểm cũng chơi như tam cúc thường với cỗ bài 32 quân gồm có tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt.

Chỉ có ít nơi có tổ chức tam cúc điểm, vì mặc dầu tam cúc không thể là một món cờ bạc bóc lột, nhưng nó giản dị, và cũng kém tao nhã không hợp với các cụ.

Sở dĩ có nơi tổ chức tam cúc điểm là vì tổ tôm điểm hơi khó đối với một số dân quê, nên có lập thêm tam cúc điểm để những người này mua vui trong ngày hội.

*

* *

Hội làng Cung Thuận với mọi cuộc rước xách tế lễ, với mọi trò vui kéo dài trong tám ngày từ mồng 2 đến mồng 10 tháng Hai âm lịch như trên đã trình bày.

Dân chúng trong vùng và hầu như trong toàn tỉnh Sơn Tây kéo nhau nô nức tới dự hội, một phần vì những trò vui, nhưng mục đích để lễ bái.

Người dân quanh vùng này, - rất nhiều làng thờ Tản Viên sơn thần, - rất sùng kính Sơn Tinh mà đối với họ sự linh ứng rất mâu nhiệm, và họ đã chịu ơn rất sâu xa, như trong thần tích đã nhắc ở trên.

Đến lễ bái ở đình làng Cung Thuận, người ta chỉ làm bốn phận một tín đồ với thần linh, và người ta cũng còn xin thẻ xin bùa dấu như ở chùa Hương hoặc ở đền Phủ Giầy vậy.



HỘI ĐỀN BẮC LỆ



Bắc Lệ thuộc châu Hữu Lũng, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc) nằm bên đường xe lửa từ Bắc Giang đi Lạng Sơn. Đây là một xã ở một nơi bắt đầu thuộc về vùng Thượng du miền Bắc và cũng là một thị trấn nhỏ với chợ và nhà ga Bắc Lệ, cách Phủ Lạng Thương vào khoảng gần bốn chục cây số. Từ Phủ Lạng Thương đi tới Kép, rồi từ Kép đi qua làng Mẹt, nơi giặc Pháp đã xử tử hai mươi bảy chiến sĩ Phục Quốc Quân vào năm 1940⁽¹⁾ đến ga Sông Hóa rồi đến ga Bắc Lệ.

Tại Bắc Lệ có đền thờ đức Mẫu Thượng Ngàn, bà chúa cai quản vùng rừng xanh. Đền ở xế ga, không cách xa chợ bao nhiêu. Cũng thờ với đức Mẫu Thượng Ngàn, đền có thờ các Cậu các Cô miền rừng núi. Đây là linh hồn những người miền ngược chết trẻ linh thiêng được nương nhờ dưới bóng Mẫu.

Tại đền thờ có bức tranh đức Mẫu Thượng Ngàn ngồi trên chiếc võng chằng giữa hai cây. Ở bên trái có một con chim, bên phải có một con vượn, hai con vật này cũng như hai cây treo võng tượng trưng cho rừng xanh. Đức Mẫu

Thượng Ngàn có mười hai cô nàng hầu hạ, mỗi cô trong

1. Xin xem *Tinh thần trọng nghĩa phương Đông* của soạn giả.

tay cầm một vật gì. Hai cô ở hai bên mé trên cầm mỗi cô một chiếc quạt lông che cho Mẫu còn các cô khác hoặc cầm quạt, cầm bó hương, trống khău, khay chén hay khay hoa quả. Mé dưới bức tranh là rừng núi, và trên rừng núi có đôi hài của Mẫu. Lại có các loài vật tượng trưng cho dã thú nơi rừng núi: voi và ngựa.

Dưới cùng bức tranh là những đợt sóng, trên những đợt sóng này là mấy con vật tượng trưng cho các loài thủy tộc: con tôm, con cua, con rắn nước, và con cá.

Sở dĩ mé dưới bức tranh có vẽ thêm như vậy là vì đức Mẫu Thượng Ngàn cũng lại là đức Mẫu Thủy Cung.

Hàng năm đền Bắc Lệ mở cửa đền từ thượng tuần tháng Giêng cho tới tháng Hai. Trong thời gian này, dân chúng miền xuôi kéo nhau lên lễ bái, nhất là các bà Đồng kéo nhau tới lên đồng, hầu bóng.

Đây là một hội hoàn toàn về lễ bái và lên đồng.

Cách đền chính không xa, độ 200 thước có một ngôi đền nhỏ gọi là đền Kẽng. Theo các người hàng năm thường tới đền lễ bái, đây là đền thờ cô Ba Bắc Lệ, một vị công chúa. Trong những ngày hội đền Bắc Lệ, đền Kẽng cũng mở cửa đền, và các con hương đệ tử tới lễ đền Bắc Lệ đều tới đền Kẽng. Ở đây cũng lên đồng lên bóng, trừ tà, phát bùa để chữa bệnh như ở đền chính.

Khi đền Bắc Lệ bắt đầu mở cửa đền, có đám rước từ đền Kẽng tới đền chính. Đây là cô Ba Bắc Lệ tới hầu đức Mẫu Thượng Ngàn.

LỄ CHÙA BẢO SANH ĐẠI ĐẾ



Chùa này, đúng ra phải gọi là đền, vì nơi đây không thờ Phật, mà lại thờ một vị thần gốc Trung Hoa, dân chúng quen gọi là chùa Lão Yá. Chùa tọa lạc tại xã Long Sơn, cách quận lỵ Tân Châu (An Giang) độ 4 cây số, ở hữu ngạn rạch Cái Vung, mặt chùa hướng ra vàm rạch. Lão Yá đã được triều đình nhà Thanh sắc phong là Bảo Sanh Đại Đế.

Lão Yá chính là tiếng Triều Châu đọc theo hai chữ Lão gia. Tên thật của ông không ai rõ, dân chúng trong vùng quen dùng hai tiếng Triều Châu Lão Yá để gọi và cũng có người gọi kính cẩn là Quan Lớn hoặc Lão Y nghĩa là một danh y từng trải, và thói quen này đã hầu như át hẳn bốn chữ Bảo Sanh đại đế, xa lạ với quần chúng.

Chùa Lão Yá được lập nên gần một thế kỷ rồi và người dân rất tôn sùng ông. Hàng năm vào ngày rằm tháng Giêng, dân chúng có cử hành lễ tại chùa rất long trọng, còn quanh năm chùa có người tới lễ, khói hương nghi ngút.

SỰ TÍCH ÔNG LÃO YÁ

Dưới trào Mãn Thanh bên Tàu, có bà Mẫu Hậu bất ngờ lâm trọng bệnh⁽¹⁾. Các quan Thái Y và Ngự Y đều vô phương

1. Không rõ vua nào nhà Thanh.

điều trị. Nhà vua phải đăng bảng cầu hiền: “Ai cứu được bệnh ngặt nghèo của Mẫu Hậu thì sẽ được quyền cao tước cả.” Bảng vừa treo lên, bỗng có người như vị thiên liêng nhập vào mà nước ta gọi ông lên vậy. Người ấy giắt bảng vào chữa cho Mẫu Hậu. Xong ông ta được đưa ra quán dịch nằm đợi tin lành. Lúc tỉnh dậy y hỏi quan coi quán dịch, mới hay hành động vô ý thức đó là một tội khi quân sẽ bay đầu và bị tru di tam tộc. Vì quá sợ, nên y tìm đường bôn đào. Trong khi đó, nhờ uống thuốc tiên, bệnh của Mẫu Hậu được thuyên giảm rất nhiều, rồi lần lần dứt bệnh hẳn. Quá mừng nhà vua truyền lệnh đòi vị danh y vào triều để ban thưởng xứng đáng. Nhưng vị “Biển Thước” đã rời khỏi hoàng cung mất dạng rồi. Quốc Vương bèn cho quân lính đi tìm kiếm khắp nơi mà không gặp.

Một hôm tới cụm rừng, quân sĩ tạm ngồi nghỉ mệt dưới một tàn cây to lớn. Bỗng nhiên, ai ai cũng đều cảm thấy từ trên bông cây này, xông lên một mùi hôi tanh khó chịu. Tò mò một quân sĩ nhanh nhẹn leo lên cây xem thử. Té ra đó là một thầy ma mà người chết ấy không ai khác hơn là vị danh sư hôm nọ đã trị bệnh cho Quốc Mẫu. Vì quá sợ cái tội khi quân nên y leo lên cây này trốn, bởi nhịn đói, nhịn khát mà phải bỏ mình rất thảm thương nơi đây.

Khi được tin đau đớn đó, nhà vua mẩn tiếc vô cùng và chôn cất rất trọng thể. Đồng thời tặng phong cho người là “Bảo Sanh Đại Đế”.

Từ đó, nhà vua truyền cho dân chúng lấy vỏ cây nơi danh sư đã chết để trị bá bệnh. Còn thân cây thì làm cốt thờ ông Thần Y có công cứu sanh mạng của Quốc Mẫu.

ÔNG LÀO YÁ QUUA XỨ VIỆT NAM

Tục truyền ông Hia Ný, người Triều Châu ở xã Long Sơn khi về bên Tàu, biết được chuyện này mới xin lãnh cốt và sắc phong đem về qua xứ Việt Nam để thờ tại nhà ông.

Ông Bảo Sanh Đại Đế ở bên Trung Quốc có hiền thánh hay không thì chẳng ai biết? Nhưng linh hồn được nhập tịch vào xứ ta lại đập đồng lên cho người xác đầu tiên là ông “Khía” xã Long Sơn, tục gọi “Lào Kía”. Ông này qua đời lại nhập vào xác ông “Lến” cũng người xã Long Sơn, tục gọi “Lào Lến”. Khi nhập vào xác, ông Lào Yá chỉ thuốc cho bệnh nhơn trong làng được linh ứng. Nhờ thế mà uy tín của ông Lào Yá càng được tôn trọng.

Người địa phương nhứt là người Tàu cư ngụ ở xã Long Sơn nhận thấy sự hiển linh đó mới chung hùn cất chùa để thờ ngài. Nhưng trước khi cất, bốn hội có cầu ngài lên để chỉ chỗ cất chùa. Ngài dạy phải cất tại mé rạch, song phải hướng mặt tiền chùa ra Vàm rạch Cái Vừng để ngài ngăn ngừa lũ tà ma yêu quái đột nhập vào nội địa vùng Cái Vừng. Tuy vậy, bốn hội lấy làm lo lắng vì sợ đất lở. Song ngài cương quyết bảo cứ việc cất. Thần dạy ai dám cãi? Lại một điều là từ khi ngôi chùa này đã hoàn thành, mặc dầu nó chỉ nằm cheo leo dựa mé rạch đất vẫn không lở như mấy chỗ khác. Do đó, nguồn tin tưởng cao độ nơi ông Lào Yá càng thêm ăn sâu vào tiềm thức của mọi người dân ở vùng rạch Cái Vừng nhứt là người ở Long Sơn.⁽¹⁾

TỤC LỄ NGÀY LỄ

Người dân xã Long Sơn và vùng lân cận tôn sùng ông Lào Yá và cho rằng ông là một vị thần thánh giáng trần để cứu dân độ thế bằng cách trị bệnh cho mọi người.

Lễ tại đền ông Lào Yá hàng năm được tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng. Dân chúng tới lễ và xin xăm cầu rõ việc cát hung.

1. Theo Nguyễn Văn Kiếm trong TÂN CHÂU.

Ngoài ra có hai tục lệ đặc biệt là tục Ông Lên và Lễ Du Hồ và chung cộ Bát Tiên. Hai tục này chúng tôi đã nói tới trong cuốn LÀNG XÓM VIỆT NAM.



HỘI LÀNG HẢI CÁT



Làng Hải Cát thuộc tổng Long Hồ, huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên, cũng như các xã khác tại Việt Nam, thường hàng năm, hai lần làm lễ kỳ yên vào tháng Hai và tháng Bảy. Dân làng làm lễ tại đình làng, nhưng trước ngày hành lễ, bao giờ cũng có cuộc rước Thần, tục gọi là lễ nghênh thần để cung nghênh các vị Thần thờ cúng tại các đền miếu trong làng về đình để dân làng cúng tế.

Làng Hải Cát có đền thờ Thiên Y A Na Ngọc Diễn Phi Chúa Ngọc, đền này được sắc vua Đồng Khánh ban là HUỆ NAM ĐIỆN. Dân chúng gọi là đền Hòn Chén.

SƠ LƯỢC THẦN TÍCH

Huệ Nam Điện xây trên núi Ngọc Trản, thuộc địa phận xã Hải Cát.

Điện này trước kia là Ngọc Trản Sơn Thần từ còn gọi là đền Hàm Long, linh thiêng nức tiếng. Đền thờ Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc và Thủy Long Thần.

Trước sự linh ứng của Bà Thiên Y A Na, vua Minh Mạng sau khi lên ngôi được hơn hai năm, đã cho mở rộng ngôi đền vào năm 1832.

Trước ngôi đền là một vực sâu của dòng sông Hương, nước đen ngòm, theo tục truyền là không đáy, và nơi đây chính là nơi có cung điện của thủy thần. Người ta thường thấy xuất hiện một con giải (một giống rùa to) to lớn bằng chiếc chiếu bơi lội trên vực sâu này, tạo nên những luồng sóng kinh khủng, nước đen bốc lên cao ngất.

Về sự linh thiêng của Thiên Y A Na Thánh Mẫu, có một câu chuyện thường được thuật lại:

Xưa kia vua Thiệu Trị xây lăng mình ở gần đó. Một buổi nhà vua cùng các bà hoàng phi đến thăm lăng, ngược dòng sông Hương đi qua đến Hòn Chén. Vừa lúc qua đền, một bà hoàng phi đánh rơi chiếc ống nhổ bằng vàng đúng ngay vào chỗ vực sâu nước đen ngòm.

Các bà phi xót xa tiếc chiếc ống nhổ, khuyên nhà vua kêu khẩn Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Nhà vua không tin ở sự linh thiêng của Thánh Mẫu, đứng trên thuyền khấn một cách mỉa mai. Ngờ đâu chiếc ống nhổ vàng từ từ nổi lên trên mặt nước và được vớt lên. Trước sự linh ứng bất ngờ ấy, nhà vua long trọng hứa là sẽ sửa sang và mở rộng ngôi đền. Tiếc thay nhà vua đã băng hà trước khi thực hiện lời hứa. Về sau vua Đồng Khánh đã sửa sang ngôi đền vào năm 1886, và đổi tên là HUỆ NAM ĐIỆN, điện của Thánh Mẫu thi ân huệ cho nước Nam.

Khi vua Đồng Khánh còn là hoàng tử, ngài ưa lên chơi trên Ngọc Trản Sơn, và thường ngài hay ngừng ở trước cửa Ngọc Trản Sơn Thần từ để cầu khẩn những điều mong ước.

Ngài thường được như nguyện. Sau này lên ngôi, ngài đã châu phê khen ngợi Ngọc Trản Sơn là một nơi thật đẹp, phong cảnh mới thoát trông giống một mảnh sư uống nước dưới sông và đấy là nơi an ngự của các vị thần linh. Do đó, ngài đổi tên Ngọc Trản Sơn Thần từ là Huệ Nam Điện. Ngài ra lệnh cho Công Bộ làm bức hoành phi mới với ba chữ Huệ Nam Điện, nơi lạc khoản ghi rõ là theo lệnh vua.

Cùng năm ngài cho tu sửa Huệ Nam Điện, tại Thừa Thiên.

Gặp nạn hạn hán, nhà vua ra lệnh cho các quan tỉnh cầu đảo tại nhiều nơi nhưng không ở đâu linh nghiệm. Khi làm lễ cầu đảo tại Huệ Nam Điện, sự linh ứng thật mau chóng: lễ cầu đảo buổi sáng buổi chiều trời mưa.

Tại Huệ Nam Điện có thờ nhiều vị thần khác ngoài Ngọc Thiên Y A Na Thánh Mẫu. Tầng gác thờ Thánh Mẫu và hai vị khác, tầng dưới thờ sáu vị, tất cả đều có sắc phong của triều đình.

Về các sắc thần, trước kia, cho tới năm 1886, bàn thờ giữa ở trên gác có sắc của:

1. Bà Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi Thượng đẳng thần.
2. Thủy Long Thánh Phi Trung đẳng thần.
3. Sơn Trung Tên Phi Trung Đẳng thần.

Ba vị trên đều là nữ thần, đây là ba vị Thánh Mẫu Thượng thiên, Thủy cung và Thượng ngàn⁽¹⁾.

Gian bên trái, trên gác thờ Quan Thánh Đế Quân. Sau khi Huệ Nam Điện được sửa chữa (1886-1888) bài vị Quan Thánh Đế Quân đã được di chuyển thờ tại một miếu riêng xây bên hữu Huệ Nam Điện.

Gian bên phải thờ lục vị tướng quân sau đây:

1. Tiên cung Thông minh Thượng tướng quân tôn thần.
2. Tiên cung Liên minh Đại tướng quân tôn thần.
3. Thủy tinh Lục dũng Tướng quân tôn thần.
4. Thủy tinh Oai dũng Tướng quân tôn thần.
5. Sơn tinh Quả dũng Tướng quân tôn thần.
6. ???

Lục vị tôn thần trên, đã được di chuyển thờ sang bên phải bàn thờ tam vị Thánh Mẫu, còn bên trái có thờ thêm nhị vị Đức Bà, từ hồi đền được sửa chữa bởi vua Đồng Khánh.

1. Theo L. CADIÈRE trong *Croyances et Pratiques religieuses des Annamites dans les environs de Hué*. B.E.F.O. tome XVIII, 407-1918.

Vua Đồng Khánh tin ở sự linh thiêng của tam vị Thánh Mẫu, nhất là bà Thượng Thiên Thánh Mẫu Thiên Y A Na.

Ông H. Délétie trong “Bulletin des Amis du Vieux Hué” số 4 xuất bản tháng 10 và 11-1915, có kể lại rằng khi nhà vua còn làm hoàng tử, nhà vua đã xin Thánh Mẫu cho biết ngày ngài được lên trị vì và thời gian ngài sẽ ở ngôi vàng.

Thánh Mẫu đã cho biết đúng ngày ngài lên ngôi và ngài sẽ trị vì trong ba năm.

Nhà vua đối với Thượng Thiên Thánh Mẫu rất cung kính. Chính nhà vua làm thơ văn, câu đối để xưng tụng công sức của Thánh Mẫu, và cũng chính nhà vua ban hành việc dùng quốc lễ để tế tại Huệ Nam Điện.

Theo lệnh nhà vua, hàng năm xuân, thu nhị kỳ tại Huệ Nam Điện có quốc tế, vị chủ tế là một triều thần đại diện triều đình.

Kể từ năm 1910 trở về sau, hàng năm triều đình chỉ cử đại diện tới chủ tế một lần vào kỳ xuân tế, nhằm tháng Hai, còn kỳ thu tế, việc tế lễ do dân làng Hải Cát phụ trách, nhằm tháng Bảy.

Dân làng tổ chức tế tại đình, nhưng trước ngày chánh lễ, có lễ nghênh thần để rước tất cả các vị thần trong làng về đình như trên đã nói.

LỄ NGHÊNH THẦN

Trong lễ nghênh thần có đám rước Thiên Y A Na Thánh Mẫu từ Huệ Nam Điện tới đình làng Hải Cát.

Đám rước cử hành trên những chiếc thuyền ghép lại thành những chiếc bè lớn gọi là Bồng. Những chiếc bồng nối tiếp nhau trên sông Hương, tương tự như những bè thủy lục tại miền Nam, với rất đông các con hương đệ tử, các tín nữ thiện nam. Người đông, tiếng ồn ào xen lẫn tiếng trống rước tạo nên một cảnh tượng hết sức nhộn nhịp tung bừng. Đám rước

cử hành ban đêm, đèn sắc sỡ sáng trưng, phản ánh dưới dòng sông Hương lấp lánh.

Trên một chiếc bằng có bàn thờ Thánh Mẫu, cùng với long kiệu. Trên long kiệu có hòm sắc của Thánh Mẫu, đây là sắc phong vua ban, hàng năm được rước tới đình.

Liên kế đó, có một chiếc bằng khác, có bàn thờ, kiệu và hòm sắc của nhị vị Thượng Ngàn và Thủy Cung Thánh Mẫu. Sau đó là những chiếc bằng chở các tự khí, tàn tán cờ quạt v.v...

Long kiệu của Thượng Thiên Thánh Mẫu là kiệu thêu, do các trinh nữ khiêng, các cô ăn bận áo màu sắc sỡ, ngoài các cô còn các bà cũng quần áo đẹp để với đủ màu sắc, chia nhau người mang bình hương, kẻ ống trầu, người bình trà, kẻ khay tách chén, người mang những hòm nhỏ đựng các đồ trang sức, hoặc mang cờ biển, tàn, lọng, gối, quạt v.v... Các thanh niên vác các đồ lộ bộ, bát bửu, và các tự khí khác...

Khi đoàn bằng ghé bến, đám rước chuyển từ mặt sông lên bộ và đi cho tới đình làng Hải Cát. Có phường bát âm đi theo sau kiệu.

Trong lúc đoàn bằng khởi hành từ bến trước Huệ Nam Điện, các bà đồng đã cùng nhau lên đồng ngay ở chiếc bằng có bàn thờ Thượng Thiên Thánh Mẫu. Những cuộc lên đồng hầu bóng tiếp tục cho tới khi đoàn bằng đi tới bờ, nơi đám rước chuyển từ sông lên bộ.

Dân làng đi theo đám rước. Hương khói tỏa bay, ánh đèn đêm tỏa chiếu. Những thiện nam, tín nữ hân hoan theo đám rước.

Đám rước nghênh thần tuy đầy vẻ tôn nghiêm nhưng cũng thật là tấp nập và nói lên sự vui mừng của dân chúng được cung nghinh tam vị Thánh mẫu từ đền về đình làm lễ. Lòng tin tưởng ở sự lành thiêng của tám vị Thánh Mẫu, nhất là của đức bà Thượng Thiên Thánh Mẫu, tạo nên một không khí tôn giáo thiêng liêng trong đó có cái gì mầu nhiệm đem niềm

an vui lại cho dân chúng trong ánh sáng tung bùng của đèn đuốc, trong màu sắc chói lọi của đám rước với long kiệu với đồ thờ son son thiếp vàng, với áo quần sắc sỡ, trong tiếng trống tiếng nhạc của phường đồng văn và phường bát âm.

Nghênh thần xong dân làng làm lễ tức yết theo nghi thức cổ truyền.

Suốt đêm là những cuộc hát thờ, hoặc các bà đồng hầu bóng. Dân làng rất nhiều người tham dự.

Ngày hôm sau là Chánh tế, và đến buổi chiều là lễ Tiễn Thần, kiệu Thiên Y A Na Thánh Mẫu cùng hai vị Thượng Ngàn và Thủy Cung Thánh Mẫu lại được long trọng rước từ đình làng Hải Cát về Huệ Nam Điện cũng như đám rước nghênh thần tối hôm trước.

Vẫn các trinh nữ khiêng kiệu của Thượng Thiên Thánh Mẫu, và cũng lại các bà các cô chia nhau mọi phần việc như hôm trước.

Đám rước đi bộ từ đình đến bờ sông, rồi lại được chuyển xuống các bằng trên sông Hương. Đoàn bằng lại khởi hành trở về với cờ quạt uy nghi, trống và âm nhạc trên các bằng. Lại có những cuộc hầu bóng cho tới khi đoàn bằng ghé bến trước Huệ Nam Điện.

HỘI ĐÌNH THẦN XÃ LONG PHÚ VỚI NHỮNG NÉT CHUNG VỀ HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM MIỀN NAM



Nói chung ra từ Bắc chí Nam, nơi đâu trong việc cúng lễ dân chúng thường cũng theo nghi thức cổ truyền mà chúng tôi đã có dịp trình bày trong TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM khi nói về Đạo Thờ Thần. Việc sự thần ở đâu cũng vậy, lấy sự cung kính làm đầu và để biểu dương sự cung kính, tất nhiên phải dùng đến lễ nghi tuy trong lễ nghi có những điều khác biệt nhỏ tùy từng địa phương.

Tại miền Nam, đình đám cũng không khác miền Bắc bao nhiêu, nếu có khác là chỉ ở những trò bách hí miền Nam ít hơn hai miền Trung và Bắc, còn sự lễ bái thường cũng thể hiện một cách tương tự. Qua mấy hội hè đã trình bày, bạn đọc hẳn đã nhận thấy những điều dị biệt không đáng kể.

Ông Nguyễn Văn Kiềm tác giả cuốn “*Tân Châu*”, khi được soạn giả cho biết ý định viết tập sách này, đã có nhã ý gởi tặng một tập tài liệu về Đình đám tượng trưng miền Nam với rất nhiều chi tiết quý báu, nhất là về hội hè tổ chức tại đình làng. Ông đã trình bày hội hè đình đám miền Nam qua

sự lễ bái tại đình xã Long Phú, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (An Giang). Soạn giả xin thành thật cảm ơn tác giả Tân Châu, và để bạn đọc biết rõ về Hội hè đình đám miền Nam, tưởng không gì hơn cho in lại nguyên văn tập tài liệu này.

“Trên khắp lãnh thổ miền Nam, từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng có dựng lên tại trung tâm xã một ngôi đình cổ kính để thờ thần. Trừ một số ít xã thờ các vị công thần triều Nguyễn đã được sắc phong như Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Văn Thoại, Lê Văn Duyệt v.v... kỳ dư bao nhiêu ngôi đình khác chỉ thờ điển hình vị THÀNH HOÀNG BỐN CẢNH.

Mặc dù các vị thần thiêng liêng này đều là vô danh, nhưng cũng được Triều đình sắc phong rực rỡ như các bậc công thần nói trên.

Tóm lại, để tượng trưng đình đám miền Nam, chúng tôi xin gom góp tài liệu liên quan đến đình thần xã Long Phú, quận Tân Châu (Châu Đốc). Việc lễ bái ở các nơi khác cũng tương tự hoặc chỉ có đôi điều khác biệt nhỏ. Trước hết cần biết qua sự:

TỔ CHỨC BAN QUẢN TRỊ

Dưới thời Pháp thuộc, các đình thần Bốn xứ do Ban Hương Chức Hội Tề cai quản. Từ năm 1945 đến nay, Ban Hương Chức Hội Tề giải tán, đình thần được cải tổ do dân trong xã tự do lựa chọn người tuổi tác, công chức hồi hưu có tác phong đạo đức bầu lên thành:

A. BAN QUẢN TRỊ GỒM:

Chủ Tịch danh dự luôn luôn dành cho vị Quận Trưởng địa phương (ông này chuyển chuyên, ông khác kế vị).

1. Chủ Tịch
2. Phó Chủ Tịch (I-II)

3. Tổng Thơ Ký
4. Phó Thơ Ký (2 hoặc 3)
5. Thủ quỹ

B. ỦY VIÊN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban
2. Phó Trưởng Ban (2 hoặc 3 nhân viên)

C. CÁC ĐẶC BAN LO ĐÌNH ĐÁM

Ban tế tự gồm:

1. Tham Thần
2. Kế Hiền
3. Hương Quan
4. Đại Bái
(4 chức vị này như là chức danh dự)
5. Chánh Bái
6. Bồi Bái
7. Phó Bái
8. Hiệp Bái
9. Tham Bái
10. Hương Bái

Ban tế nhạc gồm:

1. Trưởng ban
2. Phó trưởng ban

Ban lễ nhạc gồm có những chức việc hầu lễ: Trưởng lễ, Tham lễ, Tri lễ v.v...

Ban nhạc gồm có Trưởng nhạc, Tham nhạc, Tri nhạc v.v...

Lễ sĩ (học trò lễ) có nhiều vị nhưng mỗi kỳ lễ cúng chỉ có 7 cặp mà thôi.

Ban nghi tiết:

Lo chung dọn gồm có Trưởng ban, Phó trưởng ban và nhiều chức việc khác như Chủ trưởng, Tham trưởng v.v...

Ban thiện phòng

Lo mua lễ vật cúng kiếng và nấu nướng đãi đằng quan khách. Ban này cần phải có nhiều chức việc thay phiên mới đủ dùng trong mấy ngày lễ.

Ban quản thủ tài vật

Ban này tổ chức cũng như Ban trên để trông nom gìn giữ chu đáo tài sản của đình.

Ban tiếp tân

Lo việc tiếp rước quan khách trong mấy ngày cúng kiếng gồm nam và nữ.

Ban ánh sáng

Lo cung cấp đèn trong lúc hành lễ.

Ban cổ vấn

Gồm nhiều vị kỳ lão sáng suốt.

Nhiệm kỳ của Ban quản trị là hai năm bầu lại một lần, ngoại trừ Ban Tế Tự không thay đổi, trừ phi có vị nào qua đời và vì một lẽ riêng gì đặc biệt. Một điều nên để ý là mỗi vị trong mỗi ban đều được Ban Quản Trị cấp phát “Bầu cử Chứng Thư” (xưa gọi Tờ cử) hẳn hoi, để chứng tỏ đương sự có công với đình thần.

TỔ CHỨC ĐÌNH ĐÁM

Mặc dù đồng bào địa phương vẫn biết rằng đình xã sở tại của mình thờ “Thành hoàng Bổn Cảnh” tức vị Thần thiêng liêng vô danh, nhưng họ lại rất hãnh diện vì có sắc phong rực rỡ do đặc ân của vua ban, nên đứng trên phương diện tín ngưỡng vô bờ bến, họ quan niệm sâu sắc là “linh bất linh tại ngã”, nên trọn vẹn tin tưởng vị Thành hoàng Bổn Cảnh như vị linh thần có huyền năng mang đến đời sống họ đầy đủ cả hạnh phúc về danh lợi, tiền tài, tình duyên, mùa màng, luôn cả điều kiết hung nữa.

Bởi vậy, từ xưa đến nay, để tôn sùng cao độ vị thần thiêng liêng an trấn tại đình, các vị Tiên Hiền, Hậu Hiền, Kế Hiền đều triệt để thi hành hai cổ lệ tế thần như sau:

Đại Lễ Kỳ Yên vào ngày 16-17-18 tháng 5 âm lịch

Tiểu Lễ Chạp Miếu hay Lạp Miếu vào ngày 16-17 tháng Chạp âm lịch.

Tuy nhiên Đại Lễ Kỳ Yên không còn là ngày bắt di bắt dịch nữa. Đến năm 1967, Ban Quản Trị đồng ý cải tổ ngày Đại Lễ Kỳ Yên vào ngày 9-10 tháng 5 âm lịch cho phù hợp với sự sinh hoạt địa phương, còn ngày Tiểu Lễ Chạp Miếu thì để y như cũ.

Đến đây, thiết tưởng cũng nhắc lại việc tổ chức Đại Lễ Kỳ Yên ngày xưa có kèm cả hát bộ. Dưới đây là:

BÀI XÂY CHẦU HÁT ĐÌNH:

1. Thần tiên niệm hương chú

Phục vị càn tượng, cảm dĩ thoại thông.

Cẩn chú thanh hương, kiến thành bái khải.

Nhứt niệm đạo hương, thượng khấn thiên quan, nguyện bảo vệ sơn hà xã tắc.

Nhị niệm đạo hương, trung đạt địa quan, nguyện quốc dân, tăng long càn tượng.

Tam niệm đạo hương, hạ thấu thủy quan, nguyện tứ hải phong điều vũ thuận.

Nhơn tư diện võ, đáo lệ kỳ yên, hữu ca xướng nhứt viên. Kim đệ tử tánh, nhập đàn (khởi) cổ nguyện ứng trình tường, cung vọng thỉnh Tôn Thần chí linh phủ thùy chiếu giám.

RA NGOÀI SÂN KHẤU (VÕ CA)

(Đánh tiếp giá Nghinh Thần)

Phục vị Thần Thánh chi đại, cảm dĩ linh thông, cẩn chú thanh hương, kiến thành ca khải.

Cung vọng thỉnh Tổ sư, tiền trào Triệu Công, Kỷ Bình, Thành Hầu, Tiên Sư tọa vị chứng minh.

Nhơn tư điện võ đao lệ kỳ yên, hữu ca xướng nhứt viên.
Kim đệ tử tánh nhập đàn khởi cổ.

Nguyện ứng linh thông, cung vọng thỉnh Tiên sư, Tổ sư, linh linh chỉ thị.

TẤY TRƯỚC CHÚ (TAY CẦM NHÀNH BÔNG, TÔ NƯỚC)

Tiên nhứt sanh thủy, địa lục thành chi, Thần Thủy sải động, uế trước trần phi.

Ấn Ngươn Hanh Lợi Trinh.

LẤY NHÀNH BÔNG RẢY NƯỚC RỒI CẦM ROI CHÀU

Pháp luân thường chuyển Tứ Thiên Vương,

Bát đại Kim Cang trấn tứ phương,

Ngô kim khởi cổ đồng lai trớ;

Túng tư xã tắc thọ miền trường.

THU PHÙ YẾM DIỆN CHÚNG (DỠ KHẮN MẶT TRỐNG CẦM ROI TRỐNG HỌA TỬ TUNG NGŨ HÀNH 4 SỐ 5 NGANG).

Thương thân nhứt túc, Yết tợ lời hoành, chấn cổ biến thỉnh thông thiên triệt địa, lỵ my tìm hình.

“Ấn hoành hoành”

TRỊCH MỘC CHÚ (KHẮC ROI CHÀU)

(rụt, rụt, cắc) Nhứt trịch mộc, chư Thiên lai giáng phúc

(rụt, rụt, cắc, cắc) Nhị trịch mộc, chư Địa phi lai.

(rụt, rụt, cắc, cắc, cắc) Tam trịch mộc, vạn Thần lai ủng hộ.

ĐIỂM MẶT TRỐNG

(rụt, rụt - Đùng) Nhứt điểm nguyện: Sơn Hà thống nhứt Dân Quốc hà xương, vạn sự trình tường, thiên niên đức hóa.

(rụt, rụt - Đùng, đùng) Nhị nguyện: Hải yển hà thanh, tứ

phương ninh tịnh, trào sĩ công khanh, linh qui hạc táng.

(rụt, rụt - Đùng, đùng, đùng) Tam điểm nguyên: Quốc phú binh cường, nam phương lạc thổ, hòa cốc phong đăng. Dân khương vật phụ, bá tánh an ninh, Thọ thọ phúc.

Tiền đả tam thập thất thanh: 37 tiếng

Trung đả lục thập thất thanh: 67 tiếng

Hậu đả cửu thập cửu thanh: 99 tiếng

NGHI LỄ XÂY CHẦU

A. VÔ CHÁNH ĐIỆN:

1. Lễ sĩ xướng: Cổ lại viên tỵ vị
2. Lễ sĩ xướng: Nguyễn hương thượng hương
3. Lễ sĩ xướng: Châm tửu - Cúc cung bái (2 lạy)

B. ĐỌC BÀI PHỤC VỊ HAY XÂY CHẦU

1. Lễ sĩ xướng: Châm tửu - Tạ thần: Cúc cung bái (2 lạy)
2. Lễ sĩ xướng: Thỉnh Thánh - Bưng khay trầu rượu đi ra sân khấu.

C. RA SÂN KHẤU:

1. Lễ sĩ xướng: Cổ lại viên tỵ vị
2. Lễ sĩ xướng: Nhạc công khởi nhạc - đánh tiếp - giá.
3. Lễ sĩ xướng: Nguyễn hương - Cúc cung bái (2 lạy - châm tửu).

D. ĐỌC BÀI XÂY CHẦU:

Lễ sĩ xướng: Châm tửu: Lễ nhị bái (2 lạy)

Nên nhớ chỗ BÀI XÂY CHẦU có khoảng chấm chấm nói: Nhon tư diện vở đạo lệ Kỳ Yên, đệ tử tánh danh (điền tên người đứng xây chầu) nhập đàn khởi cổ. Và từ đây Cổ lại viên cứ theo trong bản xây chầu mà đánh trống cho đủ số

dùi đã ấn định (vừa đánh vừa đếm) xong rồi hát bộ dâng liễn, gia quan v.v...

Xuyên qua Bài Xây Châu hát bộ thì nhận thấy quả là một bài trấn ếm của vị cao tay ấn bùa Lỗ Ban, gọi “Ấn Ngươn Hanh Lợi Trinh” để trấn ếm quỷ mị không cho độn nhập loạn vào Đình Trung, hầu bảo đảm cho buổi lễ Kỳ Yên được hoàn toàn yên tĩnh không xảy ra việc gì đáng tiếc. Hơn nữa Xây Châu là cả một nghệ thuật cần chuyên luyện mới thành công và điều khiển ăn khớp với Nghi Lễ Xây Châu.

BÊN LỄ CUỘC HÁT BỘ

Thuở đó trong xứ chưa có cải lương và chiếu bóng vào thôn quê như hiện giờ, nên môn hát bộ được thịnh hành, cho là môn giải trí duy nhất và lại mỗi năm trong xã mới có tổ chức hát bộ về đình hát đôi ba hôm. Một dịp làm cho nông dân thưởng thức nghệ thuật làng hia mảo. Vì vậy bất cứ nam phụ lão ấu đều đua nhau đến đình xem chạt cả. Còn sự buôn bán thì tấp nập.

Ngoài thú xem hát ra, trẻ em còn giải trí bằng lối đánh bầu cua cá cộp (môn cờ bạc này đến nay vẫn còn thịnh hành). Người lớn có máu đỏ đen thì tha hồ mà cờ bạc làm cho bao nhiêu người phải mang nợ đến đôi phải vong gia thất thổ. Riêng trai xinh gái lịch - trong bộ đồ vía - lại mượn cuộc hát xướng để làm nơi hẹn hò.

NGHI LỄ TẾ THẦN:

TIÊN YẾT:

Củ Soát tế vật (kiểm lại đồ cúng)

Khải Sắc (mở hòm Sắc, trải Sắc chỉ ra)

Ế mao huyết (rút chén lông và huyết ếm bàn Thần, đem ra để ngoài bàn lễ sinh)

Chấp sự giả các tư kỳ sự (Ba ông thủ mõ, chuông, trống ra bái trước hương án ngoài).

Khởi thái bình (mõ)

Khởi chung cổ (chuông trống)

Thái bình, chung cổ tề minh (3 thứ luân phiên đóng)

Nhạc sinh tựu vị (Nhạc vào trước hương án).

Nhạc sinh khởi nhạc (Nhạc cử tiếp giá: 3 hồi, 3 chậm)

Niệm hương tựu vị (Ông niệm hương vào trước hương án)

Phản hương (người hầu đốt hương)

Quỳ (quỳ)

Niệm hương (khấn niệm lớn tiếng)

Thượng hương (Người hầu cắm hương lên bàn hương án)

Phủ phục (cúi xuống)

Hưng bình thân (đứng dậy)

Nghinh thần (rước thần)

Cúc cung bái (Xướng 4 lần, lạy 4 lạy. Nhạc cử Bạc đàn)

Hưng bái - Hưng bình thân

Bổn thân viên quan hương chức đồng lai bái (thầy đều lạy 4 lạy theo lễ sinh xướng)

Bồi tế tựu vị (Ông Bồi tế vào hương án)

Đông Hiến, Tây Hiến, Các tựu vị (Hầu lễ vào hai bên)

Chánh tế tựu vị (Ông Chánh tế vào)

Nghệ quán Tẩy (lại đài rửa mặt)

Quán Tẩy (rửa mặt)

Phục vị (trở lại bàn hương án)

KHỞI TUẦN HUƠNG:

Nghệ hương án tiền (nhạc xây lá, lễ sinh đi vào dâng hương trầm)

(Quỳ trước hương án ngoài)

Phản hương (Chánh tế đốt trầm do lễ sinh quỳ trao)

Thượng hương (lễ sinh đi lên dâng trầm - sau khi lễ sinh trở xuống)

Phủ phục (cúi xuống)
Hưng bình thân (đứng dậy)
Cúc cung bái, Hưng bái (xướng 4 lần, lạy 4 lạy)
Hưng bình thân.
Phục vị (Chánh tế thụt lại một chút).

KHOI TUẦN RƯỢU (Lễ sinh đốt đèn):

Hành hiến lễ.
Nghệ thần vị tiên (Nhạc xây lá, lễ sinh đi vào)
Quỳ (trước hương án ngoài)
Tấn tước (lễ sinh quì trao cho Chánh lễ rót rượu).
Hiến tước (lễ sinh đứng dậy, đi dâng rượu).
(Lễ sinh đi lên theo tiếng nhạc xây bạc - Từ bàn Thần.
Lễ sinh trở xuống, tiếp xướng cho Chánh tế lạy 2 lạy),
Chuyển chúc (3 lễ sinh đến lấy đài bản văn tế)
Giai quỳ (đồng quỳ)
Đọc chúc (một lễ sinh cầm bản văn, một cầm đèn, một
đọc văn)

ĐIỂM TRÀ:

(Dâng trà thẳng lên bàn Thần, Nhạc cử bài Ngũ điểm).
Phân chúc (đốt văn)
Nạp Sắc (để Sắc chỉ vào hòm).
Lễ thành
Chánh tế, Bồi tế, xuất vị (để lễ sinh lạy 4 lạy).

LỄ ĐÀN CÁ:

Phân đầu: giống y như phân đầu của lễ Tiên Yết.
Cho đến tuần rượu: giống y như lễ Tiên Yết.
Phân chung lễ: đổi lại và thêm như sau đây:

TUẦN RƯỢU NHÌ:

Hành á hiến lễ.

(Sau đó giống như sơ tuần)

PHẦN RƯỢU BA:

Hành chung hiến lễ (sau đó, giống y như tuần nhì, mỗ, chuông trống, đóng 3 luân cho tới hạ đàn tế).

Chánh tế, Bồi tế xuất vị (để nhường chỗ cho)

Bổn thôn Hương chúc đồng tái bái (lạy mỗi người 4 lạy - Lễ sinh tiếp lạy theo, cũng 4 lạy).

Cáo thối

Chánh tế, Bồi tế phục vị (hai ông này trở vào).

Nghệ ẩm phước vị (Lễ sinh bưng 2 đài không, lên bàn Thần)

Thần tứ phước Lộ (Lễ sinh nhận lấy thịt rượu bưng xuống)

Giai quì (đồng quì)

Ẩm phước (uống miếng rượu)

Thọ tộ (ăn (trở) miếng thịt).

Phủ phục (cúi xuống)

Hưng.... bình thân

Cúc cung... bái

Hưng... bái (4 lạy)

TUẦN TRÀ:

Điểm trà (Lễ sinh dâng trà, nhạc đồn bản Tàu)

Tạ Thần, cúc cung... bái

Hưng... bái (4 lạy)

Phần chúc (đốt văn)

Lễ tất (Hồi mỗ, chuông trống).

CHI TIẾT BỔ TÚC VỀ NGHI LỄ TẾ THẦN

Trong Nghi lễ tế Thần có lễ “KHAI SẮC” để nghinh Thần

là trọng thể hơn cả. Đúng 12 giờ trưa ngày 9 tháng 5 âm lịch, một cái bàn phủ nắp được đặt trước nghi ngoại có cả nhang đèn và khay trầu rượu. Ban tế tự đứng ra nguyện hương vái lạy kèm có lễ sĩ đứng hầu. Kế đó có 2 lễ sĩ mặc y phục, đội mũ, mang hia theo quan văn thời xưa, theo sau là vị cao cấp trong Ban tế tự đến Chánh Điện. Hai lễ sĩ này kính cẩn đến Ngai Thần khiêng Hòm Sắc đem xuống đặt tại bàn. Đồng thời có trống nhạc trỗi lên.

Khi vái lạy xong, ông Chánh Bái bèn mở khóa thỉnh Sắc trải ra trên bàn và khi đặt rồi thì nhạc đánh Tiếp Giá. Bấy giờ vị Chánh Bái mặc lễ phục trình trọng quì xuống đọc lớn Bản Sắc Thần cho dân chúng nghe. Xong xếp y lại như cũ để vào hòm sắc khóa cẩn thận gọi lễ NẠP SẮC.

Tiếp theo là LỄ NGHINH THẦN. Mỗ chuông trống chiêng nổi lên 3 hồi lại 3 dùi. Ban tế tự kính cẩn thỉnh hòm Sắc ra đường đặt vào chiếc Long đình có kết bông hoa, nhang đèn. Hai bên có dù lọng. Phía trước là bộ đồ lộ bộ, để tượng trưng uy vũ của Triều đình. Theo hầu Sắc là mấy vị kỳ lão, viên chức, thân hào, nhân sĩ, thương gia điền chủ cùng các đoàn thể chánh trị và tôn giáo.

Đi trước hết là xe bát cẩu hòa với tiếng trống kèn lẫn múa lân hay Long Mã làm cho buổi lễ Nghinh Thần trở nên náo nhiệt vô cùng. Và một điều làm cho long trọng thêm là hai bên vệ đường, nhà nhà đều có đặt bàn hương án và cờ xí trông cực kỳ trang nghiêm cũng như các cuộc tiếp rước long trọng các vị vua chúa hay một công thần ngày xưa.

Lễ Nghinh Thần diễn hành qua các đường phố trong Châu Thành và xuyên qua các ấp, rồi trở về đình. Nơi đây còn một lễ chót gọi là lễ “Thỉnh Sắc” từ chiếc Long Đình vào Chánh Điện có đệm thêm cả trống nhạc trỗi lên inh ỏi.

Tại sao có LỄ NGHINH THẦN?

Vì Sắc Thần xã Long Phú ký tại Đình, còn vài nơi khác Sắc thần giao cho một chức vị cao cấp đầy đủ uy tín trong làng

thỉnh về nhà thờ. Đến ngày cúng Thần Ban Quản trị phải tổ chức đi thỉnh về đình gọi lễ “THỈNH SẮC THẦN” và sau đó có cuộc lễ gọi “HỒI SẮC” gồm cả trống nhạc trỗi lên.

Khi xong lễ Nghinh Thần là đến lễ cúng dư lệ. Lễ này cúng bằng thịt heo chín và sống cắt ra từng khoanh mỏng có xôi và bánh trái. Cúng dư lệ cũng như lễ mới vào đám chỉ có nhạc mà không có lễ. Quý vị trong Ban Tế Tự đến vái lạy và cúng kiếng (ngày đầu). Tối lại lối 9-10 giờ có cúng chề xôi gọi là lễ CẦU NGUYỆN. Lễ này rất đơn giản chỉ có đèn nhang và gõ chuông không có lễ nhạc.

Đúng 4 giờ sáng ngày 9 rạng ngày 10 tháng 5 âm lịch, khởi lễ Chánh Tế, là buổi lễ quan trọng hơn hết, vì phải hành lễ đến 2 tiếng đồng hồ đầy đủ nghi tiết và bài văn tế.

Cử hành lễ này bằng con heo quay theo sự cải tổ của Ban Quản Trị chớ trước kia cúng bằng heo sống nên có phần lễ Ế MAO HUYẾT nghĩa là vị hành sự tế nhục đến bàn Thần nhận lãnh chèo huyết đem chôn nơi đồng nội. Cuộc lễ bế mạc vào lúc 12 giờ trưa trong ngày 10 âm lịch.

LỄ CHIA THỊT ĐÌNH VÀ XÁN XÔI NGÀY XUA

A. CHIA THỊT:

Theo cổ tục, mỗi vị Hương chức, những vị cao cấp, thương gia, điền chủ phải xây hai mâm xôi, dân thì một mâm để cúng đình. Còn heo cúng thì do ngân quỹ đình mua và phải dùng tất cả là 5 con (có khi làm cả bò) phân như sau:

Một con ngoại lệ kêu “heo com” tức heo để cho người giúp việc ăn cũng gọi là lễ dư lệ.

Một con để cúng nghinh Sắc Thần

Một con để Lễ Chánh Tế

Một con Lễ Tất

Con chót để kính biếu

Và sự kính biếu phân ra:

Hương Cả chọn cái đầu heo gọi thủ vĩ

Hương Chủ chọn cái mông cắt khoanh tròn

Chánh Bái là người lãnh phần Chánh Tế cực nhọc hơn hết nên hưởng trọn cái bụng có cả cây đuôi.

Kỳ dư mỗi chức việc trong đình được kính biếu đồng đều theo tục lệ đã ấn định. Nếu phân chia không đúng chỗ và không đủ thì sẽ có chuyện lời thôi với nhau, nhưt là giữa Ban Hội Tề.

Vả lại, họ đã ăn uống thỏa thuê liên tiếp trong 3 ngày tại đình mà còn chưa khoái khẩu, lại bày đặt ra ngoại lệ kính biếu để mang về cho vợ con thưởng thức nữa thì hóa ra:

Miếng ăn là miếng tội tàn

Mất đi một miếng lợn gan lên đầu.

Như thế làm mất đi cả sự tốt đẹp của đình trung là nơi thuần túy để giáo dân. Gia dĩ họ cho sự hưởng của đình là một danh dự thiêng liêng, nên trở thành một tệ đoan trong xã hội, bị đời mai mỉa là: Miếng thịt làng bằng sàng thịt chợ. Còn nếu cãi lý ra thì họ cho là: Phép vua thua lệ làng.

B. LỆ XẮN XÔI:

Tục lệ này cũng quan trọng không kém tục chia thịt đình, vì phải tùy theo cấp bậc của mỗi vị mà xắt xôi cho có thứ tự để đặt lên bàn cúng Thần và các bàn Tả Ban và Hữu Ban. Nếu xắt xôi đặt sai chỗ sẽ có chuyện rắc rối. Xôi cũng được kính biếu như lối chia thịt đình.

Nhận thấy cái tệ đoan trầm trọng tự nghìn xưa còn lưu lại thành sự tranh giành vì miếng ăn nên Ban Quản Trị Đình Xã Long Phú đã cải tổ:

Sau khi cúng xong, tất cả vật cúng đều mang ra hết để đãi đảng dân chúng, không một ai lạm quyền đem về nhà cho vợ con hưởng. Vì họ biết tôn trọng vật cúng đó do đồng bào

địa phương đóng góp, nên để cho dân chúng trọn hưởng. Sự cải tổ này được lòng dân. Âu đó cũng là một điểm son trong việc đình đám.

CẦU THẦN BAN PHƯỚC LỘC THỌ VÀ LỄ KHAI SON

Ngoài 2 lễ chánh nói trên, đình Long Phú còn thi hành hai lễ phụ nữa:

A. CẦU THẦN BAN PHƯỚC LỘC THỌ:

Lễ này mới cải tổ nên tổ chức vào đêm giao thừa, và cử hành vào 04 giờ sáng ngày mồng 1 tháng Giêng âm lịch.

NGHI TIẾT:

KHỞI LỄ:

a. Chúc Sắc, Thân Hào, quan khách, tề tựu hai bên án tiền (nam bên trái, nữ bên mặt, ở trong ngó ra).

b. Khởi đại cổ. Kính thác. Khởi chinh cổ. Nhạc công khởi nhạc.

c. Tham Thần, Kế Hiền và Đại Bái tựu vị (nguyện hương và lễ tứ bái).

d. Thượng Thần Phù Chánh Điện (xướng). Tham Thần bưng mâm Thần Phù và 2 Lễ sĩ cầm đèn hầu hai bên đi vào Chánh Điện. Kế Hiền và Đại Bái cầm nhang theo sau, Tham Thần bưng mâm Thần Phù xá trước Điện rồi từ từ bước lên Chánh Điện đặt mâm Thần Phù. Xong rồi quý vị trở ra quì trước án tiền.

LỄ NGHINH THẦN:

a. Nhạc trời tiếp giá

b. Tiếng nhạc dứt thì tắt đèn điện (đèn cây để y) và phụt pháo màu trước Chánh Điện. Pháo màu dứt, cho đèn điện cháy lại.

c. Tham Thần, Kế Hiền và Đại Bái lễ tứ bái và quì để dâng

hương, 4 lễ sĩ (phần hương và thượng hương) dâng tữu, 4 lễ sĩ (chước tữu và hiến tữu)

Bốn lễ sĩ trở vô hầu hai bên Chánh Điện.

LỄ TƯ THẦN PHÙ:

a. “Thần tứ phúc lộc thọ” (cũng 2 lễ sĩ hầu trước Chánh Điện xướng).

b. Tham Thần “Dạ”.

c. “Đệ Thần Phù án tiền” (cũng do 2 lễ sĩ hầu trước Chánh Điện xướng).

Tham Thần, Kế Hiền và Đại Bái cùng 2 lễ sĩ hầu trước án tiền vào Chánh Điện. Tham Thần bước lại Chánh Điện thỉnh mâm Thần Phù và trở ra đặt trước án tiền. Kế Hiền, Đại Bái cùng 2 lễ sĩ (có cầm đèn) theo hầu:

d. Tham Thần tỵ vị (nguyện hương, lễ tứ bái).

đ. Quận trưởng tỵ vị (nguyện hương lễ tứ bái). (Quận trưởng bình thân. Tham Thần bước vô xá, giở tấm nhiễu phủ, lấy một Thần Phù gắn cho Quận Trưởng, Quận Trưởng xá và lấy một Thần Phù gắn cho Tham Thần).

f. Nhân viên Ban Tế Tự tỵ vị (nguyện hương lễ tứ bái). Quận trưởng gắn Thần Phù cho mỗi nhân viên.

g. Bà Tham Thần tỵ vị (nguyện hương lễ tứ bái, Quận Trưởng gắn Thần Phù cho Bà Tham Thần và Bà sẽ gắn Thần Phù quý Bà quý Cô).

h. Nhân viên Ban Quản Trị tỵ vị (nguyện hương, lễ tứ bái).

Tham Thần gắn Thần Phù cho mỗi người.

i. Quý vị Trưởng Ban tỵ vị:

Quan khách, thân hào tỵ vị.

Nhân viên các Ban tỵ vị

Tuần tự vào nguyện hương và lễ bái.

Ban Tế Tự thay phiên nhau gắn Thần Phù theo thứ tự ưu tiên Trưởng Ban, quan khách, thân hào rồi đến nhân viên các Ban.

XIN LƯU Ý:

Nhạc luôn luôn cử hành khi nguyện hương, lễ bái và lúc gấn Thần Phù.

Suốt thời gian cử lễ yêu cầu quý Ông, quý Bà nghiêm trang và tuyệt đối giữ sự im lặng.

Hơn nữa khi tập hợp tại nhà Hội cũng như lúc vào Đình dự lễ, Ban tổ chức đã định phía trái cho Nam và phía mặt cho Nữ (trong Chánh Điện ngó ra).

CHUẨN BỊ BUỔI LỄ

a. Sắp Thần Phù trên một mâm có lót và phủ nhiễu đỏ. Trên tấm nhiễu phủ có đề ba chữ PHƯỚC LỘC THỌ bằng nước vàng.

b. Trước giờ hành lễ, đặt mâm Thần Phù trước án tiền, trên một chiếc ghế đầu có phủ vải.

c. Đặt hai bộ lư xông trầm hai bên Chánh Điện

d. Trước Chánh Điện để pháo màu (Pháo này phụt lên khi tiếng nhạc tiếp giá nghinh thần chấm dứt).

e. Phải có 6 lễ sĩ (4 hầu hai bên Chánh Điện, hai hầu hai bên án tiền và sẽ theo hầu mâm Thần Phù khi vô ra Chánh Điện).

B. LỄ KHAI SON

Lễ này có từ đời Nghiêu Thuấn, do tích ông Thuấn là người hiền, bị kế mẫu ghen ghét và gièm siểm, nên cha là Cổ Tẩu giận đầy ông lên non Lịch phá rừng làm ruộng, được trời cho voi ra cày giùm, chim nhạn cỏ giúp. Vì vậy người Tàu muốn Thần Thánh hóa trong công cuộc canh tác điền địa để khuyến dân, nên bày ra lễ này gọi KHAI SON ĐIỀN. Đến thời Bắc thuộc tục lệ này truyền sang Việt Nam cho tới hiện nay.

Noi theo cổ lệ, hàng năm cứ đến ngày 7 tháng Giêng âm lịch Ban Quản Trị Đình Xã Long Phú tổ chức buổi lễ đơn giản đó ở ngoài sân đình - bằng cách đặt bàn trên có để hương đăng

trà quả, dưới bàn có để sẵn một trống rơm, cuốc, xuống, bừa cào và thùng nước. Vài vị cao niên trong Ban Tế Tự đến vái lạy xong, thì qua giai đoạn cuốc cày, xối nước làm mưa hầu tượng trưng cảnh mưa hòa gió thuận để nông dân trồng tía được trúng mùa, nhà nhà no ấm, làm cho dân giàu nước mạnh.

Lễ Khai sơn còn gọi là lễ Khai hạ hay lễ đầu năm tức là ngày mở đầu cho các sự thông thả vui chơi, cho nên buổi lễ đó bắt buộc mỗi vị Hương chức luộc một con gà tịt hóp lại cúng tại đình. Trước hành lễ sau dùng hết.

Sau bữa ăn thân mật, có vị còn lấy lại cặp giò gà của mình cúng dâng khi về nhà nhờ người xem giùm để đoán vận mạng từ đầu năm đến cuối năm.

Từ năm 1967, Ban Quản Trị nhận thấy sự kiện đã lỗi thời, vì mỗi vị ở nhà làm gà mang đến đình mất cả vệ sinh, lại nữa gặp hồi vật giá đắt đỏ nên bãi bỏ, để xuất quỹ đình mua gà giao cho ban Thiện Phòng sắp đặt cúng chu đáo. Các Ban tịt hóp cúng lạy, ăn uống rồi giải tán có trật tự.



NHỮNG NGÀY LỄ ĐÌNH BÌNH THỦY



Qua những trang trên, những nét chung về hội hè đình đám miền Nam đã được trình bày, theo đó thường tại các đình, dân làng chỉ thờ vị THÀNH HOÀNG BỔN CẢNH không có tính danh. Tuy nhiên cũng có những biệt lệ, một số ít các làng thờ các danh thần nghĩa sĩ, và cũng có một số ít hơn thờ các vị tôn thần hữu danh tính, như trường hợp làng Bình Thủy thờ ông Đình Công Chánh, hai vị công chúa là Trầm Hương và Huệ Cô công chúa cùng hai vị nhân thần khác là các ông Nguyễn Xuân Quế và Phan Nhựt Vĩnh.

Đình Bình Thủy là một ngôi đình lớn. Du khách có dịp đi trên con đường Cần Thơ, Bình Thủy, khi đi khỏi cầu sắt Bình Thủy, nhìn sang tay phải sẽ thấy ngay ngôi đình tráng lệ, kiến trúc rất mỹ quan. Chung quanh đình có tường hoa cột trụ xây gạch gần song xi măng. Hai bên cửa, về phía hữu thờ Thần Triệt Lộ, phía tả thờ Thần Phong Thủy. Ngoài ra lại có cả miếu thờ Thần Hổ.

THẦN TÍCH

Ông Đình Công Chánh trước làm bốn bãi trông nom việc đình miếu. Lúc chết hiển linh thành Thần về cơ báo cho dân xã biết. Ngày 29-11 năm Nhâm Tuất (1862), vua Tự Đức có sắc phong Thành hoàng Bốn Cảnh.

Theo dân làng thuật lại, ngôi đình trước kia cất bằng lá, mãi tới năm Tân Hợi (1911) đình mới được xây cất như ngày nay.

Hai ông Nguyễn Xuân Quế và Phan Nhật Vĩnh là những người chết gặp giờ linh thiêng được thành Thần. Trầm Hương và Huệ Cô công chúa, thần tích không ghi rõ.

Tương truyền rằng, ngôi đình hiện tại, sau khi được cất xong, dân làng có tổ chức lễ cầu cơ tạ ơn thần tại chùa Nam Nhã, các vị thần đều giáng bút để ngợi khen.

Dưới đây là hai bài thơ giáng bút của tôn thần Đình Công Chánh và Trầm Hương công chúa.

Bài thơ của tôn thần Đình Công Chánh:

Cảnh lịch Long Tuyền khéo sửa sang⁽¹⁾

Cơ đồ rực rỡ sức Cung, Cang.

Thềm soi dáng hổ trương gia phụng,

Cột trở vóc rồng lập cánh loan.

Huyền võ tàn che, chim nghỉ mát;

Đàn xà đường lộn, khách nghênh ngang.

Đố ai có biết cơ này hứng

Chén rượu quỳnh tương rót đã tràn.

BÀI THƠ CỦA TRẦM HƯƠNG CÔNG CHÚA

Bồng lai cảnh lịch ấy đâu là,

Cổ miếu Long Tuyền rất khéo chà.

Bạch hổ hiên ngoài xem ngheo nhến,

1. Long Tuyền nơi có xây đình.

Thanh long điện trước khéo lân la.
Kìa gương nhật nguyệt lò son sắc,
Nọ vóc kinh thành rục phẩn sa
Một cuộc bông hồ say cạn chén
Tiếng oanh eo óc thưởng nguyệt nga.

Ở đây thiết nghĩ nên nói thêm tại miền Nam, để giao tiếp với giới vô hình, đồng bào thường hay có tục cầu cơ, và giới vô hình khi giáng cơ thường xuống bút những bài thơ.

TỤC LỆ KỲ AN TẠI ĐÌNH BÌNH THỦY

Hàng năm tại đình Bình Thủy, dân làng cúng kỳ an hai lần, mỗi lần đều có tế lễ.

Lần thứ nhất là lễ Thượng Điền vào các ngày 12, 13 và 14 tháng Tư âm lịch; lần thứ hai vào hai ngày 14 và 15 tháng Chạp là lễ Hạ Điền.

Trước đây trong kỳ lễ Thượng điền, dân có lệ thỉnh sắc thần bằng bè thủy lục, lại có hát bộ ba đêm. Bè thủy lục ghép thành bởi hai ba chiếc thuyền, trên có trang hoàng mỹ lệ. Từ năm Bính Thìn, 1916, nhận thấy cuộc rước sắc bằng bè thủy lục rất tốn kém, dân xã thay bè thủy lục bằng một kiểu xe gọi là Long xa phụng tán, xe rồng tán phượng. Trong ngày lễ còn có cuộc thi làm bánh mứt tế thần để khuyến khích phụ nữ trong công việc nữ công.

Trải qua những biến cố của thời cuộc, năm 1945, đình làng bị quân Pháp chiếm đóng, mọi cuộc tế lễ tại đình làng không thể có được; trong những năm này sắc thần phải đem về chùa Nam Nhã tạm thời. Mãi tới năm 1955, quân Pháp trừ đi, dân làng mới lại rước sắc thần từ chùa Nam Nhã về thờ và các tục lệ lễ kỳ an lại được khôi phục, và dân chúng thập phương lại kéo nhau tới lễ thần và dự những cuộc vui như hát bội rất đông đúc tạo nên một quang cảnh nhộn nhịp tưng bừng.

Nhắc tới đình làng, dân làng Bình Thủy thường kể đến sự linh thiêng của đức Thành hoàng Bổn Cảnh và thường thuật lại câu chuyện về bộ lư đồng của đình làng.

Nguyên đình làng có bộ lư đồng rất lớn cao độ một thước, để bày trước điện. Với biến cố năm Ất Dậu (1945), bộ lư bị mất không biết tiêu tán đi đâu.

Năm 1961, dân làng tu bổ lại đình, có nhắc tới bộ lư. Ít ngày sau, ông Lê Văn Dương, một hàng chức sắc được thần linh mách bảo bộ lư đó để ở chùa Ba Chúc trên núi Tượng.

Ông Nguyễn Tấn Thời, một người làng tình nguyện đi núi Tượng tìm kiếm. Đến chùa Ba Chúc ông đã nhận ra được bộ lư đồng của đình làng mình.

Ban Trị Sự trong làng lên chùa Ba Chúc để chuộc; các vị sư trong chùa khi rõ chuyện đã xin hoàn lại và đích thân chở bộ lư từ Ba Chúc đến ấp Long Tuyền xã Bình Thủy trả vào đình.

Tìm lại được bộ lư thờ, dân làng rất lấy làm hân hoan.

Từ đó tới nay, hàng năm hai kỳ dân làng làm lễ Thượng Điền và Hạ Điền tại đình theo như cổ tục.

Và du khách, trong dịp lễ Thượng Điền, ai có dịp về thăm Bình Thủy sẽ được chứng kiến từng lớp sóng người tới đình lễ Thần và dự xem các buổi hát bội hoặc hát tiêu rất lý thú.



LỄ HỘI CỦA TỘC KHOME NAM BỘ⁽¹⁾

Cũng như mọi dân tộc trồng lúa nước ở Đông Nam Á, người Khome tồn tại nhiều lễ nghi nông nghiệp diễn ra theo chu kỳ gió mùa và chu kỳ canh tác. Người Khome mừng tết vào giữa tháng «Chết» (tức khoảng giữa tháng 4 dương lịch) ngày 13-14-15 gọi là «Chôm Chnan Thmây». Đây là thời điểm mùa khô kết thúc và mùa mưa sắp đến. Trong dịp này đồng bào có các tục đắp núi lửa, núi cát trong chính điện hay xung quanh chùa; có tục tắm cho các tượng Phật, sư sãi và người thân lớn tuổi trong gia đình. Đây là các ma thuật - để cầu mưa, nhưng nay đồng bào giải thích theo quan điểm luân hồi, luật nhân quả của nhà

Phật. Cũng trong dịp này, trai gái Khome chơi các trò ném banh (chôlxhung), đấu khăn (leăk konxeng), rông răn (chôk chây)... và hát đối đáp với nhiều hình thức. Các trò chơi của trai gái trong ngày Tết này, ngoài tính cách vui giải trí và biểu diễn nghệ thuật, còn mang ý nghĩa phồn thịnh, cầu mong mùa màng phong đăng hòa cốc.

Trước đây, vào những năm hạn hán, đồng bào trong phum, sóc thường giết lợn, gà cúng ông Tà chủ xóm để cầu an, cầu mưa. Ở một vài địa phương còn có tục ném các tượng thần Bà La Môn - được đồng hóa với các neak tà - xuống nước để cầu mưa. Hoặc mời ông Lục (sư Khome) đến tụng kinh chây

1. Tài liệu bổ sung của BT.NXB.

ontò. Lễ này thường được tổ chức ngoài ruộng lúa. Người ta đào một hố trước mặt ông sư, trong đó đặt một con cá nhỏ, một con lươn, ếch, sò, hay cua.

Và ông Lục tụng kinh dưới ánh mặt trời gay gắt, không được che dù. Một tục lệ cầu mưa khác là «boi thuyền trên cạn» (*um tuk locòk*).

Trong quá trình canh tác, người Khome có tục cúng các thần ruộng (*neak tà Xrê*). Khi gieo mạ, cấy, họ còn phải cúng các *arāk viêl* là các thần mục súc để cầu mong xua đuổi chuột, cua, sâu, rầy khỏi cắn phá. Khi gặt hái và đổ lúa vào bồ, họ làm lễ gọi Hồn lúa (*hno pralung xrâu*). Hồn lúa ở người Khome thường được

tượng trưng bằng nữ thần *Peisrap* ngồi trên mình cá xlát tay cầm một nhánh lúa.

Cuối cùng vào dịp trăng tròn tháng Kadāk (tức 15-10 âm lịch), đồng bào Khome mừng lễ «chào mặt trăng» (*sampeāk preăh khe*) mà dân gian vẫn gọi là Ôk Ôm Bok (nuốt cốm). Trong lễ này, vào đêm trăng tròn, các gia đình Khome đều tập trung trước sân chờ trăng lên. Sau khi cúng bái người ta đốt một nắm cốm, một trái chuối vào miệng các trẻ nhỏ vừa nuốt lượm vừa hỏi chúng năm nay muốn được gì? Căn cứ vào những câu trả lời của những đứa bé để đoán biết năm nay mùa màng có thịnh đạt không.

LỄ ÔK ÔM BOK - NGÀY HỘI LỚN CỦA ĐỒNG BÀO KHOME



Hàng năm, cứ vào ngày 15 tháng 10 âm lịch (tức là ngày 16 tháng 10 theo lịch Khome); ở tất cả các địa phương có bà con Khome làm ăn, sinh sống, đều tổ chức lễ Ôk Ôm Bok (lễ dứt cốm dẹp) - còn gọi là lễ Bon-sâm peak preah (lễ cúng trăng).

Có thể hiểu ngày lễ Ôk Ôm Bok (hay lễ Bon-sâm peak preak) như một ngày lễ mừng sản xuất trong năm qua và mở đầu cho sản xuất năm tới. Vì theo các nhà thiên văn học Khome, thì ngày 15 tháng 10 âm lịch là ngày kết thúc một chu kỳ của mặt trăng xoay quanh trái đất; đồng thời cũng là ngày mặt trăng bắt đầu chuyển sang một chu kỳ mới.

Vào thời điểm này, bà con Khome thu hoạch hoa màu các loại, trong đó có lúa nếp (được thu hoạch sớm nhất). Trong ngày lễ, cốm dẹp (được làm từ lúa nếp) là đồ cúng quan trọng hàng đầu, nhất thiết phải có, bên cạnh một số đồ cúng khác như khoai mì, khoai lang v.v... Trước ngày lễ, ở từng hộ gia đình râm ran tiếng chày giã cốm cúng trăng, không khí nhộn nhịp, đầm ấm. Những chàng trai, cô gái vừa giã

cốm vừa hát đối đáp rất vui.

Lễ cúng trăng bao giờ cũng được tổ chức vào ban đêm. Sau buổi lễ, người nhiều tuổi nhất trong gia đình gọi các em nhỏ lại ngồi gần mình, chấp tay hướng về mặt trăng, rồi lấy cốm dẹp và các đồ cúng khác - mỗi thứ một ít - đút vào miệng từng em (do đó có tên: Lễ đút cốm dẹp), và lấy tay đầm nhẹ vào lưng các em, hỏi các em muốn gì? Những câu trả lời của các em sẽ gieo niềm tin cho người lớn suốt chu kỳ mặt trăng xoay quanh trái đất năm tiếp theo.

Bà con tộc Khome miền Tây Nam Bộ nói chung, ở Hậu Giang (Cần Thơ - Sóc Trăng) nói riêng, vốn là những người chân lấm tay bùn, lấy sản xuất nông nghiệp làm nguồn lợi chủ yếu. “Lễ đút cốm dẹp” là biểu hiện sinh động của quan niệm dĩ nông vi bản ấy. Đồng thời, lễ này còn cho thấy một truyền thống đẹp của bà con tộc Khome biết ơn vầng trăng được coi như vị thần phù hộ cho sản xuất tốt tươi.

Lễ Ôk Ôm Bok được tổ chức vào thời điểm mùa màng đã được thu hoạch, cũng là ngày rỗi rãi nhất trong năm. Do vậy, bà con vui chơi rất thoải mái. Trò chơi tiêu biểu, phù hợp với miệt đất lấm sông, nhiều nước này là đua ghe Ngo, (loại ghe mũi cong).

Ghe Ngo bao giờ cũng được làm bằng thân một cây gỗ to, đục ở giữa làm chỗ ngồi cho các tay đua. Có ghe Ngo sức chứa tới trên 50 người đua, chiều dài hàng 30-40 mét hoặc hơn nữa. Đầu ghe có hình rồng, rắn. Hai bên thân ghe vẽ những hình kỷ hà nhiều màu sắc.

Ở Sóc Trăng trước kia, Hội đua ghe Ngo thường được tổ chức trên sông Nhu Gia (thuộc huyện Mỹ Xuyên), nhưng gần đây đã chuyển địa điểm về Sông Trăng (thị xã Sóc Trăng). Suốt bốn năm cây số có ghe đua, người xem đông nghẹt nhiều nơi không còn chỗ chen chân.

Không khí ngày hội đua ghe Ngo thật là nhộn nhịp, hào

húng. Tiếng chiêng rền vang, tiếng còi của người chỉ huy các ghe đua lanh lảnh lẫn với tiếng hò reo náo động của người xem.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, đội ghe Ngo thường được nhiều người nhắc tới nhất là đội chùa Tam Sóc (huyện Mỹ Tú, Hậu Giang) đã từng đoạt giải vô địch trong cuộc đua tài giữa các đội ghe Ngo cả 3 nước Đông Dương mới được tổ chức tại Phnôm Pênh gần đây.

Rõ ràng, lễ Ók Ôm Bok và đua ghe Ngo là một ngày hội truyền thống lớn của đồng bào dân tộc Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Ai đã một lần dự cũng đều muốn xem lại ở mùa hội năm sau.



HỘI CHÙA ÔNG BỔN

Chùa Ông Bổn của người Hoa ở Chợ Lớn, còn gọi là Nhị Phủ miếu, tọa lạc tại đường Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5 (TP. Hồ Chí Minh).

Chùa có vị trí quan yếu đối với người Hoa gốc Phúc Kiến ở Quận 5...

Theo tài liệu của Lý Văn Hùng trong «Gia Định Trạng Phật Tích cổ» thì Ông Bổn chính là Châu Đạt Quan, một viên quan của triều đình Trung Hoa đời nhà Nguyên, thế kỷ XIII.

Ông tham gia các sứ bộ Trung Hoa đến nhiều nước ở Đông Nam Á, trong đó có vùng đất Nam Việt Nam và Chân Lạp.

Ông là nhà viết sử, dân tộc học và nhà du ký... nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa cổ đại. Từ miền Chân Lạp trở về, ông viết quyển

Chân Lạp phong thổ ký (ghi chép về phong tục đất đai và con người) mô tả vùng đất cực nam Đông Dương thế kỷ XIII...

... Chùa Ông Bổn - Nhị Phủ miếu có kiến trúc tổng thể theo hình chữ «Khẩu», gồm 4 dãy nhà dài, vuông góc nhau, khoảng trống ở giữa tạo nên sân thiên tỉnh.

Nhìn từ bên ngoài, chùa Ông Bổn nổi bật giữa phố phường nếp mái cong như chồng lên nhau. Những nếp mái cong của chùa Ông Bổn khá độc đáo so với nhiều ngôi chùa cổ trong thành phố.

Khoảng không gian chính diện bên trong ngôi chùa được bài trí thật trang nghiêm và đầy vẻ huyền bí, có vài pho tượng được sắp xếp theo dáng ngồi châu,

1. Tư liệu bổ sung của BT.NXB.

nhưng tư thế khá dung dị.

Phần chính điện chùa Ông Bổn bày một bàn thờ Ngọc Hoàng thượng đế với một bộ lư hương bằng đồng khá lớn. Bên trên Ngọc Hoàng có hai tấm hoành phi đại tự «Phúc toàn đức bị» và «Thích cấp lâm phong». Những hiện vật này được ghi rõ làm trong năm Quang Tự thứ 27 tức 1901.

Đi qua sân thiên tỉnh, nơi đó có dãy bàn bằng xi măng làm chỗ biện bày các lễ vật cúng thần, sẽ bắt gặp một hoành phi đại tự «Thân Lâm phúc địa», nét chữ bay bướm phong nhã. Bên dưới hoành phi là một bàn để bày lễ cúng và cũng là bàn thờ «Nhị Phủ miếu phúc đức chính thần».

Bàn thờ «Phúc đức chính thần» chiếm vị trí trung tâm của gian chính điện với trang thờ nguy nga, lộng lẫy. Bao lam điện thờ được sơn son thếp vàng, chạm lộng hoa lá, rồng, phượng v.v... Điện thờ Phúc đức chính thần có tượng ông Bổn bằng gỗ cao khoảng 1,5m, một cổ ngũ sự bằng đồng, một bài vị «Nhị Phủ Đại Bá Công».

Tượng ông Bổn thể hiện một ông già khuôn mặt quắc thước, khoan hòa với chòm râu bạc trắng buông dài, dáng ngồi thoải mái, một tay gác lên tay ngai, một tay vừa mới vuốt chòm râu. Những nếp áo tượng buông chùng trong dáng ngồi suy tư. Bên dưới tượng ông Bổn là hai tượng nhỏ khác như hai đồng tử đang đứng chờ được sai bảo.

Bên trái bàn thờ ông Bổn, là một gian điện thờ nhỏ hơn, thờ Quảng Trạch Tôn Vương, cùng 106 vị. Bàn thờ có hai di tượng, tượng một hài đồng yên vị trên ngai với vẻ mặt ngây thơ, có dáng như ngạc nhiên, bên dưới là tượng một nhà sư (hoặc đạo sĩ) mặc áo vàng, đầu trọc, lông mày rậm uốn cong lên. Trên trang thờ Quảng Đại Tôn Vương còn một bức liễn nhỏ ghi ba chữ «Phụng Sơn Tự». Bên phải bàn thờ ông Bổn, đối xứng với bàn thờ Quảng Trạch là bàn thờ «Thái tuế». Trên bàn thờ là một đạo sĩ, tay đang lắc chuông, chung quanh là ba con hổ trong trạng thái gầm ghè hung hãn. Vị đạo sĩ vẫn

bình tĩnh nhìn về phía trước như đang thu phục lũ dã thú. Trước tượng đạo sĩ là tượng một đồng nhi ở trần đang múa quạt.

Dãy nhà phía bên phải chính điện là nơi làm việc của Ban trị sự Nhị Phủ miếu. Dây nhà bên trái là nơi đặt điện thờ Quan Công, Quan Thế Âm bồ tát và hai bàn thờ nhỏ hơn một thờ bà Chúa Sanh (Chúa Sanh nương nương) và bà phu nhân Hoa Phấn (Hoa Phấn phu nhân). Những di tượng nơi các điện thờ, bàn thờ ở gian bên trái cũng gần giống với nhiều chùa Hoa khác thờ Quan Công, Quan Thế Âm...

Bên trong chùa Ông Bổn, hiện còn lưu lại 10 cặp liễn bằng gỗ, 10 bức hoành phi cũng bằng gỗ được sơn thếp chạm trổ rất khéo léo. Hầu hết các liễn, hoành này có niên đại Quang Tự đời nhà Thanh tức được hoàn thành vào cuối thế kỷ trước. Ngoài ra trong chùa còn hai quả chuông, một bằng đồng và một bằng gang. Quả chuông đúc bằng gang có ghi năm chế tạo “Quang Tự nguyên niên” (tức năm 1875), với

dòng chữ “chúng thương đồng cúng” (do những người buôn bán cúng cho chùa). Chuông này khá nặng và to lớn, nhà chùa không có giá treo, nên đành để dãi dầu phong sương ở dưới đất góc chùa, cạnh lò đốt vàng mã. Một chuông khác đúc bằng đồng, chuông dáng nhỏ, thanh thoát có ghi chữ “Ất Dậu trọng thu”, có lẽ được đúc vào năm 1825.

Nhìn chung, kiến trúc và trang trí chùa Ông Bổn - Nhị Phủ miếu tương đối đơn giản, nhưng vẫn tạo được không khí trang nghiêm của một cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và thể hiện một phong cách đặc sắc văn hóa của người Hoa ở thành phố. Việc chọn ông Bổn làm vị thần thờ cúng chính của ngôi chùa cũng là một đặc điểm đáng lưu ý của tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa ở Việt Nam nói chung.

Hàng năm, chùa Ông Bổn có nhiều ngày lễ hội lớn. Đặc biệt ngày lễ chính của chùa là Rằm tháng Giêng và Rằm tháng Tám theo âm lịch. Theo Ban trị sự của chùa, đó là ngày sinh và ngày mất

của Ông Bốn. Lễ vật cúng Ông Bốn thường là heo quay, heo sống, gà luộc, hoa trái, nhang đèn v.v... Người Hoa, phần lớn là người gốc Phúc Kiến đem lễ vật đến chùa cúng rất đông. Bà con người Hoa thường mua những vòng hương thấp cúng treo khắp vòm trần chùa tỏa khói thơm nghi ngút suốt nhiều tháng.

Ngoài hai ngày lễ chính, chùa Ông Bốn cũng có một số bà con người Hoa đến cúng chùa vào dịp Tết Nguyên Đán, Nguyên Tiêu, Rằm tháng Chạp v.v... người Hoa ở thành phố tới lễ chùa, dự hội rất đông vui. Thường vào dịp tết Nguyên Đán, các đội múa Rồng đến tổ chức

biểu diễn múa ngay sân chùa thu hút hàng ngàn người xem. Các đội võ thuật, thể dục thể thao, cũng thường tổ chức các cuộc thi đấu tại sân chùa.

Vào Rằm tháng Giêng một số bà con người Hoa đến lễ chùa và xin vay mượn tiền của các vị thần thánh trong chùa như Ông Bốn, Quan Công để làm ăn buôn bán. Sự vay mượn này có tính chất tượng trưng, nhưng đến cuối năm vào Rằm tháng Chạp, bà con đến chùa trả lễ rất đầy đủ cả vốn lẫn lời bằng số tiền mặt bỏ vào các thùng phước sương. Vào dịp này số người đến chùa Ông Bốn, cũng như nhiều chùa khác xin xăm, bói toán khá nhộn nhịp.



HỘI CHÙA BÀ THIÊN HẬU⁽¹⁾ (QUẦN TÂN HỘI QUÁN)

Người Hẹ (hay người Hắc Ka) ở thành phố Sài Gòn- Chợ Lớn chỉ có một chùa duy nhất, đó là Quần Tân Hội Quán, thờ Bà Thiên Hậu, ở số 2, đường Lý Thường Kiệt, Gò Vấp. Đây cũng là Hội quán duy nhất của người Hẹ ở thành phố nằm ngoài vùng Chợ Lớn.

Theo nhiều tác giả thì người Hẹ có gốc ở miền Bắc Trung Quốc, từ từ đi dần về phía Nam khoảng thế kỷ thứ XIII. Người Hẹ thuộc dân tộc Hán. Đến miền Nam Trung Quốc, người Hẹ ở khắp nơi, xen kẽ vào người các tỉnh khác. Hiện nay ở thành phố nhóm người Hẹ có nhiều gốc như Hẹ ở Quảng Đông, Hẹ ở Phước Kiến, Hẹ ở Triết Giang, Hẹ ở Quảng Tây. Thậm chí một số người Hẹ

cũng không biết mình gốc ở tỉnh nào.

Các khúc ca của người Hẹ thường mang màu sắc giống dân ca của những người ở vùng sơn nguyên. Có lẽ gốc của họ là cư dân chăn nuôi, hẳn vì vậy người Hẹ làm nghề thuộc da rất giỏi.

Chùa Bà của người Hẹ ở sát ngay chợ Gò Vấp và nằm sau lưng một miếu nhỏ, gọi là miếu Thất Phủ cũng của người Hoa.

Chùa không có quy mô lớn, chiều dài khoảng 30m, ngang 20m.

Phía trong cùng của Chính Điện là 3 bàn thờ:

Chính giữa là bàn thờ Bà Thiên Hậu. Tượng Bà Thiên Hậu cao 1m20, làm bằng vôi trộn với đất, hiện nay còn khá tốt. Bên ngoài

1. Tư liệu bổ sung của BT. NXB.

tượng được khoác áo thêu kim tuyến. Áo Bà Thiên Hậu được thay hàng năm.

Bên phải Bà Thiên Hậu là bàn thờ Bà Kim Hoa. Theo người quản lý chùa, Bà Kim Hoa là vị thần lo về việc sanh con đẻ cái. Tượng Bà Kim Hoa cao khoảng 0,80m, cũng bằng đất trộn vôi và sơn màu - bên phải Bà Thiên Hậu là bàn thờ ông Thần Tài - Tượng Thần Tài cao bằng tượng Bà Kim Hoa.

Các bàn thờ này có trang thờ và bao lam được trở một số hình ảnh về cây, lá trúc - Được biết các trang thờ này được đặt làm ở Chợ Lớn vào khoảng cuối thế kỷ 19.

Cũng như những chùa Hoa khác thờ Bà Thiên Hậu, ngày lễ chính của Quần Tàn Hội Quán là ngày 23 tháng Ba (âm lịch). Những ngày Tết Nguyên đán, Nguyên Tiêu cũng có đông người đến chùa - Ngày rằm tháng 7 và rằm tháng 11 âm lịch cũng có đông người hơn những ngày rằm khác. Ngày Rằm tháng 7 là ngày lễ cúng cô hồn của người Hoa.

Riêng ngày Rằm tháng 11, được người Hẹ chọn làm

ngày trả lễ cho Bà Thiên Hậu - Theo tục lệ chung của người Hoa, ngày Rằm tháng Giêng được chọn làm ngày đi vay tiền của Bà Thiên Hậu, hoặc của ông Quan Công để làm ăn trong suốt năm - Thực ra việc vay tiền chỉ để tượng trưng, nhưng đến cuối năm thì phải trả lễ và bắt buộc phải trả đúng lời hứa và thường là rất hậu hĩ. Đối với người Quảng Đông, Triều Châu, Quảng Tây, Phước Kiến, Hải Nam thì thường trả lễ cuối năm vào tháng Chạp, riêng người Hẹ thì trả vào rằm tháng 11.

Vào ngày vía Bà Thiên Hậu ở chùa Hẹ cũng có nét khác hơn các chùa khác. Do số người Hẹ ở rải rác các nơi, nên đến ngày này, ở chùa tổ chức họp mặt ăn uống để người Hẹ có dịp gặp gỡ nhau. Về lễ nghi, ngày vía Bà ở chùa Hẹ hàng năm phải làm hai hình nộm của ông Thiện, ông Ác cao ba thước để trưng bày cả ngày. Vào cuối ngày lễ thì đốt 2 hình nộm này để cúng.

Người Hẹ ở các tỉnh lân cận như Sông Bé, Đồng Nai,

*các tỉnh Đồng bằng sông
Cửu Long cũng thường đến
cúng và đóng góp cho Quần
Tân Hội Quán.*

*Hàng năm vào dịp Tết, ba
đội Lân, Rồng và Sư tử của*

*người Hẹ ở Quận 11 đều đến
cúng Bà ở chùa này - Đó là
đội Sư Tử Kiến Nghĩa, Kỳ
Lân Hữu Nghị và Rồng Ninh
Giang...*



NGÀY KỶ NIỆM KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HÒA HẢO



Nói về hội hè đình đám miền quê, không thể bỏ sót được ngày đại hội kỷ niệm Huỳnh Giáo Chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo vào ngày 18-5 mỗi năm.

Đây là một ngày hội quan trọng ở miền Tây Nam Bộ, một ngày hội tôn giáo, một ngày vui của mấy triệu đồng bào tín đồ Phật giáo Hòa Hảo.

Chưa được hân hạnh có dịp tới tận nơi Thánh địa Hòa Hảo để mắt thấy tai nghe cái cảnh tung bừng nhộn nhịp của ngày kỷ niệm, để được thành tâm dự những buổi lễ, hân hoan thưởng thức những cuộc thi vui của chương trình ngày lễ, tôi rất lấy làm sung sướng được nhắc lại trong tạp sách này ngày Hội hè đáng ghi nhớ của đồng bào mấy tỉnh miền Tây. Để bạn đọc có thể ý niệm được hết ý nghĩa quan trọng và sự tung bừng tấp nập của ngày hội tôi xin trích in lại những tài liệu in trong tạp chí *Đuốc Từ Bi*, cơ quan phổ thông giáo lý Phật giáo Hòa Hảo do nhà văn Nguyễn Văn Hầu làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tiện đây cũng xin thành thực cảm ơn tấm thịnh tình của ông Nguyễn Văn Hầu đã gửi

tặng và cho phép trích in những tài liệu này viết về ngày kỷ niệm thứ 26 ngày mở Đạo Phật Giáo Hòa Hảo, vào ngày 18-5-1965 (Ất Ty) trong các số 5 và 6 *Đuốc Từ Bi* xuất bản tháng 6 và 7-1965.

Sinh hoạt trong lễ 18-5

NGUYỄN BÚT TRẠCH VÀ HUỲNH CÔNG KỶ

Đứng trên chiếc đồ máy khi trời lên, lúc sụp xuống theo chiều lượn sóng hùng hổ rẽ nước lướt nhanh, khách hành hương có cảm giác mình đang ở trên lưng con tuần mã đang phi nước đại.

Nhìn những chiếc phà to tướng đang thực thi nhiệm vụ như con thoi chạy qua phóng lại trên khung cử, chắc khách sẽ nghĩ thầm: “một số lợi khổng lồ cho kẻ nào làm chủ những con đò ấy”. Nhưng khách sẽ ngạc nhiên vì khi đò cặp bến, khách không phải trả tiền quá giang chi cả. Thì ra người chủ đò lễ phép khê bảo với khách: “Suốt thời gian đại lễ, đò đưa thí ạ!”.

Khi đặt chân lên Thánh địa, khách càng ngạc nhiên hơn nữa trước sự tung bừng, náo nhiệt và những cuộc trang trí vĩ đại trong ngày kỷ niệm Huỳnh Giáo Chủ khai sáng mới Đại Đạo nhiệm mầu.

Thật vậy, sức sinh hoạt của hàng triệu tín đồ trong ngày lễ chánh thức của Giáo Chủ ra đời dạy đạo, rất linh động từ hình thức đến nội dung, làm say mê khán giả bốn phương có dịp đến viếng Thánh địa. Ban ngày là cả một rừng người kế tiếp hành hương, vô số biểu ngữ, bích chương ca tụng công đức của Giáo Chủ đã nêu cao ngọn đuốc từ bi, đánh thức lòng người còn đeo đấm danh lợi xé xâu? Ban đêm là cả sự huy hoàng của từng đoàn bè thủy lục ở dòng sông còn trên bộ là cộ đèn đủ loại, đủ màu, đốt pháo bông, múa lân, long mã,

phụ vào đó phần triển lãm cũng nói lên quá trình cấu trúc, độ dân của Đức Giáo Chủ. Tất cả đều hân hoan mà vẫn đậm đà với kỷ niệm vô cùng thấm thía, họ nhớ lại những ngày nào, trong lúc được hầu kiến đức Tôn Sư cách đây 18 năm dài đăng đẳng! Lời truyền sấm, lời chỉ giáo còn canh cánh bên lòng của bao nhiêu tín đồ trung thành, xả thân vì lý tưởng.

Khách phương xa hành hương nơi Thánh địa có cảm giác chung là hay đẹp, khéo chớ có biết đâu trước hoặc sau ngày lễ hiện ra những khúc phim linh hoạt làm cho khách bồi ngùi nghĩ đến lòng chân thành, chí hy sinh vô bờ bến của tín đồ!

Bước chân lên Thánh địa trong ngày lễ, khách tọc mạch nhưt là các trạm cơm, điển hình là trạm cơm số 1, chu vi độ nửa mẫu tây gồm có 5 nóc nhà với 46 căn rộng rãi. Khách phân vân, chưa hiểu việc tổ chức chu đáo thế nào mà hàng ngàn người luân phiên 2 đợt mỗi đợt 600 nam nữ chiêu đãi theo trật tự nam nữ. Trạm cơm luôn luôn phải điều khiển nhân viên bằng máy phóng thanh. Bàn ghế thật nhiều mà đơn giản, chén đĩa thô sơ, rất mực bình dân nhưng sạch sẽ vệ sinh. Đãi ăn toàn cơm chay và không tính tiền. Sự thật, thực phẩm và vật dụng do đồng đạo các nơi đem đến cung ứng cho trạm cơm. Số người chiêu đãi phải thay đổi mỗi ngày, do ghe máy của đồng bào di chuyển giúp. Đi vào nhà bếp, khách trở mắt nhìn những dãy thùng cây “khổng lồ” dùng nấu cơm bằng cách hấp gạo cho đến khi cơm chín, phương pháp giản tiện và mau lẹ để cung đãi hàng vạn khách thập phương liên tiếp đến khi hành hương. Mười ngày trước lễ và bốn ngày sau lễ, nhân viên trạm cơm vẫn xúc tiến công việc đều đều, tùy số lượng của thực khách. Riêng trạm cơm “số 1” tiêu thụ mỗi ngày trên 10 tấn gạo! Nếu khách có dùng bữa nơi trạm cơm về đêm mới rõ thiện chí của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, Tín hữu từ bốn phương qui tụ về từ chiều cho đến sáng (không

kể ban ngày) vẫn có cơm ăn như thường. Tại sao lại đến ban đêm? Vì thời tiết bất điều, đường xa từ các tỉnh Phong Dinh (Hậu Giang), Ba Xuyên (Hậu Giang), An Giang, Bạc Liêu (Minh Hải), Kiên Giang, Châu Đốc, Vĩnh Long, Kiến Phong (Đồng Tháp)... anh em đồng đạo thấy lẽ dùng phương tiện của miền sông ngòi Hậu Giang là ghe xuồng gắn máy hoặc chèo bơi, hành trình có khi bị trở ngại nên không thể đến nơi vào ban ngày, và phải nhờ vả nơi trạm cơm. Trường hợp có đủ phương tiện thì quý tín hữu dùng cơm ngay dưới ghe của mình. Tất cả có 7 trạm cơm.

Thế mà thôi đâu! Còn biết bao nhiêu thực phẩm khác, như dừa khô, dưa leo, đậu hũ, tương, chao, đậu nếp, khoai, bắp cà bầu, bí, sắn và cả đến bánh tét bánh ít nữa.

Nếu không ý thức trước khách sẽ giật mình kinh ngạc khi bất ngờ trông thấy cả một rừng bầu bí, dưa chuột hoặc bắp khoai. Người ta đổ thành những đống to lộ thiên. Mỗi đống dừa khô khoai sắn, là có thể ví với sà lan lúa to hàng năm ba trăm gia. Thế mà chỉ trong một ngày một đêm, nếu khách chịu theo dõi sẽ thấy số thực phẩm ngoài tầm tưởng tượng ấy đã hết sạch và phải vận tải thêm ngần ấy nữa để thay thế vào.

Đi xa hơn chút nữa về phía sau mỗi trạm cơm, khách sẽ thấy luôn có hàng trăm phụ nữ vo gạo để nấu cơm, người tự đãi gạo trắng ngay tại nước sông, mỗi người khuân hàng thúng gia, chuyên nhau lên lò nấu luân lưu tiếp diễn như những cái máy, vậy mà có khi cơm chẳng đủ cho thực khách.

Rồi bến nước uống và nước nấu, nước rửa.

Thực khách sau khi dùng cơm, có lẽ sẽ thấy làm lạ mà thấy ngoài nước trà thơm ngát, còn có nước đá giải khát khỏi trả tiền.

Số thực phẩm ketch sù mà quý khách vừa ý thức, là cả mỗi “săn lòng” khôn tả của người tín đồ mộc mạc miền Tây. Từ hôm tháng Giêng ta, trong mùa gặt, các nhà tâm đạo đã bắt

đầu hoạt động, đồng đạo nào may mắn trúng mùa thì cung ứng khá vào cuộc lễ nhưng cũng có số đồng đạo của ít mà lòng nhiều làm bồi hồi quý khách khi nghe kể chuyện. Các tín hữu quá tha thiết với ngày đại lễ của Đức Thầy, không đợi Trị sự viên ghé đến nhà mình, đã dục tốc gọi vào để tự ý “dung cúng”.

Nói đến lễ 18 tháng 5 là phải kể bè thủy lục.

Đó là cả một công trình suy tư, kiến tạo hàng năm, cả công lao tiêu tứ về nhơn lực và tài lực.

Mỗi xã có tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đều có thể tùy hoàn cảnh phương tiện, tạo nên một hay hai bè thủy lục để dự cuộc lễ tại Thánh địa. Gọi là bè vì phải dùng nhiều chiếc ghe lớn kết nhau lại như một bè cây, ở trên mới dùng vật liệu kiến trúc hoặc một ngôi chùa hay hòn non, long, lân, qui, phụng.

Những bè thủy lục hùng vĩ ban ngày, rực rỡ về đêm, hấp dẫn du khách đổ xô về thưởng thức là cả vấn đề kiên gan bền chí của người tín đồ trung thành, đặt hết năng lực vào ngày đại lễ. Nếu khách có dịp chứng kiến cuộc hoạt động trang trí trước ngày lễ sẽ thấy hàng lô nhân công như thợ vẽ, thợ mộc, thợ sơn, thợ mã, thợ may v.v... chung cùng làm việc suốt ngày đêm nơi làng mạc xa xôi hẻo lánh mà không một người nào tính tiền công. Các cậu bé đến những cô thiếu nữ, ông cụ, bà cụ chia nhau đi tìm từ cành cây, chiếc lá, kiếng vật... để sung vào làm vật liệu tạo tác.

Tùng chiếc bè lướt sóng biểu diễn trên dòng sông Cửa Long gây ngoạn mục cho đồng bào các giới là những công trình kiến tạo cổ kính pha lẫn tân thời, thúc đẩy người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo quay về với quê cha đất tổ, dính liền với dây non sông gắn vóc thành một khối bất diệt “đất cày và dân cày”...

Rồi một lối trình bày không kém hấp dẫn là cộ đèn. Nói đến cộ đèn khách không quên được các mầm non học sinh

Phật Giáo Hòa Hảo thế hệ đang lên! Các em nam nữ cặm cụi ngày này qua ngày khác có khi xếp dán lồng đèn giấy cho đến ban đêm. Các thứ lồng đèn, đủ loại hình, đủ màu, biểu diễn về đêm qua đường phố đến làng mạc thôn quê, biến thành con rắn khổng lồ, dài vô tận, cuốn khúc lăn lộn theo chiều lộ, huy hoàng với ánh sáng chập chờn, huyền bí, hiên ngang làm nổi bật cuộc lễ...

Cộ đèn không phải là những đèn nhỏ bằng giấy, bằng tre do các em học sinh tạo tác như vừa nói. Còn có vô số những cộ vĩ đại đặt trên những chiếc máy hoặc trên những chiếc xe hơi. Người ta dùng vải lụa, sắt thép, dây kẽm, dây gai, bóng hình kết tụi để làm ra những con vật uy nghi và rực rỡ. Chẳng hạn, năm Thìn thì có rồng, năm Ty thì có rắn...

Ngoài rắn, rồng, gà, khỉ... tùy theo năm, người ta còn trưng bày các cộ đèn theo ý nghĩa của Đạo. Chẳng hạn: Quan Âm quá hải; Tam Tạng thỉnh kinh; Thuyền bát nhã v.v...

Người ta còn dùng người thật để chung hình bát tiên hay Quan Âm, Tam Tạng. Những “nhân vật” này được ngồi cao lồng lộng ở hư không chung quanh là những hào quang chói mắt do các tuýp điện nê-ông gây thành.

Song song với cộ đèn là đoàn lân và long mã. Tiếng trống, thanh la ăn rập với điệu múa, gây cảm hứng thích thú nhất cho khách là lối múa long mã (ngựa hóa rồng). Thêm vào ở trên không là đốt pháo bông, ánh sáng chói lòa, tiếng hò reo náo nhiệt, đem niềm hào hứng liên tục cho khách.

Âm thanh của lời kinh kệ được vang vang suốt ngày đêm bắt đầu từ hôm khai mạc.

*

* *

Qua những trang trên, chúng ta thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng của ngày 18-5 hàng năm đối với tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và lòng nhiệt thành của mỗi tín đồ với việc tổ chức ngày kỷ

niệm này. Thật là một ngày hội tung bùng đem một luồng gió mát tin tưởng vào trong lòng mỗi người.

Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tới Thánh địa dự lễ kỷ niệm hàng năm ngày khai đạo cũng đông đúc, cũng cung kính với lòng tin tưởng vô biên ở phép đạo, chẳng khác chi ở ngoài Bắc người ta đi trẩy hội Chùa Hương hoặc trẩy hội Phủ Giầy.



HỘI HÈ CỦA ĐỒNG BÀO THIÊN CHÚA GIÁO



Nói đến hội hè đình đám của dân ta, tôi muốn nói ít dòng về hội hè của các đồng bào theo đạo Gia Tô. Đối với các đồng bào này, lễ tất nhiên đình đám không có, nhưng không phải vì thế mà không có hội hè, nhất là trong các mục Lễ tiết và Đám rước. Đây là những dịp hội hè hàng năm về tôn giáo của các đồng bào Thiên Chúa giáo.

Ngoài các hội hè hàng năm trên, các đồng bào Thiên Chúa giáo cũng còn có những dịp khác để chung vui hội hè cùng nhau. Thí dụ như một Cha được vinh thăng Giám mục, khi đức Giám mục được một ân thưởng gì của Tòa Thánh, hoặc của Chính phủ.

CUỘC ĐẠI LỄ TẤN PHONG GIÁM MỤC VÀ GẮN HUY CHƯƠNG TẠI PHÁT DIỆM

Ngay từ chiều ngày 2 Décembre 1940, khu nhà thờ Phát Diệm đã hiện ra trong cảnh tung bừng sáng sủa. Giữa những hàng cột cờ gián sắc nhơn nhơ theo chiều gió bay, giữa những chòm cây xanh biếc pha màu vàng nhạt, giữa các khải hoàn

môn mới dựng lên để nhắc lại cuộc thắng trận vẻ vang của tấm lòng bác ái và đức hiếu hòa đạo Công giáo... ngôi thánh đường đồ sộ nguy nga đứng sừng sững trước mặt khán quan, hình như lôi hút hết tinh thần của nhân vật chung quanh. Tòa thánh điện lịch sử đó hôm nay ra mắt với công chúng trong bộ áo chàm trở những cảnh rờn vờn phượng múa, những thánh tích về tôn giáo... đầy vẻ linh động, đầy tinh thần ái quốc, đầy mỹ thuật Việt Nam, trông thực “uy phong hùng tráng như đội quân xếp hàng ra trận”. Ngôi thánh đường đó tuy đã nhiều tuổi, mà vẫn trẻ trung, sắc đẹp lộng lẫy càng thêm trẻ, trẻ như một vị công chúa xiêm áo rực rỡ đội ngày lễ tân hôn... Đứng ở lầu chuông mà ngắm nghía, chúng tôi không khỏi chạnh lòng hoài cảm... nhớ ơn một linh mục, một bức gương anh hùng dũng cảm, trung quân ái quốc trong lịch sử Rồng Tiên và thế kỷ vừa qua. Cụ Trần Lục mà trong óc chúng tôi còn phảng phất như thấy dạng người, tuy đã khuất núi mà nay đang cao lời kêu gọi xứ Bắc kỳ “Hãy cất tiếng reo hò mừng rỡ, hỡi người son sẻ không sinh, hãy hơn hởi mừng vui khoái trá”.

Mồng 3 Décembre... Một lớp người thượng lưu, quan chức pha vào làn sóng bình dân, trên bến dưới thuyền, đường rộng ngõ hẻm, đang cuộn cuộn đổ tới nhà thờ Phát Diệm.

Đúng bảy giờ rưỡi, một hồi chuông lanh lảnh gieo tiếng bạc trên không trung, báo hiệu đã tới giờ hành lễ. Các vị Giám mục, hàng giáo sĩ, các sinh viên thần học, lễ phục chỉnh tề rước đức tân Giám mục ra nhà thờ.

Tám giờ rưỡi đúng, cử hành lễ tấn phong do Đức cha Khâm sứ chủ sự.

Trên gian cung thánh trang hoàng rực rỡ, theo nền mỹ thuật Việt Nam, những ngọn nến trên bàn thờ thi nhau cháy, hình như cố công để thắng át những tia sáng pha màu son đỏ do bàn thờ và các khung ảnh chiếu ra...

Các dòng tu: dòng thánh Đa minh, dòng Trappe, dòng Phanxicô, dòng Cứu thế, các cha Sulpiciens... đông đúc châu lễ gần các Đức cha. Các thầy dòng anh em trường công giáo cũng có ghế kính riêng.

Lễ tấn phong khởi hành. Các sinh viên thần học và hội ca nhạc Phát Diệm cử kinh xin ơn Chúa, Thánh thần. Đức Giám mục chủ phong, lễ phục uy nghiêm ngồi trên tòa quay xuống. Ngồi trên chiếc ghế phủ thảm đối diện với ngài, là vị Giám mục sắp thụ phong. Sau khi đã cầu nguyện theo nghi lễ, Đức Giám mục chủ phong ngồi ghế trên phản bàn thờ quay ra. Vị Giám mục phụ phong làm lễ “giới thiệu” tân Giám mục. Ngài cất tiếng oai vệ hỏi sắc phong Tòa thánh, Giám mục phụ phong thưa: có sắc phong. Ngài truyền cho một vị Linh mục cao tiếng đọc cho công chúng nghe. Cha Lucas Lý, bề trên chủng viện Phúc nhạc, vừa dứt tiếng đọc xong đạo sắc, Giám mục chủ phong thưa Deo gratias Tạ ơn Chúa. Liền đó tiếp theo nghi lễ “khảo hạch”. Hai Giám mục phụ phong và tân Giám mục đọc kinh đầu lễ, hành lễ một trật với vị tấn phong.

Lễ làm gần tới bài Phúc âm; thì khởi hành cuộc tấn phong, lễ nghi dài, trang nghiêm, cảm động, khiến người dự lễ có lúc vui mừng hớn hở, lúc lại trầm ngâm suy nghĩ... Tiếng hát Veni Cerator... và kinh cầu các Thánh vọng lên không, tiếng bổng tiếng trầm, hòa với điệu nhạc nhà binh, với tiếng phi cơ reo cưỡi trên làn sóng khí, réo rắt du dương... khiến người dự lễ có lúc cao hứng hình như không còn nhớ mình ở vào cảnh nào! Đang khi đó, trên cung thánh lễ tấn phong cứ lần lượt cử hành: xúc dầu tay, xúc trên đầu, làm phép nhẫn, làm phép mũ gậy. Đức Giám mục chủ phong trao mũ gậy cho tân Giám mục, chỉ quyền ngài coi sóc con chiên giáo hữu. Ngài trao nhẫn ngụ ý rằng đức tân Giám mục phải giữ lòng trung thành với Đức Tin, với giáo hội Roma, cũng như người bạn

trăm năm một dạ cầm sắt với phu quân mình. Ngài lại trao sách Phúc âm, chỉ quyền trao giảng giáo lý là phận sự của vị Giám mục. Thế rồi, giám mục chủ phong và thụ phong cùng nhau tiến hành cho hết lễ Misa. Lễ xong, đức Giám mục chủ phong đội mũ vàng trao gậy ngọc, xỏ nhẫn cho vị tân phong, đặt ngài trên tòa mình và quay xuống cách oai nghiêm như mừng và giới thiệu tân Giám mục cho con chiên giáo hữu. Bấy giờ các sinh viên trường Thần học và hội ca vịnh cử bài Te Deum ngợi khen tán tụng Chúa. Đồng thời, tân Giám mục mũ gậy uy phong tráng lệ đi làm phép cho dân. Hát xong bài ca tán tụng Chúa, đức cha mới ban phép lành đầu tiên cho giáo hữu... Đức tân Giám mục bái gối ba lần cám ơn đức cha chủ phong chúc, lời vạn tuế “Thọ tràng”. Kết thúc nghi lễ tấn phong, ba vị Giám mục chủ phong, phụ phong cùng với tân Giám mục theo lễ nhạc trao đổi cho nhau những cái hôn thánh sạch, kèm lời chúc tụng.

Các học sinh trường thầy Dòng, 180 cậu bé tí hon, ăn vận giản sắc ra diễn thể thao.

Muội hai giờ trưa, trong một rạp lớn dựng ở một khu vườn nhà chung, Đức Cha có thiết tiệc đãi.

Chủ khách an tọa thì hội hát trường Thần học cử bài “Les Martyrs aux arènes” cái cung hát thực hay và cảm động, giọng hát mô tả được tài thuật của nhà nhạc L. de Rillé mà ai cũng đã nghe danh. Khách dự tiệc ngừng tay nghe hát, lòng cảm xuất không khỏi đem lòng thán phục những bậc anh hùng công giáo ở nước người cũng như ở nước ta đã đổ máu để mua cho mình sự hòa bình thân ái, mua cho mình bữa tiệc có tình gia thất hôm nay. “Tứ hải giai huynh đệ”... bốn năm nghìn anh em bần khổ được nhà chung có nhã ý phát chẩn cho trong một khu chợ rộng gần sông Trì Chính.

... Hồi 4 giờ chiều Đức Cha mới ra công đường tiếp khách đại biểu các địa phận. Sau khi các cha địa phận Phát Diệm

và các địa phận khác mừng Ngài xong, Ngài ra rạp dọn trước
lầu chuông nhà thờ để các giáo hữu tới bái yết.

Năm giờ hơn, tại nhà thờ chính có châu thánh thể long
trọng hát kính tạ ơn Chúa...





LỄ HỘI KATÊ CỦA NGƯỜI CHĂM THUẬN HẢI

Cứ mỗi độ Thu về là người Chăm theo đạo Bà La Môn ở Thuận Hải lại tương bừng đón Tết Ka Tê. Người Chăm ăn tết không đón mùa Xuân mà lại đón mùa Thu. Ngày Tết Ka Tê 30 tháng 6 và 1 tháng 7, theo lịch Chăm, trùng ngay vào 6 và 7 tháng 10 dương lịch (1991).

Cũng như Tết Nguyên Đán của người Kinh, đồng bào Chăm ăn Tết cũng chu đáo lắm. Cũng thịt mỡ dưa hành, heo, gà, vịt, bánh tét, mít, kẹo, pháo. Có khác chăng, người Chăm có thêm món ăn thịt dê thì người Kinh có mấy «món» chơi (cây nêu, câu đối, chơi hoa). Và nếu như người Chăm (Bà La Môn) kiêng thịt bò thì người Kinh lại không ăn Tết bằng thịt vịt.

Ở phía Bắc Thuận Hải,

người Chăm ăn Tết vui nhất là ba điểm: Miếu Bà ở Hữu Đức, thờ Đức Bà Rôi Nư Cành - Người mẹ của xứ sở Chăm. Điểm thứ 2 ở tháp Pô Ka Lông Gia Rai (thường gọi là Tháp Chàm). Đây chính là vua Pô Ka Lông Gia Rai. Điểm thứ 3 là Tháp ở Hậu Sanh, lăng vua Pô Rô Mê.

Từ sáng, trên đường vào các làng Chăm, gặp hàng đoàn các bà, các chị, đi chợ về, đội trên đầu những cái thúng đẹp, đựng đầy thực phẩm, hoa trái vào từng nhà, cũng chính các bà, các chị tất bật làm bánh, nấu thịt, chuẩn bị cho cỗ bàn.

Trưa 30-6 trên sân Miếu Bà, xuất hiện nhiều cờ quạt, trống chiêng, võng lọng để chuẩn bị đi rước xiêm y của người Do, người Rắc Lây từ trên núi mang xuống. Theo

truyền thuyết, thì thuở xưa người Rắc Lây làm con nuôi của Người. Do họ hiền lành, chân thật nên Người quý mến giao y trang cho họ cất giữ. Và cứ đến Ka Tê thì đưa y trang về cho Người, hết Ka Tê lại đưa về núi giữ gìn bảo quản. 12 giờ 30 đoàn người đi rước y trang bắt đầu xuất phát. Đi đầu là các em trai, em gái, ăn mặc đẹp, xếp thành 3 hàng khua vang chiêng trống. Tiếp theo là các cụ bô lão cao tuổi nhất trong làng, mang cờ, võng lọng. Sau cùng là dân làng. Đi đến giữa một trái đồi thì gặp đoàn người Rắc Lây mang y trang của Người cũng vừa tới. Hai bên gặp nhau, tay bắt mặt mừng rồi ngồi xuống giữa đường làm lễ bàn giao. Người Chăm tiếp tục rước y trang của Người về miếu, người Rắc Lây cũng về dự lễ. Tiếng trống, kèn của hai dân tộc hòa quyện với nhau tạo thành một hợp âm có sức lay động não nức vô cùng.

Đến chiều, trên sân vận động Hữu Đức, người Chăm và cả người Kinh các làng lân cận có đến hàng vạn dân về dự hội... Từ tám hướng

các vũ nữ tiến vào sân, chào quan khách rồi tung lên không hàng ngàn quả bóng rực rỡ sắc cầu vồng. Tiếp theo là những điệu múa cổ truyền dân tộc. Mỗi vũ nữ xòe ra hai cái quạt như hai cánh bướm. Năm thiếu nữ có lối trang phục đặc biệt hơn, múa giữa sân như năm bướm chị. Còn hàng trăm «bướm em» múa lượn ở vòng ngoài, tạo thành một cái hoa khổng lồ nhiều cánh. Cả sân vận động là một bông hoa, một rừng hoa là một cánh đồng bướm. Những «con bướm» uốn lượn nhịp nhàng, đôi cánh rập rờn theo tiếng trống, tiếng nhạc. Người xem được thưởng thức những điệu múa tuyệt vời và với một quy mô có lẽ là hiếm có...

Tối 6 tháng 10, các làng người Chăm và các xã có đông người Chăm theo đạo Bà La Môn đều tổ chức múa hát vui chơi mừng Ka Tê cho đến tận giao thừa. Ngày 7-10 (mùng 1 Tết) ở 3 điểm có miếu và tháp, từ sáng, các thầy cả (thầy Kò Kè, chuyên lo việc cúng tế ở các làng Chăm) cùng bà con mang hương hoa, bánh trái lên

*Miếu, Tháp cúng. Các thiếu
nữ, các đội văn nghệ người
Chăm và đồng bào nhiều
dân tộc đổ về đây xem Hội.
Tết Ka Tô, Tết Nguyên*

*Đán cũng như bao lễ hội của
các dân tộc từ Bắc chí Nam,
từ rừng tới biển trên dải
đất hình chữ S này đã làm
phong phú thêm cho truyền
thống văn hóa Việt Nam.*

TRẦN MỸ

*Thanh niên nguyệt san
(Bài đăng Thanh niên
Nguyệt san số 7 15-11-1991)*



KẾT LUẬN



Các hội hè về Tôn giáo thực ra còn nhiều, và mỗi hội thường có những tục lệ khác biệt, và sự khác biệt này tùy theo mỗi tôn giáo. Chúng tôi rất tiếc không đủ biết để trình bày thêm. Đối với một vài tôn giáo chính, như Cao Đài giáo chúng tôi đã có tìm hỏi, nhưng không nhận được những điều chỉ dẫn cần thiết nên chúng tôi không dám đề cập tới những hội hè liên quan tới các tôn giáo này.

Cũng có nhiều hội hè có thể xếp vào chương hội hè tôn giáo, nhưng chúng tôi đã dành lại chương thứ ba, vì tại các hội hè này, phần phong tục nặng hơn, nhiều tục lệ thật là đặc biệt qua sự tín ngưỡng mà không kể thuộc về tôn giáo được.

Dù sao, cũng như ở chương đầu, chúng tôi không tránh được sự thiếu sót và chờ mong sự chỉ giáo của bạn đọc để bổ khuyết.

Nói về tôn giáo là một điều rất tế nhị, rất dễ xúc phạm tới tín ngưỡng, bởi vậy, khi viết tập sách này chúng tôi không khỏi có sự dè dặt, nhưng dù dè dặt, chúng tôi vẫn sợ có điều xâm phạm tới các tôn giáo vì vô tình. Rất mong bạn đọc lấy sự thông cảm mà tha thứ, nếu vì vụng về hoặc vô ý chúng tôi đã có điều gì thất thố với tôn giáo của quý bạn. Trình bày về

hội hè đình đám, chúng tôi chỉ muốn nêu một khía cạnh nếp sống cổ truyền của dân mình, ngõ hầu lưu lấy những cái gì đã mất để giúp ích những ai sau này muốn khảo cứu về văn hóa nước nhà hoặc muốn tìm hiểu về phong tục xã hội Việt Nam.



MỤC LỤC



HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM	7
HỘI HÈ VỀ KỶ NIỆM LỊCH SỬ	
GIỖ TRẦN ĐỔNG ĐA	16
HỘI ĐỀN VUA AN DUONG VUONG	23
HỘI ĐỀN THỜ ÔNG LÊ PHỤNG HIẾU	34
HỘI ĐỀN HAI BÀ TRUNG	45
HỘI ĐỀN VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG	66
HỘI ĐỀN HÙNG	74
HỘI ĐỀN LÝ BÁT ĐẾ	89
HỘI GIỖNG VÀ TỤC DIỄN LẠI	
SỰ TÍCH PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG PHÁ GIẶC ÂN	93
HỘI ĐỀN TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THUỘNG	
Ở BẮN YÊN NHÂN	116
HỘI ĐỀN CHÈM	119
HỘI LĂNG ÔNG VỚI HUY NHẬT	
TÁ QUÂN LÊ VĂN DUYỆT	121
HỘI ĐỀN KIẾP BẠC	133
LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN TRUNG TRỰC	151
KẾT LUẬN	155
HỘI HÈ VỀ TÔN GIÁO	
HỘI CHÙA HUONG	160
SÀI SƠN VỚI HỘI CHÙA THẦY	171
HỘI ĐỀN LINH SƠN THÁNH MẪU	
NÚI BÀ ĐEN TÂY NINH	187

HỘI PHỦ GIẤY	194
HỘI MIẾU BẰNG LĂNG	201
LỄ VÍA BÀ CHÚA XỨ	205
HỘI ĐỀN QUAN LỚN TUẦN TRANH	211
HỘI ĐỀN THỜ ĐỨC TẢN VIÊN	214
HỘI LÀNG CUNG THUẬN	219
HỘI ĐỀN BẮC LỆ	225
LỄ CHÙA BẢO SANH ĐẠI ĐẾ	227
HỘI LÀNG HẢI CÁT	231
HỘI ĐÌNH THẦN XÃ LONG PHỦ VỚI NHỮNG NÉT CHUNG VỀ HỘI HÈ ĐÌNH ĐÁM MIỀN NAM	237
NHỮNG NGÀY LỄ ĐÌNH BÌNH THỦY	255
LỄ HỘI CỦA TỘC KHOME NAM BỘ(1)	259
LỄ ÔK ÔM BOK - NGÀY HỘI LỚN CỦA ĐỒNG BÀO KHOME	261
HỘI CHÙA ÔNG BỐN	264
HỘI CHÙA BÀ THIÊN HẬU	268
NGÀY KỶ NIỆM KHAI SÁNG PHẬT GIÁO HÒA HẢO	271
HỘI HÈ CỦA ĐỒNG BÀO THIÊN CHÚA GIÁO	278
LỄ HỘI KATÊ CỦA NGƯỜI CHÀM THUẬN HẢI	283
KẾT LUẬN	286

NẾP CŨ
Hội hè đình đám (Quyển thượng)
TOAN ÁNH

chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

biên tập:
NGUYỄN LỤC

vẽ bìa:
TRẦN MINH DŨNG

sửa bản in:
THỦY TÚ

kỹ thuật vi tính:
THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 9316289 - 9350973 - 9316211; Fax: (08) 8437450
E-mail: nxbtre@ hcm.vnn.vn

Chi nhánh NXB TRẺ tại HÀ NỘI
số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh - Q. Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 7734544; Fax: (04) 7734544
E-mail: vanphongnxbtre@ hn.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>